

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP
TỈNH QUẢNG BÌNH



SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẢNG BÌNH - 2001

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP
TỈNH QUẢNG BÌNH

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
QUẢNG BÌNH - 2001

Lời nói đầu

Quảng Bình – cũng như mọi miền quê khác của đất nước Việt Nam – là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa – lịch sử. Từ thuở bình minh của lịch sử, Quảng Bình đã là một thành phần máu thịt của dân tộc: thuộc Bộ Việt Thường của nhà nước Văn Lang cổ đại, thời vua Hùng. Trải bao biến thiên của lịch sử, trong diễn trình phát triển của mình, Quảng Bình đã qua nhiều lần thay đổi về không gian lãnh thổ, về thể thức hành chính và cả về danh tính, để trở thành một Quảng Bình ổn định và phát triển về lịch sử, văn hóa và kinh tế như ngày nay.

Từ ngày tái lập tỉnh đến nay, lần đầu tiên, nhiều vấn đề về văn hóa – lịch sử Quảng Bình đã được tổ chức nghiên cứu có hệ thống, chủ yếu bằng năng lực tại chỗ: bản sắc văn hóa, làng xã văn hóa, các vốn văn hóa vật thể và phi vật thể, lịch sử, địa chí... Mặc dù những kết quả này còn quá nhỏ bé trước hiện thực to lớn của di sản văn hóa địa phương, nhưng trên thực tế, đã có những đóng góp hữu ích trong việc sưu tập, hệ thống hóa các di sản văn hóa đang có nguy cơ bị thất truyền và thông qua đó, góp phần giáo dục truyền thống, giáo dục lòng tự hào quê hương cho mỗi người dân trên bước đường xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

Sống trên mảnh đất quê hương, kế thừa những thành quả của biết bao thế hệ tiền nhân khai khẩn và xây đắp, mỗi người dân Quảng Bình với đạo lý uống nước nhớ nguồn đã không ít lần băn khoăn tự hỏi: **Quảng Bình - Anh là ai? Quảng Bình xuất hiện từ bao giờ?** Đó là những câu hỏi đầy tâm huyết, đầy trách nhiệm, là một đòi hỏi khoa học về lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất quê hương không mấy dễ trả lời.

Để góp phần trả lời câu hỏi này, được sự đồng ý của Thường vụ

Tỉnh ủy và UBND tỉnh, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ngày 13-12-2001 Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã tổ chức Hội thảo khoa học **Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình** với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và những người tâm huyết đến từ các cơ quan khoa học Trung ương, khu vực Miền Trung, các tỉnh bạn và trong tỉnh.

Hội thảo vinh dự được đồng chí Trần Hòa, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và đồng chí Đinh Hữu Cường, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tham dự và chỉ đạo suốt quá trình Hội thảo.

Hội thảo nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, sự ủng hộ của các cơ quan, ban ngành hữu quan, sự đồng tình của đông đảo quần chúng nhân dân và đặc biệt là sự hợp tác có trách nhiệm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và do đó đã thành công tốt đẹp.

Xuất bản **Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình**, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường mong muốn giới thiệu cho cán bộ, nhân dân Quảng Bình và những người quan tâm kết quả của Hội thảo, đồng thời chúng tôi cũng xem đây là một tài liệu tốt và phong phú, có giá trị tham khảo, bổ sung vào hệ thống các đề tài nghiên cứu về văn hóa – lịch sử Quảng Bình.

Tuy nhiên, đây là thành quả của một cuộc Hội thảo chuyên đề có nội dung nghiên cứu hẹp và cụ thể, do vậy, nhiều tham luận do chuẩn bị riêng rẽ và phải đảm bảo tính chính thể khoa học nội tại, nên đã có sự trùng lặp khi được tập hợp lại thành tập sách, đặc biệt là về diễn trình lịch sử của địa phương. Trên nguyên tắc tôn trọng tối đa quan điểm của các tác giả, nhưng cũng để giảm bớt những trùng lặp có thể được của tập sách, chúng tôi cũng đã có những điều chỉnh nhỏ, mong các tác giả và bạn đọc thông cảm.

Hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu để chúng tôi điều chỉnh trong những lần xuất bản sau.

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH**



Đồng chí TRẦN HÒA, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (người thứ nhất, bên phải qua) và đồng chí ĐINH HỮU CƯỜNG, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh (người thứ hai, bên phải qua) tham dự và chỉ đạo Hội thảo.



*Đồng chí ĐINH HỮU CƯỜNG, Phó Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch UBND tỉnh phát biểu tại Hội thảo.*



*PGS.TS. LƯƠNG NGỌC BÌNH, Ủy viên Thường vụ,
Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng kết Hội thảo.*



Nhà sử học DƯƠNG TRUNG QUỐC, Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam phát biểu tại Hội thảo.



T.S NGUYỄN HỮU HOÀI, Giám đốc Sở KHCN và MT đọc đề dẫn Hội thảo.



Chủ trì Hội thảo (từ bên phải sang): TS. NGUYỄN HỮU HOÀI,
Giám đốc Sở KH-CN và MT. PGS. TS LƯƠNG NGỌC BÌNH,
Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
Ông DƯƠNG TRUNG QUỐC, Chủ tịch Hội khoa học Lịch sử Việt Nam,
Ông TRẦN NGỌC HÙNG, Phó Giám đốc Sở KH-CN và MT



Quang cảnh Hội thảo

XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH - VIỆC LÀM THIỆT THỰC ĐÁP ỨNG LÒNG MONG ĐỢI CỦA NHÂN DÂN

*Đề dẫn Hội thảo do T.S NGUYỄN HỮU HOÀI
Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường
Quảng Bình trình bày*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo tỉnh

Kính thưa quý vị đại biểu và các nhà khoa học

Trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam, địa bàn Quảng Bình có vị trí rất đặc thù. Những phát hiện của các ngành khoa học trong những thập kỷ gần đây đã chứng minh rằng vùng đất Quảng Bình không những có lịch sử rất lâu đời mà còn là nơi tiềm chứa nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần rất độc đáo. Đây là vùng đất có phong trào đấu tranh yêu nước chống ngoại xâm rất kiên cường và anh dũng, đồng thời cũng là nơi thường xuyên diễn ra những cuộc đấu tranh xã hội gay gắt. Đặc biệt, vùng đất Quảng Bình là khu vực có sự đan xen và hỗn dung văn hóa giữa các trung tâm văn hóa lớn của dân tộc như văn hóa Việt Mường - Chăm-pa, Đông Sơn - Sa Huỳnh, Đàng trong - Đàng ngoài, Thăng Long - Phú Xuân... Những yếu tố trên đây đã làm cho Quảng Bình có một sắc diện văn hóa khó có thể lẫn lộn với những nơi khác. Có lẽ cũng vì lý do đó mà lịch sử Quảng Bình trải qua rất nhiều thăng trầm. Mặc dù ở Quảng Bình đã hiện diện những trung tâm văn hóa tiền sử và sơ sử rất sớm, khá nổi tiếng nhưng những biến động xã hội diễn ra thường xuyên trong suốt tiến trình lịch sử đã làm cho dòng chảy lịch sử của Quảng Bình không phải lúc nào cũng thuận chiều, thậm chí có lúc gián

đoạn. Chính vì lẽ đó, từ sau hơn một thiên niên kỷ khai thiết và tạo dựng cho mãi đến đầu thiên niên kỷ thứ hai, vùng đất Quảng Bình mới có được cái chính thuận để hội nhập đầy đủ vào tiến trình lịch sử Việt Nam. Gần 1.000 năm sau khi Lý Thường Kiệt đưa mảnh đất này từ biên địa Champa hội nhập vào Đại Việt, mảnh đất Quảng Bình lại tiếp tục hứng chịu nhiều tác động ngoại cảnh và những biến động tự thân để rồi lại phân chia, tách nhập.

Lần lượt, từ cuộc chinh phạt phương Nam của Lý Thường Kiệt dưới thời Lý Thánh Tông năm 1069 đến sự xuất hiện của các tên gọi Bố Chính, Lâm Bình, Minh Linh năm 1075, Tân Bình năm 1375, Tây Bình năm 1402, Tiên Bình năm 1600, Phủ Quảng Bình năm 1604, tỉnh Quảng Bình năm 1831 và cuối cùng là tỉnh Quảng Bình dưới thời Dân chủ cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cộng đồng cư dân Quảng Bình đã cống hiến mồ hôi và xương máu của mình để dựng xây và vun đắp nên những giá trị truyền thống rất đổi tự hào hôm nay.

Những thành quả lịch sử rất đáng ghi nhận như vậy không phải chỉ một vài thế hệ mới làm nên được mà nó là sự tích lũy, bồi đắp trong suốt cả một tiến trình lịch sử hàng thế kỷ, thậm chí hàng thiên niên kỷ.

Đó là một thực tế không thể phủ nhận.

Thế nhưng, trong suốt cả một chuỗi dài của lịch sử ấy, Quảng Bình *bắt đầu xác lập vị trí của mình tự bao giờ?* Câu hỏi đó đã từng làm day dứt nhiều thế hệ tiền bối và trực tiếp đặt ra trước chúng ta - những người đang thừa hưởng những thành quả lịch sử của cha ông để lại - như một nghĩa vụ, trách nhiệm thiêng liêng.

Chính vì lẽ đó, với trách nhiệm của cơ quan quản lý khoa học, ngay từ cuối năm 1999, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã đệ trình UBND tỉnh ý tưởng tổ chức Hội thảo xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình và được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương tổ chức hội thảo để tư vấn cho các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh quyết định lựa chọn ngày thành lập tỉnh - một ngày có ý nghĩa không chỉ cho một thế hệ hôm nay mà còn cho cả mai sau.

Thực thi ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, sau 2 năm tiếp cận vấn đề với sự tham gia ý kiến của các nhà lãnh đạo và quản lý địa phương, các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã hoàn tất khâu

chuẩn bị và trình Thường vụ Tỉnh ủy cho phép tổ chức Hội thảo.

Sự hiện diện hôm nay của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học Trung ương và các địa phương cùng tất cả các đại biểu đã nói lên ý nghĩa lớn lao của Hội thảo này.

Trong quá trình chuẩn bị nội dung cho hội thảo, chúng tôi đã tiên lượng những vấn đề hết sức thú vị và hữu ích cả trên giác độ khoa học, lịch sử, văn hóa, giáo dục truyền thống và nhiều cách nhìn khác.

Những vấn đề đặt ra trong nội dung chủ đề hội thảo xoay quanh mấy vấn đề chủ yếu sau đây:

Một là, chúng ta đều biết mỗi thời đại, mỗi thể chế chính trị mỗi khi xác lập đều có thiết chế riêng của mình. Vì vậy không thể có một đơn vị hành chính cho mọi thời đại. Vậy khái niệm "Ngày thành lập tỉnh" được hiểu như thế nào cho phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của tỉnh Quảng Bình?

Hai là, lịch sử Quảng Bình trải qua rất nhiều biến thiên, thăng trầm, vậy giới hạn không gian, thời gian nào cho việc lựa chọn ngày thành lập tỉnh để không làm cắt xén tiến trình lịch sử phong phú và đa dạng của Quảng Bình.

Ba là, lựa chọn những tiêu chuẩn khoa học nào để mốc thành lập tỉnh Quảng Bình hội tụ đầy đủ tất cả sự nghiệp mà các thế hệ cha ông đã dày công vun đắp trong nhiều thế kỷ qua.

Bốn là, lựa chọn mốc lịch sử nào cho Quảng Bình phù hợp với tiến trình chung của cả nước, nhất là phù hợp với các địa phương có cùng hoàn cảnh và điều kiện lịch sử như Quảng Bình?

Chính vì lẽ đó, tôi hy vọng sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học và các đại biểu hôm nay chắc chắn sẽ gợi mở rất nhiều ý kiến thú vị cho Hội thảo trình bày quan điểm trên tinh thần thực sự cầu thị, góp phần minh giải những vấn đề mà cả một thời gian dài trong quá khứ chưa có điều kiện làm được.

Hy vọng kết quả của Hội thảo này sẽ có kết luận có hàm lượng khoa học cao nhằm tham mưu cho các cấp có thẩm quyền nhất định lựa chọn ngày thành lập tỉnh Quảng Bình có ý nghĩa như nhân dân Quảng Bình hằng mong muốn.

Kính chúc các vị đại biểu, các nhà khoa học sức khỏe, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH PHÙ HỢP VỚI TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ LÀ VIỆC LÀM CÓ Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN^(*)

*Phát biểu của đồng chí ĐINH HỮU CƯỜNG, Phó Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội thảo*

*Kính thưa: – Đồng chí TRẦN HÒA – Bí thư Tỉnh ủy;
– Đồng chí: DUONG TRUNG QUỐC Tổng thư ký Hội
Khoa học Lịch sử Việt Nam.*

Kính thưa các nhà khoa học và các vị đại biểu!

Thay mặt cho lãnh đạo tỉnh Quảng Bình, tôi nhiệt liệt chào mừng các nhà khoa học, các nhà quản lý, các vị đại biểu - những người tâm huyết đã không quản ngại khó khăn, giành thời gian và tâm sức về đây để dự Hội thảo khoa học "Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình".

Chúc tất cả quý vị dồi dào sức khỏe, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí và các bạn!

Ngày 01 tháng 7 năm 1989, tỉnh Quảng Bình được tái lập lại theo Nghị quyết kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa VIII.

Hơn mười năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, nhân dân đã đưa nền kinh tế xã hội của tỉnh nhà có những bước tiến đáng kể: kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ổn định, ngày càng được cải

(*) Đầu đề do BBT đặt.

thiện và nâng cao. An ninh quốc phòng được giữ vững. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau và do xuất phát điểm quá thấp, nên đến nay, Quảng Bình vẫn đang là một trong những tỉnh còn nhiều khó khăn của cả nước.

Để xây dựng tỉnh Quảng Bình giàu mạnh, văn minh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã khẳng định phải tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở tăng cường đoàn kết, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh, trong đó có một nội lực rất quan trọng: Đó là truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời của miền đất địa linh nhân kiệt, đã góp phần hun đúc nên con người Quảng Bình có đầy đủ tố chất của một con người Việt Nam mới và đậm đà bản sắc địa phương: Cần cù, chịu thương chịu khó, nhân ái, dũng cảm và thông minh sáng tạo. Giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa, trong đó có việc xác định thời điểm thành lập tỉnh là góp phần khơi dậy lòng tự hào quê hương trong mỗi người dân Quảng Bình; từ cội nguồn và quá khứ để bồi đắp thành sức mạnh vật chất trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương trong thời kỳ mới, xứng đáng với công lao xây đắp của các thế hệ tiền nhân.

Kính thưa các đồng chí.

Theo các tài liệu mà chúng ta có được, từ xa xưa Quảng Bình là phần đất thuộc Bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang vào thời đại các vua Hùng, điều đó nói lên rằng Quảng Bình là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam từ buổi bình minh của lịch sử. Sử liệu cũng đã nêu ra các mốc lịch sử nói đến quá trình hình thành phát triển của tỉnh Quảng Bình trong nhiều giai đoạn khác nhau, nhưng chưa được xác định cụ thể, chính xác và cũng cần có sự thống nhất cao của các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học. Vì vậy, việc xác định ngày thành lập tỉnh phù hợp với tiến trình lịch sử của vùng đất này và sự phát triển của đất nước có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong đời sống xã hội tinh thần của cán bộ và nhân dân Quảng Bình. Đó đồng thời là mong muốn của Đảng bộ, nhân dân tỉnh Quảng Bình hôm nay và các thế hệ người Quảng Bình mà Hội thảo khoa học này sẽ góp một phần rất quan trọng trong lý giải và làm sáng tỏ.

Cùng với quá trình dựng nước và giữ nước, quá trình mở rộng cương giới về phía Nam đã diễn ra trong suốt thời gian dài. Quảng Bình, dải đất từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ cùng với những thăng trầm của lịch sử, đã trải qua nhiều triều đại, nhiều binh biến và thay đổi địa danh, cương vực hành chính, nên việc xác định một cách cụ thể thống nhất ý kiến là không đơn giản. Việc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức Hội thảo khoa học góp phần giải quyết vấn đề quan trọng, và cần thiết này là một sáng kiến tốt và là cố gắng rất đáng ghi nhận.

Lãnh đạo tỉnh hoan nghênh việc làm đầy trách nhiệm của Sở và cũng rất cảm ơn sự có mặt của các nhà khoa học ở Trung ương và tỉnh bạn đã về dự Hội thảo bên cạnh các nhà nghiên cứu của địa phương.

Chúng tôi đánh giá cao sự hiện diện, những tình cảm và ý kiến quý báu của quý vị tại diễn đàn khoa học này.

Thưa các đồng chí.

Mục đích của Hội thảo đặt ra là rất cụ thể. Lãnh đạo tỉnh hy vọng Hội thảo sẽ làm sáng tỏ, xác định thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình, góp phần quan trọng vào việc giác dục truyền thống lịch sử văn hóa, tăng thêm sức mạnh cội nguồn cho các thế hệ người Quảng Bình, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà trong điều kiện mới, thời đại mới, cùng với sự đi lên của đất nước.

Thay mặt lãnh đạo tỉnh, tôi xin cảm ơn và chúc sức khỏe các nhà khoa học và tất cả các đại biểu, các đồng chí.

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

NÊN LẤY MỐC THỜI GIAN NÀO ĐỂ XÁC ĐỊNH THỜI ĐIỂM RA ĐỜI CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH ?

TS. TRẦN HỮU ĐÍNH^(*)

I - VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH TRƯỚC KHI NHẬP VỀ ĐẠI VIỆT.

Lãnh thổ vương quốc Chămpa cổ xưa nằm dọc theo bờ biển miền Trung Việt Nam. Giới hạn cực Bắc của vương quốc này là dãy Hoàng Sơn với di tích Lâm Ấp cổ lũy; giới hạn cực Nam giáp với tỉnh Ninh Thuận với tỉnh Đồng Nai.

Thực ra, tên nước Champa chỉ xuất hiện vào khoảng từ thế kỷ VI đến thế kỷ IX, trước đó có tên gọi là Lâm Ấp, Hoàn Vương. Thư tịch đầu tiên ghi chép về Lâm Ấp là *Ngô Thu*, vào khoảng năm 230-231. Tên gọi này chỉ khu vực liên quan đến huyện Tượng Lâm của quận Nhật Nam rồi mở rộng ra. Tên nước Hoàn Vương xuất hiện trong thư tịch năm 793, rồi đến năm 885 (hay 877) xuất hiện tên nước Chiêm Thành, đến năm 987 lại xuất hiện tên nước Tân Đồng Long...

Như vậy, trên vùng lãnh thổ các tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam (từ Hoàng Sơn trở vào), từ thế kỷ I đến thế kỷ X, từng tồn tại nhiều cộng đồng xã hội lớn nhỏ khác nhau phát triển trên cơ sở văn hóa Sa Huỳnh. Những cộng đồng này không cố kết chặt chẽ và thống nhất, mà khi liên hiệp lại, lúc tách ra. Thực tế, khu vực có tên gọi vương quốc Champa chỉ là một tập hợp không ổn định của nhiều tiểu vương quốc khác nhau.

Tuy có những sắc thái văn hóa không hoàn toàn giống nhau,

(*) Phó Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam

nhưng các quốc danh ở phía nam Hoành Sơn và nước Đại Việt ở phía bắc Hoành Sơn từ thế kỷ I đến thế kỷ X đều cùng có một kẻ thù chung là sự thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Từ sau khi nước Đại Việt giành được độc lập, quan lại phương Bắc nhiều lần huy động các đội quân to lớn mở nhiều cuộc tấn công hòng thôn tính nước Lâm Ấp, nhưng chưa bao giờ xóa bỏ được vương quốc này. Do những quan hệ lịch sử và văn hóa, từ thế kỷ XI trở đi dần dần khu vực miền Trung Bộ Việt Nam này hòa nhập vào nước Đại Việt độc lập, thoát khỏi ách thống trị của phong kiến phương Bắc để trở thành một bộ phận của nước Việt Nam thống nhất hiện nay.

II - BỐI CẢNH HÒA NHẬP VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH VÀO ĐẠI VIỆT.

Vào những năm trước Công nguyên khi vương quốc Champa cổ thuộc khu vực văn minh Ấn Độ ra đời, cũng là lúc đế chế phong kiến Trung Hoa thời Tần, Hán vươn tay xuống phương Nam, đặt ách đô hộ lên đất nước của người Việt và của người Champa. Năm 111 trước Công nguyên, nhà Hán thay nhà Triệu thống trị miền đất này, lập nên cái gọi là Giao Chỉ bộ, chia làm 9 quận, trong đó có hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân nay thuộc vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ và các quận Nhật Nam, Tượng Lâm từ đèo Ngang trở vào.

Cùng chung cảnh ngộ dưới ách thống trị ngoại tộc, người Việt và người Champa đã nhiều lần cùng đứng lên chống kẻ thù chung. Điển hình là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng vào những năm 40-43, các cuộc nổi dậy của người Nhật Nam vào những năm 137-144, khởi nghĩa ở Cửu Chân vào năm 157... đều có sự hưởng ứng chung của cả người Việt và người Champa. Vào cuối thế kỷ II sau Công nguyên, Trung Quốc loạn lạc, một người có tên là Khu Liên đã cầm đầu nhân dân Tượng Lâm nổi dậy giết chết quan lại nhà Hán, xưng làm vua, lập ra nước Lâm Ấp, mở đầu cho sự ra đời của vương quốc Champa tồn tại cho đến cuối thế kỷ XVII. Cũng từ đó vương quốc này trải qua một quá trình thăng trầm với những diễn biến phức tạp. Từ khi tách khỏi cái gọi là Giao Chỉ bộ thời Hán, vương quốc Champa một mặt có quan hệ thân phục phong kiến Trung Hoa, mặt khác vẫn

thường đem quân đánh phá Giao Châu.

Để tồn tại và phát triển, các nhà nước quân chủ của nước Đại Cồ Việt, rồi Đại Việt buộc phải tính đến chuyện đối phó với nạn xâm lược, uy hiếp từ hai đầu Nam - Bắc, mà biện pháp cụ thể tùy thuộc vào tương quan lực lượng và các mối quan hệ với từng đối tượng.

Vùng đất Quảng Bình và một phần Quảng Trị ngày nay là vùng đất đầu tiên của vương quốc Champa nhập vào lãnh thổ quốc gia Đại Việt trong bối cảnh lịch sử như vậy. Một sự kiện quan trọng liên quan tới vấn đề này là vào năm 1069, cuộc hành quân về phương Nam của quân đội nhà Lý do đích thân vua Lý Thánh Tông chỉ huy tiến đánh Chiêm Thành. Sách *Việt sử lược* cho biết, lúc thuyền của quân nhà Lý tới Nhật Lệ, thủy quân Chiêm Thành ra chặn đánh. Lý Thánh Tông sai Hoàng Kiện tiến đánh. Quân Chiêm thua. Quân Đại Việt không đổ bộ vào Nhật Lệ mà cho thuyền thẳng xuống phương Nam, đánh vào kinh đô Chà Bàn (Vijaya) của nước Chiêm Thành. Vua Chiêm là Chế Củ bị bắt. Để được tha, vua Chiêm xin dâng ba châu: Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho vua Lý Thánh Tông. Từ đó ba châu này thuộc về lãnh thổ nước Đại Việt.

Châu Bố Chính nằm trong phạm vi hai miền Nam - Bắc sông Gianh, nay là vùng đất các huyện Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch (tỉnh Quảng Bình). Châu Địa Lý nay là vùng đất các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Đồng Hới (tỉnh Quảng Bình), Châu Ma Linh nay là vùng đất Vĩnh Linh, Do Linh tỉnh Quảng Trị.

Sau khi các châu nói trên nhập vào Đại Việt, cư dân bản địa ở đây hầu hết đã rút về phía nam sông Thạch Hãn. Để thực hiện việc quản lý vùng đất này, vua chiêu mộ người Việt phía bắc Hoàng Sơn đến cư trú lập nghiệp.

Như vậy, kể từ năm 1069, vùng đất thuộc tỉnh Quảng Bình ngày nay đã hoàn toàn thuộc vào lãnh thổ quốc gia Đại Việt và cư dân chủ yếu là người Việt từ các tỉnh phía Bắc vào.

III - MỐC THỜI GIAN ĐỊNH THỜI ĐIỂM RA ĐỜI TỈNH QUẢNG BÌNH ĐƯỢC TÍNH NHU THẾ NÀO?

Sơ lược về quá trình lịch sử vùng đất Quảng Bình như đã nêu trên, tác giả viết bài này đã tỏ rõ quan điểm của mình về thời điểm đánh dấu sự ra đời của tỉnh Quảng Bình. Tên gọi có lúc khác nhau, địa giới hành chính có lúc thay đổi, nhưng tỉnh Quảng Bình ngày nay là vùng đất của các châu Bố Chính, Địa Lý thuộc Vương quốc Chiêm Thành xưa, đã hoàn toàn là một bộ phận của nước Việt Nam thống nhất ngày nay. Vì vậy, tính tuổi của tỉnh Quảng Bình với tư cách là một địa phương của quốc gia Việt Nam không thể không tính từ khi vùng đất này gia nhập vào Đại Việt vì như đã nêu ở trên, đó là một xu hướng tất yếu do yêu cầu của sự tồn tại và phát triển của các cộng đồng dân tộc trên lãnh thổ quốc gia Việt Nam ngày nay.

VIỆC XÁC LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH NHÌN TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Th.S TRẦN HOÀNG^(*)

1) Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, địa danh, địa giới các địa phương từ xã, tổng đến huyện, tỉnh luôn luôn có sự biến cải, đổi thay. Đây là một hiện tượng hoàn toàn bình thường và hiện tượng này chính là sự phản ánh lịch sử thăng trầm, lịch sử phát triển của đất nước.

Sự ra đời và danh xưng một tỉnh, phụ thuộc và nhiều yếu tố - ví như yếu tố địa lý, yếu tố lịch sử, yếu tố chính trị - xã hội v.v..., song không thể nào không nói tới yếu tố *Văn hóa* (culture). Văn hóa của một dân tộc có cái chung của cả đất nước song cũng có cái riêng của từng vùng. Vùng đó có thể là một *xứ* (xứ Bắc, xứ Nghệ, xứ Quảng...), một *tỉnh*... thậm chí là một *xã* (ốc đảo văn hóa).

Tìm hiểu thặng năm ra đời của một tỉnh, gắn liền với việc nghiên cứu văn hóa và đặt Văn hóa của địa phương đó trong diễn trình lịch sử văn hóa dân tộc, theo chúng tôi, là một việc làm, một hướng nghiên cứu có ý nghĩa. Bởi nó giúp chúng ta hiểu rõ hơn sắc thái riêng, dáng vẻ riêng của địa phương, để rồi từ đó phát huy các giá trị văn hóa truyền thống làm cho nó ngày một phát triển tốt đẹp hơn.

Từ cách đặt vấn đề như chúng tôi vừa trình bày ở phần trên, trong bài viết nhỏ này, chúng tôi xin được nêu một số ý kiến về việc xác lập địa danh Quảng Bình dưới góc nhìn diễn trình Lịch sử - Văn hóa.

2) Việc phân chia lịch sử phát triển và diễn trình văn hóa của một dân tộc, một địa phương là một công việc phức tạp và không dễ dàng. Tùy thực tiễn của đất nước, theo những mục đích và tiêu chí khác

(*) Giảng viên Trường Đại học Sư phạm Huế.

nhau mà các nhà sử học, văn hóa học có thể chia lịch sử, và văn hóa của dân tộc, của địa phương thành các thời kỳ, các giai đoạn khác nhau. Xét theo diễn trình Lịch sử - văn hóa tính từ thời sơ khai đến giữa thế kỷ XV, ta có thể nhận ra 3 giai đoạn phát triển khác nhau của văn hóa Quảng Bình.

a) Thời kỳ sơ sử

Di chỉ khảo cổ học thời kỳ đá mới và sơ kỳ kim khí, điển hình với Văn hóa Bàu Tró (Đồng Hới), và trống đồng Phù Lưu (Quảng Trạch) chỉ ra rằng từ cách đây trên bốn ngàn năm đã có cư dân cư trú ở vùng đất phía Nam đèo Ngang trở vào, phía nam lãnh thổ nước Văn Lang của các Vua Hùng, cũng nằm trong Bộ Việt thường (Việt thường thị)⁽¹⁾.

b) Thời kỳ Văn hóa Chăm pa (thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ X)

Từ năm 111 (trước CN) nhà Hán thôn tính nước Nam Việt do Triệu Đà cai quản và đặt ách đô hộ lên vùng đất xưa của các vua Hùng. Đến thế kỷ thứ II (sau CN) dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, dân tộc Chăm giành được chủ quyền và lập ra nước Lâm Ấp (sau phát triển thành nước Chiêm Thành). Lãnh thổ Lâm Ấp liền một dải từ nam đèo Ngang trở vào. Dấu tích của văn hóa Chăm ở Quảng Bình hiện nay không còn nhiều, chúng ta chỉ thoáng thấy đâu đó trong vài tên gọi (như lũy Hoàn Vương, thành Kê Hạ, Nhà Ngo)...

Ở hai thời kỳ đầu này Quảng Bình chưa được xem là một vùng văn hóa riêng, độc lập hoàn toàn. Nó đang ở thời kỳ khởi đầu của sự giao thoa, tiếp biến của nhiều dòng văn hóa, nguồn văn hóa.

c) Thời kỳ Văn hóa Đại Việt - Đại Nam:

Quốc hiệu Đại Việt ra đời từ thời Lý (thế kỷ X). Đầu thời kỳ này Quảng Bình là vùng giáp ranh, vùng đất tranh chấp giữa 2 nước Việt - Chăm. Sách *Đại Nam nhất thống chí* (quyển 8) chép: "An Nam: đời Lý Thánh Tông niên hiệu Thiên Huống Bảo Tượng thứ 2 (1069). Vua thân chinh chiếm thành, bắt Vua nước ấy là Chế Củ đem về. Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý (*Địa dư chí* của Ưc Trai biên là Tư Minh), Bố Chính và Ma Linh để chuộc tội. Vua y cho. Vua Nhân Tôn hiệu là Thái Ninh thứ 4 (1075) đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Bố Chính làm châu Nam Bố Chính (Đổi chữ Bố Chính là thấy trong thư chúc

Bố Chính hải khẩu của Lê Hồng Đức), Ma Linh đổi làm Minh Linh, chiêu mộ dân đến ở.

Hiệu Long Phù thứ 3 (1102) Vua Chiêm Thành Chế Ma Na vào cướp lấy lại ba châu, năm thứ 4 (1103), mạng Lý Thường Kiệt đánh phá - Chế Ma Na trả lại đất ấy"⁽²⁾.

Đoạn văn trên đây có 3 điều rất đáng lưu tâm:

- Năm **1069** là cái mốc đầu tiên ghi rõ vùng đất Quảng Bình - Vĩnh Linh (Quảng Trị) ngày nay trở thành một bộ phận của nước Đại Việt.

- Năm **1075**, các châu Địa Lý, Bố Chính, Ma Linh được cải tên. Từ tố **Bình** xuất hiện lần đầu trong tên gọi của một phần đất Quảng Bình (châu *Lâm Bình*)⁽³⁾.

- Các Vua nhà Lý, ngay từ thế kỷ XI đã có chủ trương *chiêu mộ dân* đến ở vùng đất mới. Qua nghiên cứu nhiều tập gia phả của một số dòng họ ở Quảng Bình, chúng tôi nhận thấy rằng dân các xứ Thanh Nghệ chiếm số đông trong số những người đến lập nghiệp ở vùng đất Nam đèo Ngang.

Sau đời Lý, đến đời Trần, châu được đổi thành phủ. Cái tên phủ Tân Bình xuất hiện từ năm **1375**, đời Vua Duệ Tôn (thứ 3, hiệu Long Khánh). Các đời sau (Hồ, Lê) phủ đổi làm trấn lộ. Theo giáo sư Đào Duy Anh cuối đời Trần, trấn Tây Bình (tức Tân Bình) gồm 3 huyện (Thượng Phúc, Nha Nghi, Tri Kiến) và 2 châu (Bố Chính, Minh Linh)⁽⁴⁾. Như vậy toàn bộ vùng đất Quảng Bình cộng với một phần phía Bắc Quảng Trị đã thực sự trở thành một đơn vị hành chính trọn vẹn... Năm **1604** chúa Nguyễn Hoàng đổi phủ Tiên Bình (Tây Bình, Tân Bình) thành phủ **Quảng Bình**. Năm **Minh Mạng thứ 2 (1831)** phủ trở thành tỉnh⁽⁵⁾.

Các cứ liệu trên đây cho ta hay rằng đến thế kỷ XIV đã có một vùng văn hóa mới hình thành trên dải đất miền Trung từ Nam đèo Ngang trở vào. Quảng Bình chính là phần khởi đầu của vùng văn hóa đó. Nét nổi trội của vùng văn hóa này là sự hòa quyện, đan xen giữa nhiều dòng văn hóa: văn hóa Đại Việt, văn hóa Chăm, văn hóa các dân tộc thiểu số Trường Sơn - dĩ nhiên văn hóa của người Việt vẫn là văn hóa chủ đạo. Đó cũng là vùng văn hóa đậm sắc thái "biển".

3) Từ điểm nhìn diễn trình lịch sử Văn hóa, chúng tôi xin được có mấy lời kết luận như sau:

- Năm **1069** nên xem là năm khởi đầu sự ra đời của địa danh Quảng Bình sau này. Bởi đó là năm Vua Lý được Vua Chiêm nhường cho việc cai quản vùng đất từ Nam đèo Ngang đến Bắc Quảng Trị ngày nay. *Quảng Bình trở thành một bộ phận của nước Đại Việt từ 1069*, dù lúc này nó chưa có một tên gọi chung cho cả ba châu: Địa lý, Ma Linh và Bố Chính.

- Tuy nhiên cũng cần lưu ý đến các năm **1375, 1604 và 1831**, những cái mốc lịch sử đáng nhớ trong quá trình phát triển của tỉnh nhà.

- Quảng Bình từ mấy trăm năm nay đã là một địa danh một tỉnh nằm ở địa đầu của vùng Văn hóa Trung Trung Bộ. Việc khẳng định, và làm rõ những giá trị văn hóa truyền thống Quảng Bình là một việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa, ý nghĩa ấy không chỉ đối với cuộc sống hôm nay, mà còn mãi mãi về sau.

(1), (2) *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn), quyển 9 Nhà Văn hóa. Bộ Quốc gia giáo dục. S.1961 trang 91 – trang 92.

(3) *Châu Lâm Bình: Vùng đất phía Nam của tỉnh Quảng Bình ngày nay*

(4) *Đất nước Việt Nam qua các đời* (Đào Duy Anh) nxb Thuận Hóa – 1994 trang 158

(5) *Đại Nam nhất thống chí* (sdd) trang 93.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Nam nhất thống chí* (Bộ QGGD) S.1991
2. *Đất nước Việt Nam qua các thời đại* (Đào Duy Anh) nxb Thuận Hóa. 1994
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên) nxb Khoa học xã hội. H.1985
4. *Ở châu cận lục* (Dương Văn An) – Văn hóa Á Châu – xb S.1961
5. *Quảng Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946–1954)* Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy, BCHQS tỉnh ấn hành 1991
6. *Văn học dân gian Quảng Bình* (Trần Hùng cb) nxb Văn hóa – 1996.

THỬ XÁC MINH THỜI ĐIỂM THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

Th.S PHAN THUẬN AN^(*)

NẾU Tổ quốc được định nghĩa là một thực thể gồm 3 yếu tố lãnh thổ, dân tộc và lịch sử, thì Quảng Bình cũng có đủ cả 3 yếu tố ấy để trở thành một phần của Tổ quốc Việt Nam.

Vấn đề được đặt ra ở đây liên quan chủ yếu đến yếu tố thứ 3. Cũng như các địa phương khác trong cả nước ta, Quảng Bình có lịch sử riêng của mình trong lịch sử chung của cả dân tộc. Nhưng thử hỏi lịch sử Quảng Bình đã bắt đầu vào thời điểm nào?

Từ trước đến nay, các nhà nghiên cứu đã đưa ra những tiêu chí khác nhau để xác lập thời điểm ra đời của một vùng đất, hay nói cụ thể hơn, một đơn vị hành chính từ cấp tỉnh đến cấp phường xã... Chẳng hạn như người ta đã căn cứ vào ngày tháng năm ban hành một đạo dụ hoặc một văn bản nào đó của Nhà nước nói về sự thành lập đơn vị hành chính liên quan. Đây là loại văn bản pháp qui mang tính pháp lý rõ ràng của Nhà nước. Nếu không có được cứ liệu đó, có nơi người ta đã dựa vào tên gọi đầu tiên của vùng đất, tức là danh xưng khởi thủy của địa phương, chẳng hạn như Huế, Quảng Nam..., nhưng, chúng ta đều biết, các địa danh trên đất nước ta, kể cả quốc hiệu, đều đã được thay đổi nhiều lần qua các triều đại, các chế độ, các thời kỳ và các giai đoạn lịch sử. Trong những lần thay đổi đó, có nhiều khi do sự xếp đặt lại cương vực và địa giới hành chính. Chẳng hạn như Hà Tĩnh, tên gọi của một đơn vị hành chính cấp tỉnh, chỉ mới xuất hiện vào năm 1831, khi vua Minh Mạng thực hiện một cuộc cải cách hành chính từ Trung ương đến địa phương, trong đó, 23 trấn và 4

^{*} Cán bộ nghiên cứu Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế.

doanh thời Gia Long đều được đổi ra thành "tỉnh" và phân lập ra 4 tỉnh mới là Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Tĩnh và An Giang. Bấy giờ, trấn Nghệ An bị cắt đất hai 2 phủ Đức Thọ và Hà Hoa để thiết lập một tỉnh riêng với danh xưng "Hà Tĩnh tỉnh"⁽¹⁾. Nếu theo tiêu chí này của một số tỉnh khác thì hóa ra tỉnh Hà Tĩnh chỉ mới có lịch sử 170 năm mà thôi (1831-2001) sao?

Cho nên, chúng ta cần linh động trong việc nêu ra tiêu chí cho từng địa phương. Cần phải vận dụng các tiêu chí khác nhau cho từng vùng đất, nghĩa là còn phải tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử của từng địa phương và loại cứ liệu lịch sử mà chúng ta đang có được để xử lý vấn đề.

Thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình là một trường hợp đặc thù trong quá trình phát triển của đất nước Việt Nam.

Có ý kiến cho rằng buổi bình minh của lịch sử Quảng Bình đã diễn ra vào năm 1069. Đây là niên đại mà vua Chăm Chế Củ đã dâng đất 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh của mình cho Đại Việt để chuộc tội sau khi bị bắt đưa về Kinh đô Thăng Long. Nhưng chúng tôi vẫn còn băn khoăn một điều được ghi trong sử sách: đó là sự kiện triều đình nhà Lý đã "chiêu dân cư chi" (mộ dân đến ở đó) vào năm 1075. Bản khoản này có liên quan đến yếu tố thứ 2 nói trên, tức là yếu tố dân tộc.

Theo thiện ý, trong cuộc Hội thảo này, chúng ta chỉ cần cùng nhau cân nhắc và lựa chọn một trong hai niên đại hoặc 1069 hoặc 1075 để làm khởi điểm cho lịch sử của tỉnh.

Tất nhiên, trong trường hợp này, nói phải có sách..., và còn phải hiểu đúng những gì sách nói cho phù hợp với tiêu chí được nêu ra.

Về sách có liên quan đến vấn đề, chúng tôi đã sưu tầm và tập trung khoảng vài chục quyển từng được biên soạn và phát hành từ xưa đến nay. Tất nhiên, chỉ chừng ấy thôi vẫn còn chưa đủ. Nhưng, khi đọc qua các tư liệu ấy, chúng tôi thấy phần lớn các tác giả đời sau thường ghi chép lại sự kiện trong sách của các tác giả đi trước, có khác chăng chỉ thêm thắt ý kiến của riêng mình. Cho nên, chúng tôi quan tâm đặc biệt đến các thư tịch cổ mang tính tư liệu gốc vốn được

viết bằng chữ Hán sau đây (xin ghi theo thứ tự niên đại biên soạn hoặc phát hành).

1. *Đại Việt Sử ký* của Lê Văn Hưu (1272); về sau được Ngô Sĩ Liên và một số tác giả khác bổ sung, thành *Đại Việt Sử ký Toàn thư*.

2. *Việt sử lược* (còn gọi là *Đại Việt Sử lược*) được biên soạn vào thế kỷ XIV dưới thời nhà Trần; về sau được in lại trong bộ *Tứ khố Toàn thư* của triều Mãn Thanh.

3. *Việt điện U linh* của Lý Tế Xuyên (Viết năm 1329 dưới thời nhà Trần).

4. *An Nam Chí lược* của Lê Trắc (hoặc Tắc), viết xong năm 1333.

5. *Dư địa chí* (còn gọi là *An Nam Vũ cống*) của Nguyễn Trãi (1435).

6. *Phủ Biên Tạp lục* của Lê Quý Đôn (1776).

7. *Việt sử tiêu án* của Ngô Thì Sĩ (khoảng 1776-1777).

8. *Đại Việt Sử ký Tiền biên* của Sử quán triều Tây Sơn (1800).

9. *Hoàng Việt Dư địa chí* của Phan Huy Chú và Bùi Qũy (thời Minh Mạng).

10. *Đại Việt Địa dư Toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu và Bùi Qũy (thời Tự Đức).

11. *Đại Nam Nhất thống chí* của Quốc Sử quán thời Tự Đức (1882).

12. *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* của Quốc Sử quán thời Tự Đức (ấn hành năm 1884).

13. *Đại Nam Nhất thống chí* của Quốc Sử quán thời Duy Tân (ấn hành năm 1910).

Ngoài các tư liệu vừa nêu, chúng tôi còn tham khảo thêm một số sử sách của các tác giả cận hiện đại như Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh, Lê Thành Khôi, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Đình Đầu, Lương Duy Tâm, Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú, v.v...

Trong sử sách của mình, các tác giả trên đây đều có ghi nhận ít nhiều về những sự kiện đã diễn ra liên quan đến hai thời điểm 1069 và 1075. Hai sự kiện của vấn đề chúng ta đặt ra hôm nay đều nằm

trong bối cảnh lịch sử ngoại giao giữa Đại Việt và Chiêm Thành vào giai đoạn đầu thời nhà Lý.

Để thuận tiện cho việc tìm hiểu và lựa chọn một trong hai thời điểm nêu trên, chúng tôi xin lược thuật bối cảnh lịch sử của giai đoạn đó.

Từ những năm đầu thế kỷ XI, nước Đại Việt của nhà Lý đã thật sự độc lập với Trung Hoa của nhà Tống ở phía bắc. Còn từ Hoàn Sơn trở vào Nam thì vẫn ở dưới quyền làm chủ của người Chiêm Thành. Đây là một vương quốc nhỏ, vốn đã chịu thần phục và chịu lệ tiến cống Đại Việt, nhưng có khi dựa vào sự nâng đỡ của nhà Tống để thỉnh thoảng không thi hành lệ này và gây rối ở biên giới.

Viện cớ đó, vào năm 1069, vua Lý Thánh Tông mở cuộc nam chinh, cùng Lý Thường Kiệt cầm quân đi trấn áp. Đại quân tiến vào đến Kinh đô Phật Thệ (Vijaya), đánh bại 5 vạn quân Chiêm rồi bắt được quốc vương nước ấy là Chế Củ (Rudravarman III) đem về Thăng Long để trị tội. Để chuộc tội, Chế Củ xin dâng đất 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Đại Việt và được tha về nước.

Nhưng, sau đó 5 năm, "Chiêm Thành lại quấy rối biên giới" (Chiêm Thành phục nhiều biên)⁽²⁾. Do đó, năm 1075, vua Lý Nhân Tông "sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh các quân đi đánh Chiêm Thành, không thắng được. Thường Kiệt bèn họa địa đồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi về. Đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu mộ dân chúng đến đấy ở"⁽³⁾. "Từ đấy, đất phía nam Hà Hoa ngoài dải Hoàn Sơn mới vào bản đồ nước ta"⁽⁴⁾.

Đọc mấy đoạn sử hết sức kiệm lời do các sử gia thời Trần và thời Lê để lại vừa trích dẫn, chúng ta cần quan tâm tìm hiểu một số chi tiết để lý giải vấn đề. Những chi tiết đó là:

Năm 1069, Chế Củ xin dâng 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh để được tha về nước.

- Năm 1075, Lý Thường Kiệt lại được cử đem quân đi đánh Chiêm Thành nhưng không thắng. Ông chỉ làm được một việc là vẽ địa đồ 3 châu ấy rồi về nước.

- Ngay sau khi ông trở về Thăng Long, triều đình Đại Việt bèn đổi tên 2 châu phía nam ra thành Lâm Bình và Minh Linh, và mộ dân đến định cư tại vùng đất mới ấy.

- Từ đó, vùng đất phía nam đèo Ngang mới bắt đầu thuộc vào bản đồ nước Việt ta (thủy qui ngã quốc Việt bản đồ).

Dựa vào những cứ liệu lịch sử ngắn gọn như trên, chúng tôi xin mạo muội đưa ra mấy nhận thức sau đây về các sự kiện diễn ra vào hai thời điểm 1069 và 1075:

Thứ nhất, từ việc Chế Củ ở trong thế kẹt phải dâng đất để chuộc mạng vào năm 1069 đến việc chính quyền Thăng Long thực sự tiếp quản vùng đất này là cả một quá trình dài và có rất nhiều công việc phải thương lượng, chuẩn bị, sắp đặt và giải quyết. Nghĩa là việc trao nhận đất phải được tiến hành từng bước với những công việc rất phức tạp, chứ không phải chỉ mới đưa ra lời hứa trong tâm trạng bất đắc dĩ là có hiệu lực ngay tức khắc. Chẳng hạn như, sau đó, khi quốc vương Chế Mân hứa nhường đất hai châu Ô, Lý để cưới công chúa Huyền Trân vào năm 1306, thậm chí có thể từ năm 1301 khi vua Trần Nhân Tông qua thăm Chiêm Thành, thì đến năm 1307 triều đình nhà Trần mới vào tiếp quản vùng đất này. Cho đến ngay cả thời điểm ấy, thổ dân Chiêm Thành ở các thôn La Thủy, Tác Hồng, Đà Bông vẫn không chịu tuân theo thượng lệnh. Đại thần Đoàn Nhữ Hài, người vào tiếp quản, phải ra sức phủ dụ một cách khôn khéo, "chọn người trong bọn họ trao cho quan tước, lại cấp ruộng đất, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về" thì họ mới phục tùng chính quyền Đại Việt.

Thứ hai, tại sao các sử gia Đại Việt viết rằng vào năm 1074, "Chiêm Thành lại quấy rối biên giới"? Biên giới ở đây là biên giới nào? Biên giới mới ở phía nam châu Ma Linh hay biên giới cũ ở phía nam Hoành Sơn? Sử sách không cho biết một cách cụ thể. Có lẽ sau khi trở về nước, Chế Củ đã nuốt lời hứa, hoặc tìm cách trì hoãn việc thực thi lời hứa dâng đất (theo kiểu kế hoãn binh) bằng cách hẹn lần hẹn lữa để có thời gian phục hồi quân lực nhằm chống trả. Có thể vì tình trạng ấy kéo dài từ năm này qua năm khác, cho nên, cuối cùng, vào năm 1075, phía Đại Việt lại lấy cớ "quấy rối biên giới" để xua quân sang chinh phạt ngõ hầu giải quyết vấn đề cho dứt điểm.

Thứ ba, tại sao Lý Thường Kiệt không thắng được trong cuộc chinh phạt ấy mà chỉ vẽ được địa đồ của vùng đất hứa nhường? Sự kiện này chứng tỏ quân lực của Chiêm Thành đã mạnh trở lại và trước đó, phía Đại Việt chưa hề có dịp vào đây để vẽ bản đồ và thiết

lập nền hành chính, nghĩa là chưa tiếp quản vùng nhượng địa và chưa quản lý nó ngay từ năm 1069.

Thứ tư, sử cho biết rằng mãi đến năm 1075, triều đình Đại Việt mới "chiêu mộ dân chúng đến đây ở" (chiêu dân cư chi). Chi tiết này rất quan trọng. Nó cho thấy trước đó, chưa có người Việt nào di cư đến vùng này, hay ít nhất là chưa có chính sách di dân lập nghiệp một cách chính thức và mang tính pháp lý của Nhà nước. Thử hỏi một vùng đất không có dân mình ở đó mà lại có dân nước khác thường trú thì liệu có thể cho là thuộc chủ quyền của mình không? Khi viết đến sự kiện Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành không thành công, chỉ về được bản đồ ba châu ấy mà về vào năm 1075, các sử thần của Quốc Sử quán triều Nguyễn dưới thời Tự Đức đã có "lời phê" như sau: "Thì ra bấy giờ Chiêm Thành tuy đã dâng đất ba châu, nhưng triều Lý chưa đặt quan cai trị hay sao?"⁽⁵⁾

Vả lại, trong câu mở đầu của bài tham luận này, vô hình trung, chúng tôi đã nêu ra 3 tiêu chí cho sự hình thành và phát triển của một vùng đất, ấy là lãnh thổ, dân tộc và lịch sử. Liên quan đến vấn đề đang nói là yếu tố thứ hai: dân tộc. Đến năm 1075, dân Việt mới chính thức đến ở luôn tại đất Quảng Bình ngày nay.

Đọc lại các sử sách, chúng tôi thấy có một số tác giả xưa nay cho rằng năm 1075 là cái mốc thời gian hình thành địa hạt hành chính và cư dân của tỉnh Quảng Bình trong quá trình nam tiến của dân tộc Việt Nam. Trong đó, có các nhà viết sử sau đây:

1. Lê Quý Đôn trong sách *Phủ biên Tạp lục* như đã dẫn thượng.
2. Phan Huy Chú trong *Hoàng Việt Dư địa chí*. Tác giả này viết: "Đời Lý Nhân Tông năm thứ tư (1075), vua sai Lý Thường Kiệt vào đây vẽ bản đồ sông núi của xứ này, từ đó đổi châu Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh rồi ông chiêu tập dân chúng đến sinh sống. Từ Kỳ Hoa cho đến phía nam Hoành Sơn một dải thuộc vào bản đồ của nước ta từ đó"⁽⁶⁾
3. Trần Trọng Kim trong *Việt Nam Sử lược*. Ông viết: "Năm Ất Mão (1075)... Lý Thường Kiệt đã sang đánh Chiêm Thành, về được địa đồ ba châu của Chế Củ đã nhường ngày trước, rồi cho người sang ở"⁽⁷⁾.
4. Phạm Văn Sơn trong bộ *Việt sử Tân biên* (gồm 8 quyển). Tác giả này viết: "Năm 1075 tức là Ất Mão..., Lý Thường Kiệt đã xuất quân đánh Chiêm Thành vì Chiêm luôn luôn quấy rối bờ cõi Giao Châu. Lần này chưa thành công, Lý Thường Kiệt lợi dụng cơ hội có

mặt ở đất Chiêm về được đồ bản ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính do Chế Củ nhường cho chúng ta năm Kỷ Dậu (1069) dưới thời vua Thánh Tôn. Ở đây, Lý triều đã di dân sang để khai khẩn làm ăn. Việc này có hai mục đích: 1 - Giải quyết vấn đề nhân mãn do mật độ nhân dân ở miền Trung Châu bắt đầu lên cao. 2) Chiếm đóng ba châu này, đặt ảnh hưởng chính trị của Đại Việt, thực hiện chủ quyền của dân tộc chúng ta trên các địa hạt Chiêm đã nhượng" (8).

5. Lê Thành Khôi trong quyển *Histoire du Viet Nam des origines à 1858*. Tác giả viết rằng: "Vào năm 1075, vua Lý Nhân Tông đã ra một chỉ dụ chiêu mộ dân chúng đi định cư ở Quảng Bình... nhà vua cử Lý Thường Kiệt đến đó thanh tra: ông vẽ địa đồ và tái lập nền hành chính tỉnh" (9). Thật ra, trong câu vừa trích dẫn, thay bằng nói "tái lập" (redresser) nền hành chính để nói "thiết lập (dresser) nền hành chính, thì mới phù hợp với các tư liệu lịch sử.

6. Lương Duy Tâm trong *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình*. Ông viết: "Năm 1074, quân Chiêm lại đánh phá miền biên cảnh. Lý Thường Kiệt... lại được sai vào kinh lý miền Nam. Kiệt phủ dụ dân Chiêm cho vẽ bản đồ 3 châu... Trong dịp này, Lý Thường Kiệt đã cho đặt quan ở lại để cai trị" (10).

Thiết tưởng chúng ta còn cần phải lưu ý đến địa danh mới *Lâm Bình*, trong đó có chữ *Bình* xuất hiện lần đầu tiên trong lịch sử của vùng đất này. Mặc dù sau đó, địa danh *Lâm Bình* còn được các triều đại kế tiếp thay đổi thành ra *Tân Bình* (đời Trần), *Tây Bình* (đời Hồ), *Tiên Bình* (đời Lê), *Quảng Bình* (đời Nguyễn), *Bình Trị Thiên* (1976-1989), nhưng chữ *Bình* vẫn là mẫu số chung của tất cả các địa danh trong lịch đại và hiện đại. Trong trường hợp này, *Bình* là thành phần chính, là yếu tố cốt lõi của một địa danh lịch sử ngay từ đầu (vào năm 1075).

Dù sao đi nữa, trong công cuộc mở nước dưới thời các vua đầu triều Lý, Lý Thường Kiệt cũng đã đóng một vai trò hết sức quan trọng. Hoàng Xuân Hãn đã nhận định rằng: "Trong cuộc nam tiến của dân tộc Việt Nam, Lý Thường Kiệt có công đệ nhất, vì đã mở đường cho các đời Trần, Hồ, Lê, Nguyễn sau. Trước đó, tuy Lê Đại Hành, Lý Thái Tông cũng có đánh Chiêm Thành, nhưng mỗi lúc chỉ có bắt người, lấy của rồi về, chứ không hề nghĩ tới mở mang bờ cõi" (11).

Trong khi viết về vị đại công thần này, Lý Tế Xuyên đã ghi nhận rằng "nhân dân chịu ơn sâu của ông rất nhiều, nên sau khi ông chết,

tàu xin lập đền thờ để phụng sự ông; mỗi khi có việc cầu đảo thấy đều linh ứng"⁽¹²⁾.

Trong *An Nam chí lược*, Lê Trắc cũng đã ca ngợi Lý Thường Kiệt với tôn hiệu "Oai Minh Vương" như là một vị linh thần của nhân dân Quảng Bình bấy giờ. Tác giả này viết rằng vị tướng lừng lẫy ấy đã từng "theo Lý Thánh Vương đi đánh Chiêm Thành, khi đi qua quận Bố Chánh, Oai Minh lấy mũi thuẫn giỡn xúc cát sỏi, bỗng chốc thành hòn núi, lại lấy gương chắt vò nước dứt ở giữa mà nước không chảy, những kẻ đứng xem đều thất kinh, lấy làm lạ. Lúc bình trở về, Vương mất ở quận Bố Chánh. Người ta rất lấy làm thương tiếc, lập đền thờ, mỗi lần cầu đến, đều linh ứng; trong quận kẻ nào trộm cắp thì lập tức chết, dân ở đó bảo bị Oai Minh giết. Người trong quận tập tục chẳng dám gian trá, đến nay (khoảng 1333), ngoài đường chẳng lượm của rơi"⁽¹³⁾.

Nếu năm 1075 có sức thuyết phục mọi người để dùng thời điểm đó làm cái mốc đầu tiên của lịch sử tỉnh Quảng Bình, thì một câu hỏi khác cần đặt ra nữa là chúng ta sẽ dùng ngày tháng nào của năm ấy để kỷ niệm?

Rất khó trả lời, vì sử sách không cho biết một cách rõ ràng như mong muốn của chúng ta ngày nay. Sách *Đại Việt Sử ký Toàn thư* chỉ viết rằng:

"Ất Mão..., thu bát nguyệt, canh dần sóc, nhật thực. Mệnh Lý Thường Kiệt tổng chư quân phạt Chiêm Thành, bắt khắc. Thường Kiệt nãi họa Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh tam châu sơn, thủy hình thế vi đồ nhi hoàn. Cải Địa Lý vi Lâm Bình châu, Ma Linh vi Minh Linh châu, chiêu dân cư chi. Bải Thường Kiệt vi Thái úy"⁽¹⁴⁾. Nghĩa là: "Ất Mão (1075)... mùa thu, tháng 8 ngày mồng một canh dần, nhật thực. Sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh các quân đi đánh Chiêm Thành, không thắng được. Thường Kiệt bèn họa địa đồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi vẽ. Đổi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu mộ dân chúng đến đấy ở. Cho Thường Kiệt làm Thái úy"⁽¹⁵⁾.

Ngay sau đoạn sử ấy, các tác giả liền viết qua những sự kiện thuộc năm Bính Thìn (1076). Chỉ trong đoạn sử ngắn gọn ấy, các tác giả thời Trần - Lê đã gói ghém đến 7 sự kiện khác nhau. Một là hiện tượng nhật thực. Hai là vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh Chiêm Thành. Ba là quân ta đánh không thắng được. Bốn là Lý Thường Kiệt vẽ bản đồ 3 châu ấy đem về. Năm là việc đổi

KHXX, Hà Nội, 1977, tr.32. Tham khảo thêm bản dịch của Lê Xuân Giáo, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa xb, Sài Gòn, tập I, 1972, nguyên bản chữ Hán, tờ 8b, phần dịch, tr.30.

(5) Quốc Sử quán triều Nguyễn, **Khâm định Viện sử Thông giám Cương mục**, bản dịch của Viện Sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tập I, tr. 350.

(6) Phan Huy Chú (và Bùi Quỳ), **Hoàng Việt Dư địa chí**, bản dịch của Phan Đăng, NXB Thuận Hóa, Huế, 1997, Tr. 1. Bản chữ Hán in kèm, tr.201 (Quyển chi nhất, tờ 1a).

(7) Trần Trọng Kim, **Việt Nam Sử lược**, NXB Tân Việt, Sài Gòn in lần thứ 7, 1964, tr.109.

(8) Phạm Văn Sơn, **Việt sử Tân biên: I, Thượng cổ và Trung cổ thời đại**. Nhà sách Khai Trí xb, Sài Gòn, 1968, tr.389.

(9) Lê Thành Khôi, **Histoire du Viet Nam des origines à 1858**, NXB Sudestasia, Paris, 1992, tr.165.

(10) Lương Duy Tâm, **Địa lý - Lịch sử Quảng Bình**, Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình xb, 1998, tr.142.

(11) Hoàng Xuân Hãn, "**Lý Thường Kiệt – Lịch sử ngoại giao và tông giáo đời Lý**", Ban Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh tái bản lần thứ I, Sài Gòn, 1966, tr.70.

(12) Lý Tế Xuyên, **Việt điện U linh tập**, bản dịch của Lê Hữu Mục, Nhà sách Khai Trí xb, Sài Gòn, 1961, tr.70-71.

(13) Lê Trắc (Tắc) **An Nam chí lược**, bản dịch của Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế xb, Huế, 1961, tr.235.

(14) Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên,..., *sđd*, tờ 8a – 9a.

(15) Bản dịch của Ngô Đức Thọ, *nơi đã dẫn*.

(16) Hoàng Xuân Hãn, *sđd*, tr.39

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ SỰ RA ĐỜI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG BÌNH

QUÁCH VIỆT CƯỜNG^(*)

QUẢNG BÌNH là một trong những tỉnh có diện tích vào loại nhỏ ở miền Trung, diện tích tự nhiên phần đất liền là 8.037,6km². Riêng phần đất liền, nếu tính từ Tây sang Đông, nơi rộng nhất của tỉnh Quảng Bình là 89km (từ điểm cao 1090 thuộc xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa đến thôn Hải Đông, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch); nơi hẹp nhất là 40,3 km (từ điểm cao 1002, giữa ranh giới của các huyện Bố Trạch - Quảng Ninh với tỉnh Khăm Muộn - Lào đến cửa biển Nhật Lệ - thị xã Đồng Hới).

Quảng Bình là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt. Quảng Bình án ngữ con đường thiên lý Bắc - Nam của Tổ quốc, là tấm lá chắn xung yếu nhất, gần nhất từ dải Trường Sơn hay từ biên giới Việt - Lào thông ra biển Đông. Đầu thế kỷ XV Nguyễn Trãi viết Dư địa chí gọi "Thuận Hóa"⁽¹⁾ là phen dậu thứ 4 của Tổ quốc ở phía Nam. "Đông Bắc thông với Nghệ An, Tây Nam liền với Lào, Quảng".

Đề cập đến đặc điểm thiên nhiên của Thuận Hóa (tức là Bình Trị Thiên ngày nay), Nguyễn Trãi đã nói đến biển Nam Hải và sông Gianh (thời ấy gọi là Linh Giang). Trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, Thuận Hóa là vùng đất chiến lược mà tướng Mộc Thạnh phải thừa nhận rằng ở đây có núi cao, biển rộng chưa dễ gì chiếm được. Tướng giặc là Trương Phụ cũng phải thề thốt rằng nó

(*) Nguyên Trưởng phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình.

sống và chết cũng vì vùng đất này, chưa chiếm được, chưa dẹp yên nó chưa dám về gặp vua của nó⁽²⁾.

Năm 1425, cuộc nổi dậy của nhân dân Thuận Hóa kết hợp với nghĩa quân Lam Sơn từ ngoài Bắc vào đã nhanh chóng đập tan bộ máy thống trị của địch ở địa phương. Thuận Hóa được giải phóng làm nô nức lòng dân, củng cố thêm lòng tin của nghĩa quân Lam Sơn vào thắng lợi cuối cùng. Lê Lợi đã nhận định: "Tân Bình, Thuận Hóa là đất lòng dạ của ta, lấy được đất ấy rồi thì không còn nỗi lo phía trong nữa"⁽³⁾.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng được phong Đoan quận công, xin vào trấn Thuận Hóa vì cho rằng đây là nơi "vạn đại dung thân". Theo truyền thuyết, trước khi muốn thoát khỏi tay Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng đã bí mật cho người hỏi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm kế sách hành động, Trạng Trình đã chỉ bảo "Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân" (một dải Hoành Sơn dung thân muôn đời).

Năm 1613, trước khi chết, Nguyễn Hoàng còn dặn con là Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Đất Thuận Quảng phía bắc có núi Ngang (Hoành Sơn) và (sông Gianh (Linh Giang) hiểm trở... thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dụng dân, luyện binh... thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời"⁽⁴⁾.

Mùa hè năm Bính Ngọ (1786), Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ tiến quân ra hạ thành Phú Xuân, đánh bại quân Trịnh, liên tiếp trong 5 ngày, quân Tây Sơn - Nguyễn Huệ đã làm chủ một vùng rộng lớn từ đèo Hải Vân đến sông Gianh. Dừng chân tại Động Hải, Bắc Bình Vương đã có ý chọn vùng này "làm đất căn bản để dựng nghiệp" Lưu Vũ Văn Nhậm trấn giữ.

Dương Văn An, người con của quê hương Quảng Bình ở làng Tuy Lộc nay là xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, đậu tiến sĩ năm Đinh Mùi (1547), qua năm Quý Sửu, cư tang ở nhà "hưng tình trạng núi sông, những danh sắc cảnh vật, cũng là đất lẽ quê thói, kẻ dở người hay đều rõ ràng như nhìn trên bàn tay" đó là cơ sở để ông nhận định: "Nhân tài phong thổ xứ ta có thể ngang hàng với thượng quốc"⁽⁵⁾ (là nước Tàu).

Qua những sự kiện lịch sử như đã trình bày và bởi chung vì những lẽ đó mà suốt tiến trình hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, Quảng Bình là vùng đất tranh chấp giữa các thế lực các triều đại phong kiến, đế quốc. Đặc biệt dai dẳng nhất là cuộc đấu tranh giành đi, giật lại kéo dài suốt 10 thế kỷ (từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ XI) giữa hai quốc gia Đại Việt và Vương quốc Chăm Pa⁽⁶⁾. Quảng Bình là ranh giới phân giành giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn trong suốt 200 năm, là chiến trường độ sức quyết liệt giữa ta và địch trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ kéo dài 30 năm. Quảng Bình luôn là vị trí tiền tiêu trong các cuộc đụng đầu lịch sử giữa các thế lực phản cách mạng với dân tộc Việt Nam. Hoàn cảnh lịch sử đó đã hun đúc lên trong các thế hệ con dân Quảng Bình những phẩm chất quý giá: Kiên cường, anh dũng, thông minh, sáng tạo biết dựa vào sức mình để làm nên chiến công lớn. Đó là những con người có truyền thống tốt đẹp, giàu lòng chiến đấu, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, thống nhất Tổ quốc⁽⁷⁾. Những lúc đất nước bị ngoại xâm, những phẩm chất cao quý đó biến thành sức mạnh vật chất đánh thắng mọi kẻ thù. Họ mang dòng máu thời đại Hồ Chí Minh lại là con Lạc cháu Hồng của thời các vua cùng dựng nước.

Theo dòng lịch sử, từ sau năm 179 (CTN) cho đến cuối thế kỷ II (SCN) vùng đất Quảng Bình thuộc quận Nhật Nam dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc. Cuộc khởi nghĩa "làm chấn động cả cõi Nam" của hai Bà Trưng đã đem lại cho quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam một giai đoạn độc lập tự do ngắn ngủi (40 - 43 SCN).

Năm 192, nhân dân Chăm Pa nổi dậy đánh đuổi bọn phong kiến Trung Quốc ra khỏi quận Nhật Nam và dựng nước Chăm Pa độc lập, đặt tên nước là Lâm Ấp và sau đó tiến chiếm sông Thọ Linh (nay là sông Gianh) thuộc quận Nhật Nam, lấy đó làm cương giới. Như vậy từ năm 192 vùng đất Quảng Bình thuộc về lãnh thổ nước Lâm Ấp. Năm 346, Lâm Ấp lấn ra hết quận Nhật Nam đến Hoành Sơn. Năm 758, nước Lâm Ấp đổi tên là Chiêm Thành.

Quận Nhật Nam có 5 huyện là Tượng Lâm, Chu Ngô, Tỷ Cảnh,

Lê Dung, Tây Quyển (hai huyện Tây Quyển và Tây Cảnh thuộc đất Quảng Bình ngày nay). Sau đó Chiêm Thành chia thành 3 châu Địa Lý, Bố Chính, Minh Linh. Châu Địa Lý (gồm Lệ Thủy, Quảng Ninh ngày nay); châu Bố Chính (gồm Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch ngày nay), châu Ma Linh là đất hai huyện Gio Linh, Vĩnh Linh (Quảng Trị).

Năm 979, nghe tin Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, nhiều vụ xung đột xảy ra trong nội bộ triều đình, vua Chiêm là Paramesvaran I đem hơn 1.000 thuyền chiến kéo ra tấn công kinh đô Hoa Lư, nhưng binh thuyền của Nhật Khánh đến cửa Đại Ác và cửa Tiểu Khang⁽⁸⁾ gặp bão, bị đánh đắm hết⁽⁹⁾.

Năm 980, Lê Đại Hành (Lê Hoàn) lên ngôi, đối với Chiêm Thành ở phía Nam, nhà Lê cố gắng khôi phục quan hệ bang giao hòa bình và phái sứ giả sang giao hiếu với Vương quốc Chiêm Thành. Nhưng vua Chiêm Thành vẫn giữ thái độ thù địch với triều Lê, bắt sứ giả của Lê Hoàn. Do đó để loại trừ mối uy hiếp từ phía Nam, năm 982 sau khi chiến thắng quân Tống, Lê Hoàn tổ chức một cuộc tiến công vào kinh thành Chiêm Thành (lúc đó là Indrapura tức Đồng Dương - Quảng Nam) nhằm đánh bại lực lượng quân sự của nước này. Tháng 6 âm lịch năm 992, nhà vua hạ lệnh thả hơn 300 người Chiêm Thành bị bắt từ trước cho về nước. Và tháng 8 âm lịch, Lê Đại Hành sai phủ quốc Ngô Tử An vào mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới (Hà Tĩnh) thông đến châu Địa Lý Chiêm Thành.

Quảng Bình là địa đầu của Vương quốc Chiêm Thành về phía Bắc, mảnh đất này luôn luôn là vùng tranh chấp giữa hai vương quốc Chiêm Thành và Đại Việt. Mâu thuẫn đó cứ tồn tại mãi, suốt trong 6 - 7 thế kỷ, mảnh đất này không lúc nào yên ổn và đã thực sự trở thành một bãi chiến trường. Chiến tranh liên miên luôn đè nặng lên đầu người dân Quảng Bình. Những cuộc hành quân của các vua Lâm Ấp thường mang tính chất của kẻ "tính người hung hãn". Sử chép năm 344, Lâm Ấp đánh Nhật Nam "trăm họ đều chạy trốn, nghìn dặm không có khói". Năm 347, Lâm Ấp đánh Nhật Nam giết đến 5 - 6 nghìn người. Năm 446, trận Khu Túc, Đàn Hòa Chi chém hết những người từ 15 tuổi trở lên⁽¹⁰⁾.

Đến đời nhà Lý, mộng làm bá chủ của vua Chiêm Thành chưa tan vỡ, có ý muốn dựa vào quân Tống và nhà Tống cũng muốn lợi dụng Chiêm Thành để tiến vào Đại Việt. Mùa xuân Kỷ Dậu năm 1069, nhằm loại trừ mối uy hiếp của Chiêm Thành ở phía nam và làm thất bại âm mưu liên kết của nhà Tống trước khi bước vào cuộc kháng chiến, Lý Thánh Tông hạ chiếu thân chinh cử Lý Thường Kiệt làm đại tướng quân chỉ huy 50.000 quân, theo đường thủy tiến vào cửa biển Nhật Lệ. Quân Chiêm bại trận, Chế Củ (Rudravarman III) chạy trốn, bị Lý Thường Kiệt đuổi bắt. Chế Củ dâng nộp 3 châu: Địa Lý, Bố Chính, Ma Linh (vùng đất Quảng Bình và Gio Linh ngày nay) cho vua Lý Thánh Tông để xin về nước.

Đến đây chúng ta thấy vùng đất bộ Việt Thường của nước Văn Lang nằm trong nước Chiêm Thành đến 877 năm (192 - 1069), và sau cuộc chiến đấu kéo dài 87 năm, từ thời vua Lê Đại Hành đến đời vua Lý Thánh Tông (982 - 1069) vùng đất Việt Thường mới chính thức trở về với nước Đại Việt.

Từ đây những biến đổi ở vùng đất Quảng Bình được gắn liền với lịch sử phát triển của đất nước. Do những điều kiện lịch sử và di dân nên việc thay đổi địa danh và các đơn vị hành chính ở Quảng Bình qua các triều đại cũng rất đa dạng và phức tạp.

Tháng 8 Ất Mão (1075), quân Chiêm lại quấy rối biên giới, nhà vua sai Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh dẹp, đồng thời phải dụ dân Chiêm về bản đồ 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh và đổi tên:

- Bố Chính thành Bố Chính
- Địa Lý thành Lâm Bình
- Ma Linh thành Minh Linh

Và chiêu mộ dân đến ở 3 châu ấy⁽¹¹⁾.

Tất cả các sách địa lý - lịch sử ghi lại mấy dòng ngắn ngủi như vậy. Sách "Địa lý - lịch sử Quảng Bình" của Lương Duy Tâm do Bảo tàng tổng hợp Quảng Bình xuất bản năm 1989 trang 142 có viết thêm: "Trong dịp này, Lý Thường Kiệt đã cho đặt quan ở lại để cai trị". Sự kiện chiêu mộ dân đến ở 3 châu Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh, Léopold Cadière cho rằng: "Việc này xảy ra vào tháng 8

âm lịch, sau khi Lý Thường Kiệt trở về Nhân Tông đổi tên Địa Lý (phần Nam Quảng Bình) ra Lâm Bình và đổi tên Ma Linh (phần Bắc Quảng Trị) ra Minh Linh. Hai vùng đất này bao giờ cũng vẫn lấy thành hai châu, nhưng vì hai châu này còn rất ít dân cư nên Nhân Tông ban hành chỉ dụ kêu gọi nhân dân đến sinh cơ lập nghiệp. Đây là một tài liệu quan trọng đối với lịch sử của xứ này. Như vậy là trong khoảng năm 1075, bắt đầu có những đoàn người Việt Nam di thực vào đây, chuyển vào Nam Quảng Bình, những đoàn người ấy làm cho chúng ta liên hệ đến tên gọi thông tục của các làng: Nhà Phan tức là Họ Phan, Nhà Vàng tức là Họ Vàng hoặc Hoàng, Nhà Ngò tức là Họ Ngò hoặc Ngô.

Hình như Nhân Tông thất vọng trong việc chinh phục đất nước này bằng vũ lực, đã có mưu đồ xâm lược, trước hết, bằng sự xâm nhập chậm nhưng chắc, vốn được Việt Nam quen dùng và sự xâm nhập ấy chính là bước chuẩn bị cho công cuộc xâm lược. Chỉ về sau vào năm 1470, một chỉ dụ của vua Lê Thánh Tông mới động viên người Việt Nam di thực đất Bố Chính tức là phần Bắc Quảng Bình".

Đời nhà Lý - nhất là trong khoảng thế kỷ XI, công cuộc xây dựng đất nước bước vào quy mô lớn, đặt nền tảng vững chắc, toàn diện cho sự phát triển của dân tộc và của quốc gia phong kiến độc lập. Triều đình nhà Lý đứng đầu là vua rồi đến các quan cao cấp, chia làm 9 phẩm cấp. Bộ máy hành chính được thiết lập từ trung ương đến các đơn vị cơ sở. Khu vực hành chính gồm có bộ và phủ rồi đến huyện và cuối cùng là hương, giáp, miền núi thì chia thành châu, trại. Khi có chiến tranh cần động viên quân lính, chính quyền căn cứ vào sổ quân tuyển dân vào lính. Khi chiến tranh kết thúc, quân lính lại chia thành những bộ phận luân phiên nhau về làm ruộng. Đó chính là chính sách "ngụ binh ư nông" (có nghĩa là gửi quân lính ở nhà nông). Ruộng đất của công xã, nhà vua có quyền đem một số hộ nông dân hoặc ruộng đất của công xã phong cấp cho quý tộc và quan lại cao cấp. Chế độ phong cấp theo số hộ nông dân gọi là thực phong và thực cấp.

Căn cứ vào các tư liệu trên ta thấy: Bộ Việt Thường của nhà nước

Văn Lang thời đại các vua Hùng lần đầu tiên được ghi vào bản đồ quốc gia Đại Việt gần 10 thế kỷ thống trị của Vương quốc Chiêm Thành. Việc đổi tên các châu Bố Chính thành Bố Chính, Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh cũng là sự phủ nhận các đơn vị hành chính của Vương quốc Chiêm Thành đã nhuộm đầy máu và nước mắt của hai dân tộc Việt - Chiêm. Bố Chính, Lâm Bình, Minh Linh là những đơn vị hành chính mới ghi trong bản đồ của vùng đất mới được trở về với Tổ quốc.

Đây là cuộc chiêu dân lập ấp đầu tiên về mặt pháp lý nhà nước, và cũng từ đó làm nền tảng cho việc mở mang phát triển bờ cõi xuống phương Nam. Những người dân đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng đất mới này được sống theo dòng tộc, trong tình làng nghĩa xóm theo từng đơn vị hành chính mới, dù rằng chỉ là mới bước đầu hình thành các làng theo từng dòng họ, song đó cũng là sự bảo lưu những truyền thống cổ của nơi cũ, lại vừa mang sắc thái địa phương của nơi họ mới tới. Vì vậy, có những làng tuy ở gần nhau, nhưng vẫn giữ những thổ ngữ, những phong tục, tập quán khác biệt nhau. Đó là một thực tế hàng ngàn năm nay vẫn còn tồn tại đến bây giờ.

Dân được chiêu mộ về ở vùng đất mới này được "quan ở lại để cai trị" như vậy họ đã được nhà nước thừa nhận là công dân của nước Đại Việt, họ sống có tổ chức, có pháp luật và có quyền lợi trách nhiệm với nhà nước. Họ là lực lượng quan trọng, lực lượng chủ yếu để bảo vệ biên cương nước Đại Việt ở phía Nam Tổ quốc. Họ là lực lượng tại chỗ vừa đảm bảo yêu cầu của quốc phòng, vừa duy trì lực lượng lao động cần thiết cho sản xuất.

Ruộng đất của công xã, do đó ruộng đất của công xã nào do công xã đó quản lý và phân phối cho các thành viên cày cấy. Như vậy ruộng đất khai phá được đã có chủ, đã được vào sổ bộ chính thức nên nông dân cày cấy ruộng đất công phải nộp tô thuế, lao dịch và đi lính cho nhà nước. Mức quy định tô thuế là 100 thang mỗi mẫu.

Chính sách "ngụ binh ư nông" (gửi quân lính ở nhà nông) được áp dụng ở vùng đất mới này có tác dụng nhiều mặt. Thực chất của chính sách này như quan niệm hiện nay là mỗi người dân là một người lính,

khi tĩnh là dân, chăm lo việc cày cấy bảo vệ làng mạc thôn ấp, giữ gìn an ninh trật tự. Khi động là lính cầm súng ra chiến trường tiêu diệt quân giặc.

Như vậy xét về mặt hệ thống hành chính vùng đất Bố Chính, Địa Lý (thuộc Quảng Bình ngày nay) bước đầu đủ cơ sở để khẳng định từ năm 1075 đã trở thành một đơn vị hành chính hoàn hảo của nước Đại Việt. "Từ đây đất phía nam Hà Hoa ngoài dải Hoành Sơn mới vào bản đồ nước ta"⁽¹²⁾.

(1) Đất Thuận Hóa (lúc này từ Đèo Ngang đến Hải Vân, đời Lê chia thành hai phủ và hai châu. Hai phủ là Tân Bình và Triệu Phong, hai châu là Thuận Bình và Sa Bôi.

(2) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục* tập I, NXB KHXH – Hà Nội 1977, trang 36 – 37. Đại Việt sử ký toàn thư tập II NXB KHXH Hà Nội 1985, trang 234.

(3) *Lam Sơn thực lục* XB 1969, trang 48.

(4) *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập I NXB Sử học – Hà Nội 1962 trang 44.

(5) Dương Văn An: *Ô châu cận lục* – lời tựa, văn hóa Á châu xuất bản – Sài Gòn 1961, trang 3.

(6) Năm 192, nhân dân Chăm Pa đánh đuổi bọn phong kiến nhà Hán ra khỏi đất Nhật Nam, dựng lên nước Chăm Pa độc lập từ đèo Ngang đến Phan Thiết. Quân Chăm pa luôn quấy nhiễu miền biên giới Đại Việt, để trừ biệt mối uy hiếp ở phía Nam, năm 1069, Lý Thường Kiệt xuất quân đánh vào kinh thành Chăm Pa, bắt được Chế Củ. Chế Củ đã trả lại 3 châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính để chuộc mạng.

(7) Ý phát biểu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong buổi gặp mặt cán bộ chủ chốt của tỉnh Quảng Bình trong dịp Thủ tướng vào thăm Tết Nguyên đán Canh Tuất (1970).

(8) Tiểu Khang nay thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình.

(9) *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội 1987, trang 77.

(10) Dẫn theo Lương Duy Tâm, *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình* – Bào

tàng tổng hợp Quảng Bình xuất bản năm 1998, trang 137.

(11) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, NXB KHXH Hà Nội 1983 trang 291.

– *Đại Việt địa dư toàn biên* – Viện Sử học và NXB Văn hóa – Hà Nội 1997 trang 240.

– *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam* (từ đầu đến giữa thế kỷ XIX NXB KHXH, Hà Nội 1987 trang 110).

– *Lê Quý Đôn, toàn tập*, tập I NXB KHXH – Hà Nội 1977 trang 32.

(12) *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập I Phụ biên tạp lục NXB KHXH, Hà Nội 1977, trang 32.

NHẬN THỨC LỊCH SỬ ĐỂ GÓP PHẦN XÁC ĐỊNH TỈNH QUẢNG BÌNH THỰC SỰ CÓ VAI TRÒ NHƯ MỘT TỈNH TỪ BAO GIỜ

TRẦN ĐẠI VINH (*)

CÓ một sự thực hiển nhiên không ai không thừa nhận, nếu thuận túy dựa vào hình thức cơ cấu, tên gọi, là tỉnh Quảng Bình đã được thành lập vào năm 1831, dưới triều vua Minh Mạng, cũng như hơn 30 tỉnh khác của nước Đại Nam lúc bấy giờ.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, thì không nhất thiết phải có cuộc hội thảo khoa học này. Vấn đề là phải xem xét từ thực chất, trong lịch sử phát triển của mình, đến thời điểm nào Quảng Bình đã được nhìn nhận như một đơn vị tương đương như tỉnh Quảng Bình ngày nay.

Có rất nhiều tư liệu đã tái hiện quá trình phát triển của Quảng Bình, nhưng để tiện làm việc, chúng tôi đã chọn *Việt Sử Thông Giám Cương Mục*.

Ngược dòng lịch sử, cũng giống như *Đại Việt Sử Ký toàn thư*, cuốn sử này đã ghi nhận rằng:

Từ giữa mùa xuân 1069, vua Lý Thái Tông đã thân chinh bình định Chiêm Thành. Ra quân không thắng, vua đã kéo quân trở về. Nửa đường được tin nguyên phi Ý Lan chấp chính việc nước tốt đẹp, vua đã quyết tâm đưa quân trở lại tấn công. Đến giữa mùa hè thì thắng trận, bắt được vua Chiêm là Chế Củ đưa về Thăng Long. Đầu mùa thu, sau khi vua làm lễ dâng tù binh ở Thái Miếu, Chế Củ xin dâng đất 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để được trở về nước. Vua đã chấp thuận (1 trang 344 - 345).

(*) Giảng viên chính Trường Đại học sư phạm Huế

Nhưng mãi đến 1075, trong chuyến hành binh về phương Nam, Lý Thường Kiệt đã cho vẽ bản đồ hình thế núi sông ở 3 châu này, một công việc xác nhận quyền làm chủ 3 châu tân nhập, nhà vua bèn cho đổi tên châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh làm châu Minh Linh và ban chiếu mộ dân đến khai khẩn làm ăn (1 trang 350).

Sử liệu đã không cho biết bên trên 3 châu đó đã có một cấp hành chánh quản lý nào cao hơn không.

Mãi đến cuối đời Trần, triều vua Trần Duệ Tông, sử mới ghi: Tháng 3, Chiêm Thành vào cướp phủ Lâm Bình. Triều đình dùng Phạm A Song làm tri phủ Lâm Bình để trấn giữ đất ấy (1 trang 635). Mùa xuân 1375, vua Trần Duệ Tông lại đổi tên là phủ Tân Bình (1 trang 655). Mãi tới đời vua Trần Thuận Tông, năm Đinh Sửu (1397) tháng 4 âm lịch, mới đổi phủ Tân Bình thành trấn Tân Bình, tương đương với các trấn Thanh Đô (Thanh Hóa), Lâm An (Nghệ An)... (1 trang 699).

Như vậy đây là thời điểm chính thức xác định việc nâng cấp từ phủ Tân Bình lên trấn Tân Bình, xác định vai trò quan trọng của địa hạt này.

Tuy nhiên, trấn Tân Bình quản lãnh các huyện, châu thế nào thì sử không ghi chép. Muốn tìm hiểu điều này thì phải căn cứ các số liệu về thời Minh đô hộ. Theo *Thiên Hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư*, thì vào năm Vĩnh Lạc 5 (1407), đặt phủ Tân Bình đem 2 châu Bố Chánh và Minh Linh lệ thuộc vào. Tức là gồm có 2 châu, 1 phủ thống lĩnh 9 huyện như sau:

- Phủ Nam Linh (Tân Bình cũ) có 3 huyện: Phúc Khang, Nha Nghi, Tri Kiến

- Châu Nam Linh (Minh Linh cũ) có 3 huyện: Đơn Duệ, Tả Bình, Dã Độ

- Châu Chính Bình (Bố Chánh cũ) có 3 huyện: Chính Hòa, Cổ Đặng, Tùng Chất. Nhưng đến năm Vĩnh Lạc 17 (1419), nhà Minh lại sáp nhập các huyện, chỉ còn Nha Nghi, Chính Hòa, Cổ Đặng, Tùng Chất...

Qua tư liệu trên, có thể thấy rằng từ năm 1397, khi nâng phủ Tân

Bình lên làm trấn Tân Bình thì cơ cấu địa hạt của trấn đã bao gồm toàn bộ lãnh thổ Quảng Bình, cộng thêm phần đất phía Bắc Quảng Trị ngày nay. Có thể xét đoán rằng, vào năm Vĩnh Lạc 5 (1407) quân Minh đô hộ đã không đặt tên huyện mới mà chỉ sử dụng cơ cấu các huyện, châu cũ có từ thời cuối Trần, để phiên chế vào phủ Tân Bình. Chỉ có thay đổi mới vào năm Vĩnh Lạc 17 (1419) như trên.

Hãy xem tiếp các diễn biến thiết trí địa hạt về sau.

Vừa chiến thắng xong quân Minh, tháng 3 năm Mậu Thân 1428, Lê Thái Tổ đã đổi phủ Tân Bình thành lộ Tân Bình, cũng tương đương như các lộ Thanh Hóa, Nghệ An và Thuận Hóa, làm nên đạo Hải Tây. Như thế nhân quan chiếu lược của nhà vua đã xem trọng lộ Tân Bình đồng đẳng với các lộ xung quanh.

Nhưng sang triều Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận 7 (1466), tháng 6 âm lịch, nhà vua lại chia trong nước thành 12 đạo thừa tuyên, phần đất Trung bộ ngày nay chỉ có 3 đạo: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa. Lại bãi bỏ các lộ, các trấn, chỉ đặt làm phủ. Như vậy, lộ Tân Bình trở lại làm phủ Tân Bình thuộc đạo thừa tuyên Thuận Hóa (1 trang 1024).

Đến năm Đinh Hợi (1467), tháng 6 âm lịch, nhà vua hạ lệnh cho 12 quan thừa tuyên thân hành đi khám xét núi sông, vẽ thành đồ bản, ghi chú rõ ràng, đệ nạp bộ Hộ để làm bản đồ địa dư (1 trang 1042). Tháng 3 năm Kỷ Sửu (1469) định xong bản đồ trong nước: thừa tuyên Thuận Hóa lãnh 2 phủ, 7 huyện, 4 châu, trong đó phủ Tân Bình lãnh 2 huyện: Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu: Bố Chính, Minh Linh. Năm 1490, nhà vua lại đổi làm xứ, phủ Tân Bình cùng phủ Triệu Phong thuộc vào xứ Thuận Hóa (1 trang 1178).

Dưới thời Mạc, thiết chế này vẫn tồn tại.

Năm 1600, vua Lê Kính Tông lên ngôi, do kiêng tên húy nhà vua, nên phủ Tân Bình được đổi làm phủ Tiên Bình. Năm 1604, trấn thủ xứ Thuận Hóa lại đổi làm phủ Quảng Bình. Dưới thời Nguyễn Phúc Nguyên, thiết chế các dinh gắn liền hành chánh và quân sự đã được xác lập ở Đàng Trong. Phủ Quảng Bình trở thành dinh Quảng Bình.

Các giai đoạn chuyển tiếp dưới thời Lê Trịnh và Tây Sơn cũng

không đổi khác gì.

Năm 1802, vua Gia Long tiếp tục xác lập dinh Quảng Bình. Năm 1806 lại đặt làm dinh Trực Lệ Quảng Bình. Năm Minh Mạng 8 đổi làm trấn Quảng Bình, bỏ hai chữ trực lệ. Đến năm Minh Mạng 12 (1831) chính thức chia đặt tỉnh hạt trong cả nước, mới gọi là tỉnh Quảng Bình.

Qua các dẫn liệu trên, có thể thấy, trên danh nghĩa, mãi đến 1831 tỉnh Quảng Bình mới chính thức xác lập, có đầy đủ yếu tố danh và thực.

Nhưng phải nhìn nhận thực tế là từ năm 1397, dưới đời vua Trần Thuận Tông, với cái nhìn chiến lược của mình, Hồ Quý Ly đã thành lập trấn Tân Bình, có lãnh thổ rộng hơn tỉnh Quảng Bình ngày nay một ít, và có vai trò quan trọng, được xếp ngang hàng các vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa. Do đó, mốc 1397 là một mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của Quảng Bình, lần đầu tiên được xây dựng thành một cấp địa phương cao nhất thống thuộc chính quyền trung ương, sánh vai cùng các vùng đất văn hiến ở Bắc Trung Bộ ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Khâm Định Việt Sử Thông Giám cương mục, Tập I, bản dịch Viện sử học – NXB Giáo dục 1998.

BÀN THÊM VỀ THỜI GIAN XUẤT HIỆN TÊN TỈNH QUẢNG BÌNH

NGUYỄN DUY TÂN^(*)

Để góp thêm ý kiến cho hội thảo có "cơ sở khoa học xác định ngành thành lập tỉnh Quảng Bình" thành công, chúng tôi lấy tiêu chí, về đơn vị hành chính, cương vực lãnh thổ làm trọng tâm góp bàn, có nghĩa cần xem xét hai mốc lịch sử: năm 1069 khi Lý Thường Kiệt giành lại mảnh đất Quảng Bình về với Đại Việt, đã sắp đặt đơn vị hành chính từ trung ương đến địa phương về cơ bản qui củ. Hoặc mốc 1631 khi vua Lê Thần Tông cải châu rồi đổi thành dinh Quảng Bình và cái tên "Quảng Bình" bắt đầu có từ đó.

Ngày nay, dải đất mang hai tiếng "Quảng Bình", tên gọi của một trong 61 tỉnh thành của đất nước Việt Nam đã trở nên thân thuộc. Vậy cái tên Quảng Bình có từ bao giờ?

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì dải đất "Quảng Bình" xưa là đất Việt Thường Thị, đời Tần thuộc Tượng Quận, đời Hán là cõi Nhật Nam, đời Đường thuộc Lâm Ấp, đời Tống là đất Địa Lý, Bố Chính và Ma Linh của Chiêm Thành. Từ đời Lý, năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 3, Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ đem về, Chế Củ xin đem ba châu Địa Lý (Dư địa chí của Nguyễn Trãi chép là Tư Ninh), Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội. Thánh Tông y cho Lý Nhân Tông năm Thái Ninh thứ tư đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Bố Chính làm châu Nam Bố Chính và Ma Linh làm châu Minh Linh (có sách chép là Địa Linh), chiêu dân đến ở, năm Long Phù thứ 3, Chúa

(*) Trung tâm Thông tin kinh tế khoa học Công nghệ - Sở KH-CN-MT Quảng Bình

Chiêm Thành là Chế Ma Na sang cướp lấy lại ba châu, năm thứ tư sai Lý Thường Kiệt đi đánh, Chế Ma Na lại nộp trả đất ấy. Trần Du Tông năm Đại Trị thứ tư bổ Phạm A Song làm tri phủ Lâm Bình, Trần Duệ Tông năm Long Khánh thứ 3 đổi Lâm Bình làm phủ Tân Bình sau đổi làm lộ. Hồ Quý Ly đổi làm trấn Tây Bình. Thời thuộc Minh, đổi đặt làm phủ Tân Bình lãnh 3 châu 9 huyện. Khoảng đời Hoảng Định đổi làm phủ Tiên Bình. Bản triều Gia dụ Hoảng đế năm Giáp Thìn thứ 47 đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, sau đổi đặt làm dinh Quảng Bình.

Năm Gia Long thứ 5 định làm dinh Quảng Bình trực lệ vào kinh sư. Năm Minh Mệnh thứ 8 đổi làm trấn Quảng Bình, bỏ hai chữ "trực lệ" đặt các chức trấn thủ hiệp trấn và tham hiệp, năm thứ 12 chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Quảng Bình, bắt đầu đặt chức tổng đốc Bình - Trị và 2 ty bố chính và án sát tỉnh Quảng Bình.

Qua nguồn sử liệu cho thấy, từ khi trở về với nước Đại Việt năm 1069, dải đất từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ, mặc dầu đã nhiều lần thay đổi địa danh, nhưng vùng đất Quảng Bình đã bắt đầu có từ thời đó.

Từ đây quốc gia Đại Việt đã có "Sơn hà cương thường", mở rộng bờ cõi, có hệ thống hành chính từ Trung ương đến địa phương, tên đơn vị hành chính châu (theo chúng tôi thời đó: châu - phủ - trấn - dinh - tỉnh tương đương nhau). Quảng Bình cũng có hệ thống hành chính từ tỉnh đến huyện, làng, xóm, cư dân được chiêu mộ và di dời từ các châu miền Bắc quốc gia Đại Việt vào định cư.

Vậy dải đất có tên Quảng Bình ít nhất cũng cách đây 370 năm từ năm 1631 khi vua Lê Thần Tông cải châu Lâm Bình thành phủ Tân Bình, sau cải thành dinh Quảng Bình.

Tuy nhiên chỉ sau cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, từ năm 1947 Quảng Bình quật khởi, mới làm sống lại cái tên Quảng Bình. Cũng từ đây tên "Quảng Bình" mà ông cha ta đã sáng tạo ra từ nhiều thế kỷ trước, trở thành tên gọi tỉnh Quảng Bình trải dài 126 km, với diện tích 8.030 km² có số dân 802.638 người, Quảng Bình quê hương "hai giới" đang vươn lên với một sức sống mới đầy triển vọng cùng với đất nước Việt Nam thân yêu trong thời kỳ đổi mới.

XÁC ĐỊNH THỜI ĐIỂM THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TẠ ĐÌNH NAM^(*)

THEO chiều dài của lịch sử, thuở vua Hùng dựng nước chia non sông ra 15 bộ thì miền đất phía Nam Hoành Sơn gọi là Bộ Việt Thường. Quảng Bình là vùng đất thuộc Bộ Việt Thường của nước Văn Lang vào thời đại vua Hùng cách đây khoảng 4.000 năm.

Đến năm 214 (trước Công nguyên), nước Văn Lang bấy giờ được đổi tên là nước Âu Lạc, bị nhà Tần (Trung Quốc) thôn tính. Quảng Bình lúc bấy giờ cũng chịu chung số phận của đất nước.

Năm 192, một vương quốc mới ra đời là nước Lâm Ấp. Lâm Ấp là một nước độc lập, có lãnh thổ kéo dài từ Đèo Ngang đến vùng cực Nam Trung Bộ. Về sau quốc gia Lâm Ấp đổi tên là nước Chiêm Thành. Quảng Bình lúc đó nằm gọn trong lãnh thổ quốc gia này.

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông cử Lý Thường Kiệt chỉ huy 50.000 quân vào chinh phạt Chiêm Thành. Vua Chiêm là Chế Củ bị bắt sống ngay giữa Kinh Đô Trà Kiệu. Để chuộc mạng và cầu hòa, vua Chế Củ xin dâng trả ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh. Từ đó vùng đất của Bộ Việt Thường cũ (tức Quảng Bình và một phần tỉnh Quảng Trị ngày nay) lại trở về với lãnh thổ Đại Việt. Lý Thường Kiệt chiêu dân, lập ấp, hoạch định bản đồ đổi thành châu Bố Chính; Lâm Bình và Minh Linh. năm 1361, nhà Trần đổi châu Lâm Bình thành phủ Lâm Bình; đến năm 1375 đổi Phủ tân Bình rồi Lộ Tân Bình. Đến năm 1601 Lộ Tân Bình đổi thành Tiên Bình phủ, năm 1604 Nguyễn Hoàng đổi lại là Quảng Bình Phủ. Cái tên Quảng Bình

(*) Tổng biên tập Báo Quảng Bình.

bắt đầu từ đó.

Năm Bính Dần (1806) sau khi chính thức làm lễ xưng đế, vua Gia Long cho tổ chức lại các đơn vị hành chính trong cả nước từ Lạng Sơn đến Hà Tiên. Cả nước lúc ấy được chia làm 23 trấn và 4 doanh: từ Ninh Bình trở ra gọi là Bắc Thành gồm 11 trấn (5 nội trấn và 6 ngoại trấn) từ Bình Thuận trở vào được gọi là Gia Định thành gồm 5 trấn, còn lại khoảng giữa là các trấn độc lập, đó là Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa, Bình Thuận; đất Kinh Kỳ đặt 4 doanh bao gồm: Quảng Đức doanh (Thừa Thiên Huế), Quảng Trị doanh, Quảng Bình doanh và Quảng Nam doanh.

Đây là lần đầu tiên trên lãnh thổ thống nhất, các tổ chức hành chính được sắp đặt chính quy như vậy.

Năm 1831, vua Minh Mệnh cho xóa 27 đơn vị hành chính cũ (23 trấn và 4 doanh) được lập từ thời Gia Long để chia lại thành 31 tỉnh (trong đó thêm 4 địa phương mới là: Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Tĩnh và An Giang).

Kể từ đây, tỉnh là đơn vị hành chính thống nhất trong cả nước có cương vực và địa hình khá hợp lý, trong đó có tỉnh Quảng Bình của chúng ta.

Như vậy, chúng ta có 3 điểm mốc quan trọng đáng chú ý để xác định thời điểm thành lập tỉnh:

- 1 - Quảng Bình phủ năm 1604 (thời Nguyễn Hoàng)
- 2 - Quảng Bình doanh năm 1806 (thời Gia Long)
- 3 - Quảng Bình tỉnh năm 1831 (thời Minh Mạng)

* Nếu lấy danh từ "Quảng Bình" xuất hiện trong địa danh đầu tiên làm mốc lịch sử thì tính đến nay vùng đất này có độ dài 397 năm lịch sử (1604 - 2001) và chúng ta sẽ tổ chức kỷ niệm 400 năm thành lập tỉnh Quảng Bình vào năm 2004 (1604 - 2004).

* Nếu lấy năm 1806, khi Quảng Bình doanh là một trong 27 đơn vị hành chính của đất nước thì có độ dài 195 năm lịch sử (1806 - 2001)

* Nếu lấy năm 1831, khi Quảng Bình được đổi từ Quảng Bình doanh thành Quảng Bình tỉnh thì có độ dài 170 năm lịch sử mà Hà

Tỉnh vừa tổ chức kỷ niệm. Song Quảng Bình chúng ta khác với Hà Tĩnh là, trong 27 trấn và doanh thời Gia Long tổ chức thì Hà Tĩnh không có tên trong các đơn vị hành chính, phải đến năm 1831, vua Minh Mệnh mới bổ sung thêm 4 tỉnh, trong đó có Hà Tĩnh. Vì thế mà Hà Tĩnh lấy điểm mốc năm 1831 để kỷ niệm 170 năm thành lập tỉnh là hoàn toàn hợp lý. Còn Quảng Bình chúng ta đã có đơn vị hành chính riêng từ 1806 là Quảng Bình doanh, tiền thân của Quảng Bình tỉnh sau này.

Trong ba thời điểm như đã trình bày ở trên, theo chúng tôi nên lấy năm 1604 làm điểm mốc thành lập tỉnh Quảng Bình là hợp lý hơn cả.

Khi soi vào lịch sử thì thấy điểm mốc này hoàn toàn logic với tiến trình hình thành các vùng đất trong cả nước. Bởi vì, năm 1698, lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh là người con của Quảng Bình vâng mệnh chúa Nguyễn vào kinh lược xứ Đồng Nai. Sau khi tấu trình được chúa Nguyễn chấp thuận, Nguyễn Hữu Cảnh cho triển khai công cuộc di dân vào vùng đất mới để khẩn hoang và lập nên vùng Sài Gòn - Gia Định. Năm 1998, thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kỷ niệm 300 năm thành lập và tôn vinh Nguyễn Hữu Cảnh là thủy tổ của vùng đất này.

Do số lượng người Quảng Bình chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng dân cư, nên nhiều vùng đất mới khai hóa ở Đồng Nai và đồng bằng sông Cửu Long đều có địa danh mà chữ "Tân" hoặc chữ "Phước" (phúc) đi kèm như một dấu ấn kỷ niệm ghi nhớ quê hương nơi chôn rau, cắt rốn (bởi chữ "Tân" là Tân Bình; còn chữ "Phước" (phúc) là chữ đầu của thôn Phúc Tín, huyện Phong Lộc, Quảng Bình (nay là huyện Quảng Ninh) nơi sinh ra Nguyễn Hữu Cảnh). Cũng tương tự, chữ "Bình" được đưa dần vào phía trong tạo thành những địa danh quen thuộc, gần gũi. Đầu tiên là Bình Khang đến Bình Thuận, sau đó đến phủ quận Tân Bình ở Sài Gòn và bây giờ ta gặp các địa danh như: Bình Tây, Bình Thạnh, Bình Chánh, Bình Điền, Bình Triệu... còn chữ Tân thì có: Tân Thuận, Tân Hưng, Tân Mỹ... đều xuất phát từ tình cảm hướng về cội nguồn quê hương Quảng Bình.

Vì thế, vùng đất gốc Quảng Bình chúng ta hình thành trước Sài Gòn - Gia Định gần 100 năm là hoàn toàn hợp lý và có căn cứ khoa học.

XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH - DƯỚI GÓC ĐỘ DÂN TỘC HỌC

Th.S HOÀNG VĂN ĐẠI^(*)

TRONG nghiên cứu dân tộc học muốn xác định thành phần tộc người phải dựa vào các tiêu chí sau:

- Tiêu chí ngôn ngữ
- Lãnh thổ tộc người
- Cơ sở kinh tế của tộc người
- Các đặc trưng sinh hoạt - Văn hóa và ý thức tự giác dân tộc

Nêu các tiêu chí xác định tộc người, tôi không có ý sẽ áp dụng các tiêu chí này vào việc xác định ngày thành lập tỉnh. Nhưng từ những tiêu chí tộc người cho tôi hướng suy nghĩ về những tiêu chí cần phải có để xác định ngày thành lập tỉnh ta như sau:

- 1 - Về lãnh thổ hành chính
- 2 - Tên gọi
- 3 - Các đặc trưng sinh hoạt - Văn hóa

Với những tiêu chí trên có thể chưa hoàn toàn đầy đủ, nhưng tôi cũng mạnh dạn nêu lên những suy nghĩ của mình và đưa ra các mốc lịch sử quan trọng để xem xét như sau:

- Năm 1069, năm Lý Thường Kiệt chính thức thu hồi lại 3 châu: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh do vua Chế Củ giao nộp.

- Năm 1604, Thái tổ nhà Nguyễn (Nguyễn Hoàng) đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình, tên Quảng Bình bắt đầu được gọi từ đây.

(*) Ban Quản lý Di tích Danh thắng Quảng Bình

- Năm 1831, vua Minh Mạng đổi huyện Bố Chính thành huyện Bố Trạch và đặt trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình.

Với 3 mốc lịch sử quan trọng trên, chúng ta có thể xem xét với từng tiêu chí một:

** Tiêu chí thứ nhất: Về lãnh thổ hành chính*

Lãnh thổ hành chính là điều kiện bắt buộc cho sự xuất hiện của bất kỳ một tỉnh nào. Tuy nhiên, lãnh thổ của một tỉnh là phạm trù lịch sử có nhiều biến động phức tạp. Lãnh thổ có thể được mở rộng hoặc bị thu hẹp hoặc nhập với tỉnh khác...

Nhưng điều chúng ta đáng quan tâm là trong các mốc lịch sử trên thì thời kỳ nào lãnh thổ hành chính tương đối ổn định và gắn sát với lãnh thổ hành chính hiện nay.

Thời kỳ (1069 - 1470) có những sự kiện diễn ra như sau:

- Năm 1069: Về mặt lãnh thổ hành chính gồm có 3 châu: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh chính thức trở về với Đại Việt.

- Năm 1074: Vua Chế Củ mất, Vua Chiêm (Harivasma IV) xâm lấn biên giới Đại Việt cướp lại 3 châu.

- Năm 1075, Vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt đem quân bình định lại.

- Năm 1103, Quân Chiêm lại chiếm lại 3 châu.

- Năm 1104, Lý Thường Kiệt lại xuất binh đánh lại quân Chiêm thu hồi lại 3 châu.

- Đến đời nhà Trần, Vua Chiêm Faya cho sứ sang xin chuộc lại, nhưng Vua Trần Thái Tông không chịu. Quân Chiêm lại tiếp tục quấy phá và vùng đất này giao tranh liên tiếp xảy ra giữa quân Đại Việt và quân Chiêm, trong hơn 300 năm cho đến tận năm 1470, khi Lê Thánh Tông bình định hẳn quân Chiêm ở trận Thuận Hóa thì vùng đất này mới hết nạn xâm lấn của quân Chiêm.

Với những sự kiện trên, chúng ta thấy rằng từ triều Lý đến triều Trần các triều đại này chưa đủ mạnh để áp đảo quân Chiêm nên quân Chiêm cứ xâm lấn, quấy phá liên tục. Hơn nữa các triều đại Lý, Trần lúc này phải lo bảo vệ biên giới phía Bắc rất quan trọng. Vùng đất

mới thu về, đất thì rộng, dân thì ít nên việc cai quản của triều đình về mặt lãnh thổ cũng chưa thật chặt chẽ và chưa có bộ máy hành chính vững chắc.

Năm 1604: Đây là năm Nguyễn Hoàng đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình. Tên Quảng Bình bắt đầu được gọi từ đây.

- Lúc này, Từ sông Gianh trở ra gọi là Bố Chính Ngoại Châu (huyện Quảng Trạch và Tuyên Hóa, Minh Hóa ngày nay) thuộc Vua Lê Chúa Trịnh.

- Từ sông Gianh trở vào gọi là Bố Chính Nội Châu (Bố Trạch) thuộc chúa Nguyễn. Trung tâm của Bố Chính gọi là Dinh Ngói đặt tại làng Chánh Hòa (Bố Trạch). Thời gian này Trịnh Nguyễn phân tranh kéo dài 228 năm nếu tính từ 1558 (lúc Nguyễn Hoàng vào Nam) đến năm 1786 là kết thúc cuộc chiến. Có thể nói thời kỳ Trịnh Nguyễn là thời kỳ tranh chấp của hai thế lực phong kiến trong một nước. Vì vậy, vùng đất này dù có giao tranh nhưng nó vẫn là vùng đất Đại Việt, nhưng trên thực tế từ Đèo Ngang đến Bắc sông Gianh thuộc Vua Lê Chúa Trịnh, nhưng do triều đình ở xa và cách trở về mặt địa lý của dãy núi Hoành Sơn, nên việc cai quản về hành chính của Vua Lê Chúa Trịnh cũng không được chặt chẽ. Vua Lê Chúa Trịnh xem đây là vùng đất bố phòng về mặt quân sự để giao tranh với chúa Nguyễn hơn là cai quản về mặt lãnh thổ để phát triển về mọi mặt.

Với năm 1831, Vua Minh Mạng đổi huyện Bố Chính thành huyện Bố Trạch và đặt trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình.

Có thể nói thời kỳ Vua Minh Mạng, Nhà nước trung ương tập quyền chuyên chế đã phát triển đến cao độ. Một hệ thống chính quyền được thành lập từ trung ương đến các tỉnh, phủ, huyện, châu và các tổng, xã. Các quan lại từ huyện, châu trở lên đều do triều đình trực tiếp bổ dụng. Các chức lý trưởng, phó lý ở các xã và chức chánh tổng, phó tổng ở các tổng tuy do các kỳ hào, chức sắc cử ra, nhưng phải được quan trên công nhận và phê chuẩn.

Như vậy, với tiêu chí một chúng ta có thể chọn mốc 1604 hoặc mốc 1831.

** Tiêu chí thứ hai: Về tên gọi*

Cùng một cương vực địa giới, nhưng mỗi triều đại có một tên gọi khác nhau, chúng ta thấy tên gọi của vùng đất này qua các thời kỳ như sau:

- Năm 1069 đời Lý gọi là Châu: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh đến năm 1075 đổi tên các châu: Bố Chính thành Bố Chính; Địa Lý thành Lâm Bình; Ma Linh thành Minh Linh.

- Năm 1361, Vua Trần Duệ Tông cải châu Lâm Bình thành phủ Lâm Bình.

- Năm 1375, Vua Trần Duệ Tông lại đổi phủ Lâm Bình phủ Tân Bình rồi lộ Tân Bình; Hồ Quý Ly cải làm Trấn Tây Bình; đời thuộc Minh cải đặt lại Tân Bình phủ đem 2 châu Bố Chính và Minh Linh thuộc vào. Đến đời Lê đặt làm lộ Tân Bình thuộc đạo Hải Tây.

- Năm 1469 đặt Tân Bình phủ cùng với 2 châu Minh Linh, Bố Chính thuộc về Thuận Hóa Thừa Tuyên, đến năm 1604 Nguyễn Hoàng đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình và đến năm 1831, Minh Mạng đổi huyện Bố Chính thành huyện Bố Trạch và đặt trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình.

Thật vậy, qua bao nhiêu lần thay tên đổi hiệu, qua bao nhiêu triều đại, hưng phế, mất còn, từ Lâm Bình đến Tân Bình đến Tiên Bình rồi Tây Bình, rồi Quảng Bình hoặc từ châu, sang phủ, sang trấn, rồi dinh, rồi doanh và đến tỉnh thì tiếng "Bình" vẫn giữ làm "gốc rễ" theo sát người Quảng Bình. Theo tôi với mốc 1604 Nguyễn Hoàng, mặc dù lúc này chưa đặt là tỉnh, nhưng với ý nghĩa thiêng liêng về hai chữ "Quảng Bình" tồn tại đến ngày nay thì xem đây là một mốc quan trọng để xác định ngày thành lập tỉnh.

** Tiêu chí thứ ba: Đặc trưng sinh hoạt – văn hóa*

Vấn đề nghiên cứu các đặc trưng sinh hoạt - văn hóa của một vùng quê có bề dày về văn hóa là một vấn đề rất rộng lớn và rất phức tạp. Vì vậy, trong khuôn khổ của hội thảo này tôi chỉ xin nêu một điểm nhỏ trong đặc trưng này là vài nét về nguồn gốc - sự phát triển làng xã ở Quảng Bình.

Chúng ta đều biết "Làng" Việt ở Quảng Bình được hình thành

muộn so với "Làng" Việt ở vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Lam. Vậy "Làng" Việt ở Quảng Bình hình thành ổn định và phát triển từ bao giờ? "Làng" và văn hóa làng là yếu tố cơ bản tạo nên nền văn hóa Việt ở Quảng Bình sau này.

Quảng Bình mới trở về Đại Việt 1069, đây là vùng đất mới "đất rộng người thưa" cho nên sau khi đánh thắng Chiêm Thành các triều đại đã có chính sách di dân từ phía Bắc vào để lập làng vừa phát triển kinh tế, vừa củng cố quốc phòng với chính sách "ngụ binh ư nông".

Năm 1075, thời Lý Nhân Tông là đợt di dân đầu tiên vào vùng đất này, vùng đất mà vua Chiêm dâng cho Đại Việt là nơi nhà Lý cần củng cố như một thứ phen dậu vững vàng bảo vệ hướng phương Nam để có thể rảnh tay đối phó với nhà Tống ở phương Bắc. Do đó, Lý Thường Kiệt đã xây dựng thôn ấp, làng xã theo kiểu "ngụ binh ư dân" hoặc "ngụ binh ư nông" đã hình thành nên các cụm dân cư rải rác khắp vùng đất ba châu mà tập trung hơn là ở châu Lâm Bình. Hiện nay, theo Nguyễn Tú, ở Quảng Ninh, Lệ Thủy ngày nay là đất Lâm Bình ngày ấy, hiện còn rất nhiều làng xã mang tên họ của người chỉ huy: Mai Xá là làng ông họ Mai; Phan Xá là làng ông họ Phan; Trần Xá là làng ông họ Trần.

Mãi đến năm 1740, vua Lê Thánh Tông đánh thắng quân Chiêm; xuống chiếu chiêu mộ dân đến ở châu Bố Chính. Đây là cuộc vận động dân cư với đa số là người Thanh - Nghệ - Tĩnh. Đây là lần di dân có quy mô lớn được Nhà nước hỗ trợ giúp đỡ về mọi mặt. Với những đợt di dân do Nhà nước vận động, hoặc do bị cưỡng ép. Ngoài ra có sự di dân tự do trải qua hàng trăm năm nên vùng đất Quảng Bình ngày càng đông đúc. Theo *Phủ Biên Tạp Lục* trang 60 có viết: "xét sách", "thiên nam dư hạ tập" triều ta (tức là triều Lê) có chép: "Trong niên hiệu Hồng Đức, bản đồ nước ta được định lại như sau: Thuận Hóa Thừa Tuyên sứ ty quan trị 2 phủ, 8 huyện, 4 châu sau: phủ Tân Bình gồm có 2 huyện, 2 châu là: huyện Khang Lộc có 4 tổng, 80 xã, 7 thôn, 4 trang. Huyện Lệ Thủy có 6 tổng, 28 xã, 2 châu; châu Nam Bố Chính có 12 tổng, 60 xã, 2 trang. Châu Minh Linh có 8 tổng, 63 xã".

Và qua khảo sát để lập hồ sơ di tích các đình làng trong tỉnh chúng tôi thấy có nhiều gia phả còn ghi hoặc qua truyền miệng như sau:

Đình làng Lý Hòa được xây dựng vào năm 1737, vị thần thờ trong đình "Cương khẩu đại vương" một vị thần giữ cửa biển Cương Gián được thờ ở đình làng Cương Gián (huyện Nghi Xuân, Nghệ An).

- Đình Tượng Sơn được xây dựng khoảng năm 1750

- Đình làng Lũ Phong - Quảng Phong - Quảng Trạch được xây dựng năm 1542

- Theo gia phả dòng họ Nguyễn Khắc ở thôn Vĩnh Phước xã Quảng Lộc - Quảng Trạch thì dòng họ này từ Từ Liêm - Hà Nội vào vùng đất này từ 1553.

- Theo gia phả của các dòng họ làng Thượng Phong ở Lệ Thủy có từ cuối thời Trần, làng được thành lập cách đây 600 năm.

- Qua khảo sát người Nguồn ở Minh Hóa chúng tôi thấy người Nguồn ở Minh Hóa đa số là người Việt từ Thanh, Nghệ, Tĩnh, Quảng Bình thiên di lên vùng đất này trong nhiều thế kỷ khác nhau. Nhưng họ đến vùng này sớm nhất là họ Trương (1473 - 1497) tính đến nay đã 20 đời.

Như vậy qua tài liệu ghi chép lại và qua các gia phả còn lại chúng ta thấy làng xã ở Quảng Bình được hình thành từ thời nhà Lý, nhưng mãi đến cuối thế kỷ 15 đã ổn định và phát triển.

Đến thời kỳ Nguyễn Hoàng, ông ra sức xây dựng vùng đất này với ý nguyện thực hiện theo câu nói của Nguyễn Bỉnh Khiêm "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân". Những gì ông chưa làm được thì trước khi chết ông dặn lại con mình là Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Đất Thuận Quảng, phía Bắc có núi Hoành Sơn, sông Linh Giang, phía nam có núi Ải Vân và núi Thạch Bi, thực là một nơi trời để cho người anh hùng dựng võ. Vậy ta phải thương yêu nhân dân luyện tập quân sĩ mà gây cơ nghiệp muôn đời..."

Với những suy nghĩ của mình tôi đã chọn 3 tiêu chí trên và đã lý giải, nếu được chọn thì tôi sẽ chọn 1604 là mốc thành lập tỉnh ta.

ĐÔI ĐIỀU KIẾN GIẢI VỀ MỐC LỊCH SỬ THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TS NGUYỄN KHẮC THÁI (*)

I - QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN

Lịch sử là một dòng chảy liên tục trong đó các sự kiện và hiện tượng lịch sử diễn ra trong một chuỗi các mối quan hệ biện chứng giữa hai chiều kích *đồng đại* và *lịch đại*. Để lựa chọn một cái mốc đánh dấu sự ra đời của tỉnh Quảng Bình trong một tiến trình lịch sử với rất nhiều mối quan hệ chằng chéo, đan xen nhau như vậy thiết tưởng cũng cần thống nhất với nhau về cách tiếp cận khái niệm, bởi đó là khởi nguyên để trả lời câu hỏi: *ta đi tìm cái gì?* Tôi hình dung chí ít cũng có 3 cách tiếp cận khác nhau trong vấn đề xác định ngày ra đời hay xuất hiện của một đối tượng lịch sử, đó là tiếp cận từ *khởi nguyên* (nguồn gốc), tiếp cận trong *chính thể* và tiếp cận về *danh xưng* (lĩnh vực địa danh học lịch sử). Cụ thể cách hiểu đó là:

Một, nếu lịch sử như là một dòng chảy đi từ thủy đến chung thì một đối tượng lịch sử nào đó bao giờ cũng có thời khắc thủy, thời khắc chung làm nên cái chính thể. Đi tìm mốc lịch sử ra đời của Quảng Bình chính là đi tìm cái thời khắc ấy vậy.

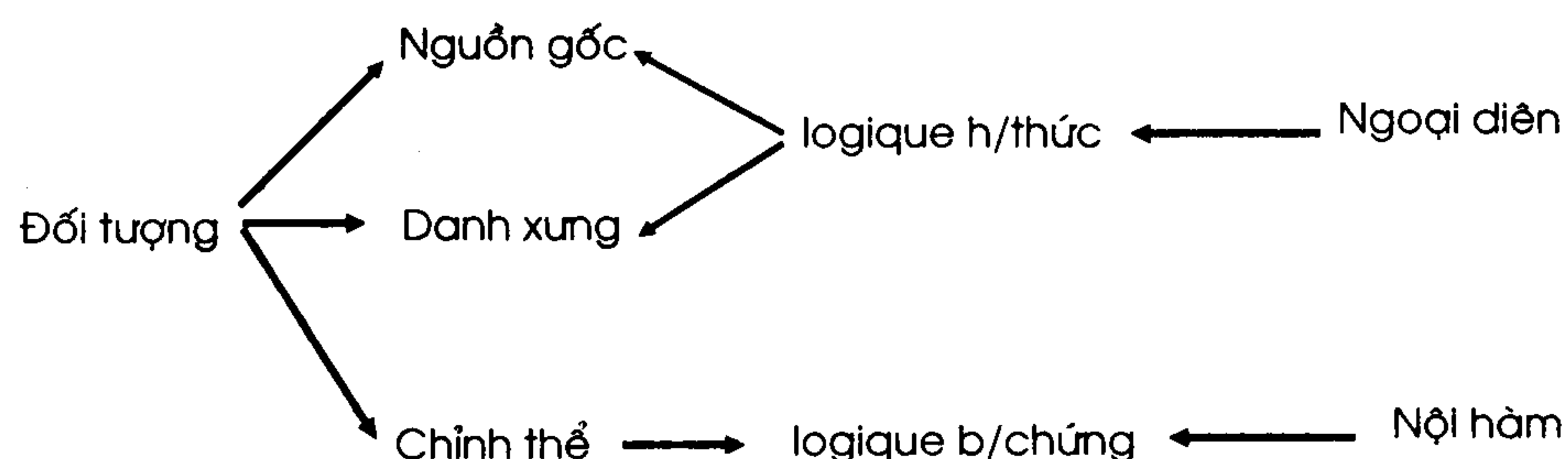
Hai, lịch sử được hiểu như là một *đối tượng cụ thể* nằm trong cái chính thể. Do đó sự ra đời của một đối tượng lịch sử chỉ được tính từ

* Giám đốc Trung tâm Thông tin Kinh tế Khoa học Công nghệ Sở KH-CN và MT Quảng Bình.

khi nó xuất hiện như một chỉnh thể. Những hiện tượng tồn tại bên ngoài chỉnh thể chỉ có giá trị làm phong phú thêm cho đối tượng lịch sử chứ không phải là thuộc tính của đối tượng thì không được coi như là những mốc lịch sử của đối tượng.

Ba, đối tượng lịch sử phải được tính từ khi nó có *danh xưng*. Danh xưng là dấu hiệu báo hiệu sự hiện diện của đối tượng trong một hệ thống xã hội nào đó.

Trên một phương diện khác, việc xác định ngày thành lập tỉnh có thể tiếp cận từ cách phân tích logique hình thức và logique biện chứng, tương ứng như cách nhìn từ phía ngoại diện và nội hàm của vấn đề vậy. Quan hệ giữa các cách tiếp cận đó như sau:



Như vậy, đã có chí ít là 3 cách tiếp cận khác nhau để tìm đến cái mốc ra đời của Quảng Bình. Về mặt lý thuyết thì mỗi cách tiếp cận đều có căn cứ khoa học của nó và có ý nghĩa như một *giả định* (supposition), nhưng lựa chọn một trong 3 cách tiếp cận hay kết hợp các cách tiếp cận với nhau là tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đối tượng và tùy thuộc vào mục tiêu lựa chọn nữa. Một điều không thể không lưu ý trong quan niệm về quan điểm tiếp cận là các tiêu chí lịch sử chỉ là yếu tố giả định, còn hiện tượng lịch sử sẽ là yếu tố *tiền giả định* (presupposition). Nói cách khác, tiêu chí chỉ tồn tại khi hiện thực lịch sử chấp nhận nó.

Trên một cách nhìn như vậy, để có một sự lựa chọn ngày ra đời của Quảng Bình phù hợp với những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần, những di duệ lịch sử và tâm thức mà các thế hệ cộng đồng con

người Quảng Bình đã sáng tạo và trao truyền trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc thì, cùng với sự thống nhất về mặt quan niệm và phương pháp tiếp cận, không thể không thống nhất về những tiêu chí làm căn cứ khoa học cho việc lựa chọn mốc lịch sử.

II - TIÊU CHÍ

Như trên đã nói, mỗi đối tượng lịch sử có những mục tiêu lựa chọn riêng. Do vậy, những tiêu chí mà chúng tôi đề xuất ở đây vừa là một nguyên tắc có tính lý luận, vừa có căn cứ từ những điều kiện thực tiễn cụ thể của quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Quảng Bình. Theo tôi, để có được một sự lựa chọn mốc lịch sử có ý nghĩa lâu dài, nếu không nói là vĩnh viễn cho Quảng Bình thì mốc lịch sử ấy phải thỏa mãn những tiêu chí sau đây:

– *Tiêu chí 1: Tính khởi nguyên.* Tiêu chí này được hiểu theo 2 cách. Một là khởi nguyên của một vùng đất được xem xét từ điểm khởi thủy của nó. Đó là khởi đầu của mọi sự khởi đầu. Cách nhìn nhận thứ 2 là bắt buộc phải lựa chọn mốc lịch sử từ khi các giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng bắt đầu tạo dựng trong chỉnh thể.

– *Tiêu chí 2: Tính chu diên.* Mốc lịch sử phải đảm bảo phổ quát quá trình hình thành và phát triển của Quảng Bình bao gồm tất cả các yếu tố cấu thành nên tỉnh Quảng Bình như các yếu tố địa chính trị, địa văn hóa, sự ổn định đặc trưng kinh tế xã hội, lịch sử hình thành tộc người v.v... Nói cách khác, mốc lịch sử đó phải hàm chứa tất cả các yếu tố cấu thành quá trình hình thành cộng đồng Quảng Bình.

– *Tiêu chí 3: Tính thống nhất.* Mốc lịch sử phải phản ánh một giai đoạn phát triển, trong đó các yếu tố là một hệ thống thống nhất trong chỉnh thể. Tính thống nhất trong chỉnh thể được thể hiện trên những yếu tố sau:

+ Thống nhất về địa vực: Khái niệm địa vực đối với một tỉnh được hiểu như là sự thống nhất địa vực tự nhiên bao gồm các quần thể địa lý, địa hình, địa mạo và kiến tạo.

+ Thống nhất về giới hạn: Mốc lịch sử phải được giới hạn bởi một

ranh giới không phân chia và được mặc nhiên thừa nhận trên cả 2 phương diện pháp lý và trong ý thức hệ.

+ Thống nhất về chủ quyền. Tính pháp lý về chủ quyền được thừa nhận có tính phổ biến qua nhiều giai đoạn lịch sử (ít bị biến động hoặc không biến động).

+ Thống nhất về các đặc điểm kinh tế, xã hội của cộng đồng

+ Thống nhất về đặc trưng và sắc thái văn hóa cộng đồng

- *Tiêu chí 4: Tính liên tục.* Mốc lịch sử đánh dấu ngày thành lập Quảng Bình phải là mốc có ý nghĩa mở đầu cho một chuỗi phát triển liên tục tiếp theo sau đó trên tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội, hoặc chí ít thì cũng đảm bảo tính liên tục trong những lĩnh vực cơ bản nhất, có ý nghĩa quyết định sự tồn tại của cộng đồng.

- *Tiêu chí 5: Tính giá trị.* Tính giá trị được hiểu ở góc độ thứ nhất là mốc lịch sử ra đời phải đảm bảo *trọn vẹn* những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà cộng đồng cư dân Quảng Bình đã sáng tạo ra. Như chúng ta đã biết, có những giá trị vật chất và tinh thần được sáng tạo ra trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định và không lặp lại, ngược lại cũng có những giá trị được tích lũy và trao truyền qua rất nhiều thế hệ. Do đó, mốc lịch sử được lựa chọn phải có khung thời gian chứa đựng những giá trị này. Góc độ thứ hai của tính giá trị thể hiện ở chỗ mốc lịch sử phải có giá trị đánh dấu một *bước ngoặt* trong tiến trình lịch sử của Quảng Bình. Điều đó cho phép tiên lượng rằng, nếu không có hoặc không phải là mốc lịch sử ấy thì có thể diễn ra những xu hướng hoặc kết quả khác của tiến trình lịch sử hiện hữu.

Như vậy, có thể nói mốc lịch sử ra đời của tỉnh Quảng Bình *không chỉ là mốc đánh dấu một sự kiện lịch sử mà phải là mốc đánh dấu cả một tiến trình lịch sử xuyên suốt* nhiều thời kỳ lịch sử, hơn thế có thể là một cái mốc phản ánh một sự thay đổi về chất trong quá trình phát triển.

- *Tiêu chí 6: Phải có danh xưng.* Hiện tồn tại 2 danh xưng cần lưu ý khi lựa chọn là cấp *hành chính* và *địa danh* Quảng Bình, trong đó địa danh với *tên gọi Quảng Bình* là quan trọng và thiêng liêng nhất.

- *Tiêu chí 7: Tính tương đồng.* Về mặt lịch đại, tiêu chí này là tiêu chí tham khảo khi lựa chọn mốc lịch sử sao cho lịch sử ra đời *tương đồng* với *bề dày văn hóa, văn minh* hiện hữu trên địa bàn Quảng Bình, cụ thể hơn là những giá trị vật chất, văn hóa và những giá trị truyền thống khác mà cộng đồng cư dân Quảng Bình sáng tạo ra, tích lũy và trao truyền cho tới ngày nay.

Về mặt đồng đại, tiêu chí này khuyến nghị sự lựa chọn mốc lịch sử ra đời của Quảng Bình sao cho tương đồng với sự lựa chọn ở những *địa phương khác* trong nước có cùng tiến trình lịch sử và hoàn cảnh điều kiện phát triển kinh tế xã hội như Quảng Bình.

III^o - SOI CHIẾU VÀO LỊCH SỬ:

Từ cách đặt vấn đề, phương pháp tiếp cận và hệ thống các tiêu chí trên đây, soi chiếu vào tiến trình lịch sử Quảng Bình với những mốc lịch sử đặc trưng nhất tập hợp được từ các công trình biên khảo của các học giả cổ điển, những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong những thập kỷ gần đây có thể tóm lược những nét chính liên quan đến vấn đề lựa chọn mốc ra đời của Quảng Bình như sau:

1 - Tiến trình chung:

Ngoại trừ giai đoạn tiền sử và sơ sử là giai đoạn phát triển bản năng thì trên đại thể lịch sử Quảng Bình trải qua 5 thời kỳ phát triển lớn.

- *Thời kỳ thứ nhất:* Vùng đất Quảng Bình nằm trong tổ chức Việt Thường Thị (khác với Bộ Việt Thường thuộc quốc gia Văn Lang trong giai đoạn muộn hơn)(1).

- *Thời kỳ thứ hai:* Vùng đất Quảng Bình thuộc quốc gia Lâm Ấp được tính từ năm 192 là năm người Chăm-pa thiết lập các tiểu vương quốc trên vùng lãnh thổ từ nam Đèo Ngang trở vào.

- *Thời kỳ thứ ba:* Từ thế kỷ thứ XI đến đầu thế kỷ XVII là giai đoạn vùng đất Quảng Bình là biên ải phía nam của quốc gia Đại Việt.

- *Thời kỳ thứ tư:* Từ khi Nguyễn Hoàng khai phá, trấn ngự và thiết lập hệ thống hành chính Đàng Trong, mở mang vùng đất phương

nam cho tới trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đây là thời kỳ những cuộc di dân (mà nhiều người gọi là "nam tiến") dẫn đến quá trình định cư và hình thành cộng đồng làng xã khu vực miền Trung. Thời kỳ này có 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: thuộc các chúa Nguyễn và Tây Sơn

+ Giai đoạn 2: thuộc nhà Nguyễn

- *Thời kỳ thứ năm*: Từ Cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay

2 - So sánh các mốc lịch sử.

Xét trong tiến trình chung của 4 thời kỳ phát triển của lịch sử Quảng Bình, đối chiếu với 5 tiêu chí mà chúng tôi đề xuất trên đây có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, địa bàn Quảng Bình về mặt chính trị là khu vực tranh chấp còn về mặt văn hóa là khu vực đan xen, giao thoa cho nên có thể nói đây là khu vực có nhiều biến động nhất trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Sự biến động này diễn ra trên cả 3 phương diện: chính trị - chính thể, hành chính và văn hóa. Từ đặc điểm đó có thể nói không có một mốc lịch sử nào có được một nét cắt đồng đại trong đó lại có thể hàm chứa đầy đủ cả 7 yếu tố nói trên.

Thứ hai, cũng vì vậy, tiến trình lịch sử Quảng Bình không phải lúc nào cũng đồng hành với niên biểu của dân tộc nói chung và tất yếu có những khác biệt so với các địa phương khác trong nước, kể cả một số địa phương phụ cận với Quảng Bình.

Thứ ba, trong bối cảnh có nhiều biến động như vậy, đương nhiên có nhiều mốc lịch sử xuất hiện trong nhiều giai đoạn khác nhau mà cũng có ý nghĩa tương đồng nhau. Trong trường hợp như vậy chiều sâu, ý nghĩa và giá trị lịch sử lại thuộc về chiều kích lịch đại. Nói cách khác, trong trường hợp các mốc lịch sử có nhiều tiêu chí tương đồng nhau thì mốc lịch sử nào xưa nhất chính là mốc có khả năng hàm chứa nhiều giá trị nhất.

Từ cách nhìn nhận như vậy có thể có những mốc lịch sử sau đây được xem xét để lựa chọn một thời điểm lịch sử thích hợp, coi đó là ngày ra đời của Quảng Bình trên quan niệm chính thể.

Mốc 1069.

Đây là mốc đánh dấu sự kiện vùng lãnh thổ Quảng Bình từ chỗ là biên địa vương quốc Chăm-pa trở thành vùng đất Đại Việt⁽²⁾. Mốc lịch sử này thỏa mãn những tiêu chí sau đây:

+ Là mốc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc và Nam thuộc, mở đầu thời kỳ có chủ quyền và đấu tranh để bảo vệ chủ quyền trong thành phần quốc gia Đại Việt.

+ Là mốc khởi đầu, từ đó quá trình thực thi chính sách di dân lập ấp, khai phá ruộng đất và mở mang kinh tế của các triều đại phong kiến Việt Nam Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc... bắt đầu có hiệu quả kinh tế xã hội ở phía Nam. Hệ quả của chính sách này là sự hình thành dần dần những cơ sở ban đầu của hệ thống các làng xã sau này⁽³⁾.

+ Là mốc khởi đầu cho sự hình thành những tập quán văn hóa, mở đầu cho quá trình bồi đắp dần những giá trị vật chất và tinh thần để hình thành sắc thái văn hóa cho vùng đất sau này.

+ Từ mốc này, lịch sử Quảng Bình xét trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội chưa phải có tính liên tục nhưng đã có những thiên hướng mới và khác với sự phát triển tản mạn trước đó...

+ Là mốc có sự tương đồng với cách lựa chọn của nhiều địa phương khác như 1000 năm Qui Nhơn, 300 năm Sài Gòn, Đồng Nai, 300 năm Quảng Nam...

Tuy nhiên mốc lịch sử này vẫn có những mặt chưa thỏa mãn với những tiêu chí đã đề xuất, đó là:

+ Tại thời điểm lựa 1069 mọi yếu tố cấu thành nên một địa phương mới chỉ ở điểm xuất phát.

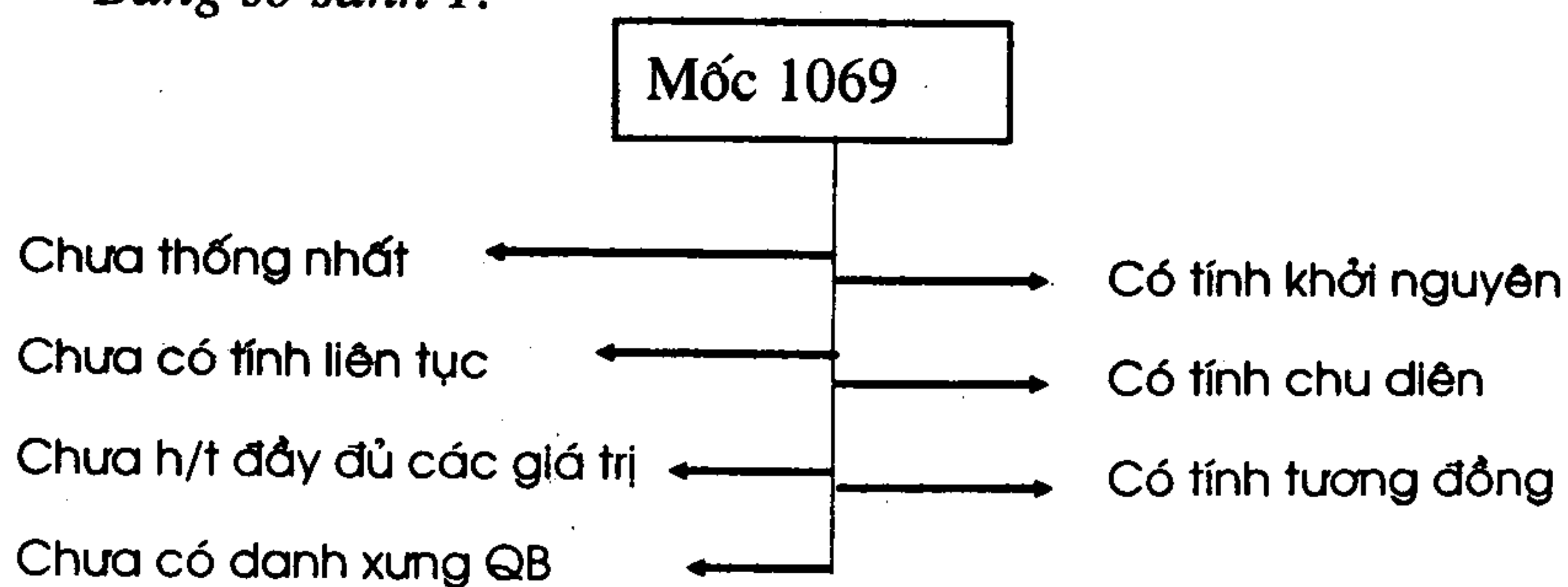
+ Tại thời điểm lựa 1069 vùng đất Quảng Bình chưa có một sự thống nhất về địa vực và giới hạn hành chính, đi kèm theo nó là giới hạn chủ quyền trong chính thể⁽⁴⁾.

+ Tại thời điểm lựa chọn chưa có một danh xưng phổ biến cho tới ngày nay là danh xưng Quảng Bình.

Như vậy, mặc dù trước thời điểm lịch sử 1069 trên vùng đất Quảng Bình đã có những thành phần khác nhau của cộng đồng cư

dân sinh sống nhưng nhìn trên tổng thể thì đến thời điểm lịch sử 1069 và liền đó là 1075 với sự kiện Nhà Lý chính thức xác lập chủ quyền thì vùng đất này mới có sự khởi đầu có hệ thống. Các giá trị của 4 thời điểm này thể hiện trên sơ đồ sau:

Bảng so sánh 1:



Mốc 1604.

Trước khi đề cập đến mốc 1604, cần thiết phải điểm qua một số diễn biến lịch sử diễn ra giữa 2 mốc 1069 và 1604 mà xét dưới một góc độ nào đó nó vẫn có ý nghĩa như một mốc lịch sử. Nhưng theo quan điểm cá nhân tôi thì nó chưa hội đủ những tiêu chí để tính là một mốc đánh dấu ngày ra đời của Quảng Bình. Đó là năm 1075 Lý Thường Kiệt vâng mệnh Lý Nhân Tông dựng đặt lại địa giới và đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình⁽⁵⁾. Yếu tố danh xưng "Bình" có từ đó, nhưng đây cũng chỉ là danh xưng thuần túy không có ý nghĩa cải cách và cũng không tạo ra những thay đổi xã hội gì lớn. Tiếp theo đó danh xưng này được lặp đi, lặp lại nhiều lần như Tân Bình (vào năm Long Khánh thứ 3 triều Trần Duệ Tông - 1375), Tây Bình vào thời nhà Hồ năm Thiệu Thành thứ 2 triều Hồ Hán Thương - 1402), rồi Tiên Bình thời Trung Hưng, năm đầu Hoằng Định - 1600)⁽⁶⁾ v.v... với những cấp và thuộc lệ hành chính như lộ, phủ, châu, trấn... Hầu hết các mốc lịch sử này đều phiến diện bởi không phải là đơn vị có phạm vi ranh giới bao quát phần lớn vùng đất Quảng Bình sau này hoặc chỉ là sự thay đổi danh xưng hay phiên hiệu hành chính mà thôi. (Riêng cuộc tổng trắc đạc, điều tra và lập bản đồ trong cả nước được thực hiện dưới thời Hồng Đức thứ 9, triều Lê Thánh Tông, năm Kỷ Sửu - 1469 thì phủ Tân Bình được khôi phục và bao gồm 2 huyện Lệ

Thủy, Khang Lộc và 2 châu Minh Linh và Bố Chính tức là cương vực đã bao gồm toàn bộ địa vực Quảng Bình ngày nay)⁽⁷⁾.

Năm 1604, sau khi thiết lập chính quyền cát cứ phía nam, Nguyễn Hoàng thống nhất lại các đơn vị hành chính thuộc quyền và chính thức đặt tên mới cho vùng đất phủ Tân Bình cũ là phủ Quảng Bình.

Soi chiếu và tiến trình phát triển của lịch sử Quảng Bình trong cả 4 thời kỳ thì mốc lịch sử này thỏa mãn những tiêu chí sau đây:

- + Là mốc khởi nguyên cho việc thiết lập một cách toàn diện vùng đất phía Nam trong đó có Quảng Bình. Không thể nói đến sự phát triển của một nửa phái Nam của tổ quốc mà lại không tính đến công khai phá, tạo lập, dựng đặt của Chúa Nguyễn với sự khởi nghiệp của Nguyễn Hoàng, trong đó Quảng Bình là mảnh đất tiền đồn phía Bắc đã được gọi đúng danh xưng của nó từ năm 1604.

- + Là mốc đã hoàn thiện tổ chức cộng đồng. Hệ quả của chính sách khẩn hoang và khuyến nông diễn ra trong hơn một nửa thiên niên kỷ với sự phát triển điển trang, thái ấp dưới thời Lý, Trần, chính sách khẩn hoang lập ấp dưới thời nhà Lê. Đến đầu thế kỷ 15 cộng đồng dân cư ở vùng đất Quảng Bình cơ bản đã ổn định. Những công trình nghiên cứu về làng xã được công bố đều cho thấy hầu hết các làng xã ở khu vực này có khoảng trên dưới 500 năm tuổi⁽⁸⁾.

- + Là mốc đã tương đối ổn định các hình thái văn hóa cộng đồng trong đó nổi bật là văn hóa làng và các phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng⁽⁹⁾.

- + Là mốc có sự tích lũy và định hướng các giá trị tinh thần truyền thống kết tinh từ hơn 5 thế kỷ đấu tranh chống ngoại xâm, đấu tranh trong nội bộ cộng đồng để tạo lập trật tự truyền thống, đấu tranh với thiên nhiên để tồn tại, cùng với nó là quá trình xây đắp các giá trị trong đời sống cộng đồng.

- + Là mốc đã có sự ổn định về hệ thống hành chính. Chúng tôi không phủ nhận một hệ thống hành chính bao trùm lên toàn bộ vùng đất Quảng Bình đã được thiết lập từ năm 1469 dưới thời Hồng Đức, (hoặc như sách Đại Nam nhất thống chí chép là năm Vĩnh Lạc thứ 5 - khoảng 1420?), nhưng phải đến năm 1604 hệ thống hành chính này

mới bình đẳng giữa các châu, phủ với nhau⁽¹⁰⁾.

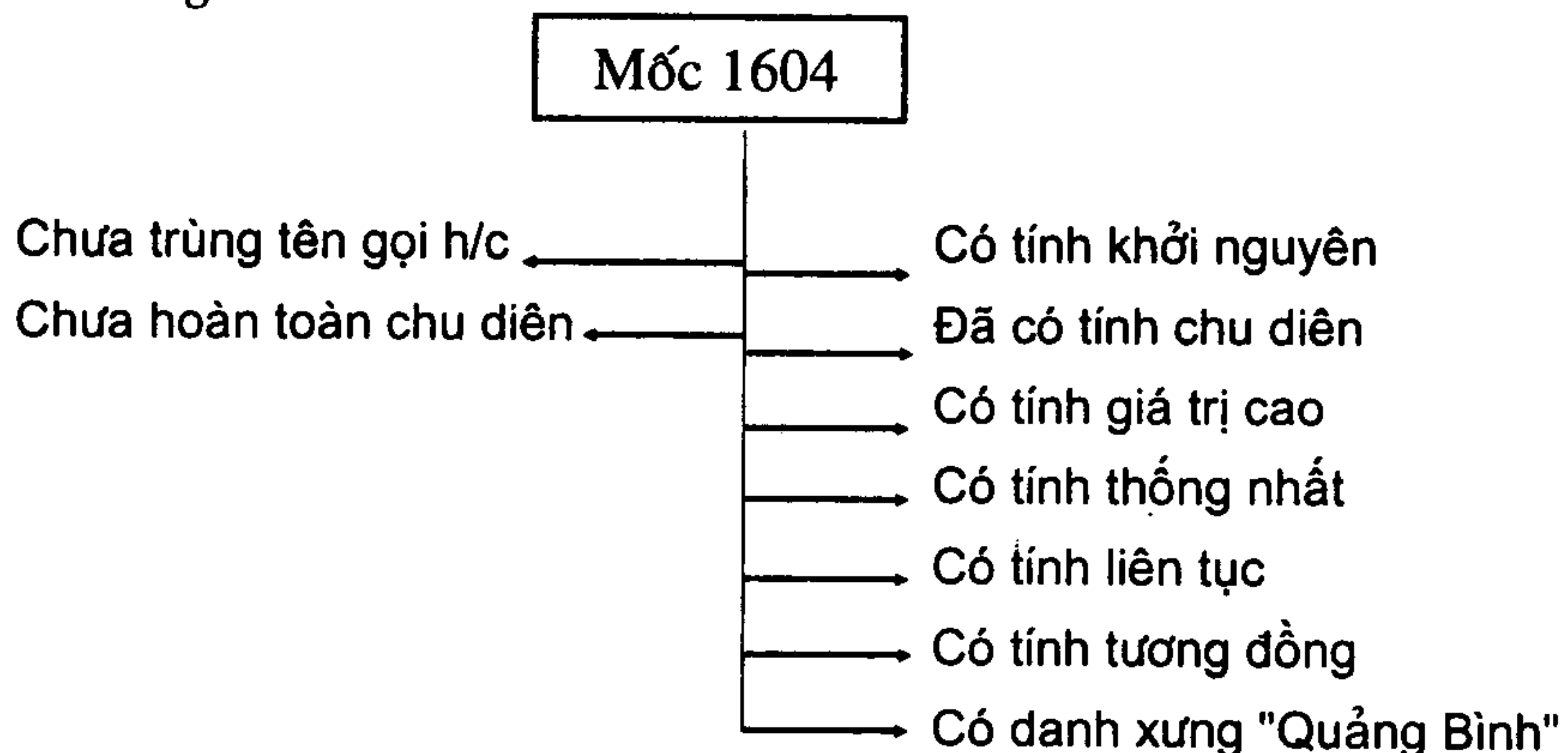
+ Là mốc có danh xưng "Quảng Bình" cho tới ngày nay⁽¹¹⁾.

Tuy vậy mốc lịch sử này còn chưa thỏa mãn 2 yếu tố sau:

+ Chưa thỏa mãn một cách tuyệt đối tên gọi phiên hiệu hành chính đang dùng hiện nay là "tỉnh"

+ Chưa chu diên tất cả các nội dung lịch sử phổ biến của Quảng Bình, nhất là phong trào đấu tranh chống ngoại xâm diễn ra trước đó.

Bảng so sánh 2:



Mốc 1831:

Trước khi bàn đến mốc 1831 cũng cần điểm lại một vài diễn biến xảy ra trong thời đoạn từ 1604 đến mốc lịch sử này.

Năm 1633, Hy Tông Hiếu Văn hoàng đế sai tướng Nguyễn Đình Hùng đem quân đánh chiếm Nam Bố Chính, thống nhất vùng đất phía nam Quảng Bình ngày nay dưới tên gọi là dinh Quảng Bình. Vào năm Tân Dậu - 1681 thế tổ Cao hoàng đế Thái Tông Nguyễn Phúc Tần lấy lại Bắc Bố Chính và thống nhất toàn bộ lãnh thổ địa vực Quảng Bình ngày nay dưới danh xưng là Dinh Quảng Bình. Đây là mốc có sự thống nhất tương đối toàn vẹn địa vực Quảng Bình ngày nay. năm 1806 Gia Long tổ chức lại các đơn vị hành chính trong cả nước, đặt Quảng Bình dưới phiên hiệu hành chính mới là Quảng Bình doanh. Năm 1827, Minh Mạng đổi làm trấn Quảng Bình⁽¹²⁾.

Cũng như giai đoạn trước năm 1604, những mốc lịch sử trên đây

có thỏa mãn một số tiêu chí nhất định nhưng không thỏa mãn các tiêu chí phổ biến cho việc xác định mốc lịch sử thành lập tỉnh.

Trong một tương quan như vậy, mốc 1831 có những yếu tố sau đây cần được lưu ý.

+ Yếu tố nổi trội nhất của mốc lịch sử này là danh xưng. Lần đầu tiên Quảng Bình có một danh xưng trọn vẹn cả về tên riêng "Quảng Bình" lẫn tên gọi phiên hiệu hành chính là "tỉnh", trùng với danh xưng hiện nay là "tỉnh Quảng Bình".

+ Địa vực, giới hạn hành chính của tỉnh Quảng Bình vào thời điểm này trùng với giới hạn hành chính của tỉnh Quảng Bình hiện nay.

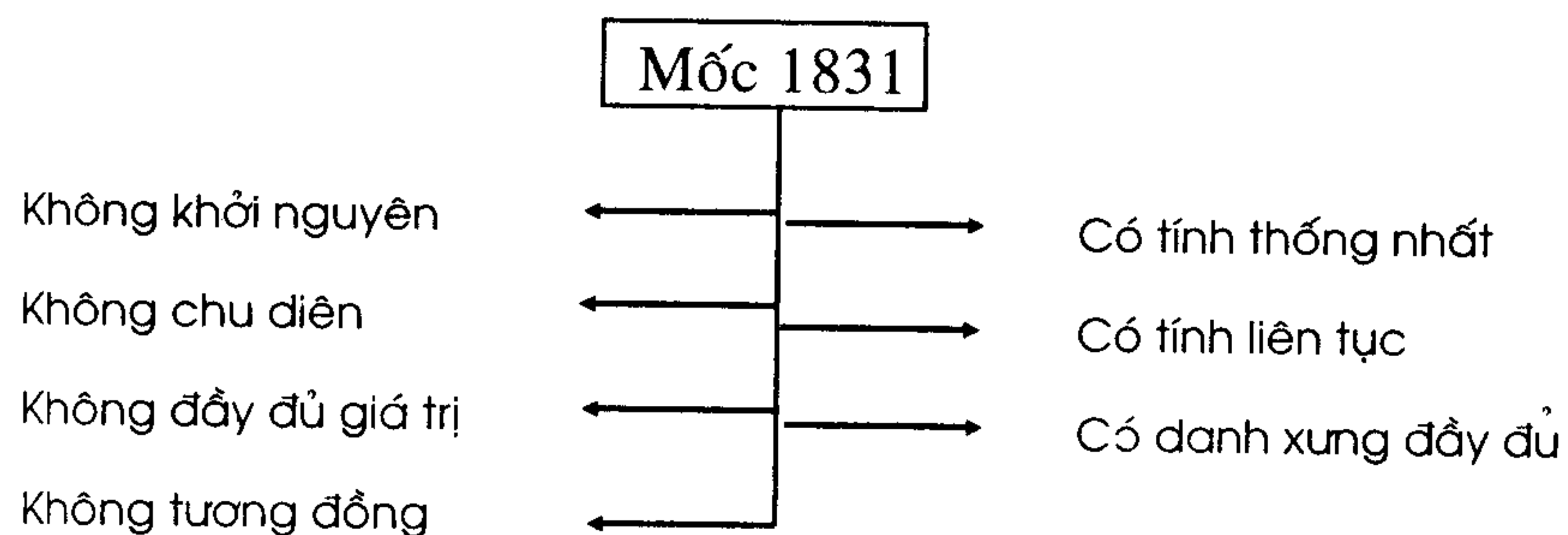
+ Mốc lịch sử này tương đồng với sự lựa chọn của một vài tỉnh phía Bắc nước ta hiện nay như Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Tĩnh...

Tuy nhiên, mốc lịch sử này lại có một số hạn chế sau đây:

+ Không phải là mốc khởi nguyên của quá trình hình thành và phát triển của Quảng Bình, nghĩa là không phù hợp với thời điểm khai thiết tạo dựng nên vùng đất và hình thành cộng đồng dân cư Quảng Bình.

+ Không chu diên các yếu tố hình thành nên cộng đồng dân cư, hình thái kinh tế, các giá trị tinh thần truyền thống và tiến trình phát triển lịch sử cộng đồng trong đó có tiến trình hình thành và ổn định hệ thống làng xã.

Bảng so sánh 3:



Mốc 1945

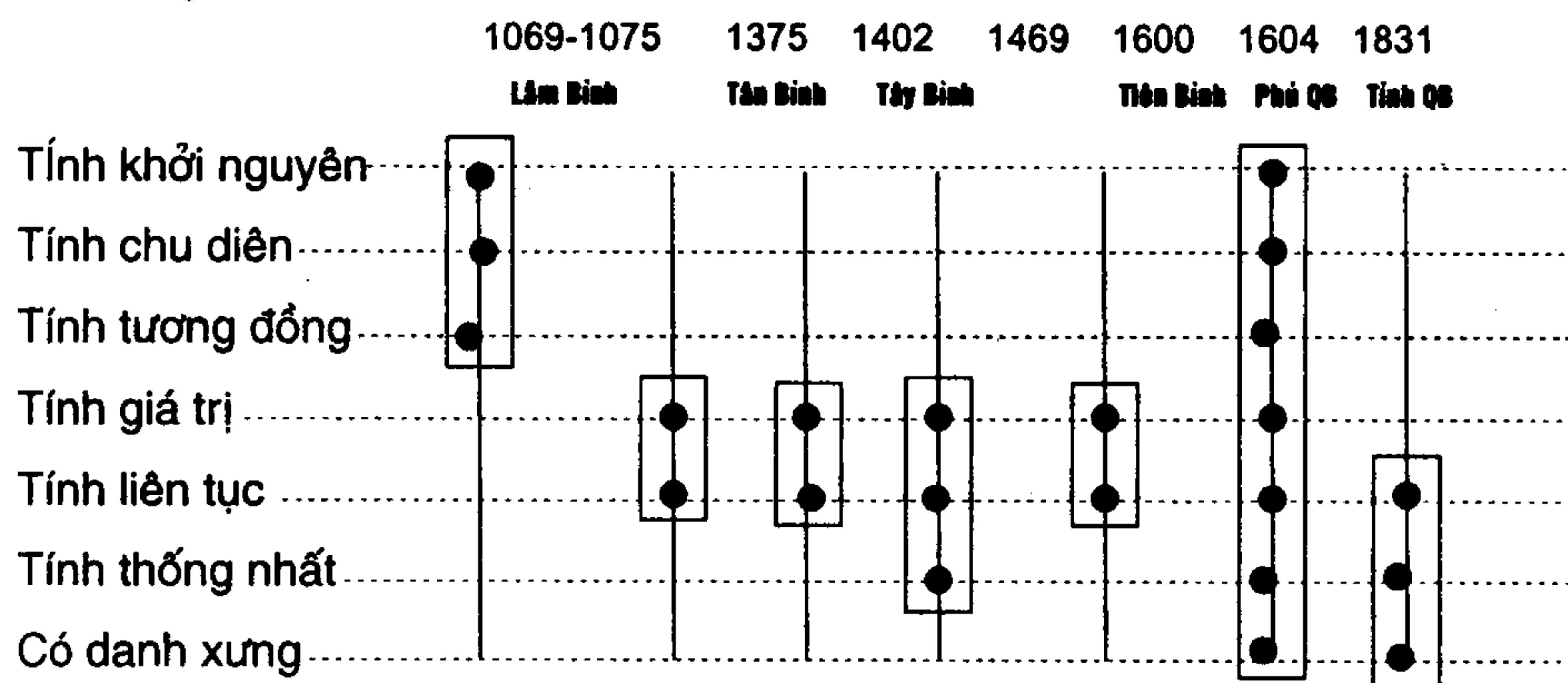
Mốc lịch sử khởi đầu từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc hội gôn đủ tất cả các tiêu chí cho việc xác định một sự kiện lịch sử trong đó tiến trình lịch sử có sự nhảy vọt về chất. Tuy vậy để coi đó là mốc đánh dấu sự ra đời của một địa phương có quá trình lịch sử lâu đời như Quảng Bình thì mốc năm 1945 lại không thỏa mãn tiêu chí khởi nguyên, tiêu chí chu diên các giá trị và tiêu chí tương đồng. Tóm lại, mốc này quá muộn so với bề dày lịch sử Quảng Bình.

IV - TRANH BIỆN VÀ LỰA CHỌN

Soi chiếu vào tiến trình lịch sử Việt Nam và đặc điểm phát triển của Quảng Bình trong cả hai chiều kích đồng đại và lịch đại chúng tôi cho rằng việc lựa chọn một ngày kỷ niệm thật sự có ý nghĩa cho một vùng đất đã được các thế hệ tiền bối dày công "khai thiên, phá thạch", dựng đất và đắp xây cơ nghiệp để có ngày hôm nay không thể không nhấn mạnh những đặc thù mà vùng đất này chứa đựng trong lòng nó và không ngừng bồi đắp, tích lũy qua thời gian nhưng lại không mâu thuẫn với mục tiêu cụ thể của sự lựa chọn một ngày kỷ niệm cụ thể, trong một không gian và thời gian cụ thể, có một căn nguyên cụ thể.

Không thể phủ nhận giá trị những dấu tích văn hóa tiền sử và sơ sử đã được phát hiện trên đất Quảng Bình. Không thể không thừa nhận những giá trị to lớn của Văn hóa Chăm-pa trong hơn một thiên niên kỷ tồn tại trên mảnh đất này. Cũng không thể không đề cao những giá trị văn hóa mà các tộc người và các cộng đồng dân cư khác đã đóng góp cho Quảng Bình trong quá trình giao thoa văn hóa theo dòng chảy lịch sử. Thế nhưng chúng ta cũng có thể dễ dàng chấp nhận với nhau rằng từ thời điểm trước năm 1069, những giá trị văn hóa nói trên còn rất tản mạn. Chỉ từ thời đoạn bắt đầu từ 1069, hình hài của vùng đất Quảng Bình mới bắt đầu được tạo dựng và vun đắp. Từ cách lý giải như vậy, tôi cho rằng trọng tâm xem xét để lựa chọn ngày khai sinh cho Quảng Bình chỉ nên cân nhắc trong giới hạn từ năm 1069 cho tới nay mà thôi.

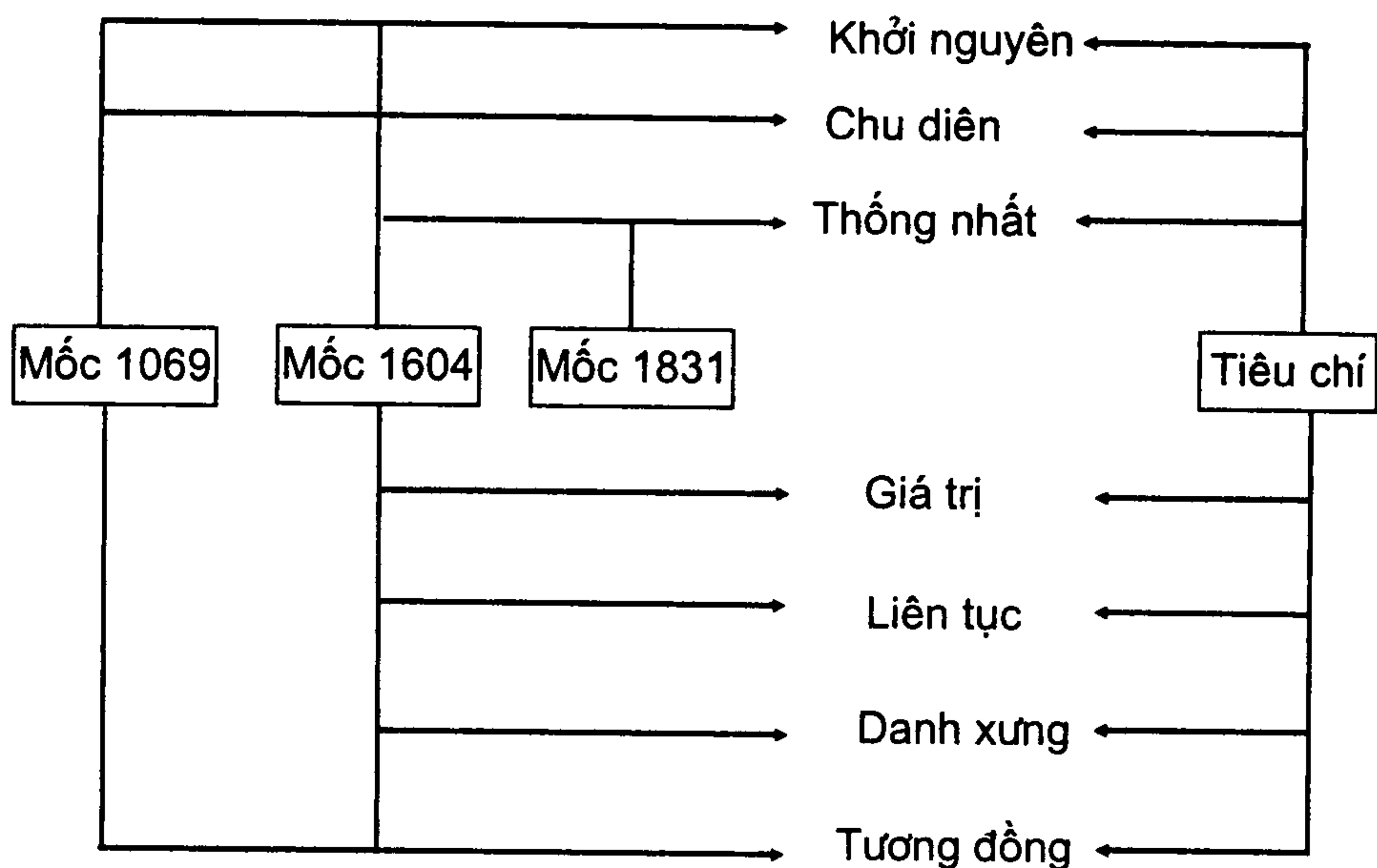
Bảng so sánh 4:



Tôi cho rằng có hai cái thiêng liêng nhất cần phải hết sức tôn trọng khi lựa chọn mốc lịch sử. Đó là *thời điểm thiêng liêng* và *tên gọi thiêng liêng*. Theo tôi, mốc lịch sử 1069 có thể được coi là một "thời điểm thiêng" vậy.

Với quan niệm đó, tôi cho rằng từ sau thời điểm năm 1069 có rất nhiều mốc có sự hiện diện của yếu tố *thiêng* khác, trong đó *danh xưng "Bình"* được coi như một phần của *tên gọi thiêng* đã đi cùng với lịch sử Quảng Bình qua nhiều giai đoạn.

Trên nguyên tắc phương pháp luận khoa học, khi xem xét một hiện tượng lịch sử phải tách riêng các yếu tố cấu thành của đối tượng để khảo sát và phát hiện những thuộc tính riêng biệt của nó nhưng khi đánh giá bản chất và vai trò lịch sử của sự kiện thì phải đặt nó trong hệ thống vốn có của nó thì đối tượng lịch sử mới bộc lộ đầy đủ các giá trị. Vì vậy, khi xếp tất cả các mốc lịch sử đã viện dẫn trên đây, với thành tâm đi tìm *cái thiêng liêng* ở trong tâm thức người Quảng Bình, chúng tôi đã có cơ sở để dừng lại phân tích trên 3 mốc lớn đáng lưu ý, thứ nhất là mốc 1069, thứ hai là mốc 1604, thứ 3 là mốc 1831. Chúng tôi muốn lưu ý lại quan điểm của chúng tôi về cách tiếp cận đã dẫn ở đầu bài này với sự lựa chọn trên nguyên tắc tôn trọng tâm thức của cộng đồng thì trong cả 3 mốc đã dẫn trên đây, mỗi mốc đều có ít nhất một *yếu tố riêng* cùng tồn tại trong đời sống tinh thần cộng đồng qua hàng thế kỷ. Để nhìn nhận một cách trực diện những giá trị của những thời điểm lịch sử này, xin được trình bày nội dung của các mốc lịch sử đó trên biểu đồ so sánh các tiêu chí



sau đây.

Từ những tiêu chí tổng hợp trên sơ đồ này, có thể nhận ra rằng mốc lịch sử 1831 không thỏa mãn đầy đủ các điều kiện để lựa chọn là mốc thành lập Quảng Bình bởi lẽ nó chỉ thỏa mãn rất ít các tiêu chí. Tuy mốc lịch sử này mang đầy đủ tên gọi "tỉnh Quảng Bình" nhưng chỉ là tên gọi thuần túy có ý nghĩa như một công việc cải sửa danh xưng chứ không đánh dấu một giai đoạn hay một bước phát triển của xã hội. Nếu chọn mốc này, lịch sử Quảng Bình sẽ mất đi mấy trăm năm hình thành những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần, mất đi phần cội nguồn của việc khai phá, mở mang vùng đất phía nam của quốc gia, mất đi tính hệ thống của tiến trình lịch sử. Đặc biệt trong hệ thống làng xã, nơi tồn chứa các giá trị truyền thống của cộng đồng sẽ không được coi như một yếu tố chỉnh thể cấu thành cộng đồng.

Vì những lẽ trên, mốc 1831 không thể là mốc đánh dấu việc thành lập tỉnh Quảng Bình.

So sánh trong 2 mốc còn lại đã được đưa ra tuyển chọn (1069 và 1604) thì *tính trội* và *tính thiêng* cả hai mốc này đều có, cho nên cả

hai mốc này đều có tính thuyết phục ở những mức độ nhất định. Tôi bày tỏ sự đồng tình của mình nếu một trong hai mốc này được chọn là ngày thành lập tỉnh Quảng Bình. Nhưng trong căn nguyên khoa học và trong tâm thức văn hóa mà tôi cảm nhận được từ đời sống cộng đồng thì mốc 1604 là mốc có tính thuyết phục cao hơn cả. Tuy trong cả 2 mốc 1069 và 1604 có chứa đựng một vài yếu tố chung như sự khởi nguyên, tính giá trị và tính tương đồng, nhưng so sánh mức độ tiềm chứa các tiêu chí trong 2 mốc này, tôi cho rằng có đủ căn nguyên nhân tiên không thể chối cãi để lựa chọn mốc Chúa Tiên - Thái Tổ Nguyễn Hoàng khai thiết đất "Hoành Sơn nhất đái" dựng lập đơn vị hành chính Quảng Bình vào năm 1604 là mốc thiêng để vùng đất này chính thức mang danh xưng Quảng Bình đi vào lịch sử.

Những căn nguyên đó là:

Thứ nhất, cả hai mốc 1069 và 1604 đều có tính khởi nguyên nhưng mốc 1069 chỉ là đánh dấu sự trở lại, sự sát nhập vào quốc gia Đại Việt của vùng đất này, còn mốc 1604 có giá trị cao hơn nhiều bởi lẽ nó đánh dấu sự mở đầu khai phá và tiền đề phát triển cho vùng đất phía Nam.

Thứ hai, năm 1069 Lý Thường Kiệt chỉ mới làm được công việc đánh bại quân Chăm-pa, sát nhập vùng đất Quảng Bình chứ chưa có đủ điều kiện để tập trung giải quyết những vấn đề nội trị. Vì vậy, các thành tố hình thành nên địa bàn một tỉnh chưa chu diên trong giai đoạn này, địa bàn dân cư bị phân tán do quá trình di dân đang diễn ra, địa bàn hành chính chưa thống nhất (đang bao gồm cả châu Bố Chính, Lâm Bình và Ma Linh). Từ mốc lịch sử 1604 tình trạng này không còn nữa. Quần thể dân cư đã hoàn thành cơ bản việc tổ chức cộng đồng. Hệ thống hành chính được gọi là phủ Quảng Bình đã bao gồm cả Bố Chính và Tân Bình cũ. Phủ lại có 2 đơn vị huyện và 2 châu trực lệ nên có cấp độ như là tỉnh trong hệ thống hành chính. Như vậy từ thời điểm 1604 lịch sử Quảng Bình không chỉ chu diên các yếu tố cấu thành mà đồng thời các yếu tố đó cũng tồn tại trong một thể thống nhất.

Thứ ba, nếu sau thời điểm 1069 tiến trình lịch sử Quảng Bình vẫn

còn những phân chia, gián đoạn trong đó bao hàm cả sự không ổn định chính trị do các cuộc chiến tranh ngoại xâm và nội chiến, thì từ sau 1604 dòng chảy lịch sử trên tất cả các phương diện đều diễn ra *liên tục và thống nhất* về cơ bản. Tiến trình lịch sử chuyển giao và thay đổi từ các Chúa Nguyễn đến Nhà Tây Sơn, qua dòng họ Nguyễn là một quá trình chuyển giao hợp qui luật. Và, tiến trình phát triển kinh tế xã hội ở địa vực phía nam đất nước khi Nguyễn Hoàng vào gây dựng cơ nghiệp là một tiến trình *phát triển liên tục trong một truyền thống* đã định hình.

Thứ tư, các giá trị tinh thần truyền thống mà cộng đồng cư dân Quảng Bình có được hôm nay có nguồn gốc trong lịch sử tồn tại lâu đời của nhiều thế hệ cư dân Quảng Bình nhưng trong giai đoạn từ 1069 đến trước 1604 các quá trình đan xen và giao thoa văn hóa mới chỉ diễn ra, nên các giá trị truyền thống mới chỉ bắt đầu hình thành chứ chưa được khẳng định. *Các giá trị đó chỉ được hội tụ bồi đắp và hình thành nên sắc thái phổ biến và đặc thù trong giai đoạn cộng đồng dân cư đã ổn định. Giai đoạn đó trùng hợp với thời kỳ khai phá và tạo lập của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng.* Đó cũng là giai đoạn mở đầu một cơ nghiệp mà trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm từng khuyên là dải đất "... vạn đại dung thân". Quá trình hình thành những giá trị cộng đồng trong đó đậm nét nhất là cộng đồng làng xã, quá trình định cư và ổn định kinh tế - xã hội trên toàn bộ địa bàn *chỉ bắt đầu một cách có hệ thống từ mốc 1604.*

Thứ năm, trong dòng chảy lịch sử Quảng Bình, chỉ đến năm 1604 mới xuất hiện danh xưng Quảng Bình. Danh xưng đó tồn tại cho tới ngày nay.

Thứ sáu, mốc lịch sử này tương đồng với cách lựa chọn của nhiều địa phương trong cả nước có đặc điểm, tiến trình phát triển tương ứng như Sài Gòn, Đồng Nai, Qui Nhơn, Quảng Nam v.v... Đó là những vùng đất được khai phá sau Quảng Bình và họ đã chính thức tuyên bố hàng trăm năm tồn tại của họ.

Tùy thuộc vào quan niệm về tiêu chí mà mỗi người có cách lựa chọn riêng của mình và tôi tin vào sự lựa chọn vốn đã rất thận trọng

của các nhà khoa học. Nhưng với những gì mà tôi luận giải trên đây đã cho tôi đủ sự yên tâm để đề xuất chọn mốc 1604 là năm thành lập tỉnh Quảng Bình. Vấn đề cuối cùng đặt ra là ngày nào trong năm ấy? Tôi nghĩ có thể chờ đợi sự tra cứu đầy đủ của những nhà tư liệu học, nhưng cũng có thể lựa chọn cách mà Thủ đô Hà Nội đã làm là chọn một ngày có ý nghĩa gắn gũi cho cả nghìn năm của mình - ngày Hà Nội vĩnh viễn giải phóng khỏi ngoại bang. Tôi muốn lưu lại vấn đề này để rộng đường trao đổi.

Tiến trình lịch sử luôn luôn tồn tại khách quan. Nhưng việc lựa chọn một mốc lịch sử để ghi nhận một tiến trình lịch sử phục vụ cho một mục đích xã hội, hay lợi ích cộng đồng là công việc chủ quan. Vị trí và góc nhìn có thể còn quá hạn hẹp của chúng tôi chưa chắc đã mang lại được điều gì bổ ích trong tham luận này. Hy vọng những điều đông dài nói ra khả dĩ góp một hạt cát nhỏ cho sự sàng lọc đầy ý nghĩa hôm nay.

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB KHXH.H.1973.Tr.275

(2) Theo Cadriere trong *Địa lý, lịch sử Quảng Bình* thì việc di dân từ phía Bắc vào khu vực địa bàn Quảng Bình ngày nay bắt đầu diễn ra vào thời vua Lý Nhân Tông.

(3) *Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử*. TVQB xuất bản. 1998. Tr.104

(4) Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd. Tr.278

(5) *Phủ biên tạp lục*. Dẫn theo "Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử". Sdd. Tr.105

(6) *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam nhất thống chí*, quyển 2. Dẫn theo "Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử". Sdd. Tr.189

(7) *Cadriere*. Sdd. Tr.11

(8)(9) Dương Văn An. *Ô châu cận lục* (tân dịch, hiệu chú). Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc hiệu đính - dịch chú. NXB Thuận Hóa, 2001. Tr.41-90

(10)(11) Xem - *Phủ biên tạp lục*. Sdd. Tr.190

(12) *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình*. Lương Duy Tâm sưu tầm và biên soạn. Bảo tàng Quảng Bình xuất bản. Tr.48-49

DÙ SAO CŨNG PHẢI CÓ MỘT THỜI ĐIỂM KHAI SINH

Th.S NGUYỄN HỮU THÔNG
NGUYỄN PHƯỚC BẢO ĐÀN (*)

I - LỜI MỞ

Quảng Bình với vấn đề nghiên cứu thời điểm khai sinh hiện nay, dù với tư cách là tổ chức hành chính cấp tỉnh, tương đương cấp tỉnh, hay lịch sử một vùng đất, nói chung đều khá thuận lợi. Những thông tin được trình bày trong nhiều dạng sử liệu thời phong kiến của Việt Nam, đủ cho chúng ta tin cậy, và hoàn toàn không phải bàn cãi nhiều trên những mốc lịch sử quan trọng liên quan đến Quảng Bình. Nhưng cũng chính vì có quá nhiều mốc lịch sử quan trọng và có ý nghĩa như vậy, nếu không nhầm, chúng tôi cho rằng đó là lý do có buổi Hội thảo với những nội dung chúng ta cần thảo luận hôm nay.

Từ khi tịch nhập vùng đất Quảng Bình bây giờ vào cương giới Đại Việt, nó đã trải qua nhiều biến động thăng trầm mang không ít những tên gọi khác nhau. Một số các mốc điểm chúng ta lựa chọn sau đây dù sao cũng xuất phát từ những suy nghĩ và chọn lọc chủ quan, dựa trên một số yếu tính mang chất đặc trưng của sự kiện và trong tương quan so sánh với hàng loạt các thời điểm đáng để quy chiếu khác.

Chúng ta từng biết đến vùng đất này với các tên gọi như châu Bố Chính, Lâm Bình, Minh Linh dưới thời Lý; Phủ Lâm Bình sau đó lại đổi sang Phủ Tân Bình rồi Lộ Tân Bình dưới thời Trần; lại có tên Trấn Tây Bình vào thời nhà Hồ; trở lại Phủ Tân Bình vào thời thuộc Minh; Lộ Tân Bình thời Lê. Sau nữa còn mang một số tên khác như

(*) Phân viện nghiên cứu Văn hóa Nghệ Thuật tại Thành Phố Huế

Phủ Tiên Bình, Phủ Quảng Bình, Dinh Quảng Bình, Trấn Quảng Bình, Tỉnh Quảng Bình...

Cụ thể hóa những mốc lịch sử có căn cứ và được thừa nhận rộng rãi bấy lâu, chúng tôi thấy nổi lên mấy thời điểm quan trọng đáng thảo luận ở đây, liên quan đến Quảng Bình:

+ Thời điểm 1069: Với việc tịch nhập 3 châu vùng cực Bắc vương Quốc Chămpa về với Đại Việt.

+ Thời điểm 1075: Vùng đất Quảng Bình trở thành tổ chức hành chính phía Nam được thiết lập đầu tiên trong guồng máy nhà nước phong kiến Đại Việt.

+ Thời điểm 1604: Chính thức khai sinh tên gọi Quảng Bình.

+ Thời điểm 1831: Sự ra đời của tỉnh Quảng Bình.

Tất cả các mốc lịch sử nêu trên đều có lý do tồn tại và đều đáng trở thành những "ứng cử viên" sáng giá để chúng ta chọn làm mốc khai sinh chính thức cả. Tuy nhiên, theo chúng tôi, mỗi thời điểm đều nổi trội lên một số phương diện mạnh và có một ý nghĩa riêng so với các thời điểm còn lại. Cho nên, vấn đề đặt ra là quan điểm xây dựng hệ chuẩn, cũng như thống nhất các tiêu chí của chúng ta trong việc chọn mốc thời điểm như thế nào.

Ở đây, chúng ta có thể hình thành hệ chuẩn dựa trên các tiêu chí như: tính chính danh, ổn định, liên tục, tiêu biểu và phải là một đơn vị tương đương trong hệ quy chiếu trên phạm vi rộng... Công việc này có lẽ có nhiều báo cáo tham gia.

Ở đây, chúng tôi muốn đặt vấn đề mốc điểm ra đời của vùng đất này trên 3 tư cách căn xác nhận:

- Sự tịch nhập vùng đất Quảng Bình ngày nay vào cương vực của nhà nước Đại Việt.

- Điểm ra đời của tên gọi Quảng Bình.

- Sự có mặt của tỉnh Quảng Bình trong lịch sử.

Và rõ ràng trong 3 yếu tố nêu trên, yếu tố nào chúng ta đặt lên hàng đầu thì thời điểm lịch sử tương đương sẽ gắn liền với nó. Và tất nhiên, không thể có một khoảng thời gian cụ thể bao hàm cả ba tư

cách như đã nêu.

II - Ý NGHĨA CỦA TỪNG THỜI ĐIỂM CHỌN LỰA

- Về mốc lịch sử của vùng đất Quảng Bình tịch nhập vào cương vực của nhà nước Đại Việt. Ở đây, chúng ta có hai thời điểm 1069 và 1075.

Mốc 1069 nặng chất thiêng liêng đối với lịch sử Nam tiến của dân tộc ta. Vùng đất Quảng Bình trong thời điểm này có một giá trị đặc biệt quan trọng, đó chính là vùng đất phương Nam đầu tiên trong lịch sử trở thành một phần máu thịt của tổ quốc. Người Quảng Bình, đất Quảng Bình chính là biểu tượng cho sự tiên phong vẻ vang vào một thời điểm mà đất nước rất cần sự ổn định mặt Nam, một khu đệm an toàn, tất yếu và cần thiết để có thể vững tâm đối phó với kẻ thù to lớn không cân sức ở mặt Bắc, luôn đe dọa đến nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước nhà.

Mốc 1075 chính là thời điểm thể chế hóa vùng đất mới tịch nhập, một đơn vị hành chính chính thống có mặt trong tổ chức của nhà nước phong kiến Đại Việt. Vùng đất Quảng Bình vào thời điểm này tồn tại trong lịch sử với tư cách là một bộ phận với tên gọi là Châu trong mối tương quan bình đẳng với các tổ chức hành chính khác.

- Mốc 1604: Hai tiếng Quảng Bình thân thuộc với người dân vùng đất này bắt đầu xuất hiện trong sử sách với tư cách là một Phủ gồm 3 huyện (Minh Linh, Khang Lộc, Lệ Thủy) và Châu Nam Bố Chính bao gồm 20 xã, 28 thôn, 80 phường và 11 trang.

Trước những biến động, giao động và bất ổn về địa danh hành chính như Lâm Bình, Tân Bình, Tiên Bình... trước đó, thời điểm này, Quảng Bình mới thực sự tồn tại với cái tên ổn định của mình cho đến ngày hôm nay, cho dù sau này vào triều đại các vua Nguyễn, có những thời gian ngắn nơi đây được đổi thành Dinh hay Trấn thì tên gọi Quảng Bình vẫn tiếp tục hiện diện trong cả lịch sử lẫn lòng người.

- Mốc 1831: Quảng Bình thực sự được gọi với tư cách đơn vị hành chính *Tỉnh*. "Quảng Bình tỉnh" mang đầy đủ ý nghĩa của cả 3 từ như

vậy gắn liền với thời điểm
tỉnh được tiến hành một c
Và rõ ràng chúng ta có th
Tỉnh Quảng Bình từ mố

III - ĐÔI ĐIỀU SU

Lịch sử một vùn
không thể nào cùn
lịch sử đất nước, l
này cũng không
dài kể cả mố
vương quốc Chăm, n
thậm chí là thuộc cương vực Au
nên, đặt vấn đề nghiên cứu quá trình lị
hình thành vùng đất Quảng Bình hôm nay, chu
lựa từ rất nhiều thời điểm khác nhau, và, cái khó là
cũng có vài cái lý của nó. Chính vì vậy, thật không đơn giản
một lời đáp được thừa nhận rộng rãi.

Vấn đề đáng cân nhắc ở đây là việc chọn thời điểm ra đời của
Quảng Bình với tư cách là đơn vị hành chính tỉnh hay tương đương
với cấp tỉnh. Trong lúc chúng ta thấy một đặc điểm là có thể tìm
được dễ dàng các tổ chức hành chính tương đương mà nơi này đã
từng trải qua, mang nhiều tên gọi khác nhau trải dài suốt 500 năm
(thế kỷ XIV đến thế kỷ XIX) với Châu, Phủ, Trấn, Lộ, Dinh... cho
đến lúc xuất hiện tên gọi **Quảng Bình Tỉnh** vào 1831 dưới triều
Minh Mạng. Thực ra nếu đối sánh cương vực Quảng Bình tỉnh ở thời
điểm này hoặc thậm chí trước và sau đó, chưa bao giờ có sự trùng
khớp với ranh giới Quảng Bình hiện tại, bởi, sự giao động của vùng
Nam Hà Tĩnh và Bắc Quảng Trị như những đơn vị **đạo** trong quá
trình tách và nhập vào Quảng Bình ở những thời điểm khác nhau.
Chính vì vậy, việc bàn đến một đơn vị hành chính trùng khớp với
tỉnh Quảng Bình hiện tại là không nên đặt ra. Và nếu như thế, việc
chấp nhận sự tương đương dù hơi khiên cưỡng trong một số trường

hợp giữa Tỉnh với Châu, Phủ
nhiều thời điểm để dùng lại
và ai cũng có cái lý để b
Theo chúng tôi, thời
là quá muộn, nếu nh
của từ tỉnh đi k
nhận những thời
hệ xuất hiện.
Tân Bình
chưa đủ
Danh X
vùng
ch
UYỄN TÚ(*)
Địa
tỉnh
thời

hợp giữa Tỉnh với Châu, Phủ, Trấn, Lộ, Dinh,... thì quả là có quá nhiều thời điểm để dừng lại chiêm nghiệm mốc thời gian khai sinh... và ai cũng có cái lý để bảo vệ quan điểm của mình.

Theo chúng tôi, thời điểm ra đời tỉnh Quảng Bình vào năm 1831 là quá muộn, nếu như chúng ta không quá câu nệ vào sự xuất hiện của từ tỉnh đi kèm với danh xưng *Quảng Bình*. Nhưng nếu chấp nhận những thời điểm sớm hơn 1604 thì danh xưng Quảng Bình chưa hề xuất hiện.

Tân Bình, Tây Bình, Tiên Bình, Lâm Bình... dù sao vẫn chưa chất chứa đủ âm hưởng thiêng liêng, gắn bó và ấm áp trong lòng dân. Danh xưng gắn liền với quê hương sinh trưởng ra con người một vùng đất bao giờ cũng gắn gũi và thiết thân với tình cảm của họ.

Hai tiếng Quảng Bình dù sao cũng được lịch sử gọi tên một cách chính thức từ 1604 và tồn tại mãi trong lòng người đến ngày hôm nay.

VỀ NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

NGUYỄN TÚ^(*)

TỈNH ta, kể ra, nếu tính từ thời Lý có được 3 châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh đến nay, thì có nhiều giai đoạn, nhiều thời kỳ tính được ngày thành lập tỉnh, nên cũng không dễ gì chọn được một thời kỳ toàn vẹn.

Nhưng theo ý riêng của tôi, nếu lấy quan điểm của Đảng đã từng nêu ra là *lấy dân làm gốc* để mà bàn, thì có thể thỏa đáng được. Nước mà lấy dân làm gốc thì tỉnh lại càng phải lấy dân làm nền; và, đã lấy dân làm nền thì phải căn cứ và sự hình thành làng xã là nơi nhân dân sinh, sống, là nơi cương vực lãnh thổ (gia cư hoàn địa phận), là nơi cơ bản về văn hóa phát triển, là nơi thể hiện sự bền vững của chính trị, kinh tế... Cho nên thiết tưởng, nếu lục tìm lúc nào là lúc làng xã ở tỉnh ta có cơ đứng vững để đi lên thì lúc đó có thể lấy làm thời kỳ thành lập tỉnh.

Tôi nghĩ rằng, như vậy thì tỉnh ta có 2 lúc có thể chọn được:

Một là, Thời Lê Thánh Tông, năm cuối cùng niên hiệu Quảng Thuận 1469, định bản đồ toàn quốc, xấp xỉ Thuận Hóa quân 2 phủ 7 huyện⁽¹⁾. Cũng vậy, sách *Thiên Nam Dư hạ tập* chép rằng, trong đời Hồng Đức định bản đồ, Thuận Hóa Thừa Tuyên sứ ty, quản 2 phủ 8 huyện 4 châu. Phủ Tân Bình 2 huyện hai châu là.

Huyện Khang Lộc: 4 tổng, 80 xã, 7 thôn, 4 trang

Huyện Lệ Thủy: 6 tổng, 28 xã, 2 trang

Châu Bố Chính: 12 tổng, 64 xã, 24 phường, 20 trang

(*) Nhà Nghiên cứu Văn hóa - Quảng Bình

Châu Minh Linh: 8 tổng, 63 xã.

Tổng cộng, phủ Tân Bình có 30 tổng 235 xã 31 thôn phường và 26 trang. So với thời thuộc Minh (tức cuối Trần, đầu Hồ và thời kỳ Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh), sách *Minh Chí*⁽²⁾ chép phủ Tân Bình chỉ có 37 xã mà dân số là 4738 nhân khẩu, trong đó 2.132 hộ; ruộng đất 27 khoảnh, 56 mẫu 7 sào, gạo thu hoạch hai vụ (thu, hạ) 133 thạch, 9 hộc... thì với Tân Bình thời Lê Thánh Tông số làng xã gấp hơn sáu lần cũng đủ thấy có một sự phát triển rất lớn trong vòng 52 năm.

Theo sách *Lịch triều hiến chương loại chí*⁽³⁾, thì dưới triều Lê Thánh Tông, vào đời Quang Thuận (1460 - 1469) cho đổi xã quan làm xã trưởng...

Vậy là, cơ sở hành chính thời Lê Thánh Tông đã thiết lập từ hạ tầng thấp nhất của bộ máy chính quyền: trang, ấp, thôn, phường, xã, tổng, đi lên huyện, phủ. Tôi tự cho rằng phủ thời Trần, Hồ và Lê sơ ngang cấp hoặc tương đương ngang cấp tỉnh thời Minh Mệnh cải cách hành chính, khác với phủ trước cách mạng tháng 8-1945 (dưới thời thuộc pháp).

Hệ thống và bộ máy chính quyền từ trang ấp làng xã trở lên này chứng tỏ một thời kỳ ổn định của cư dân phủ Tân Bình an cư lạc nghiệp, có thể phát triển đi lên.

Đó là thời gian tỉnh ta có thể chọn làm năm thành lập tỉnh, nếu không câu nệ về tên gọi.

Hai là, để được trọn vẹn về danh xưng phát sinh từ đầu cho đến tận ngày nay với hai tiếng Quảng Bình thì nên lấy thời kỳ Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa đổi tên Tiên Bình ra Quảng Bình (1604).

Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558 mà căn cứ vào sách *Ô Châu Cận Lục* của Dương Văn An viết năm 1553, thì tình hình làng xã ở phủ Tân Bình (hay Tiên Bình về sau) không có gì thay đổi lớn, nếu không dám nói gần như không thay đổi! Thống kê:

Huyện, châu	Thời Hồng Đức - Thiên Nam DH tập				Thời Mạc - Ô Châu Cận Lục			
	Tổng	Xã	Thôn phường	Trang	Tổng	Xã	Thôn Phường	Trang
H. Khang Lộc	4	80	7	4	0	72	0	0
H. Lệ Thủy	6	28	0	2	0	32	0	0
Châu Bố Chính	12	64	24	20	0	64	0	0
Châu Minh Linh	0	63	0	0	0	65	0	0
Tổng cộng:	22	235	31	26	0	233	0	0

Rõ ràng, từ 1470 thời Lê Thánh Tông đến thời nhà Mạc khi có sách Ô Châu Cận Lục là năm 1553, tính ra 83 năm, tình hình làng xã ở phủ Tân Bình hết sức ổn định thì cũng có nghĩa là cương vực lãnh thổ ổn định, chính trị tốt đẹp, văn hóa phát triển, xã hội sáng sủa: như Dương Văn An đã mô tả: (...) "đồng bằng thì nông trang vốn sản nghiệp nhà; bờ biển thì cá muối là kho vô tận (...) của thổ người đã sẵn thứ rượu tắm rất ngon, hải vị sơn hào của nhiều chan chứa; cá tôm sẵn ở sông bể, gỗ cây lấy ở núi rừng. Xóm làng trù mật nên gà chó từng đàn, cỏ nước ngon lành nên trâu bò béo tốt (...) Xuân sang thì mở hội bơi chải, gái lịch trắng thanh; hạ tới thì bày cuộc đấu thăm, dập dìu rộn rã nơi ca chón múa... gà gáy ba đạo, nơi nơi đi chợ, đêm sang canh năm, người người ra đồng. Lễ an táng thì chôn cất rất chóng, không có lệ cúng sớm cúng chiều..." (4)

Đó là hình ảnh cuộc sống của người dân cả xứ Thuận Hóa nói chung và Tân Bình nói riêng.

Để cụ thể hơn, chính xác hơn về đời sống riêng từng huyện trong cõi đất Tân Bình, xin cứ theo dõi hành trình của tiến sĩ Dương Văn An sau đây:

- *Huyện Khang Lộc*: Trai làng Vũ Khuyển chăm việc canh nông. Gái làng Trường Dục theo nghề khung cửi. Hai xã Hà Cừ, Động Hải vẫn nấu muối xưa nay, các làng Tân Lệ, Thạch Bông kéo vó bè sớm tối. Gái Ngô Xá khá đẹp. Gái An Mỗ thích chơi...

- *Huyện Lệ Thủy*: Nhân dân xã Tân Duyệt giàu có nổi tiếng, gái góa làng An Xá tiết nghĩa vang danh. Xã Lê - Luật có nguồn lợi

đánh cá, xã Hóa Luật có nghề nghiệp xẻ cây; dân xã Hoắc Đăng, Ba Nguyệt thì bắt cộp chuyên nghề... Xe làng Dân Duyệt đi đường núi, thuyền làng Tiểu Phúc vượt dòng sông...

- *Huyện Minh Linh*: Làng Sa Lệ nhiều tay hào mục, xã Tùng Công lắm nhà giàu sang. Nho phong thì có xã Phan Xá, trầm hương thì ở xã Kinh Môn, Rượu ngon ở xã Tùng Công, cá nhiều thì làng Mục Xá... Làng Thi Thái có nghề buôn bán, làng Cổ Trai có lợi hải hồ... hai xã Liêm Luật, Tùng Luật thiện nghề đánh lưới chài; các xã Lân Tri, Đan Duệ khéo tay bẫy thú...

- *Châu Bố Chính*: Người làng Cao Lao, Thi Lễ thích học văn chương; dân xã Đại Đan, Tiểu Đan giỏi nghề đánh vật! Thi Lễ sản nhiều trâu tốt; Lệ Sơn có lắm cau ngon... Vụ chiêm tốt thì có hai làng Cao Lao và Tân Lễ; vụ mùa tốt thì có hai làng Tùng Chát và Đại Đan. Người Hải Hạc tài nghề bẫy thú rừng, người La Hà giỏi nghề bắt cá biển; Lũ Đăng có nghề dệt vải; Di Luân có lợi muối cá... Tiếng chuông Pháp Kệ nổi bong bong, chân ngôn đọc kinh phạt; nhịp mõ làng Bì Dương khua lốc cốc, mối thiện mở lòng người...

Từ cuộc sống này khung cảnh này mà nhìn trước, nhìn sau, tôi tự nghiệm ra: nhìn trước, thì thấy công lao nhà Lê đã xây nên cõi đất Tân Bình ấy; nhìn sau, thì thấy Nguyễn Hoàng có cơ hội mà vươn lên, và sau đó 42 năm thì Tiên Bình mang tên Quảng Bình càng vững bước đi lên hơn nữa ⁽⁵⁾.

Nếu không vì hai tiếng Quảng Bình ăn sâu vào xương máu người Quảng Bình suốt 398 năm ⁽⁶⁾ thì tỉnh ta rất có thể lấy năm đầu niên hiệu Hồng Đức (1470) hoặc năm cuối niên hiệu Quảng Thuận (1469) làm năm thành lập tỉnh ta được lắm. Nhưng vì hai tiếng Quảng Bình mang đủ tình nghĩa từ thuở khai sinh Lâm Bình đến bước trưởng thành Quảng Bình, dù cho bao nhiêu thăng trầm, biến cố, đổi thay, nào là Tân Bình, Tây Bình, rồi lại Tân Bình, Tiên Bình, đến Quảng Bình đi vào thời đại cách mạng, cùng với cả nước đi vào thế kỷ mới mà chữ "Bình" vẫn không đứt giềng mối. Do đó mà nên chọn *Ngày khai sinh hai tiếng Quảng Bình làm ngày thành lập tỉnh Quảng Bình, tức là năm 1604! Như vậy, sắp tới, 2004 là vừa tròn 400 năm vậy* ⁽⁷⁾.

Đến đây, tôi xin phép kết thúc ý kiến đóng góp của tôi, nhưng còn

một vấn đề phụ, thiết nghĩ cũng nên bàn, mặc dù nó không xảy ra trong thời điểm Nguyễn Hoàng cải đổi Tiên Bình ra Quảng Bình, đó là vấn đề nội chiến Trịnh - Nguyễn gây nên sự chia cắt đất nước sau khi Nguyễn Hoàng mất⁽⁸⁾.

Mặt khác, cũng cần thấy, dù cho sự chia cắt có kéo dài hơn trăm năm⁽⁹⁾ thì tình hình làng xã từ khi nhà Lê xây dựng lên đến Nguyễn Hoàng tiếp quản trên đất Tân Bình, đổi ra Quảng Bình, vẫn ổn định mãi cho đến khi Lê Quý Đôn viết sách Ô Châu Cận Lục tính ra đến 306 năm (1776 - 1470).

Huyện, châu	Thời Hồng Đức - 1470				Thời Ô Châu Cận Lục 1553				Thời chúa Nguyễn 1776				Thời Minh Mệnh 1886			
	Tổng	Xã	Thôn ph	Trang ấp	Tổng	Xã	Thôn Ph	Trang ấp	Tổng	Xã	Thôn ph	Trang ấp	Tổng	Xã	Thôn ph	Trang ấp
H. Khang Lộc	4	80	7	4	0	72	0	0	79	75	7	0	8	78	26	4
H. Lệ Thủy	6	28	0	2	0	32	0	0	23	23	15	0	5	35	12	0
Ch. Bố Chính	12	64	24	20	0	64	0	0	18	18	23	11	11	76	72	1
Ch. Minh Linh	0	63	0	0	0	65	0	0	69	89	34	0	0	0	0	0
Tổng cộng:	22	235	31	26	0	233	0	0	189	205	79	11	24	189	110	6

Xin chú ý: Sách Phủ Biên chỉ thống kê châu Nam Bố Chính, nên so với châu Bố Chính thời Nguyễn Hoàng với thời Lê có phần không cân đối. Và thời minh mệnh thì phủ Quảng Trạch lại bao gồm cả 4 huyện: Bình Chánh, Minh Chánh, Bố Trạch, Minh Hóa.

Ngoài ra, cũng nên công bằng mà nói rằng, sự chia cắt thời Nguyễn - Trịnh chỉ là sự chia cắt về quyền lực của hai thế lực trong một triều đình vì bên Trịnh - Nguyễn thực tế chỉ vì quyền lực mà thôi, chứ không phải chúa Nguyễn muốn tách khỏi triều đình Nhà Lê để lập ra một quốc gia riêng, một đất nước khác. Chúa Nguyễn, kể cả chúa Trịnh, đều chịu dưới quyền hoàng đế nhà Lê (mặc dầu chỉ danh nghĩa). Nhân dân ta và cả lịch sử ta cũng gọi vùng đất hai họ cát cứ là xứ Đàng Trong, xứ Đàng Ngoài, hoặc Nam Hà, Bắc Hà mà không gọi là nước Đàng Trong, nước Đàng Ngoài. Vậy thì sự chia cắt này nên nói là sự chia cắt quyền lực chứ không phải là sự chia cắt đất nước.

Khi tôi được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đề nghị

tham gia góp ý kiến về vấn đề thành lập tỉnh, tôi có tham khảo một số bạn bè hằng quan tâm đến quê hương thì có người khuyên nên lấy ngày Minh Mệnh cải cách hành chính, đổi dinh Quảng Bình ra tỉnh Quảng Bình. Sau khi đọc lại tập sách cải cách hành chính đời Minh Mệnh do giáo sư Nguyễn Minh Tường soạn (Viện Sử học), tôi cho rằng Minh Mệnh chỉ đổi phiên hiệu từ *dinh, trấn*, ra *tỉnh* mà không hề thay đổi tên và hệ thống *làng xã tổng*. Tác giả sách cải cách hành chính thời Minh Mệnh viết: *Hoàng đế Gia Long tránh động đến các cơ chế xã, có thể bởi lẽ cơ chế xã ấy đã trải qua một sự tiến hóa lâu dài, đạt tới một đơn vị ổn định, và... cuối cùng, cũng giống như người tiền nhiệm của mình, Minh Mệnh chủ trương không cải cách mạnh mẽ vào tổ chức xã...*

Rõ ràng cư dân tỉnh ta đã ổn định từ thời Lê Hồng Đức, 1470 và phát triển từ thời trước Nguyễn Hoàng vào nhận chức trấn thủ xứ Thuận Hóa và vững bước đi lên từ khi được mang tên Quảng Bình vào năm 1604.

Vì sao nói Quảng Bình bắt đầu vững bước đi lên từ 1604, là vì căn cứ vào khung cảnh cuộc sống mà Dương Văn An mô tả về làng xã ở phủ Tân Bình, so với lời đánh giá về Nguyễn Hoàng của Lê Quý Đôn trong sách *Phủ Biên Tạp Lục* đủ biết có sự đi lên:

Doan quận công có uy lực, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối. Cai trị hơn mười năm (?), chính sự khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, rắn giữ bản bộ, cấm đoán kẻ hung dữ. Quân dân hai xứ thân yêu tin phục, cảm nhận mến đức, dờn đổi phong tục, chợ không bán hai giá, người không ai trộm cướp, cửa ngoài không phải đóng, thuyền buôn ngoại quốc đều tới mua bán, đổi chác phải giá, quân lệnh nghiêm trang, ai cũng cố gắng trong cõi đều an cư lạc nghiệp....

Đoạn văn trên đây, không những là sự đánh giá về con người Nguyễn Hoàng từ phía đối phương, mà còn là một khung cảnh cuộc sống của nhân dân Quảng Bình nói riêng, Thuận Hóa nói chung, dưới thời Nguyễn Hoàng đương nhiệm.

Không đi lên thì làm sao đạt được một xã hội: *Chợ không bán hai giá, người không ai trộm cắp, cửa ngoài không phải đóng... quân lệnh nghiêm trang, trong cội đều an cư lạc nghiệp, thuyền buôn ngoại quốc đến buôn bán...*

Có phải chăng, từ cảnh "thái bình này" mà Nguyễn Hoàng muốn dùng chữ Quảng Bình để tỏ lòng ước vọng một nền "thái bình rộng rãi" (Quảng là nghĩa rộng, Bình là nghĩa yên ổn), vì có lẽ, đối với "Tiên Bình" cũng mới chỉ thái bình bước đầu (tiên là trước, bình là yên)...

Cho nên, tôi tự nghĩ, chọn ngày thành lập tỉnh trên cơ sở dựa vào sự "an cư lạc nghiệp" của nhân dân đã có mầm phát triển là một việc có nhiều ý nghĩa tốt đẹp.

(1) *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn toàn tập, sách dịch, Nhà XB KHXH, Hà Nội 1977 trang 37, 41 và 44.

(2) 52 năm, tính từ năm 1418 là năm sách Minh Chí chép về Tân Bình đến năm 1470 là năm Sách Thiên Nam Dư hạ tập ra đời 1470, 1418 = 52 năm.

(3) Phan Huy Chú: *Lịch Triều hiến chương loại chí* – Tập 2. Tr 32.

(4) Dương Văn An – *Ô Châu cận lục*

(5) Phan Khoang: *Lịch sử xứ Đàng Trong* – Nhà sách Khai Trí – Sài Gòn 1969. Tr.1

(6) Tính từ 1604 đến 2002.

(7) So với các thời kỳ lịch sử, giai đoạn tỉnh ta mang tên Quảng Bình là dài nhất, thứ đến Lâm Bình cũng chỉ 300 năm 1075 – 1375 (Trần Duệ Tông – Long Khánh).

(8) Xem Lê Quý Đôn: *Phủ Biên Tạp Lục*, Sđd, các trang 50, 102.

(9) Theo tôi, chia cắt thực sự có ghi chép trong thư tịch là từ 1672, sau trận đánh cuối cùng đến lúc quân Trịnh đánh Phú Xuân 1774 (1672 – 1774) còn trước đó vùng sông Gianh chỉ là vùng trận địa hai bên giành giết nhau. Có khi quân Trịnh tràn qua sông Gianh.

GÓP BÀN XÁC ĐỊNH THỜI ĐIỂM RA ĐỜI TỈNH QUẢNG BÌNH

TRẦN HÙNG^(*)

I - LỜI MỞ

1. Việc xác định thời điểm ra đời của tỉnh Quảng Bình là rất cần thiết:

- Nhằm tôn vinh truyền thống của một vùng đất trong vị thế chung của dân tộc, của đất nước đã được lịch sử thừa nhận.

- Để hiểu rõ hơn bản sắc riêng nhằm phát huy các giá trị tinh thần truyền thống tỉnh Quảng Bình, qua đó giáo dục lòng yêu quê hương xứ sở cho mỗi người dân Quảng Bình.

- Có được một thời điểm lịch sử xác định về sự phát tích của một đơn vị hành chính thống nhất, bao gồm các truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời.

2. Đối tượng xác định thời điểm ra đời là *tỉnh Quảng Bình*, là *vùng đất – đơn vị hành chính Quảng Bình* ngày nay. Có nghĩa là phải xem xét vùng đất có danh xưng tỉnh Quảng Bình này ra đời như một đơn vị hành chính thống nhất, có danh xưng ổn định, có truyền thống lịch sử - văn hóa từ bao giờ.

3. Xác định thời điểm ra đời tỉnh Quảng Bình là một công việc khó khăn vì những biến động liên miên về không gian lãnh thổ, danh xưng, qui mô hành chính... qua các thời kỳ và các giai đoạn lịch sử. Theo đó, xác định thời điểm ra đời của tỉnh Quảng Bình cũng chỉ mang tính *tương đối*, tuy nhiên đó phải là sự *tương đối* được thừa nhận trên cơ sở các tiêu chí cụ thể.

(*) Phó Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

II - NHỮNG TIÊU CHÍ.

Cho đến nay, trên thực tế vẫn chưa có một qui chuẩn chung nào về các tiêu chí hình thành một vùng đất - vùng văn hóa - đơn vị hành chính. Để giải quyết vấn đề đặt ra, chúng tôi cho rằng ở thời điểm được coi là đánh dấu cho sự ra đời của tỉnh Quảng Bình cần phải có ít nhất các tiêu chí sau đây:

1. Về không gian lãnh thổ và hành chính.
 - Có vùng không gian lãnh thổ *phù hợp* hoặc *gần phù hợp* với không gian lãnh thổ tỉnh Quảng Bình ngày nay.
 - Là một đơn vị hành chính thống nhất trong vùng không gian lãnh thổ đó, có hệ thống từ trên xuống dưới.
2. Truyền thống lịch sử văn hóa: một cộng đồng thống nhất hình thành được truyền thống văn hóa - lịch sử thống nhất.
3. Danh xưng: có danh xưng trùng với danh xưng hiện tại.
4. Ưu tiên thời điểm sớm nhất có thể được, nếu nó hội tụ đủ, hoặc đa số các tiêu chí trên.

III - DIỄN TRÌNH LỊCH SỬ - NHỮNG THỜI ĐIỂM CHÍNH

1. Tổng quan.

- Trong quá trình hình thành và phát triển của vùng đất - đơn vị hành chính Quảng Bình có rất nhiều thời điểm biên niên chính đáng ghi nhớ:

- + Thời Vua Hùng lập quốc: thuộc Bộ Việt Thường của Nhà nước Văn Lang.
- + Năm 192: Nhập vào quốc gia khác có tên Lâm Ấp (về sau là nước Chiêm Thành).
- + Năm 1069: Vua Lý Thánh Tông giành lại đất này vào Đại Việt (gồm hai châu Địa Lý, Bố Chính).
- + Năm 1075: Vua Lý Nhân Tông đổi hai châu thành Bố Chính, Lâm Bình.
- + Năm 1375: Vua Trần Duệ Tông cải phủ Lâm Bình thành phủ

Tân Bình (về sau là Lộ).

+ Năm 1397: Hồ Quý Ly đổi Lộ Tân Bình thành Trấn Tân Bình.

+ Năm 1469: Vua Lê Thánh Tông định lại bản đồ, đặt làm Phủ Tân Bình.

+ Niên hiệu Hoằng Định (1600-1619): Vua Lê Kinh Tông đổi Phủ Tân Bình thành Phủ Tiên Bình.

+ Năm 1604: Nguyễn Hoàng đổi Phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình.

+ Năm 1801: Niên hiệu Thịnh Bảo Hưng (Nguyễn Quang Toản) đổi Phủ Quảng Bình làm Dinh Quảng Bình.

+ Năm 1831: Vua Minh Mạng đặt tỉnh Quảng Bình.

+ Năm 1976: Nhập vào tỉnh Bình Trị Thiên.

+ Năm 1989: Trở lại tỉnh Quảng Bình riêng.

- Trong quá trình cải cách, thay đổi liên tục này, theo chúng tôi, những mốc lịch sử sau đây cần được xem xét để xác định năm ra đời của đơn vị hành chính - tỉnh Quảng Bình: 1075, 1397, 1604 và 1831.

Thông qua các tài liệu lịch sử, chúng tôi hệ thống hóa dưới đây sơ đồ không gian lãnh thổ *tương đối* trong quá khứ của vùng đất Quảng Bình qua các mốc lịch sử này (*Xem sơ đồ trang 89*).

2. Đặc điểm các thời điểm so với các tiêu chí đặt ra.

2.1 Năm 1075 (Đời Lý Nhân Tông): Châu Bố Chính và Châu Lâm Bình

- Thời điểm này, lần đầu tiên vùng đất chính thức được Nhà nước Đại Việt quản lý:

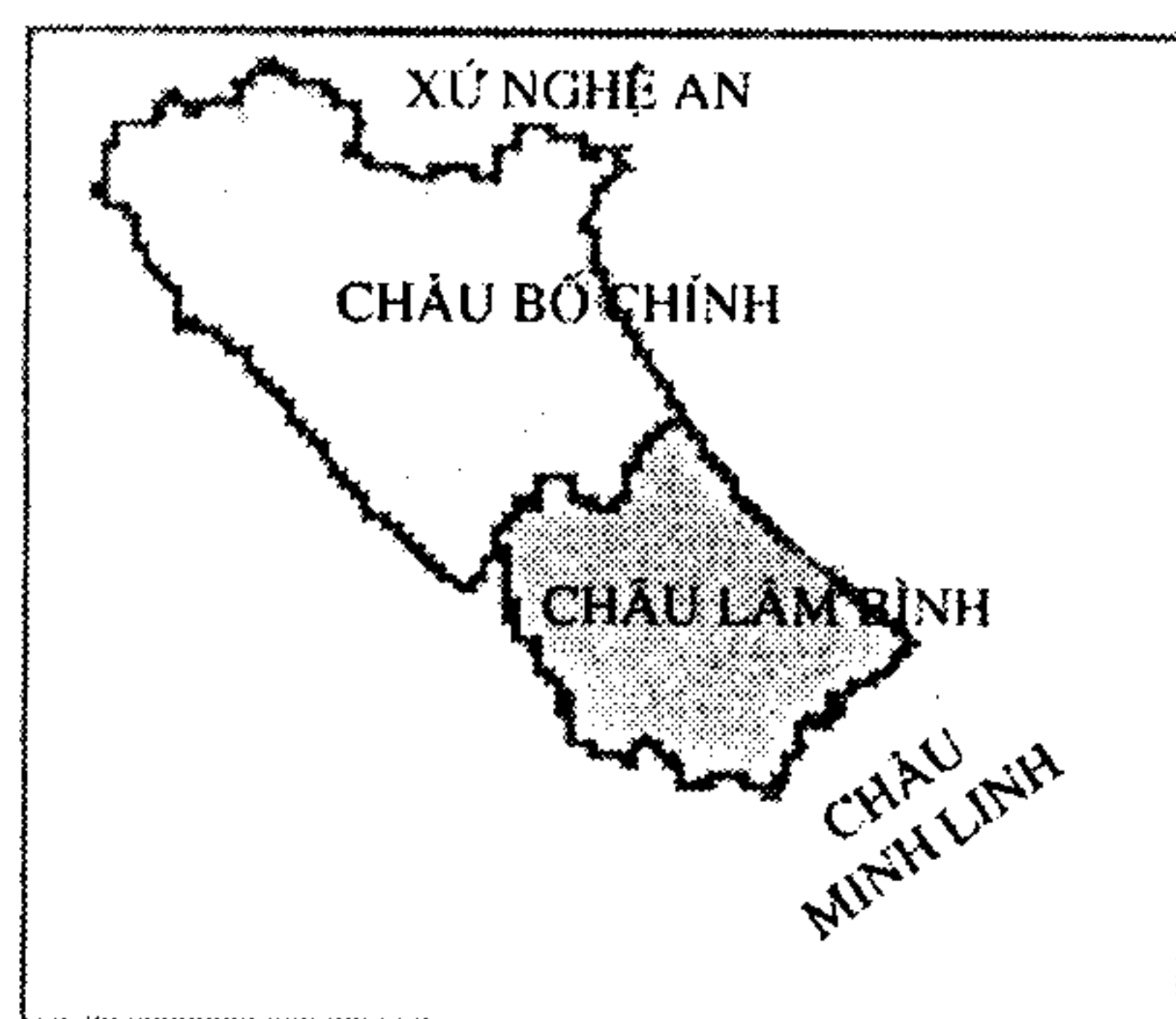
+ Lý Thường Kiệt cho vẽ bản đồ vùng đất này vào Đại Việt.

+ Đổi tên hai bộ phận của vùng đất (châu Địa Lý thành châu Lâm Bình, châu Bố Chính thành Châu Bố Chính).

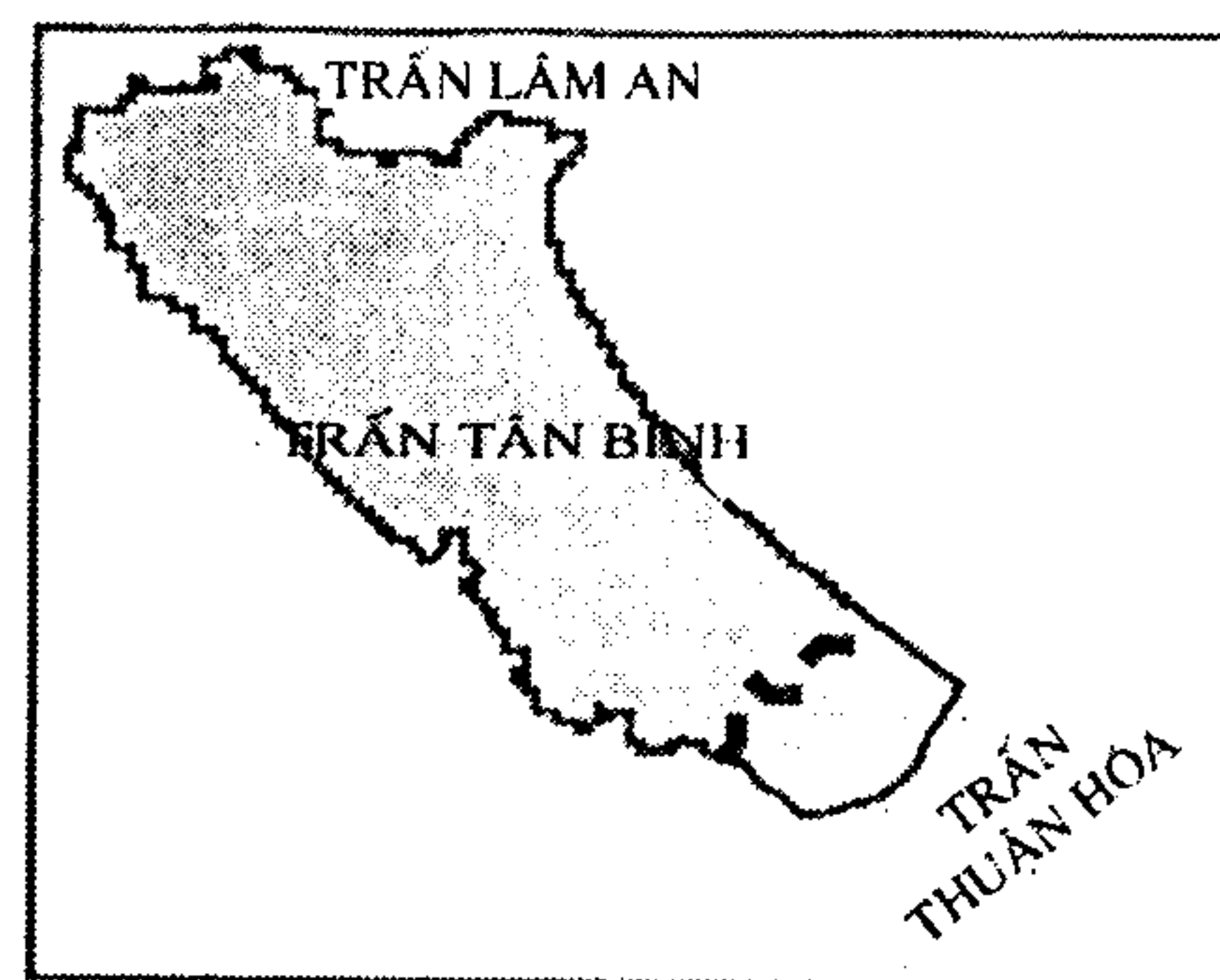
+ Chiêu dân Đại Việt đến ở.

Trước đó 6 năm (1069) vua ChămPa Chế Củ đã cắt vùng đất này cho Đại Việt, nhưng trên thực tế Nhà nước Đại Việt chưa chính thức quản lý.

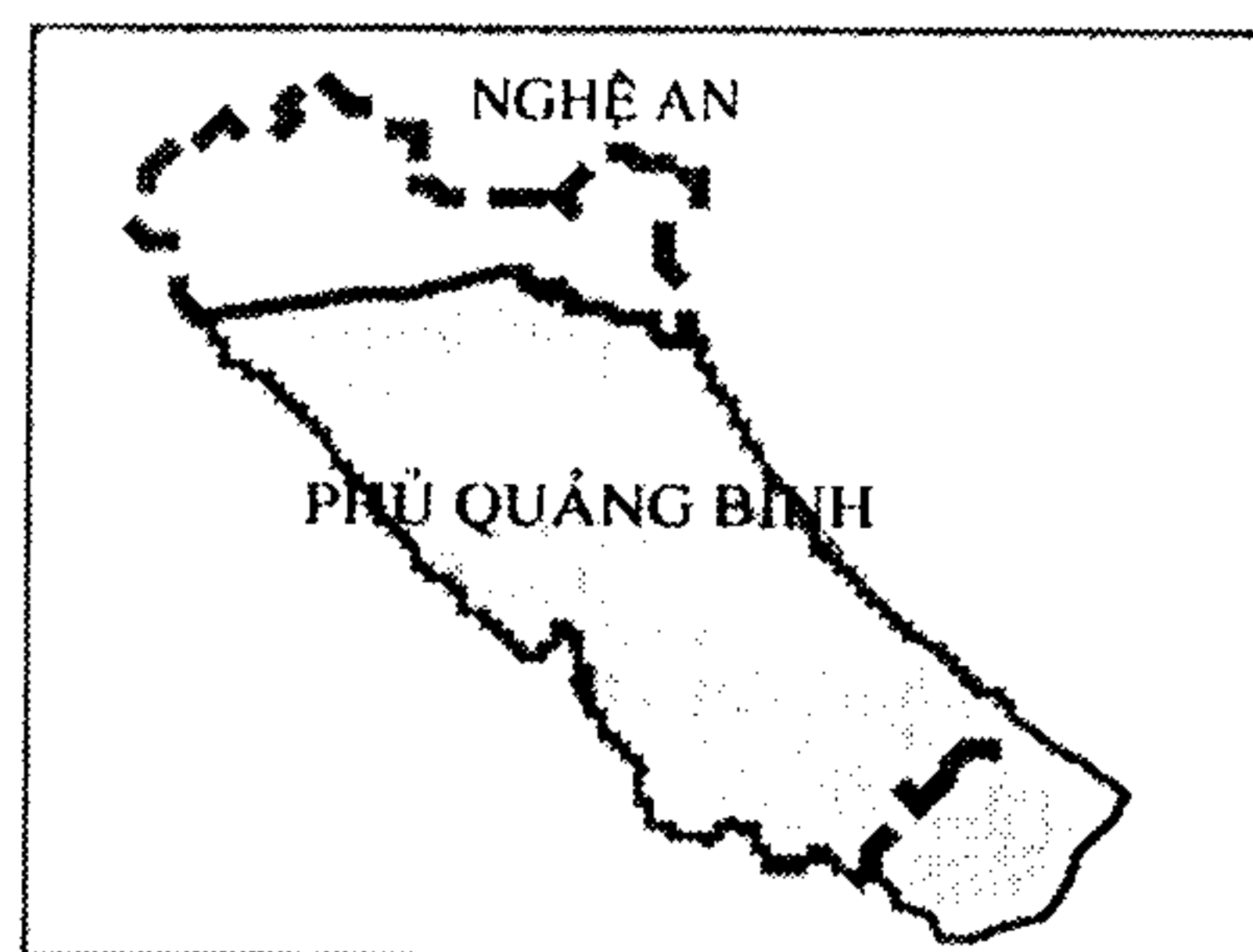
**SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN LÃNH THỔ VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH
CÁC THỜI ĐIỂM 1075, 1397, 1604, 1831, 1976, 1989.**



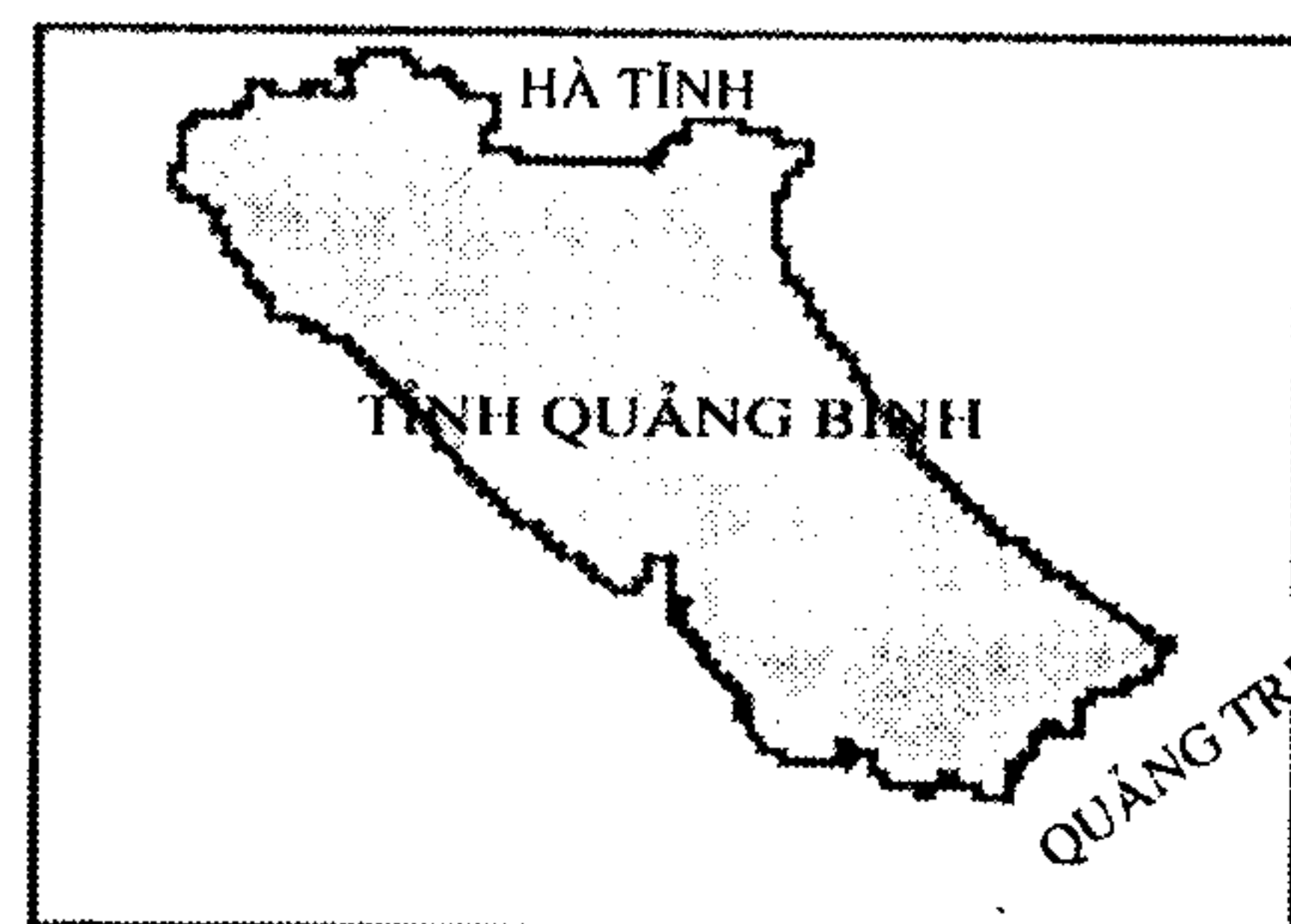
NĂM 1075
Hai đơn vị hành chính độc lập



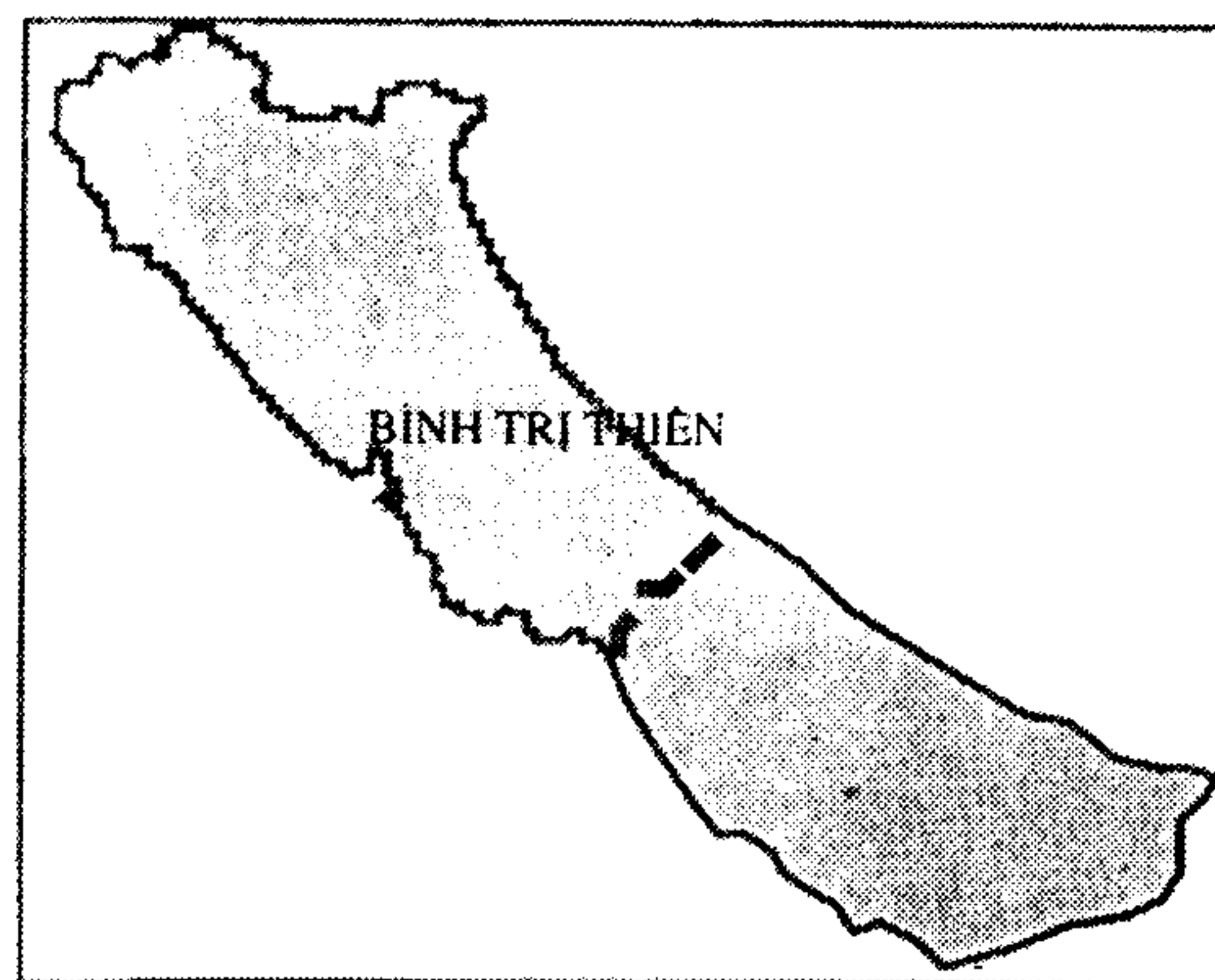
NĂM 1397
Một đơn vị hành chính thống nhất



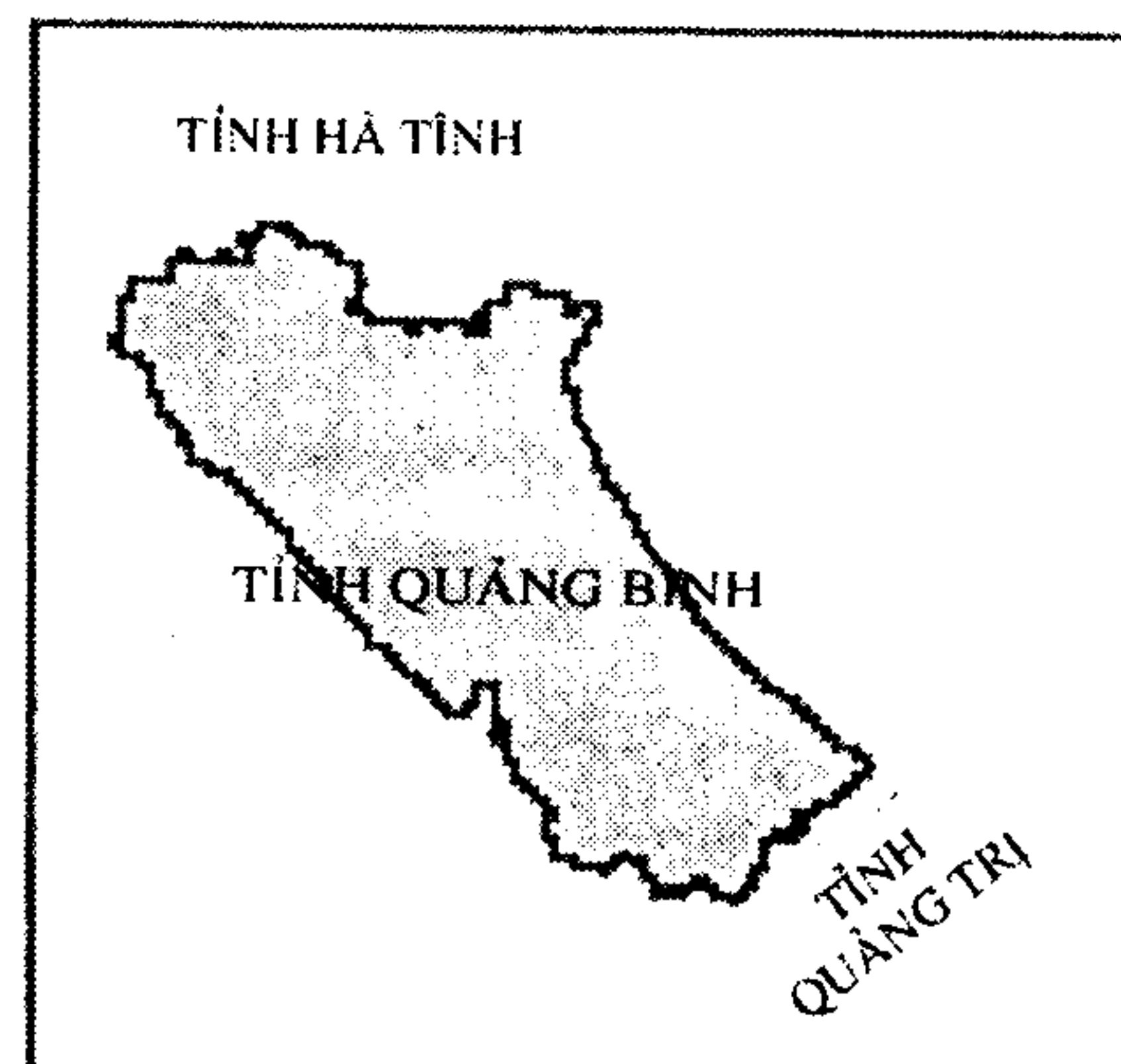
NĂM 1604
Một đơn vị hành chính thống nhất



NĂM 1831
Một đơn vị hành chính thống nhất



NĂM 1976
Nhập vào tỉnh Bình Trị Thiên



NĂM 1989
Một đơn vị hành chính độc lập

- Không gian lãnh thổ có hai đơn vị hành chính độc lập, bình đẳng cùng tồn tại (Châu Bố Chính và Châu Lâm Bình).

- Đặc trưng Lịch sử - Văn hóa: Lần đầu tiên Nhà nước Đại Việt có chính sách di dân vào sinh sống ở đây. Các cộng đồng cư dân Đại Việt ở vùng đất này đang mới ở thời kỳ sơ khởi, chưa kịp hình thành đặc trưng lịch sử - văn hóa của vùng đất.

- Danh xưng: Chưa xuất hiện tên gọi như ngày nay.

2.2. Năm 1397 (đời Trần Nhân Tông): Trấn Tân Bình.

- Có không gian lãnh thổ gắn sát với không gian lãnh thổ Quảng Bình ngày nay (bao gồm hai châu Bố Chính, Lâm Bình trước đó và một phần ít lãnh thổ phía Bắc Quảng Trị).

- Thời điểm này có thể được coi là khởi đầu cho sự ổn định tương đối không gian lãnh thổ Quảng Bình về sau.

- Toàn bộ vùng không gian lãnh thổ này là một đơn vị hành chính thống nhất và có hệ thống: Trấn Tân Bình.

- Các cộng đồng cư dân Việt đã hình thành, bắt đầu hình thành đặc trưng và truyền thống lịch sử - văn hóa vùng đất.

- Danh xưng: Chưa xuất hiện danh xưng Quảng Bình.

2.3. Năm 1604 (Thời Nguyễn Hoàng): Phủ Quảng Bình.

- Có không gian lãnh thổ gắn sát với lãnh thổ tỉnh Quảng Bình ngày nay.

- Là một đơn vị hành chính thống nhất, ổn định.

- Truyền thống văn hóa - lịch sử của vùng đất ngày càng được bồi đắp, phát triển và đã có đủ điều kiện hình thành bản sắc.

- Lần đầu tiên danh xưng Quảng Bình xuất hiện và được sử dụng cho đến ngày nay.

2.4 Năm 1831 (Đời Minh Mạng): Tỉnh Quảng Bình.

- Là thời điểm hoàn thiện cuối cùng trong tiến trình hình thành tỉnh Quảng Bình cả về không gian lãnh thổ, hành chính, đặc trưng văn hóa và danh xưng.

IV- LỰA CHỌN

Qua đánh giá các tiêu chí của từng thời điểm đã nêu trên, chúng tôi nhận thấy năm 1604 là thời điểm có đủ các điều kiện để lựa chọn làm năm thành lập tỉnh Quảng Bình vì các lý do sau đây:

1. Các năm 1075, 1397

Là những thời điểm đáng lưu ý trong lịch sử hình thành tỉnh Quảng Bình. Nó mang các giá trị khởi đầu, tiền thân rất quan trọng:

- Lần đầu tiên vùng đất này nhập vào Đại Việt (1075).
- Lần đầu tiên trở thành một Trấn độc lập, thống nhất về hành chính (1397).

Nếu lựa chọn thời gian này sẽ tôn vinh được yếu tố truyền thống lâu đời, đáng tự hào của một vùng đất. Tuy nhiên soi vào các tiêu chí đã định trên, thì các thời điểm này còn thiếu hụt nhiều tiêu chí như:

- *Lãnh thổ, hành chính*: Chưa thống nhất thành một đơn vị hành chính (1075).
- *Đặc trưng lịch sử văn hóa của vùng đất*: Chưa hình thành.
- *Danh Xung*: Chưa xuất hiện như danh xưng ngày nay (1075, 1397).

Theo đó, đây chưa phải là các thời điểm hội đủ các điều kiện cho sự ra đời của tỉnh Quảng Bình.

2. Năm 1831

Đã hội tụ gần như đầy đủ và chín muồi các tiêu chí đã đặt ra để xác định thời điểm ra đời của tỉnh Quảng Bình.

Tuy nhiên chúng tôi không lựa chọn năm này vì các lý do sau đây:

- Đây là thời điểm tuy chắc chắn về các tiêu chí, nhưng quá muộn so với diễn trình hình thành tỉnh Quảng Bình.
- Tại thời điểm lựa chọn này có đến 2 tiêu chí: *đặc trưng văn hóa lịch sử và danh xưng*, trên thực tế đã hình thành, phát triển tại đơn vị hành chính thống nhất *Phủ Quảng Bình* từ hơn 227 năm trước (1604) và ổn định cho đến tận ngày nay.

Đây là những tiêu chí *phi vật thể* rất quan trọng, góp phần định hình một tỉnh Quảng Bình ngày nay với những bản sắc riêng độc đáo

và thống nhất chung trong cộng đồng Việt Nam.

Theo đó, nếu lựa chọn thời điểm 1831 làm năm thành lập tỉnh là chúng ta đã bỏ sót một "lượng" các giá trị tinh thần truyền thống quý giá của địa phương này.

Đặc điểm lớn nhất của năm 1831 là chính thức xuất hiện danh xưng *tỉnh Quảng Bình* và có không gian lãnh thổ cơ bản giống như ngày nay. Tuy nhiên theo chúng tôi:

- + Khái niệm *tỉnh* trên thực tế đó chỉ là tên gọi khác của các đơn vị hành chính trước đó: *Châu, Trấn, Phủ, Lộ...* trên con đường cải cách hành chính lâu dài của nước nhà.

- + Không gian lãnh thổ khá định hình so với ngày nay, song không liên tục về sau (1976 tỉnh Quảng Bình nhập vào tỉnh Bình Trị Thiên, chỉ còn lại các huyện trong tỉnh Bình Trị Thiên). Do đó, tiêu chí này là tương đối.

3. Năm 1604

- Trong năm này về tiêu chí *không gian lãnh thổ* có phần không phù hợp với ngày nay (hơi tụt xuống phía nam một ít), tuy nhiên đã kế thừa sự thống nhất là một đơn vị hành chính của thời gian trước đó (1397).

- + Sự thật thì chúa Nguyễn Hoàng phải định liệu một đơn vị hành chính có cương vực hơi tụt xuống phía nam một ít là để phòng thủ Đàng Ngoài trong ý đồ cát cứ của mình. Và trên thực tế cũng vì chiến tranh mà phần đất Bắc Bố Chính, Đàng Ngoài gần như không quản lý. Các triều đại sau nhận thấy sự bất hợp lý này đã lại nhập vào đất cũ.

- + Không gian lãnh thổ tỉnh Quảng Bình từ năm 1069 đến nay có rất nhiều biến động, theo đó, định vị một không gian lãnh thổ tỉnh Quảng Bình ở một thời điểm nào đó trong quá khứ là rất tương đối. Do vậy theo chúng tôi, năm 1604 là thời điểm đáng được chấp nhận về tiêu chí này. Nó đã kế thừa sự ổn định tương đối về không gian lãnh thổ thời điểm năm 1397 Trấn Tân Bình và *gần phù hợp* với

không gian lãnh thổ tỉnh Quảng Bình ngày nay.

- Đây là năm đầu tiên danh xưng QUẢNG BÌNH xuất hiện và tồn tại gần như liên tục cho đến ngày nay.

Danh xưng, về mặt ngôn ngữ học chỉ là một ký hiệu để phân biệt đối tượng này với đối tượng khác. Tuy nhiên, một khi danh xưng tồn tại bền vững và lâu dài cùng đối tượng, thì danh xưng đó không còn là một *ký hiệu thuần túy* nữa, mà trở thành một phần *thuộc tính* của đối tượng, chuyên chở rất nhiều các giá trị của đối tượng, đặc biệt đối tượng đó là một cộng đồng văn hóa - lịch sử. Và do đó, với thời gian, tiêu chí này trở nên *rất quan trọng*.

- Trước năm 1604 cộng đồng lịch sử văn hóa trên dải đất này đã được định hình phát triển và hình thành bản sắc.

+ Sách *Ô châu Cận Lục* của Dương Văn An (viết năm 1553) đã kê cứu hàng trăm làng xã, nhiều huyện, phủ ở vùng đất này với một thiết chế hành chính khá ổn định. Hơn thế nữa ông đã miêu tả nhiều phong tục tập quán, nhiều giá trị tinh thần truyền thống phong phú, độc đáo của rất nhiều miền quê, khẳng định một bản sắc văn hóa mới, không còn nguyên gốc như nơi phát tích, do sự ổn định của vùng đất do sự tiếp biến văn hóa tạo dựng nên và những tinh hoa đó được trao quyền cho đến tận ngày nay.

+ Năm 1692, Nguyễn Hữu Cảnh người con ưu tú của *Phủ Quảng Bình* vâng lệnh Chúa Nguyễn đi mở cõi ở phương Nam. Ông đã dùng các địa danh của Quảng Bình đặt tên cho nhiều địa danh ở vùng đất mới, di dân Quảng Bình vào ở và chắc chắn đã sử dụng kinh nghiệm hành chính làng, xã, huyện, phủ nơi chánh quán để lập nên thôn ấp xã, tỉnh... tại vùng đất mới. Ngày nay nhiều địa phương đồng bằng ở sông Cửu Long và vùng Sài Gòn - Gia Định đều coi ông là Thành Hoàng và đã lần lượt kỷ niệm 300 ngày thành lập.

Với những lý do trên chúng tôi đề xuất lấy năm 1604 làm năm thành lập tỉnh Quảng Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Ô Châu Cận Lục* – Dương Văn An – Nxb Văn Hóa Á Châu 1961
2. *Đại Việt dư toàn biên* – Nguyễn Văn Siêu – Viện sử học và Nxb Văn hóa 1997.
3. *Phủ biên tạp lục* – Lê Quý Đôn – Thư viện Quảng Bình xuất bản năm 1998.
4. *Đại Nam nhất thống chí* – Quốc sử quán triều Nguyễn – Thư viện Quảng Bình xuất bản năm 1998.
5. *Lịch sử Quảng Bình* – Lương Duy Tâm 1963 (bản đánh máy).
6. *Xuôi dòng lịch sử* – Nguyễn Thế Hùng (tập san Quảng Bình quê tôi) – Sài Gòn 1971.
7. *Đất nước Việt Nam qua các đời* – Đào Duy Anh – Nxb Thuận Hóa 1994.

MẤY Ý KIẾN VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. NGUYỄN KẾ THÂN^(*)

Để góp phần nhỏ cùng các đồng nghiệp đến với hội thảo "Cơ sở khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình", xin được trình bày ý kiến của mình xung quanh 4 vấn đề:

- *Lựa chọn tiêu chí làm cơ sở xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình.*
- *Dùng tiêu chí so sánh với các mốc phân chia về mặt hành chính để xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình có cơ sở khoa học.*
- *Đề xuất ngày thành lập tỉnh Quảng Bình.*
- *Về ý nghĩa ngày thành lập tỉnh Quảng Bình.*

1. Lựa chọn tiêu chí:

Chúng ta biết rằng tiêu chí là tính chất, dấu hiệu làm căn cứ nhận biết, xếp loại, phân loại một sự vật, một khái niệm nào đó.

Để xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình, chúng tôi đề xuất 3 tiêu chí làm căn cứ.

- * *Tiêu chí về địa giới hành chính.*
- * *Tiêu chí về tên gọi*
- * *Tiêu chí về thời gian*

Nếu lựa chọn được thời điểm ngày thành lập tỉnh tương đối thỏa mãn cả 3 tiêu chí trên, có thể khẳng định được ngày thành lập tỉnh một cách có cơ sở khoa học - phù hợp với mục tiêu đặt ra của cuộc

(*) Phó Ban Dân tộc Miền núi và Tôn giáo tỉnh Quảng Bình.

hội thảo.

2. Các mốc phân chia về mặt hành chính tỉnh Quảng Bình trong lịch sử.

Trong lịch sử dân tộc, Quảng Bình có nhiều tên gọi khác nhau: về mặt hành chính theo chúng tôi tìm hiểu tỉnh Quảng Bình đã được phân định nhiều lần kể từ thiên niên kỷ thứ 2 trước công nguyên đến năm 1831 dưới thời Vua Minh Mạng, đó là:

- Thời Hùng Vương (Thiên niên kỷ 2 trước công nguyên đến đầu thế kỷ thứ III trước công nguyên, khi quốc gia Âu Lạc xuất hiện): Quảng Bình lúc đó thuộc Bộ Việt Thường.

- Thời nhà Tần ở Trung Quốc (năm 221 đến 207 trước công nguyên): Quảng Bình thuộc Tượng Quận.

- Thời nhà Hán: Năm 111 trước công nguyên, nhà Hán cử hàng chục vạn quân tiến công ồ ạt vào Nam Việt. Sau một thời gian chống cự, Vua tôi nhà Triệu đầu hàng. Chiếm xong Nam Việt (bao gồm cả Âu Lạc), nhà Hán chia lại khu vực hành chính và tổ chức bộ máy cai trị trên vùng đất mới chiếm được theo chế độ quận huyện của chính quốc. Nước Âu Lạc bị chia làm 3 quận nằm trong bộ Giao Chỉ (cùng với 6 quận thuộc đất Trung Quốc), đó là: Quận Giao Chỉ (phần Bắc bộ); quận Cửu Chân (vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh); quận Nhật Nam (từ đèo Ngang vào Quảng Nam - Đà Nẵng) - gồm 5 huyện, có 15.460 hộ; 69.485 khẩu⁽¹⁾.

- Năm 192 vùng đất Quảng Bình thuộc nhà nước Lâm Ấp (Chiêm Thành)

- Năm 1069, Vua Chiêm nhượng ba châu Bố Chánh, Địa Lý, Ma Linh cho Vua An Nam Lý Thánh Tông nhân Thánh Tông thân đi đánh Chiêm Thành, bắt được Chúa Chế Củ đem về (vào năm Thiên Huống bảo tượng thứ 3).

- Thời nhà Trần (thế kỷ XIII đến thế kỷ XIV): Ở các địa phương, nhà Trần tổ chức chính quyền 3 cấp: Phủ lộ, huyện châu, hương xã; đổi 24 lộ thời Lý thành 12 lộ (từ Bắc Giang đến Bắc Nghệ An và tỉnh Quảng Ninh bây giờ).

Vào thế kỷ XIV, nhà Trần còn đặt các phủ: Thái Nguyên (Bắc Cạn, Thái Nguyên, Cao Bằng); Lạng Giang (Bắc Giang, Lạng Sơn) và phủ Lâm Bình (bao gồm Quảng Bình, Quảng Trị).

Sau đó, nhà Trần tiếp tục đổi phủ Lâm Bình thành phủ Tân Bình rồi Tiên Bình (thời Trung Hưng, năm đầu Hoàng Định 1601 - 1619)

- Thời nhà Hồ (1400 - 1407): Năm 1399, Quý Ly cho người giết Trần Thuận Tông (cha Thiếu Đế), một số quý tộc đại thần nhà Trần (tướng Trần Khát Chân, Trần Nguyên Hãn...) tổ chức cuộc mưu sát Quý Ly, chẳng may việc bị bại lộ, tất cả bọn họ cùng thuộc hạ hơn 370 người bị giết.

Đầu năm 1400, Quý Ly truất ngôi Vua Trần tự lập làm Vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, đổi sang họ Hồ và đổi quốc hiệu là Đại Ngu - Nhà Hồ thành lập. Quảng Bình thời nhà Hồ được gọi là Trấn Tây Bình.

- Đời Lê Thánh Tôn (1460 đến 1497): Tây Bình sáp nhập vào Thuận Hóa.

- Theo Lê Quý Đôn, năm Giáp Thìn thứ 47 (1604), Chúa Nguyễn Hoàng thành lập phủ Quảng Bình, sau đó (giữa thế kỷ XVIII) gọi là dinh Quảng Bình.

- Thời Sãi Vương (năm 1630): dinh Quảng Bình lại chia làm hai: Bố Chánh phía bắc và Bố Chánh phía nam. Bố Chánh phía bắc thuộc họ Trịnh, Bố Chánh phía nam thuộc họ Nguyễn; sông Gianh bấy giờ là ranh giới giữa Bố Chánh Bắc và Bố Chánh Nam...

- Năm 1786: Vua Tây Sơn - Nguyễn Huệ sát nhập Bố Chánh Bắc và Bố Chánh Nam, đặt tên chung là Thuận Chánh.

- Năm 1802, Vua Gia Long chia Thuận Chánh làm hai: Bố Chánh nội và Bố Chánh ngoại.

Đến năm 1831, dưới thời Minh Mạng, địa hạt này mới vĩnh viễn mang tên Quảng Bình tỉnh.

3. Đề xuất ngày thành lập tỉnh Quảng Bình.

Trong số những mốc thời gian nêu có thể chưa đầy đủ ở trên, chúng tôi đề xuất chọn mốc năm 1604 - Ngày Chúa Nguyễn Hoàng

thành lập phủ Quảng Bình làm ngày thành lập tỉnh, bởi mốc năm Giáp Thìn thứ 47 (1604) thỏa mãn được 3 tiêu chí: Địa giới hành chính, tên gọi và thời gian.

Xét về tiêu chí tên gọi, mốc năm 1604 là phù hợp nhất, vì mảnh đất này lần đầu tiên có tên khai sinh là *Quảng Bình*, dấu rằng những mốc thời gian tiếp đó mảnh đất quê hương vẫn có tên gọi Quảng Bình như *Quảng Bình dinh* (giữa thế kỷ XVIII) và *Quảng Bình tỉnh* (1831) dưới thời Vua Minh Mạng. Thứ nữa là, lần đầu tiên tên khai sinh của tỉnh là trọn vẹn (không giống các mốc thời gian trước 1604).

Dưới góc độ tiêu chí thời gian: Chúng ta nhận biết, chỉ có mốc 1604 là phù hợp, bởi đây là mốc thời gian đầu tiên khai sinh tên gọi Quảng Bình tỉnh. Và kể từ đó mãi về sau này cái tên gọi ấy có đôi lần thay đổi nhưng rốt cuộc tên khai sinh của tỉnh nhà hiện nay vẫn giữ vẹn nguyên.

So với tiêu chí về địa giới hành chính hiện tại: Phủ Quảng Bình được Chúa Nguyễn Hoàng thành lập năm 1604 và tỉnh Quảng Bình từ thời Minh Mạng (1831) đến ngày nay có địa giới cơ bản là trùng khít.

Rõ ràng rằng, nếu dựa vào 3 tiêu chí: Tên gọi, địa giới hành chính và tiêu chí mốc thời gian để làm căn cứ xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình thì thời điểm thành lập phủ Quảng Bình năm 1604 của Chúa Nguyễn Hoàng là thỏa đáng nhất.

Xin kiến nghị lấy năm 1604 làm ngày thành lập tỉnh Quảng Bình. Như vậy tên gọi Quảng Bình tính đến nay đã có lịch sử 397 năm. Vào năm 2004, tỉnh Quảng Bình vừa tròn 400 tuổi.

4. Ý nghĩa của việc chọn ngày thành lập tỉnh Quảng Bình

Đất nước, quê hương, mỗi con người tất đều phải có ngày sinh. Tỉnh Quảng Bình cũng vậy, có ngày kỷ niệm thành lập tỉnh là việc làm có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Có thể nêu 3 ý nghĩa chính:

Một là: Chọn ngày thành lập tỉnh để giáo dục cho mỗi công dân sinh ra và trưởng thành trên quê hương biết và hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của quê hương mình.

Hai là: Giáo dục lòng tự hào về truyền thống tốt đẹp cũng như những hạn chế cần khắc phục của quê hương trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh.

Ba là: Khơi dậy, tiếp thêm ý chí, sức mạnh cho mỗi công dân sinh ra và lớn lên trên đất Quảng Bình đem hết sức lực và trí tuệ để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

(1) *Trương Hữu Quýnh: Đại cương lịch sử Việt Nam, t 1 – NXB Giáo dục Hà Nội – 1997; Trang 94.*

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TRẦN ANH TUẤN^(*)

QUẢNG BÌNH là phần lãnh thổ thuộc đất Trung bộ, nơi hẹp nhất của dải đất Việt Nam, là cầu nối hai miền Nam - Bắc. Trải qua các thời kỳ lịch sử phần đất Quảng Bình từng được coi là đất "phên dậu" phía Nam của Tổ quốc. Bước sang thời kỳ nhà Nguyễn thì Quảng Bình lại là đất dùng "làm bức bình phong để che chắn kinh sư". Sách Ô Châu Cận Lục của tiến sĩ Dương Văn An viết dưới thời Mạc đã chép: "Nơi đây núi sông quanh co, hình thế hiểm yếu, sản vật cung cấp cho quốc dụng, cầu đường dịch quán đều quan hệ đến Vương Chính". Với vị trí địa lý, lịch sử quan trọng của vùng đất mà Quảng Bình đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của toàn dân tộc.

Việc xác định cho Quảng Bình một cái mốc lịch sử hay nói cụ thể hơn là tìm cho Quảng Bình cái mốc thời gian hình thành nên vùng đất này với tư cách là một tỉnh là một việc làm hết sức cần thiết và có ý nghĩa nhằm tôn vinh và đặt nó vào đúng vị trí mà lịch sử thừa nhận.

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi xin được trình bày những suy nghĩ bước đầu của mình nhằm góp phần vào việc xác định thời điểm thành lập của tỉnh Quảng Bình trên một số nét về vị trí địa lý, cương vực lãnh thổ, tình hình dân cư và tập quán văn hóa... Với phần tư liệu và sự kiện chủ yếu được sử dụng tập trung vào thời kỳ Lê - Nguyễn.

(*) Giám đốc Bảo tàng tỉnh Quảng Bình

Về vị trí địa lý, cương vực lãnh thổ của vùng đất Quảng Bình mà ngày nay chúng ta biết được là nhờ vào nguồn tài liệu thư tịch cổ trước đây để lại. Trong hầu hết các tài liệu thư tịch này đều thống nhất khi ghi chép về vùng đất Quảng Bình như sau:

Quảng Bình ngày trước là vùng đất thuộc bộ Việt Thường, 1 trong 15 bộ của nước Văn Lang, đời Tần thuộc Tượng Quận, đời Hán thuộc quận Nhật Nam, đời Đường thuộc Lâm Ấp, đời Tống thuộc đất Chiêm Thành. Vào thời Nhà Lý, sau khi Lý Thái Tông đánh Chiêm Thành Vua Chiêm hiến 3 Châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh cho Đại Việt thì vùng đất hai châu Bố Chính và địa lý là vùng đất thuộc bộ phận Quảng Bình. Đời Lý Nhân Tông đổi Địa Lý làm Châu Lâm Bình, Bố Chính làm Châu Bố Chính. Đời Trần Anh Tông lấy hai Châu Ô, Lý đặt làm Thuận Châu và Hóa Châu. Đời Duệ Tông năm Long Khánh thứ 3 (1375) đổi Lâm Bình thành Tân Bình. Thời thuộc Minh đặt làm hai phủ Tân Bình và Thuận Hóa. Thời Lê Sơ đổi làm hai lộ Tân Bình và Thuận Hóa thuộc Đạo Hải Tây. Năm Hồng Đức thứ 21 (1490) đổi làm xứ lãnh hai phủ Tân Bình và Triệu Phong. Đời Nguyễn Hy Tôn hoàng đế đặt Dinh Bố Chính. Đầu đời Gia Long đặt 3 dinh Trực lệ Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) đổi dinh Quảng Bình làm Trấn Quảng Bình bỏ hai chữ trực lệ. Năm Minh Mệnh thứ 12 đổi trấn Quảng Bình làm tỉnh Quảng Bình...

Nói thêm về phủ Tiên Bình thì đây là phần đất nằm hoàn toàn trên phần lãnh thổ Quảng Bình ngày nay cũng đã trải qua nhiều cái tên với nhiều lần thay đổi cương vực: Tiên Bình vốn trước đây có tên là Tân Bình đến thời Hoàng Định đổi làm Tiên Bình. Năm 1604 Nguyễn Hoàng đổi làm phủ Quảng Bình. Đây là cái mốc quan trọng chúng tôi muốn chọn để xác định làm năm thành lập tỉnh Quảng Bình. Vào thời bấy giờ phủ Tiên Bình bao gồm các vùng đất thuộc huyện Khang Lộc huyện Lệ Thủy, huyện Minh Linh và toàn bộ đất Châu Bố Chính. Châu Bố Chính thời Lê được chia làm hai phần, phần Bắc Bố Chính thuộc Trấn Nghệ An, Nam Bố Chính thuộc

Quảng Bình. Vào thời Gia Long chia hai Châu Bố Chính nội và Bố Chính ngoại về sau đổi thành hai huyện Bố Trạch và Bình Chính lệ vào phủ Quảng Ninh. Năm Minh Mạng 19 (1383) tách đất hai huyện đặt thêm huyện Minh Chính, lệ vào phủ Quảng Trạch. Như vậy thì Châu Bố Chính tương đương với phần đất các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa của tỉnh Quảng Bình hiện nay.

Qua phần tư liệu thư tịch trên đây, ta thấy lịch sử vùng đất Quảng Bình đã trải qua nhiều biến động, thay đổi, nhưng dù ở thời nào thì Quảng Bình vẫn luôn là một đơn vị hành chính có tính độc lập nằm trong lãnh thổ quốc gia phong kiến Đại Việt. Trên thực tế cho đến thời Nguyễn thì Quảng Bình thực sự là một miền đất trọng yếu án ngữ mặt Bắc cho kinh đô của Nhà nước phong kiến lúc đó về mặt địa giới hầu như đã được xác định chắc chắn.

Việc tìm hiểu nguồn gốc cộng đồng dân cư ở Quảng Bình là vấn đề lớn có liên quan đến sự ra đời và phát triển của vùng đất. Nói đến cư dân Quảng Bình trước hết ta phải kể đến những con người thuộc các thời kỳ xa xưa của lịch sử còn tồn tại lúc đó tuy rằng với số lượng không lớn nhưng đây lại là chủ nhân đầu tiên của vùng đất Quảng Bình. Vào các thế kỷ từ thứ II đến thế kỷ X sau công nguyên đất Quảng Bình lại tiếp nhận thêm người Chăm từ phía Nam tràn ra và biến vùng đất này thành một bộ phận lãnh thổ của họ. Tuy sử sách không thấy ghi chép về tình hình dân số người Chăm cư trú nơi đây, nhưng theo chúng tôi thì có lẽ dân số Chăm ở Quảng Bình lúc bấy giờ cũng không nhiều lắm, vì đây là vùng đất biên thùy xa xôi của Vương quốc Chăm pa ở phía Bắc... Cuối cùng thì chủ nhân thực sự có vai trò quan trọng ở đây lại là người Việt. Phần lớn họ được di cư từ phía Bắc vào qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau để dần dần hình thành nên cộng đồng người Việt ổn định có tổ chức ở vùng đất mới khai phá. Sử sách còn ghi từ thời Tiền Lê cho đến các thời Lý - Trần - Lê - Nguyễn đã diễn ra nhiều cuộc di dân có qui mô đến vùng đất Tân Bình. Năm 1075 một chỉ dụ của Vua Lý Nhân Tông kêu gọi người Việt ở phía Bắc đến với xứ này vì ở đó ruộng đất phì nhiêu, tươi tốt. Kết quả là nhiều người đã di thực đến ở vùng đất này. Một học giả người Pháp có tên là Duy-mu-chi-ê khi nghiên cứu về bản đồ học Việt Nam ông đã cho biết vào cuối thế kỷ XV thì phần đất thuộc phía Nam Quảng Bình đây rẫy những làng mạc còn phần Bắc Quảng

Bình thì chỉ có dân cư, xóm làng thưa thớt. Điều này chứng tỏ cư dân làng mạc vùng Nam Quảng Bình có lịch sử lâu đời hơn so với phía Bắc tỉnh. Một chỉ dụ khác được Vua Lê Thái Tổ ban hành vào tháng 4 âm lịch năm 1428, lúc này Tân Bình đã được đổi làm một Châu và lúc bấy giờ đất Tân Bình lại đón nhận thêm những tù nhân bị đày biệt xứ đến châu ở xa kinh thành. Cho đến đầu thế kỷ XV thì Tân Bình được xem như một châu Hải Ngoại là châu cuối cùng mà trên thực tế chính quyền phong kiến nhà Lê thiết lập được. Vào thời Lê Thánh Tông thì lịch sử di dân lập ấp ở châu Bố Chính lại bước sang bước ngoặt mới, vì châu này trên thực tế cho đến lúc này vẫn coi là một châu có dân cư thưa thớt nên vào năm 1467 tức năm thứ 8 dưới niên hiệu Quang Thuận nhà Vua đã ban một chỉ dụ để khuyến khích những người không có tên trong danh bạ của các làng xã hoặc của nhà nước phong kiến đến khai phá lập làng ở đất Bố Chính. Với chỉ dụ này thì sau đó hàng loạt các dòng người lại dồn về đất Bố Chính chẳng bao lâu dân cư tại vùng này lại trở nên đông đúc, xóm làng sầm uất hơn trước. Qua việc nghiên cứu tìm hiểu các dòng họ ở rải rác trên các địa phương trong tỉnh đã phản ánh được một cách trung thực tình hình di thực có chủ định của nhà nước phong kiến các triều đại lúc bấy giờ. Ví như họ Hoàng ở Ung Phước, Quảng Trường (Quảng Trạch); họ Phạm ở Võ Xá, Võ Ninh; họ Nguyễn họ Lê Chiêu, họ Lưu Văn ở Cao Lao; họ Lê ở Lệ Sơn và họ Trần Đình ở Nghĩa Ninh Đồng Hới đều có gia phả để lại hoặc qua tương truyền về việc tổ tiên của họ theo Lê Thánh Tông di thực vào phía nam làm ăn sinh sống. Một vài con số sau đây tuy chưa đầy đủ nhưng cũng phản ánh được phần nào tình hình dân cư Quảng Bình vào thời Lê. Dư địa chí của Nguyễn Trãi cho biết số xã ở phủ Tân Bình riêng phần của 3 huyện, châu địa phận Quảng Bình đã có tới 170 xã chưa kể đến các thôn, trang, sách và nguyên. So với thời Lê Sơ hồi thế kỷ XV đây thực sự là sự phát triển đáng kể về mặt dân số.

Một cái mốc lịch sử có ý nghĩa lớn lao đối với Quảng Bình đó là sự kiện Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa năm 1558. Theo bước chân Nguyễn Hoàng là các cuộc di dân với qui mô tương đối lớn được thực hiện. Sử cũ chép, lúc bấy giờ vào năm 1559 vùng Thanh - Nghệ lụt to hàng trăm nghìn nhà trôi dạt, mùa màng bị tổn hại, nhân dân đói khổ kéo nhau vào Thuận Hóa kiến kế sinh nhai.

Đến năm 1572 nhân dân Nghệ An bị chiến tranh, dịch tễ phiêu bạt ra Bắc hay vào Nam với chúa Nguyễn. Lúc bấy giờ đất Thuận Hóa vốn được khai phá di dân từ các triều đại trước đến nay lại được bổ sung thêm lực lượng lao động mới. Qua tìm hiểu chúng tôi được biết các họ ở Quảng Bình như họ Lương ở Lệ Sơn, họ Nguyễn ở Đồng Hới và Lệ Thủy và còn nhiều dòng họ ở những nơi khác nữa còn có gia phả truyền lại cho biết tổ tiên trước kia cũng đã theo Nguyễn Hoàng vào sinh cơ lập nghiệp tại đây.

Về lĩnh vực văn hóa, vùng đất Quảng Bình có một bề dày lịch sử văn hiến lâu đời. Sách Ô Châu Cận Lục viết về phủ Tân Bình có đoạn: "Ngắm xem có cảnh như thế tất có người như thế, thời với cảnh đổi mới, cảnh với người hợp nhau, dầu khí tượng nước Ngô, phong vật nước Sở cũng không hơn thế được". Ngay từ thời Lê Mạc các làng Thuận Thần, Cổ Hiền đã được nhắc đến như các làng văn vật.

Vào thời nhà Nguyễn, vùng quê Quảng Bình lại nổi danh với 8 làng văn hiến, khoa bảng đó là các làng: Lệ Sơn, La Hà, Cảnh Dương, Thổ Ngọa ở Quảng Trạch và Văn La, Võ Xá, Cổ Hiền, Kim Nại ở Quảng Ninh làm nên "Bát danh hương". Sách Đại Nam Nhất thống chí nhà Nguyễn chép: Các làng Cảnh Dương, Lệ Sơn, La Hà, Thổ Ngọa khoa nào cũng có nhiều người thi đỗ.

Khi nói về khoa cử, ở làng Lệ Sơn đến nay trong dân gian vẫn còn tương truyền câu chuyện có họ Bùi trong một khoa thi đã đỗ 8 ông cống. Một danh sách các nhà khoa bảng Quảng Bình do tác giả Nguyễn Tú công bố trong sách *Quảng Bình nước non và lịch sử* thì trong thời Nguyễn, Quảng Bình đã có tới 214 vị đỗ đạt qua các kỳ thi, đó thực sự là một con số đáng kể. Về phong tục tập quán nhân dân Quảng Bình trải qua mấy thế kỷ phân chia giữa Bắc và Nam Bộ Chính, tuy trong tập quán, thói quen, lối sống có nhiều khác biệt giữa hai vùng nhưng về cơ bản đều có nét tương đồng giống nhau vì yếu tố nguồn gốc cư dân ở đây chủ yếu vẫn là người Việt di cư ở phía Bắc vào, mang theo những giá trị văn hóa truyền thống vào vùng đất mới... Sự kiện năm Minh Mạng thứ 28 (1828) có chiếu cải cách y

phục từ sông Gianh trở ra bắt đàn bà con gái không được mặc váy là sự thể hiện ý chí thống nhất về mặt lãnh thổ văn hóa của các Vua nhà Nguyễn.

Với vị trí văn hóa của vùng đất Quảng Bình, vào thời Minh Mạng triều đình đã bình chọn và cho đúc vào cửa đỉnh 3 hình tượng tiêu biểu cho giá trị văn hóa Quảng Bình, đó là vào năm Minh Mạng thứ 17 hình tượng Quảng Bình Quan được khắc vào Nghị Đỉnh. Năm Minh Mạng thứ 19 lấy hình tượng núi Hoành Sơn khắc vào Huyền Đỉnh và cũng vào năm này lấy hình tượng sông Linh Giang (sông Gianh) khắc vào Chương Đỉnh.

Thế kỷ 16-17 là thời điểm phồn vinh của sự giao lưu kinh tế, buôn bán giữa các nước trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, giữa châu Á với các nước phương Tây. Theo các nhà khảo cổ học Nhật Bản cho biết thì gốm sành Mỹ Cương (thuộc xã Nghĩa Ninh - Đồng Hới) có niên đại thế kỷ XVII - XVIII đã có mặt trên đất Nhật Bản thông qua con đường mậu dịch của cảng biển Hội An với các nước và khả năng Gốm Mỹ Cương có thể còn có mặt ở cả Ai Cập và một số nước khác trong khu vực.

Qua phần vừa trình bày trên đây chúng tôi xin có một vài nhận xét như sau:

1 - Thời gian xác định cụ thể cho việc thành lập tỉnh Quảng Bình chúng tôi lấy mốc từ năm 1604 với sự kiện Chúa Nguyễn Hoàng đổi tên Trấn Tiên Bình thành phủ Quảng Bình. Lý do để chọn mốc này là theo chúng tôi thì vào đầu thế kỷ XVII những tiền đề, điều kiện cần thiết cho sự ra đời của một tỉnh đã xuất hiện với cương vực địa lý hành chính được xác lập có số lượng dân số cho phép để có khả năng hình thành nên các thôn ấp, làng xã làm cơ sở xã hội để nhà nước phong kiến thiết lập nên hệ thống chính quyền quản lý thống nhất toàn bộ vùng đất và trên thực tế một lãnh thổ văn hóa thống nhất cũng đã xuất hiện vào thời kỳ này.

2 - Mặc dù thời gian sau đó vùng đất Quảng Bình lại rơi vào tình trạng chia cắt do các cuộc chiến tranh nội chiến triền miên, tiêu biểu là cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài, có lúc phần Bắc Bó

Chính bị chia cắt nhập vào đất Nghệ An. Nhưng nhìn chung thì phần lãnh thổ Quảng Bình chạy dài từ dãy Hoành Sơn đến miền Hạ Cờ Lê Thủy đều nằm trong phần lãnh thổ thống nhất đã được xác định.

3 - Do vị trí địa lý lịch sử hết sức đặc biệt của vùng đất Quảng Bình nên chúng tôi xem xét việc thành lập tỉnh trong một quá trình phát triển của lịch sử vùng đất với mốc mở đầu là năm 1604 và mốc kết thúc quá trình này là vào năm Minh Mạng 12 (1831) với việc đổi trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình.

Cuối cùng, đối với chúng tôi thì cái mốc mở đầu vào năm 1604 thật sự có ý nghĩa để cho vùng đất Quảng Bình có được một cái tên cho đến bây giờ. Lịch sử vùng đất từ đó cho đến nay cũng đã có gần 400 năm tuổi.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ VIỆC LỰA CHỌN MỐC LỊCH SỬ THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

PHAN XUÂN THỦY^(*)

I - QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN VẤN ĐỀ

Để có cơ sở xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình theo tôi nghĩ chúng ta phải tiếp cận nhiều vấn đề liên quan, lô-gíc mang tính liên tục và tính giá trị... nghĩa là các vấn đề nằm trong một chính thể thống nhất còn gọi là một thể chế nhất định về: cương vực, giới hạn, chủ quyền, đặc điểm kinh tế, xã hội của cộng đồng, bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống cộng đồng dân cư... Do đó mốc lịch sử được lựa chọn đối với các tỉnh thành trong cả nước có những chỗ riêng biệt khác nhau song mốc lịch sử phải phản ánh được một giai đoạn phát triển của lịch sử có giá trị như là: đánh dấu một sự kiện lịch sử, một bước ngoặt biểu hiện qua quá trình phát triển xuyên suốt của lịch sử, vùng đất và con người. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của sử học Mác-xít, luôn luôn coi sự phát triển là một nguyên tắc của lịch sử. Nói đến lịch sử là nói đến sự vận động và phát triển. Ngày thành lập tỉnh Quảng Bình trên một mức độ nhất định cũng thể hiện cho một giai đoạn phát triển của lịch sử.

II - QUẢNG BÌNH TRONG DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

Theo quan điểm trên, chúng tôi thấy rằng quá trình hình thành và phát triển của Quảng Bình từ trước tới nay trải qua quá trình có nhiều biến động thay đổi, song Quảng Bình luôn luôn nằm trong sự phát

(*) Trưởng phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình.

triển, tiến trình chung của dòng chảy lịch sử.

Chúng tôi có thể chia ra mấy thời kỳ như sau:

- Thời kỳ Hùng Vương nước Văn Lang chia thành 15 bộ, Quảng Bình hiện nay nằm trong bộ Việt Thường tức nằm trong lãnh thổ Việt Nam thời kỳ mới dựng nước.

- Năm 192 vùng đất Quảng Bình thuộc lãnh thổ nước Lâm Ấp có lãnh thổ từ Đèo Ngang trở vào.

- Từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XVI thuộc quốc gia Đại Việt mở đầu bằng sự kiện: ngày 24/2/1069 Lý Thánh Tông hạ chiếu thân chinh, Lý Thường Kiệt làm đại tướng quân tiến đánh Chiêm Thành, vua Chiêm là Rudravarman III phải cắt 3 châu Bố Chánh, Địa Lý, Ma Linh (Quảng Bình và bắc Quảng Trị ngày nay) nhường cho nhà Lý. Quốc gia Đại Việt tiếp tục mở rộng và liên tục 6 thế kỷ từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XVI Quảng Bình là biên ải, phen dậu phía nam của Quốc gia Đại Việt. Cũng trong thời kỳ này Quảng Bình phát triển trong một quốc gia có lúc đã đạt tới đỉnh cao của sự thịnh trị (đó là thời Vua Nhân Tông (1072 - 1127). Thời kỳ này lịch sử đã ghi "Vua nghe lời can ngăn, cầu kẻ hiền tài, ít tạp dịch, thuế khóa nhẹ; bây giờ nước lớn phải sợ, nước nhỏ phải mến, thần giúp người theo, dân thì đông, giàu, mình thì Thái Bình" ⁽¹⁾.

- Thời kỳ từ cuối thế kỷ XVI đến trước năm 1945: Thời kỳ này có đặc điểm cần chú ý, năm 1558 Nguyễn Hoàng tiến hành khai phá, trấn ngự và thiết lập hệ thống hành chính Đàng Trong, cho đến giữa thế kỷ XVIII họ Nguyễn đã làm chủ một vùng đất rộng lớn từ Nam dải Hoành Sơn cho đến mũi Cà Mau - hình thành 12 đơn vị hành chính trong đó có Quảng Bình ngày nay. Cùng với sự thăng trầm của lịch sử Quảng Bình vẫn luôn ở trong một thiết chế xã hội của một nước.

- Thời kỳ 1945 đến nay: Tỉnh Quảng Bình nằm trong sự phát triển đi lên của đất nước Việt Nam.

III - XEM XÉT VÀ LỰA CHỌN THỜI ĐIỂM LỊCH SỬ

Đứng dưới giác độ nhận thức vấn đề qua quá trình vận động của

lịch sử tôi mạnh dạn đưa ra 3 thời điểm sau để xem xét.

3.1 - Thời điểm 1069: Năm ở thời Nhà Lý - thuộc quốc gia Đại Việt.

- Đây là năm đánh dấu Quảng Bình trở thành bộ phận của một quốc gia thống nhất. Bắt đầu từ đây vùng đất, con người Quảng Bình hiện nay được gắn với lịch sử phát triển của đất nước trên mọi phương diện về quân sự, kinh tế, chính trị văn hóa xã hội. Loại trừ mục đích chính trị thì đây là việc làm mang tính tiến bộ, thể hiện sức mạnh Đại Việt, sự mở đầu cho việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Đại Việt. Đây cũng là thời kỳ mở đầu quá trình thực hiện chính sách di dân, lập ấp khai phá ruộng đất, mở rộng phát triển kinh tế của các triều đại phong kiến từ Lý đến Trần, Hồ, Lê, Mạc... sau này. Nhất là thời kỳ thuộc nhà Nguyễn và Tây Sơn, đặc biệt là nhà Nguyễn.

- Xét về lĩnh vực xã hội, văn hóa năm 1069 cũng là mốc khởi đầu cho sự xây dựng phát triển các tập quán văn hóa, mang bản sắc riêng của Việt Nam ở những vùng đất mới.

- Tuy vậy năm 1069 xét trên mọi phương diện cấu thành nên một địa phương mới chỉ là ở điểm xuất phát, tên danh xưng cũng chưa xuất phát ở đây, mãi tới 1075, dưới thời Lý Nhân Tông vâng mệnh triều đình Lý Thường Kiệt chính thức cho vẽ bản đồ 3 Châu và đổi tên các châu: Đổi Châu Địa Lý thành Châu Lâm Bình, Bố Chính thành Bố Chính, Ma Linh thành Minh Linh - chiêu dân lập ấp⁽²⁾. Địa bàn Quảng Bình lúc đó gồm: Châu Bố Chính, Lâm Bình và một phần Châu Minh Linh⁽³⁾. Yếu tố danh xưng có chữ "Bình" nhưng đây chỉ là danh xưng thuần túy không có ý nghĩa cải cách và tạo ra những thay đổi gì lớn về mặt xã hội. Đồng thời danh xưng có chữ "Bình" mới giới hạn ở một phần lãnh vực phía nam của tỉnh Quảng Bình ngày nay.

Như vậy vào thời điểm 1069 Lý Thường Kiệt là người khai canh, mở mang thôn, ấp giữ yên bờ cõi, đến năm 1075 chính thức xác lập chủ quyền nhưng xét về mặt địa lý, tổ chức xã hội, phân cấp quản lý chưa rõ, ý nghĩa tên gọi chưa có tính liên tục tới ngày nay.

3.2 - Thời điểm 1604.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng nghe theo lời khuyên của Trạng nguyên Nguyễn Bỉnh Khiêm xin vua Lê vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa, năm 1570 cai quản luôn vùng đất Quảng Nam. Đến giữa thế kỷ XVIII kể từ khi Nguyễn Hoàng ra đi từ đất Bắc, trở lại Thuận Quảng họ Nguyễn xây dựng vùng đất Đàng Trong thành một lãnh địa riêng. Cũng từ đó gắn với sự phát triển địa danh Quảng Bình tiếp tục thay đổi tên gọi, năm 1600 là Phủ Tân Bình. Năm 1604 sau khi thiết lập chính quyền cát cứ phía Nam, Nguyễn Hoàng thống nhất lại đơn vị hành chính và chính thức đặt tên mới cho vùng đất phủ Tân Bình cũ thành tên gọi mới là phủ Quảng Bình trực thuộc dưới phủ có huyện và châu.

Nhìn nhận và soi rọi vào quá trình hình thành và phát triển của nước Việt Nam ngày nay và quá trình phát triển của lịch sử Quảng Bình thì mốc lịch sử này thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Xét về quá trình phát triển của đất nước, đây là năm đánh mốc thời gian đầu tiên khai sinh tên gọi của tỉnh Quảng Bình ngày nay, cũng là năm bắt đầu cho việc hoàn thiện vùng đất phía nam của nước ta. Quảng Bình từ 1604 đến giữa thế kỷ XVIII gắn với việc mở mang vùng đất miền Nam, hình thành cộng đồng dân cư, làng xã, truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, chống thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Về mặt lịch sử trong suốt gần 200 năm họ Nguyễn cát cứ ở miền Nam, nhân dân hai miền Nam - Bắc vẫn không xem nhau là người nước khác, và mặc dù có sự ngăn cấm của chính quyền người hai miền vẫn qua lại buôn bán với nhau, nhất là bằng đường biển. Để phân biệt, người ta chỉ gọi nhau là Đàng Trong và Đàng Ngoài. Ngay cả họ Nguyễn, mặc dầu cát cứ cũng phải theo niên hiệu nhà Lê, còn đối với họ Trịnh thì mỗi khi đi đánh họ Nguyễn cũng chỉ nêu danh nghĩa đi đánh kẻ phản thần để khôi phục thống nhất. Cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn lần lượt xô đổ hai chính quyền đối địch, họ Nguyễn và họ Trịnh, chính đã tạo cơ sở cho cuộc khôi phục thống nhất mà nhà Nguyễn được thừa hưởng. Việc mở

mang bờ cõi, tạo dựng cơ nghiệp của chúa Nguyễn với sự khởi nghiệp của Nguyễn Hoàng mà Quảng Bình là địa bàn phen dậu của nhà Nguyễn ở phía bắc được bắt đầu bằng tên gọi "Quảng Bình" vào năm 1604.

- Cùng với sự phát triển về các mặt kinh tế, văn hóa xã hội, sự lớn mạnh về hệ thống tổ chức chính quyền, hình thành các thiết chế xã hội thì về mặt địa giới, đơn vị hành chính mà phủ Quảng Bình thành lập năm 1604 đến thời Minh Mạng 1831 và tỉnh Quảng Bình ngày nay ít có sự thay đổi không nói là cơ bản trùng khít.

+ Huyện Khang Lộc - Nhất Thống chí (Quảng Bình) chép rằng: Thời Lê sơ là Kiến Lộc, sau đổi làm Khang Lộc (Thời Hồng Đức), năm Gia Long thứ 5 (1806) đổi làm Phong Lộc. Hiện nay là huyện Quảng Ninh⁽⁵⁾

+ Huyện Lệ Thủy: Nay cũng là huyện Lệ Thủy:

+ Châu Bố Chính: Từ thời Trung Hưng đến Tự Đức năm thứ 28 (1874) qua nhiều lần thay đổi địa bàn trực thuộc song đến nay châu Bố Chính là tương đương với đất của huyện: Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa ngày nay.

+ Ngoài ra ở bắc Bố Chính có nguồn Cơ Sa và nguồn Kim Linh trong thời kỳ thuộc Pháp là 2 tổng Kim Linh và Cơ Sa là huyện Minh Hóa ngày nay.

- Vấn đề nữa là mốc năm 1604 xuất hiện danh xưng "Quảng Bình" cho tới ngày nay. Danh xưng "Quảng Bình" liên tục được giữ vững mặc dù năm 1802 thời Gia Long có sự thay đổi gọi là "Quảng Bình dinh" năm 1831 dưới thời vua Minh Mạng là "tỉnh Quảng Bình".

3.3 - Thời điểm 1831.

- Năm 1802, sau khi đánh bại Triều Tây Sơn, làm chủ toàn bộ lãnh thổ Đàng Trong và Đàng Ngoài, Nguyễn Ánh tự đặt niên hiệu là Gia Long lập ra nhà Nguyễn. Về mặt hành chính năm 1806 Gia Long đặt tên mới Doanh Quảng Bình. Năm 1827 Minh Mạng đổi làm Trấn Quảng Bình. Năm 1831 Trấn Quảng Bình đổi làm tỉnh Quảng Bình.

+ Như vậy lần đầu tiên Quảng Bình có cả tên gọi và cấp độ hành chính là tỉnh trùng với ngày nay là tỉnh Quảng Bình.

+ Vùng đất trùng hợp với địa giới Quảng Bình ngày nay.

+ Năm 1831 cùng với các tỉnh như Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên... có tên như ngày nay mà một số tỉnh đã lựa chọn lấy đó làm mốc thành lập tỉnh như Hà Nam, Hà Tĩnh...

- Song mốc 1831 đối với tỉnh Quảng Bình không phải là mốc khởi đầu cho một quá trình phát triển của lịch sử Quảng Bình, không phù hợp với việc tạo lập, khai canh, lập nghiệp của cộng đồng dân cư Quảng Bình.

- Vấn đề nữa đây chỉ là việc cải cách hành chính mà không có sự thay đổi lớn về địa bàn, cũng như tổ chức thiết chế xã hội của Quảng Bình mà chỉ có ý nghĩa từ phủ đến trấn, doanh và tỉnh. Về quy mô, mức độ thì không có sự thay đổi nhiều.

3.4 - Đề xuất ngày thành lập tỉnh.

Khi đưa ra 3 mốc nói trên để suy nghĩ lựa chọn ngày thành lập tỉnh thích hợp với quá trình hình thành và phát triển của tỉnh ta với một góc nhìn nhỏ song mạn phép cho chúng tôi xin kiến nghị lấy mốc là năm 1604 làm năm thành lập tỉnh Quảng Bình. Nếu được như vậy thì tới đây năm 2004 tỉnh Quảng Bình vừa tròn 400 tuổi.

1. *Lịch sử Việt Nam – Tập I – NXB Giáo dục năm 2000 – Trang 165.*

2. *Phủ biên tạp lục – Quyển I*

3. *Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử – Thư viện Quảng Bình – Xuất bản năm 1988*

4. *Theo Đất nước Việt Nam qua các đời – NXB Thuận Hóa 1998 – Trang 122, 239*

5. *Sách đã dẫn trang 197 – 198.*

QUẢNG BÌNH: ĐỊA GIỚI, THIẾT CHẾ HÀNH CHÍNH VÀ VIỆC XÁC ĐỊNH THỜI ĐIỂM KHAI SINH

Th.S TRẦN ĐÌNH HẰNG (*)

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước hết, chúng ta cần khẳng định rằng, mọi vùng đất, từ thuở nguyên sơ, đều có độ tuổi xấp xỉ nhau; vấn đề là ở chỗ cần xác định được tính xã hội - tức là dấu ấn con người, thì vùng đất mới mang được hơi ấm lịch sử. Đó là quá trình tụ cư của cộng đồng người, hình thành nên khung bộ máy điều hành hoạt động và quan trọng nhất chính là qua đó, định hình nên được những nét đặc trưng của cộng đồng mà ngày nay, chúng ta vẫn có thể nhận ra.

Suốt dặm dài lịch sử dân tộc, quá trình Đông tiến rồi Nam tiến, Tây tiến khởi xuất từ vùng trung du Bắc Bộ đã góp phần quan trọng trong việc kiến tạo quốc gia lãnh thổ, dần dần đứng vững và đối thoại bình đẳng với các lân bang cũng như khu vực, quốc tế. Trên chặng đường ấy, có nhiều biến đổi bởi vừa sáng tạo vừa kiểm nghiệm để khảo chứng thực tế, cho nên có thể thấy, địa giới và thiết chế hành chính của một vùng đất luôn mang đậm tính lịch sử - tức là biến động tương ứng qua từng thời kỳ - và điều đó lại càng được thể hiện rõ nét ở Quảng Bình, một trong những

(*) Phân viện Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật miền Trung - Bộ Văn hóa Thông tin.

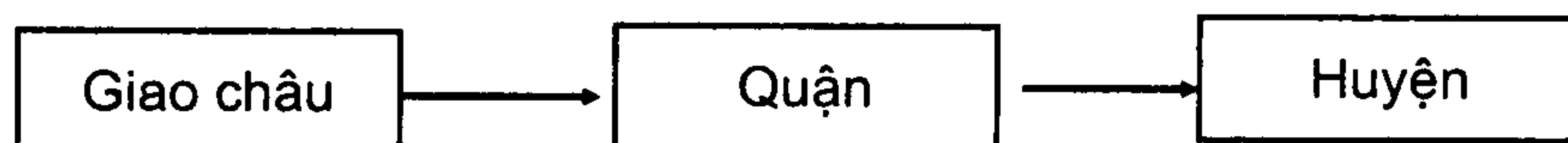
vùng Bắc thuộc xa xôi, cực bắc Lâm Ấp - Hoàn Vương - Champa, trọng trấn - phen dậu phương Nam của các triều đại phong kiến Việt Nam, nơi giao tranh giằng co Trịnh - Nguyễn, hai miền Nam Bắc...

Xã hội ngày càng phát triển, kéo theo sự thành hình của một loạt những quy chuẩn và đặc biệt ở đây chính là những lệ định *chính thống*, tạo hình mẫu cho cộng đồng bằng việc thể chế hóa, chính quy hóa. Cũng như ở trên, điển lệ ở đây lại mang tính lịch sử, và chúng ta không thể nhầm lẫn các giai đoạn lịch sử khi nhìn nhận vai trò của một loại hình, một sự kiện lịch sử. Ví như họ Nguyễn chia đặt hàng xã qua 3 cấp độ, theo đỉnh số (không thấy tiêu chí cụ thể về ruộng đất của mỗi loại xã) là đại xã, trung xã và tiểu xã: đại xã có từ 100 - 999 đỉnh, trung xã: từ 70 đỉnh trở xuống và tiểu xã có đến 30 đỉnh⁽¹⁾, hoặc Lệ định tháng 7/ Thành Thái năm đầu phân định quy mô tỉnh theo ba cấp: Tỉnh lớn [1 Tổng đốc, 1 Bố Chánh (sau không đặt nữa), 1 Án sát, 1 đốc học], Tỉnh trung bình [1 Tuần phủ, 1 Án sát, 1 đốc học], Tỉnh nhỏ [1 Bố chánh, 1 án sát]. Ngày nay, thành phố bậc I phải có từ 1 triệu dân, từ 70% dân số phi nông nghiệp v.v...

Và chúng ta cũng không thể nào đặt ngang bằng khi so sánh đơn vị tỉnh hiện nay hay dưới thời Minh Mạng với phủ, huyện, châu các giai đoạn lịch sử trước đó. Xin lưu ý rằng ở đây, các khái niệm này càng lùi xa lịch sử hiện đại, càng rộng lớn hơn.

II - LƯỢC SỬ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VIỆT NAM VÀ TRƯỜNG HỢP VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH:

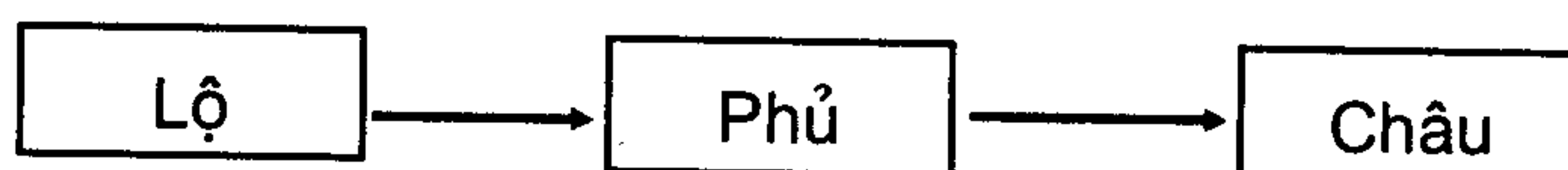
- *Thời Bắc thuộc:*



- Thời Đinh - Tiền Lê:

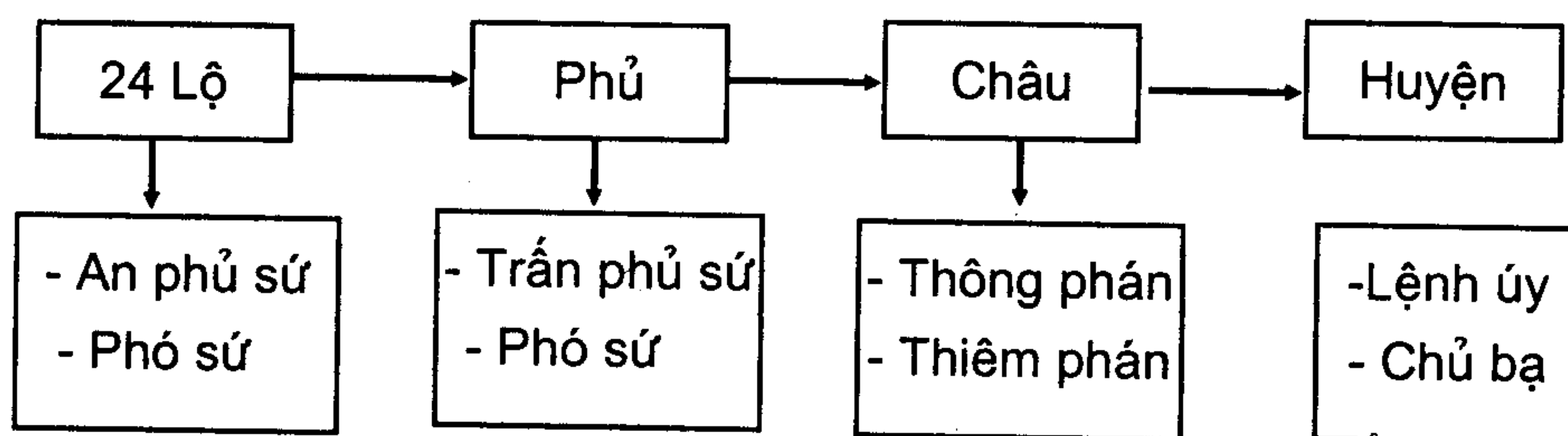
+ Chia cả nước làm 10 đạo

+ Lê Đại Hành đổi làm Lộ, Phủ, Châu



- Thời Lý - Trần:

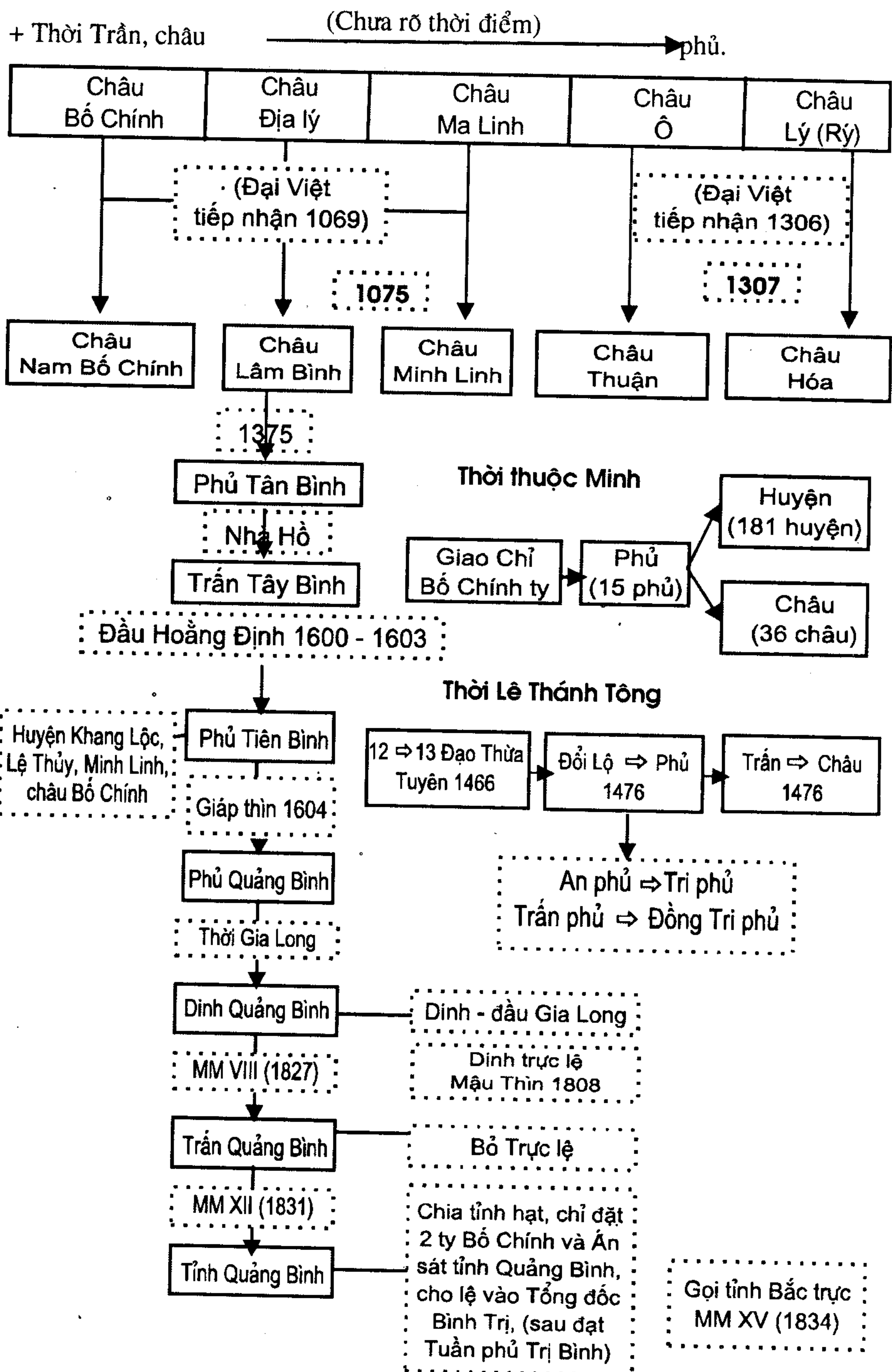
+ Lý Thái Tổ chia cả nước làm 24 lộ



+ Riêng Ái châu, Hoan châu, gọi là Trại

+ Năm 1242/Trần Thái Tông, chia cả nước làm 12 lộ

(Xem tiếp sơ đồ trang 114)



III - CƠ SỞ XÁC ĐỊNH

1. Tính kế thừa, phát triển liên tục và đạt tới sự ổn định

Trước hết cần khẳng định tính lịch sử của các vùng đất, mô hình thiết chế hành chính qua các thời kỳ tương ứng của chính vùng đất đó. Ví dụ, trước thời Minh Mạng, tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam chưa hề có khái niệm "*TỈNH*" mà "*CÁI GỌI LÀ TỈNH*" đó có thể là tương đương với PHỦ, TRẤN, DINH. Lịch sử là cả một quá trình kế thừa, việc đổi tên hay cải cách hành chính nhằm khẳng định, xác lập chủ quyền quốc gia một cách hữu hiệu nhất. Đại Việt tiếp nhận ba châu cực Bắc Champa năm 1069, làm tiền đề cho sự kiện đổi tên năm 1075 mà gắn liền với nó là việc Lý Thường Kiệt vào vẽ bản đồ sông núi, cũng như Đoàn Nhữ Hài sau này vào "*Tuyên bố đức ý*".

Xâu chuỗi theo dòng lịch sử, trải các giai đoạn CHÂU - PHỦ - TRẤN ở một vùng biên địa đầy biến động, đến thời chúa Nguyễn, PHỦ TÂN BÌNH mới được tập trung xây dựng như là một trọng địa cực Bắc trong chiến lược cát cứ xứ Nam Hà và việc đổi tên thành PHỦ QUẢNG BÌNH (Giáp Thìn 1604) như là kết quả quan trọng của sự kế thừa.

2. Định danh, tính ổn định

Tính ổn định của một thiết chế, một vùng đất còn được thể hiện rõ nét qua việc định danh. Việc đổi tên ngoài mục đích khẳng định sự xác lập mới, còn là khát vọng, niềm mơ ước của cả cộng đồng. Chữ BÌNH ở vùng biên địa trọng trấn, phen dậu, "*đất lòng dạ*" được giữ mãi kể từ khi CHÂU ĐỊA LÝ được đổi thành CHÂU LÂM BÌNH năm 1075 và trải các tiền tố LÂM - TÂN - TÂY - TIÊN, QUẢNG được ổn định kể từ năm 1604 mãi đến tận ngày nay.

Chúng ta chưa có được những tài liệu xác định tiêu chí cụ thể của từng cấp hành chính tương đương "*tỉnh*" qua các thời kỳ, kể cả trong Lệ định Thành Thái năm đầu mà chỉ có được những quy định quy mô cấp xã như trên đã trình bày. Tuy vậy, có thể thấy được quy mô cũng như sự ổn định của Quảng Bình hồi đầu thế kỷ XVII trong xu

thế của một thể chế đậm tính quân sự chuyển dần sang dân sự. Từ buổi đầu đứng chân, nhà chúa cai quản trực tiếp các phủ, đầu năm 1570 kiêm quản Thuận - Quảng, huyện Điện Bàn được nâng lên thành phủ, lệ vào xứ Quảng Nam. Sau cải cách 1614 - 1615 dưới thời Sãi vương, *Chính dinh* có Tam ty là *Xá sai ty*, *Tướng thần lại ty* và *Lệnh sử ty*⁽²⁾. Sau cải cách Võ Vương, Phủ mới thực sự hoạt động thay thế cho vai trò Dinh với các chức danh Tri phủ, Đề lại, Thông lại, Huấn đạo, Lễ sinh.

Thiết chế và cương giới phủ Tân Bình - Tiên Bình - Quảng Bình gần như ổn định, chỉ có một vài cải đổi nhỏ như châu Minh Linh thành huyện Minh Linh (từ năm 1570), châu Bố Chính thành Nam Bố Chính và Bắc Bố Chính - sau này chỉ còn châu Nam Bố Chính, ở thời Trịnh Nguyễn phân tranh (Nguyễn chiếm 7 huyện Nghệ An - cho lệ vào Quảng Bình; Trịnh chiếm từ bờ Bắc sông Gianh). Phủ Quảng Bình bao gồm:

- Phủ Tân Bình thuộc Thuận Hóa - Thừa Tuyên Sứ ty quản 2 phủ 8 huyện 4 châu/Hồng Đức định bản đồ (Phủ Triệu Phong: huyện Kim Trà, Đan Điện, Hải Lăng, Tư Vang, Điện Bàn, Vũ Xương; châu Thuận Bình, Sa Bôi):

- + Huyện Khang Lộc (4 tổng, 80 xã, 7 thôn, 4 trang)
- + Huyện Lệ Thủy (6 tổng, 20 xã, 2 trang)
- + Châu Bố Chính (12 tổng, 64 xã, 24 phường, 20 trang)
- + Châu Minh Linh (8 tổng, 20 xã).

- Phủ Quảng Bình thời chúa Nguyễn/Phủ biên tạp lục (3 huyện, 1 châu, 200 xã, 28 thôn, 80 phường, 11 trang (phủ Triệu Phong có 5 huyện, 398 xã, 23 thôn, 122 phường):

+ Huyện Khang Lộc (6 tổng: An Lại, Phúc Lộc, Thạch Bông, Hanh Phố, Trung Quán, An Đại).

+ Huyện Lệ Thủy (5 tổng: Thượng Phúc, Thạch Xá, Đại Phúc Lộc, Thủy Liên, An Trạch).

+ Huyện Minh Linh (5 tổng: An Xá, Minh Lương, Bái Trời, Thủy Ba, Yên Mỹ).

+ Châu Nam Bố Chính (2 tổng, Trứ Lễ, Lương Xá).

Như vậy, vùng đất Quảng Bình khá ổn định, cương giới mặt Bắc khẳng định, giữ vững nhờ vào Hoành Sơn và chỉ có phía Nam biến động, đến thời Nguyễn mới chuyển huyện Minh Linh lệ vào phủ Thừa Thiên. Trong vai trò biên viễn, họ Nguyễn rất linh hoạt trong việc áp dụng những giải pháp mềm dẻo thích ứng. Dân chúng hai huyện Khang Lộc, Lệ Thủy được miễn thuế thường tân, tiết liệu - riêng các mục thuế khác của huyện Khang Lộc lại có mức ưu đãi hơn; Nam Bố Chính chỉ nộp thuế sai dư - trong đó hạng đào lại được miễn... do công phu khó nhọc phục vụ việc xây hào đắp lũy chống Trịnh (Phủ biên, tr.60). Sử triều Nguyễn chép rằng năm Mậu Thân (1608), xứ Thuận - Quảng *"được mua to, mỗi đấu gạo giá 05 đồng tiền. Bấy giờ từ Nghệ An ra Bắc bị đại hạn, giá gạo đắt, nhiều dân xiêu giạt chạy về [với Chúa]"*. Hơn nữa, tình hình xã hội cũng rất trù mật: *"Quân dân đều an cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp, thuyền buôn các nước đến nhiều"* (Tiền biên, tr. 36, 43).

Nhờ vậy, họ Nguyễn mới có thêm cơ sở để từng bước cát cứ. Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, lo *"trung thu đốc suất lương tiền về kinh tiến nạp"* nhưng từ năm Giáp Tý (1624), chúa Sãi *"không đến triều cống cho nhà Lê nữa"* (Nam Hà tiếp lục, tr. 12 - 13). Sự lẩn lữa của Nam Hà về nghĩa vụ thuế khóa đã trở thành cơ cho họ Trịnh nam chinh hồi tháng 2/ Đinh Mão (1627)⁽³⁾.

Những chính sách an dân của chúa Nguyễn kịp thời kết dính, xâu chuỗi, thống nhất nhu cầu đời sống tâm linh trong toàn xã hội, lấy nhân tâm làm nền tảng cho ổn định và phát triển xã hội. Vấn đề thu hút, tuyển dụng nhân tài, xác lập tư tưởng - tôn giáo chính thống đặc thù... là những bước cơ bản để đạt đến một quy chuẩn, đó là sự ổn định tối cần thiết làm nền tảng cũng như tính định hướng xuyên suốt; nhờ đó mà họ Nguyễn có được thần dân đông đảo, xây dựng Đàng Trong thành một quốc gia hùng mạnh, giải thích cho *"điều đáng kinh ngạc là họ Nguyễn đã thành công trong việc thiết lập một quốc gia thống nhất trong nhiều thế kỷ tại một lãnh thổ ít cấu kết chặt chẽ nhất thế giới"* (Lịch sử kinh tế - xã hội Đàng Trong... tr.1).

Từ sự ổn định đó, cốt cách cộng đồng mới có điều kiện định hình, để rồi được ghi nhận một cách rõ nét: *"Phủ Quảng Bình tính dân thực thà và tốt, đều yên phận làm ăn ở thôn quê, ít khi ra ngoài đi xa, có khi không biết huyện bên cạnh đi đường lối nào, không biết Phú Xuân phong cảnh thế nào". Trong khi phủ Triệu Phong thì "nhiều dân ngụ cư, lêu lổng không nghề nghiệp nhưng dân thổ trước các xã thôn thì cũng yên phận làm ăn, không quen đến thành thị, tục ấy rất tốt, trong sạch ít việc, cần chớ quấy nhiễu... "Phủ biên... tr. 138).*

3. Tính tương đồng

Họ Nguyễn đứng chân ở vùng đất này là Trị Thiên, ổn định mặt Bắc và hướng dân về Nam và ở đó, cũng dần dần xác lập sự ổn định. Xứ Thuận Hóa có hai phủ là Quảng Bình và Triệu Phong. Phủ Triệu Phong, cho đến thế kỷ XVI vẫn còn kiêm quản huyện Điện Bàn, đến cải cách năm 1570 mới chuyển thuộc xứ Quảng Nam, còn lại các huyện Vũ Xương, Hải Lăng, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang - về sau đều thuộc địa giới Trị Thiên. Tương tự ở xứ Quảng Nam là các phủ Thăng Hoa (3 huyện) sau cộng với huyện Điện Bàn - trở thành đất Quảng Nam - Đà Nẵng sau này; huyện Tư Nghĩa (3 huyện - trở thành đất Quảng Ngãi) và Hoài Nhân (3 huyện - trở thành đất Bình Định)...

Thời chúa Nguyễn, quá trình kiện toàn bộ máy hành chính các cấp được tiến hành liên tục, qua các đợt cải cách 1570, 1614, 1774. Hệ thống các dinh được thành lập⁽⁴⁾, mỗi dinh quản hạt một phủ - riêng dinh Quảng Nam thống quản 3 phủ, trực tiếp nắm Thăng Hoa; còn ở Quảng Ngãi, Quy Nhơn thì đặt thêm các chức Tuần Phủ, Khâm lý. Ngoài Chính dinh, các dinh còn lại đều có một trấn thủ, cai bạ, ký lục và mỗi dinh, có một hay hai trong số Tam ty. Trong bối cảnh đó, ở Quảng Bình đều có Ký lục, Cai hợp và Xá Sai ty để lo việc khám xét từ tụng văn án; các dinh Lưu Đồn, Bố Chính được đặt ra ở miền trọng trấn biên viễn, tồn tại trong vai trò những đồn binh.

*

* *

Việc xác định thời điểm khai sinh một vùng đất, một thiết chế hành chính được cấu thành trên nhiều yếu tố, cơ sở, và địa giới, thiết chế hành chính chính là những điều kiện cơ bản, để từ đó, phân định - đánh dấu sự phát triển vượt bậc so với các giai đoạn trước đó cũng như tạo tiền đề ổn định cho cả một quá trình phát triển lâu dài về sau. Các yếu tố đó phải đảm bảo tính kế thừa, phát triển liên tục và đạt tới sự ổn định; định danh, tính ổn định và tính tương đồng. Một vùng biên địa trọng trấn, phen dậu phương Nam, "đất lòng dạ" chỉ mới bước đầu được yên kể từ khi họ Nguyễn đứng chân, tạo tiền đề ổn định cho sự phát triển của một vùng đất trong lịch sử. Các khái niệm về danh xưng đơn vị hành chính luôn mang đậm tính lịch sử, có nghĩa là nó biến động và mang giá trị của một thời kỳ lịch sử. Như vậy, từ khởi nguyên về với Đại Việt năm 1069, trải các giai đoạn, dưới nhiều hình thái khác nhau, quá trình phát triển liên tục đó đã dần dần định hình nên được vùng đất này, cụ thể với danh xưng *phủ Quảng Bình* năm Giáp Thìn 1604, là một mốc son quan trọng trong tiến trình lịch sử vùng đất phía Nam Hoàng Sơn này.

(1) *Tiền biên*, tr. 165 – 166. Nhưng *Lê Quý Đôn* lại cho biết đại xã có trên 100 đình, trung xã trên 50 đình và tiểu xã có từ 50 đình trở xuống (*Phủ biên... tr. 183*). Thể thức duyệt tuyển năm *Đình Hối (1707)* quy định số tướng thân, xã trưởng địa phương căn cứ vào quy mô của xã (*Tiền biên*, tr. 164 – 165): Xã có từ hơn 400 người đến 900 người thì có 18 tướng thân xã trưởng, tương tự 200 – 400 người/8, 71 – 199/2, 70/1.

(2) *Xá Sai* ty giữ việc từ tụng văn án: do 01 *Đô tri*, 01 *Ký lục* đứng đầu cùng 03 *Câu kê*, 07 *Cai Hạp*, 10 *Thủ hạp* và 40 *Ty lại*. *Tướng Thân Lại* ty thu tiền sai dư và thóc ở các huyện; phát lương tháng cho các đình đạo *Lưu Đôn*, *dinh bộ* – *dinh thủy Quảng Bình*, *dinh Bố Chính*; phát tiền cho các quân cung cấp lính các xã và cấp vi tử, đứng đầu là 01 *cai bạ*, 03 *Câu hệ*, 07 *Cai hạp*, 10 *Thủ hạp* và 40 *Ty lại*. *Lịch sử* ty đảm trách việc lễ tiết các từ đường, phát lương tháng cho quân ở *Chính dinh*; thu tiền sai dư, thóc tô ruộng của huyện *Phú Vang* và trông coi các quan điền; gồm 01 *Nha úy* cùng số chức dịch như trên (*Phủ biên*, tr. 144).

(3) Năm *Canh Ngọ (1630)*, đắp lũy *Trường Dục*, năm sau lại đắp lũy

Động Hối (Nhật Lệ). Năm Canh Dần (1662), lũy Trấn Ninh được đắp để làm thế đỡ nhau với lũy Sa Phụ (Động Cát) (Tiền biên, tr. 56, 60, 108). Đồng thời, các chúa Nguyễn đã dần dần vô hiệu hóa những đợt kinh lý về thuế má của Đàng Ngoài. Năm Giáp Tý (1624), Công bộ Thị lang Nguyễn Duy Thi vào đòi thuế nhưng không có kết quả (Việt sử..., tr. 119). Tiếp đó, chúa Trịnh Tráng lại sai Công khoa Cấp sự trung Nguyễn Hữu Bân vào thu thuế từ năm Giáp Tý trở về trước và cho gọi chúa Thượng ra châu nhưng chỉ được "khoản đãi một cách trọng hậu rồi bảo trở về". Kế khai chiến của Đàng Ngoài trong sắc phong do Lê Đại Dung mang vào vẫn bị họ Nguyễn từ chối (Cương mục: XV: 43 – 44) bởi "con chim bằng miền Thuận – Quảng đã được cơ hội bay bổng" (Việt sử..., tr. 118). Về sau, quân Trịnh thường vin vào cớ đó để khai chiến.

(4) Chính dinh, Cựu dinh, Quảng Bình, Lưu Đôn [Dinh Mười], Bồ Chính [Dinh Ngói], Quảng Nam, Phú yên, Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh – Đất nước Việt Nam qua các đời. Thuận Hóa, 1994.
2. Đặng Xuân Bảng – Sử học bị khảo. Viện Sử học – NXB VHTT, H, 1997
3. Hội Sử học Thừa Thiên Huế – Kỷ yếu hội thảo 690 năm Thuận Hóa – Thừa Thiên Huế, Huế, 1996.
4. Lê Quý Đôn – Phủ biên tạp lục. (Toàn tập, tập I). NXB KHXH, Hà Nội – 1977.
5. L. Cadière – Bức tường Đông Hối (Lo Mur Donghoi). B.E.F.E.O, VI 1906 No1 2, PP: 87 – 254.
6. Lê Đình Cai Ba mươi bốn năm cầm quyền của chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 – 1725). Đăng Trình xuất bản – 1971.
7. Li Tana – Lịch sử kinh tế - xã hội Đàng Trong thời các chúa Nguyễn thế kỷ XVII - XVIII (The Inner Region: A Social and Economic History of Nguyen Vietnam in the seventeenth and eighteenth centuries). Luận án Tiến sĩ đại học Quốc gia Australia, 9/1992. Bản dịch của Nguyễn Văn Huệ – Trung tâm BTDT Cố đô Huế.
8. Nguyễn Khoa Chiêm – Việt Nam khai quốc chí truyện. NXB Hội Nhà văn, H, 1994.

9. Nguyễn Sĩ Giác – *Đại Nam điển lệ toát yếu*. NXB T.p Hồ Chí Minh, 1993.
10. Phạm Nguyễn Du – *Nam Hà ký đắc tập*. Kho sách Viện Hán Nôm, bản dịch viết tay của Nguyễn Đình Thảng.
11. Phạm Văn Sơn – *Việt sử tân biên, QIII: Nam – Bắc phân ranh*. Sài Gòn 1959.
12. Phan Huy Chú – *Hoàng Việt địa dư chí*. Phan Đăng dịch. NXB Thuận Hóa – Huế, 1997.
13. Phan Huy Chú – *Lịch triều hiến chương loại chí. Tập I (Du địa chí, nhân vật chí, quan chức chí)*. NXB, KHXH, H, 1992.
14. Phan Khoang – *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 - 1777*. Khai Trí XB – Sài Gòn, 1967.
15. QSQ triều Nguyễn – *Đại Nam thực lục tiền biên*. Bản dịch Viện Sử học, NXB Sử học – Hà Nội, 1962.
16. QSQ triều Nguyễn – *Đại Nam Nhất Thống Chí. Tập II*, NXB Thuận Hóa – Huế 1992.
17. QSQ triều Nguyễn – *Việt sử thông giám cương mục*. NXB Văn Sử Địa, 1959.
18. Trần Đình Hằng – *Kinh tế và xã hội Thừa Thiên Huế thời các chúa Nguyễn*. Luận văn Thạc sỹ Sử học, Đại học Khoa học Huế, 1999.
19. Võ danh thị – *Ô châu cận lục (Dương Văn An nhuận sắc, tập thành, Bùi Lương phiên dịch)*. Văn hóa Á châu xuất bản, 1961.

QUẢNG BÌNH - LỊCH SỬ VÀ TÊN GỌI

NGUYỄN MẠNH HẬU^(*)

ĐỂ có cơ sở khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình, đây là một vấn đề nhạy cảm và rộng lớn, có tính khoa học và thực tiễn trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, xã hội... Ở bài viết nhỏ này, chúng tôi muốn đưa ra một trong những tiêu chí để chọn ngày thành lập tỉnh, đó là lấy thời điểm hình thành tên gọi mà địa danh đó nay vẫn còn sử dụng gắn liền với vùng lãnh thổ trong một thể chế chính trị nhất định. Địa danh đó phải gắn với lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của nó trong đấu tranh và xây dựng.

1 - Vị trí địa lý.

Quảng Bình là một tỉnh ở Bắc Trung bộ, có tọa độ địa lý nằm vào khoảng từ $16^{\circ}30'$ đến $18^{\circ}05'$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}37'$ đến $107^{\circ}10'$ kinh độ đông, là một bộ phận lãnh thổ của nước Việt Nam. Số liệu đo đạc địa giới hành chính theo Chỉ thị 369 - CT được UBND tỉnh Quảng Bình công bố theo Quyết định số 42/1999 QĐ-UB ngày 12/10/1999 thì diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Bình là $8051,50 \text{ km}^2$, phía bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, ngăn cách bởi dãy Hoành Sơn, có chung đường địa giới là 136,496 km, phía nam giáp tỉnh Quảng Trị có chiều dài là 78,8 km, phía đông là biển Đông có bờ biển dài 116,04 km, phía Tây giáp tỉnh Khăm Muộn của nước CHDCND Lào, có chung đường biên giới là 201,870 km.

Trên đây là một vài số liệu tổng quát nhất, chung nhất về vị trí địa lý của tỉnh Quảng Bình ngày nay trong đại gia đình lãnh thổ của đất

(*) Bảo tàng Quảng Bình

nước Việt Nam.

2 - Diễn trình lịch sử - tên gọi

Ngược dòng lịch sử thì vùng đất Quảng Bình hôm nay đã nhiều lần thay đổi cương vực và tên gọi. Thời kỳ Hùng Vương, vùng đất này thuộc bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang - Âu Lạc. "Việt Thường là cõi Trị, Bình trung châu" (Đại Nam quốc sử diễn ca) Đời Trần thuộc Tượng quận. Đời Hán là cõi Nhật Nam, Đời Đường thuộc Lâm ấp, đời Tống là đất Địa Lý, Bố Chính của vương quốc Chiêm Thành.

Đến thời Lý Thánh Tông (1054 - 1072), năm Thiên Huống bảo tượng thứ 2 (năm 1069) nhà vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành, bắt được chúa Chiêm là Chế Củ đem về, Chế Củ dâng 3 châu Địa Lý - Bố Chính - Ma Linh (Quảng Bình và bắc Quảng Trị) để chuộc tội. Như vậy kể từ thời điểm này (tháng 7 năm Kỷ Dậu 1069) vùng đất này được nhập vào lãnh thổ Đại Việt.

Lý Nhân Tông (1072 - 1128) năm Thái Ninh thứ 4 (năm Ất Mão 1075) sai Lý Thường Kiệt đi tuần biên thùy về địa đồ hình thế núi sông, đổi địa lý làm châu Lâm Bình, Bố Chính làm châu Nam Bố Chính, chiêu dân đến ở, từ đó tên địa danh này có trên bản đồ Đại Việt có gắn với một chữ "Bình".

Dưới thời Trần Duệ Tông (1373 - 1377) năm Long Khánh thứ 3 (năm Ất Mão 1375) đổi Lâm Bình làm phủ Tân Bình, sau đổi làm Lộ. Đến Hồ Quý Ly (1400 - 1401) đổi Tân Bình làm trấn Tây Bình - Lê Thánh Tông (1460 - 1497) định bản đồ trong nước lại làm Phủ Tân Bình gồm 2 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu Minh Linh, Bố Chính, Lê Kính Tông (1600 - 1919) Hoàng Định năm thứ nhất (năm Tân Sửu 1601) đổi phủ Tân Bình làm phủ Tiên Bình.

Tháng 11 năm 1558, Nguyễn Hoàng được vua Lê, chúa Trịnh cử vào trấn thủ Thuận Hóa, năm Giáp Thìn 1604 ông đổi phủ Tiên Bình làm Phủ Quảng Bình, từ đó xuất hiện tên địa danh Quảng Bình trong lịch sử Việt Nam.

Năm Bính Ngọ 1786, sau khi thống nhất đất nước Quang Trung

Nguyễn Huệ đặt tên mới là Châu Thuận Chính - Gia Long (1802 - 1819) năm thứ 5 (1806) định làm dinh Quảng Bình trực lệ vào kinh sư. Minh Mạng (1820 - 1840) năm thứ 8 (1827) đổi Dinh Quảng Bình làm Trấn Quảng Bình, bỏ 2 chữ Trực Lệ và Minh Mạng năm thứ 12 (năm 1831) chia tỉnh hạt đổi trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình.

Tháng 7 năm 1976, theo quyết định của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Quảng Bình hợp nhất với Quảng Trị - Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh thành tỉnh Bình Trị Thiên.

Tháng 7 năm 1989, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa 8 tỉnh Bình Trị Thiên được tách thành 3 tỉnh, Quảng Bình lại trở về địa giới và tên gọi cũ như đã vốn có xưa nay. Địa hình và vùng đất có tên gọi Quảng Bình đã từng tồn tại trong hoàn cảnh lịch sử, địa lý đại thể đó. Sơ qua một số sự kiện chính yếu trong tiến trình lịch sử để chúng ta hiểu thêm về vùng đất, con người ở địa bàn xu ng yếu này. Một địa bàn luôn luôn là điểm nút biến động của lịch sử, là vùng biên thùy nơi biên ải dưới thời Đại Việt - Chiêm Thành; là nơi giao tranh ác liệt dưới thời Trịnh - Nguyễn; là cầu nối Nam Bắc nơi chiến trường trực tiếp và hậu phương trực tiếp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Mặc cho thời gian dần trôi, trải qua biến thiên của lịch sử, tên gọi Lâm Bình dưới triều Lý, Tân Bình - Tiên Bình - Tây Bình thời Trần - Hồ và Quảng Bình dưới thời các chúa Nguyễn là một mạch nguồn tiếp nối liên tục để tên Quảng Bình trường tồn với thời gian và lịch sử cho đến ngày nay, và mãi mãi về sau.

Trở về vấn đề tên gọi, như đã trình bày, vùng đất này có trên bản đồ Đại Việt vào năm 1075 dưới thời Lý, nhưng thuộc đất Đại Việt thì từ năm 1069, một phần đất đó có tên gọi là Châu Lâm Bình trước thuộc châu Địa Lý của vương quốc Chiêm Thành dâng đổi. Từ Lâm Bình - Tân Bình - Tây Bình - Tiên Bình trải qua chặng đường chông gai trên 5 thế kỷ đến năm 1604, Nguyễn Hoàng định danh cho vùng đất này là Phủ Quảng Bình. Như vậy địa hạt này có tên gọi là Quảng Bình từ năm 1604 do chúa Tiên

Nguyễn Hoàng đặt tên.

3. Thay lời kết

3.1 - Năm Ất Mão 1075 là thời điểm xuất hiện địa danh Phủ Lâm Bình trên bản đồ Đại Việt, đó chỉ là 1 cơ sở để từng bước tiến tới lập phủ có tên gọi là Quảng Bình năm 1604, bởi lẽ trước đó năm 1069 ba châu Địa Lý - Bố Chính - Ma Linh mới được Đại Việt thu nhận từ vương quốc Chiêm Thành, Quảng Bình ngày nay bao gồm châu Địa Lý và Bố Chính xưa mà địa danh Phủ Lâm Bình chỉ bao gồm địa phận của châu Địa Lý đổi thành, do đó theo chúng tôi không lấy thời điểm này làm căn cứ cho việc chọn thời điểm thành lập tỉnh với tên gọi của một địa phương, mà mốc lịch sử này có ý nghĩa là thời điểm đánh dấu việc gia nhập của vùng đất Phương Nam của dãy Hoành Sơn vào bản đồ của quốc gia Đại Việt.

3.2 - Năm Giáp Thìn 1604 khi Nguyễn Hoàng thay đổi tên gọi các khu vực hành chính thuộc quyền quản lý của ông, đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình cho vùng đất này, theo chúng tôi là mốc lịch sử thích hợp để chọn thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình, mặc dầu đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831) ông mới đổi Trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình và danh từ tỉnh Quảng Bình tồn tại cho đến ngày nay.

Chúng tôi chọn năm 1604 là năm kỷ niệm thành lập tỉnh Quảng Bình bởi lẽ:

- Tên gọi địa danh Quảng Bình khi này mới xuất hiện và cương vực địa giới của địa danh này từ đó đến nay vẫn không mấy thay đổi, bởi đơn vị hành chính từ Lý - Trần - Lê - Nguyễn là Châu, là Phủ, là Bộ, là Trấn, đều là cấp hành chính tương đương cấp tỉnh.

- Thời điểm này địa giới hành chính phủ Quảng Bình mặc dù dưới thời cai quản của các chúa Nguyễn nhưng nó tương đối ổn định. Bộ máy hành chính từ phủ đến huyện, Tổng và xã vẫn được duy trì bảo đảm kỷ cương chính sự, nhân dân an cư lạc nghiệp, hàng năm vẫn đóng thuế, xung quân để lo việc nước cùng triều

đình nhà Lê.

- Nguyễn Hoàng là đại thần triều Lê, qua bản tấu của Trịnh Kiểm được vua Lê Anh Tông (1557 - 1573) cử vào trấn thủ Thuận Hóa, miền đất phen dậu phía nam của Đại Việt tháng 11/1558, trải qua 47 năm dựng nghiệp, ông đã xếp đặt việc cai trị vùng đất biên thùy này và khi ông thấy bảo đảm về các yếu tố "Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa" ông đã đổi tên phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, với ước muốn đây là một vùng đất rộng lớn, bằng phẳng và yên bình mà ông và cộng sự đã dồn bao tâm huyết cai trị và gắn bó gần nửa thế kỷ nay, như câu sấm truyền của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân". Do vậy chúng tôi nghĩ chọn năm 1604 là hợp lý.

- Quốc sử Triều Nguyễn gọi Nguyễn Hoàng là gia dụ Hoàng đế sử ghi "bản triều gia dụ Hoàng đế năm Giáp Thìn thứ 47 (1604) đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình..." chính Nguyễn Hoàng là người đặt tên Quảng Bình cho địa danh này, như vậy thiết nghĩ mốc năm 1604 là hợp tình hợp lý để chúng ta chọn làm thời điểm kỷ niệm ngày thành lập tỉnh.

3.3 - Như tiêu chí chúng tôi nêu ra từ đầu về chọn thời điểm ngày thành lập tỉnh. Qua một số nét cơ bản như đã nêu trên, chúng tôi thiết nghĩ lấy thời điểm năm 1604 làm mốc thời gian kỷ niệm ngày thành lập tỉnh. Đến năm 2001 sẽ tổ chức kỷ niệm 400 năm ngày thành lập tỉnh trong một thời điểm mới Quảng Bình xây dựng quê hương, đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, xứng đáng tầm vóc và ước muốn của tiền nhân với vùng đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam – Lịch sử Việt Nam. Tập I – NXB KHXH – Hà Nội 1971
2. Nguyễn Trãi toàn tập – Nxb KHXH – Hà Nội 1976.
3. Đại Việt sử ký toàn thư – Tập II – NXB KHXH – Hà Nội 1985
4. Dương Văn An – Ô Châu Cận Lục – Văn hóa Á Châu xuất bản –

Sài Gòn 1961.

5. Lê Quý Đôn – *Phủ Biên tạp lục* – NXH KHXH – Hà Nội 1971
6. Đại Nam Nhất thống chí – Tập II – NXB KHXH – Hà Nội 1971
7. Trần Kinh – Nguyễn Kim Chi – *Quảng Bình Thắng tích lục* – Thư viện Quảng Bình – 1998
8. *Quảng Bình qua các thời kỳ lịch sử* – Thư viện Quảng Bình – 1998
9. Lương Duy Tâm: *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình* – Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình – 1998
10. Cục Thống kê Quảng Bình: *Quảng Bình thời kỳ 1990 - 2000 xây dựng và phát triển* – NXB TK – Hà Nội 2000
Và một số tư liệu tại Bảo tàng Quảng Bình

VỀ THỜI GIAN RA ĐỜI TỈNH QUẢNG BÌNH

PGS. NINH VIẾT GIAO^(*)

XUA kia khi biên giới Đại Việt mới tới Đèo Ngang thì Quảng Bình là biên thùy phía Nam của Tổ quốc. Sự kinh dinh mở rộng lãnh thổ đất nước bắt đầu từ đời Lê Hoàn. Vì vua Chiêm Thành bắt giam sứ giả Đại Việt sang thông hiếu, nên năm 982, sau khi đánh bại quân Tống, Lê Hoàn muốn tự vệ, phát quân đi đánh Chiêm Thành. Giáo sư Đào Duy Anh viết trong "Đất nước Việt Nam qua các đời". "Nước Chiêm Thành lúc bấy giờ theo Tống sử (Chiêm Thành truyện) thì lãnh thổ từ phía đông (biển) sang phía tây (miền cao nguyên tiếp theo dải Trường Sơn về phía Nam) là 700 dặm, từ nam đến bắc là 3000 dặm, chia làm ba khu vực: phía nam là châu Thi Bì, phía tây là châu Thượng Nguyên, phía bắc là châu Ô Lý"⁽¹⁾. Giáo sư Đào Duy Anh cho rằng: châu Thi Bì có lẽ là miền Bình Định. Châu Thượng Nguyên ở phía tây chắc là miền Tây Nguyên ngày nay. Còn châu Ô Lý thì chúng ta đã biết là miền Quảng Trị, Thừa Thiên hiện tại.

Giáo sư Đào Duy Anh còn nói thêm rằng: "Phía ngoài châu Ô Lý còn có các châu Ma Linh, Địa Lý và Bố Chính tương đương với miền Bắc Quảng Trị, miền Nam và miền Bắc tỉnh Quảng Bình, mà Chiêm Thành cắt nhường cho nước ta từ đời Lý Thánh Tông"⁽²⁾.

Trong lần hưng binh ấy, Lê Hoàn đại thắng, Lê Hoàn đã đánh

(*) Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Chủ tịch Hội VNDG Nghệ An.

thăng đến miền Quảng Nam, san phẳng kinh đô Chiêm Thành, buộc vua nước Chiêm Thành phải xưng thần và triều cống, không chiếm đất. Như vậy là Lê Hoàn chỉ trừng phạt vua Chiêm Thành rồi rút quân về.

Đến đời Lý, năm 1044, Lý Thái Tông lấy cớ rằng: "Tiền đế mất đi, đến nay đã 16 năm rồi mà Chiêm Thành chưa từng sai một sứ thần nào sang (triều cống) là có gì?"⁽³⁾ không những thế còn hay cho quân quấy rối biên thủy, bèn thân chinh đánh Chiêm Thành. Lần hưng binh này, quân Chiêm cũng thua to: "quan quân đuổi chém được 3 vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém được đầu vua Chiêm là Sạ Đầu tại trận đem dâng nộp. Bắt được hơn 30 voi nhà, bắt sống được hơn 5.000 người, còn thì bị quan quân giết chết, máu dây gươm giáo, xác chất đầy đồng. Vua lấy làm xót thương, mới hạ lệnh rằng: "Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha"⁽⁴⁾

Lần hưng binh này của Lý Thái Tông cũng chỉ mang tính chất trừng phạt.

Mùa xuân tháng 2 năm Ất Dậu (1069), Lý Thánh Tông thấy quân Chiêm thường sang quấy nhiễu biên thù, vua thân đi đánh Chiêm Thành. Trận này, vua đánh Chiêm Thành mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin Nguyễn Phi (tức Ý Lan phu nhân - NVG) giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa vui vẻ, trong cõi yên tĩnh, tôn sùng Phật giáo, nhân dân gọi là Quan Âm, vua nói: "Nguyên Phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là đàn ông thì được việc gì!". Lại đi đánh nữa, lần này đánh được "bắt được vua nước ấy là Chế Củ và dân chúng 5 vạn người" "Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính để chuộc tội. Vua bằng lòng cho, thả Chế Củ về nước"⁽⁵⁾.

Việc này giáo sư sử học Đào Duy Anh đã tham khảo, nghiên cứu nhiều sách. Ông viết: "Năm 1069, Lý Thánh Tông lại lấy cớ Chiêm Thành không chịu triều cống, cử binh đi đánh, sai Lý Thường Kiệt làm tiên phong. Theo *Việt sử lược* thì vua Lý xuất quân ngày Canh Dần (sửa là Canh Tuất, tức ngày 8 tháng 3), ngày Đinh Ty (15 tháng 3) đến châu Nghệ An. Có lẽ Lý Thánh Tông cũng đi đường thủy như

Lý Thái Tông, do cửa Đại An ra biển. Ngày Canh Thân (18 tháng 3) thì đến cửa Nam Giới (tức cửa Sốt ở phía đông huyện Can Lộc tại xã Kim Đôi, nay là xã Thạch Kim, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh - NVG). Ngày Ất Sửu (23 tháng 3) vua sai bọn đại liệu ban Hoàng Kiên đánh cửa Nhật Lệ... quân ta đại thắng"⁽⁶⁾.

Giáo sư Đào Duy Anh viết tiếp: "Ngày Kỷ Ty (27 tháng 3) thì qua Đại Trường Sa tức là đến cửa Tùng và hôm sau thì đến cửa Tư Dung. Đây là cửa vào Châu Lý của Chiêm Thành (vào Châu Ô thì do cửa Tùng hay cửa Việt). Ngày Bính Ngọ (3 tháng 4) thì đến cửa Thị-lị-bi-nại, tức cửa Thi Nại hay cửa Quy Nhơn như chúng ta đã biết. Vào đất Chiêm Thành, quân ta tiến đến sông Tu Mao thì gặp tướng Chiêm là bọn Bô-bi-đà-la bày trận ở sông. Quân ta đại thắng, vua Chiêm là Đệ Củ (tức Chế Củ) nghe tin bại trận đem vợ con nhân đêm chạy trốn. Vua Lý bèn tiến quân thẳng đến thành Phật Thệ, tới bến Đông La (mà Hoàng Xuân Hãn đoán là sông Thạch Yển) thì người Phật Thệ ra hàng"⁽⁷⁾.

Việt sử lược chép tiếp rằng. "Mùa hạ tháng tư, nguyên súy Nguyễn (sửa là Lý - ĐDA) Thường Kiệt bắt được Đệ Củ (Chế Củ) ở biên giới Chân Lạp". Ở biên giới Chân Lạp tức là ở miền cực nam của Chiêm Thành, thuộc châu Bôn-đà-lăng mà các tác giả tây phương gọi là Panduranga"...

"Khi quân trở về (vẫn theo *Việt sử lược*), ngày Quý tị tháng 6 (19 tháng 6) đến cửa Tư Minh (sửa là Tư Dung); ngày Mậu Thân (4 tháng 7) qua các núi Lỗi Lỗi lớn và nhỏ ở cửa biển Bố Chính; ngày Tân Dậu (17 tháng 7) về đến bến Triều Đông.

"Cửa biển Bố Chính tức là cửa sông Gianh. Núi Lỗi Lỗi lớn và nhỏ chắc là các đảo mà địa đồ ngày nay đề là Hòn Cỏ, Hòn La trong vụng Chùa. Bến Triều Đông thì hẳn là bến Đông Bộ Đầu đời sau trên sông Hồng trước thành Thăng Long"⁽⁸⁾

Đại Việt sử ký toàn thư chép, Chế Củ phải đem ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính dâng hiến nước ta để xin trở về trước. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn cho rằng:

"*Địa lý*": Xưa là đất Việt Thường, đời Hán thuộc quận Nhật Nam, đời Tống là châu Địa Lý thuộc Chiêm Thành, nhà Lý đổi là Lâm Bình, nhà Trần đổi là Tân Bình, khi thuộc Minh vẫn để tên như thế, nhà Lê đổi là Tiễn Bình. Bây giờ là đất phủ Quảng Ninh thuộc tỉnh Quảng Bình.

"*Ma Linh*": Xưa là đất Việt Thường; đời Hán thuộc quận Nhật Nam, đời Tống là châu Ma Linh thuộc Chiêm Thành; nhà Lý đổi là Minh Linh, nhà Trần vẫn để tên như thế, thuộc Minh đổi là châu Nam Linh; nhà Lê đặt làm huyện. Bây giờ là đất hai huyện Minh Linh và Gio Linh thuộc tỉnh Quảng Trị. (Minh Linh đã đổi là Vĩnh Linh - NVG).

"*Bố Chính*": xưa là châu Bố Chính, đời Hán là đất huyện Thọ Lãnh thuộc quận Nhật Nam; đời Hán là châu; đời Tống là châu Bố Chính thuộc Chiêm Thành; nhà Lý vẫn để như thế; thuộc Minh đổi là châu Trấn Bình, nhà Lê chia làm hai châu Nội Bố Chính và Ngoại Bố Chính. Bây giờ là đất ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bố Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình"⁽⁹⁾

Năm 1069, theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước, chia nước ta làm 12 thừa tuyên. Thuận Hóa là một thừa tuyên, quản lĩnh 2 phủ, 7 huyện, 4 châu. Hai phủ, đó là phủ Triệu Phong quản lĩnh 6 huyện: Đan Điền, Kim Trà, Tư Vinh, Hải Lăng, Vũ Xương, Điện Bàn; và 2 châu: Thuận Bình, Sa Bồi. Phủ Tân Bình quản lĩnh 2 huyện: Khang Lộc, Lệ Thủy, và hai châu Minh Linh, Bố Chính"⁽¹⁰⁾

Sách này ghi rõ như sau:

"*Thuận Hóa*": Đời Hùng Vương xưa, Thuận Hóa thuộc nước Việt Thường, nhà Tần thuộc Tượng quận; nhà Hán là quận Nhật Nam; nhà Tấn là nước Lâm Ấp; nhà Tùy năm Đại Nghiệp nguyên niên (605) đổi đặt là quận Ty Ảnh; cuối đời nhà Tùy lại mất về Lâm Ấp; nhà Đường, khoảng niên hiệu Trịnh Quân (627 - 650) vỗ về được Lâm Ấp, lại đặt là Nam Ảnh châu, nhà Tống là Chiêm Thành, những đất Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính, Ô Châu và Lý Châu đều thuộc vào địa bàn này.

"Lý Thái Tông (chính là Lý Thánh Tông) thân đi đánh Chiêm

Thành, chúa Chiêm dâng 3 châu: Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính; Lý Nhân Tông sửa là Lý Thánh Tông đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Ma Linh đổi làm châu Minh Linh, Bố Chính vẫn là châu Bố Chính. Trần Nhân Tông năm Hưng Long thứ 15 (1307) đem 2 châu Ô và Lý đặt làm Thuận Châu và Hóa Châu; Trần Duệ Tông năm Long Khánh thứ 3 (1375) đổi Lâm Bình thành Tân Bình, đời thuộc Minh chia làm 2 phủ: Tân Bình và Thuận Hóa, hồi đầu triều Lê đổi làm 2 lộ: Tân Bình và Thuận Hóa, thuộc đạo Hải Tây; năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đặt làm Thuận Hóa thừa tuyên; năm Hồng Đức thứ 21 (1480) đổi làm xứ, quản lĩnh hai phủ: Tân Bình và Triệu Phong, khoảng giữa niên hiệu Hồng Thuận (1510 - 1516) gọi là trấn. Bản triều Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế⁽¹¹⁾ trấn thị phương Nam, dựng đô thành ở Thuận Châu, Hi Tông Hiếu văn hoàng đế xem đất Nam Bố Chính đặt Bố Chính doanh, lấy sông Gianh làm giới mốc, còn Bắc Bố Chính thuộc về Nghệ An, năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786) quân nhà Trịnh vào xâm lấn, đặt làm xứ Thuận Hóa, năm Gia Long nguyên niên (1802) chia làm 3 doanh "trực lệ" (trực thuộc thẳng vào kinh sư) là: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Đức, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đổi doanh Quảng Đức làm phủ Thừa Thiên, năm thứ 8 (1827) đổi doanh Quảng Trị làm trấn Quảng Trị, doanh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình, đều bớt bỏ hai chữ "trực lệ", năm thứ 12 (1831) đổi trấn Quảng Trị làm tỉnh Quảng Trị, trấn Quảng Bình làm tỉnh Quảng Bình; năm Tự Đức thứ 6 (1853) đổi tỉnh Quảng Bình làm đạo, hợp vào phủ Thừa Thiên, năm thứ 29 (1876) lại đặt tỉnh Quảng Bình như cũ⁽¹²⁾.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cũng của Quốc sử quán triều Nguyễn, phần tỉnh Quảng Bình, **những** trang viết về "dựng đặt diện cách" đoạn trên chép cũng tương tự như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Từ năm Quang Thuận thứ 10 (1469), tức là năm Lê Thánh Tông định lại bản đồ cả nước chép như sau: Năm đó "lại làm phủ Tân Bình, lãnh 2 huyện (Khang Lộc và Lệ Thủy) và hai châu (Minh Linh và Bố Chính) lệ Thuận Hóa thừa tuyên; khoảng đời Hoằng Định (1601 - 1619), đổi làm phủ Tiên Bình. Bản triều Gia Dụ hoàng đế năm Giáp Thìn thứ 47 (1604) đổi phủ Tiên Bình làm phủ

Quảng Bình sau đổi đặt làm dinh Quảng Bình. Hy Tông Hiếu Văn hoàng đế (1613 - 1634) lúc mới lấy được đất Nam Bố Chính, đặt dinh Bố Chính (tục gọi Dinh Ngõa), lấy sông Gianh làm phân giới (phía bắc sông là châu Bố Chính Ngoại, thuộc triều Lê, phía Nam sông là châu Bố Chính Nội, thuộc bản triều - tức triều Nguyễn - cũng gọi là Bắc Bố Chính và Nam Bố Chính), lại đặt dinh Võ Xá (gọi là đạo Lưu Đồn, tục gọi là Dinh Mười), các dinh đều có tướng cử binh mạnh đóng giữ. Mùa đông năm Giáp Ngọ (1654?) quân Trịnh nam xâm bỏ hết các dinh, chỉ giữ lại đồn Đông Hải, mùa hè năm Bính Ngọ (1786), Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ đánh đuổi người Trịnh về Bắc chiếm cứ đất này, cũng gọi là Đông Hải, lại hợp hai châu Nội Bố Chính và Ngoại Bố Chính làm châu Thuận Chính. Mùa hè năm Tân Dậu (1801), Thế Tổ cao hoàng đế lấy lại được đất cũ, bèn bỏ Châu Thuận Chính, vẫn gọi là 2 châu Bố Chính Nội và Bố Chính Ngoại, đặt dinh Quảng Bình (có lẽ năm 1802 mới đặt - NVG), đem hai huyện Khang Lộc và Lệ Thủy cùng 2 châu Bố Chính Nội và Bố Chính Ngoại lệ vào, đặt chức lưu thủ, cai bạ và ký lục, năm Gia Long thứ 5 (1806) định làm dinh Quảng Bình lệ vào Kinh sư; năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), đổi châu Bố Chính Nội làm huyện Bố Chính, châu Bố Chính Ngoại làm châu Bố Chính, năm thứ 7 (1826) đem 3 đồng (đồng Lan, đồng Đỏ, và đồng Châm) man Qùy Hợp thuộc Nghệ An (thuộc Hương Khê, Hà Tĩnh hiện tại - NVG), cho lệ vào dinh, năm thứ 8 (1827), đổi làm trấn Quảng Bình, bỏ 2 chữ "trực lệ", đặt các chức trấn thủ, hiệp trấn và tham hiệp; năm thứ 12 (1831) chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Quảng Bình, bắt đầu đặt chức Tổng đốc Bình Trị cùng 2 ty Bố Chính và Án sát tỉnh Quảng Bình, sau bỏ chức Tổng đốc, đổi đặt chức Tuần phủ Trị Bình, đổi phủ Quảng Bình làm phủ Quảng Ninh, huyện Bố Chính làm huyện Bố Trạch; năm Tự Đức thứ 4 (1851) bỏ bớt quan lại, công việc huyện Phong Đăng do tri phủ Quảng Ninh kiêm nhiếp, vẫn lãnh 2 phủ huyện" ⁽¹³⁾

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* và sách *Hoàng Việt địa dư chí* của Phan Huy Chú (1782 - 1840) đều viết phủ Tân Bình nằm trong trấn Thuận Hóa. Sách *Hoàng Việt địa dư chí* được in lần đầu năm 1833, vào đời Minh Mạng (1820 - 1840) ông viết: "Phủ Tân Bình 2 huyện, 2 châu. Buổi đầu niên hiệu Hoàng Định, cải làm Quảng Bình, nay thuộc vào dinh Quảng Bình. Dinh Quảng Bình có:

- Huyện Phong Lộc: xưa gọi là Khang Lộc, 6 tổng, 76 xã
- Huyện Lệ Thủy: 5 tổng, 28 xã, 2 trang
- Châu Minh Linh: nay cải làm huyện, 5 tổng, 28 xã
- Châu Bố Chính: nay cải làm huyện, 4 tổng

Phủ này nằm về phía Bắc Thuận Hóa, giáp với Nghệ An, dùng sông Gianh làm ranh giới, phía nam châu Bố Chính trên liền núi, dưới giáp biển đông, phía hạ đạo đồi cát chắn ngang, cư dân ở dọc thành một dãy, núi sông liền với đường sá soi rõ bóng mặt trời. Gắn đó có thành quách từ phía bắc đồn Động Hải chạy thẳng đến cửa biển Minh Linh. Bên trong là xã thôn, người người thịnh vượng, cây cối tốt tươi, thật là một nơi kỳ dị. Phía trên của địa phận Phong Lộc là núi non trùng điệp, đó là địa giới giữa Ai Lao và Thuận Hóa, hai huyện Lệ Thủy và Minh Linh đều giáp với biển. Lũy Thầy trên từ động Sách Lãnh chạy xuống đến cửa biển Nhật Lệ, lũy cao 1 trượng 5 thước, dài hơn 2000 trượng"⁽¹⁴⁾.

Sách *Đại việt địa dư toàn biên* của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799 - 1872), những trang viết về tỉnh Quảng Bình cũng tương tự như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* và *Đại Nam nhất thống chí*. Xin trích một đoạn: "Đầu đời Lê đặt làm lộ Tân Bình, đặt lộ Tổng quản, Tri phủ. Năm Hồng Đức lại làm phủ Tân Bình, có hai huyện (Khang Lộc và Lệ Sơn), 2 châu (Minh Linh, Bố Chính) thuộc Thuận Hóa thừa tuyên. Khoảng năm Hoàng Định (1601 - 1619) đổi làm phủ Tiên Bình. Đầu đời Thận Đức (1600), Thái tổ Gia Dụ hoàng đế mới vào trấn Thuận Quảng, đổi phủ Tiên Bình là phủ Quảng Bình, đặt làm dinh Quảng Bình... Năm Giáp Ngọ (1654) quân chúa Trịnh vào miền Nam đồn 2 châu Nội Ngoại Bố Chính làm một đều cho thuộc vào phủ Hà Hoa, tỉnh Nghệ An. Năm Bính Ngọ (1786) Tây Sơn chiếm giữ, lại đổi phủ Quảng Bình làm phủ Quảng Thuận, 2 châu Nội Ngoại Bố Chính làm châu Thuận Chính. Năm Tân Dậu (1801) Thế tổ cao hoàng đế (Nguyễn Ánh) lấy lại đất cũ, bỏ châu Thuận Chính, lại đặt làm Bố Chính Nội, Ngoại 2 châu. Lại đặt dinh Quảng Bình (đặt lưu thủ, cai bạ, ký lục). Lấy hai huyện Khang Lộc, Lệ Thủy, hai châu Nội ngoại Bố Chính thuộc vào dinh ấy (1 huyện

Minh Linh - sau đổi lại Vĩnh Linh - cho thuộc vào dinh Quảng Trị). Năm Gia Long thứ 5 (1806) định làm dinh Quảng Bình trực lệ... Minh Mệnh năm thứ 8 (1827) đổi làm trấn Quảng Bình (đổi đặt chức Trấn thủ, Hiệp trấn, Tham hiệp). Năm thứ 12 (1831), chia hạt, gọi là tỉnh Quảng Bình..."⁽¹⁵⁾

Chúng tôi có thể dẫn thêm một số tài liệu nữa như *Thiên Nam dư hạ tập*, *Ô Châu cận lục*, *Đồng Khánh địa dư chí lược*... song qua các tư liệu đã dẫn trên, chúng ta thấy rằng:

1 - Phần đất phía nam Hà Tĩnh bây giờ mà địa giới phân cách giữa Đại Việt và Chiêm Thành là dãy Hoành Sơn được sát nhập vào lãnh thổ Đại Việt từ năm 1069, sau cuộc hưng binh của Lý Thánh Tông do Lý Thường Kiệt làm tướng tiên phong. Quân nhà Lý không những tiến đánh thành Phật Thệ mà thừa thắng tiến mãi tới biên giới Chân Lạp tức là miền cực nam của Chiêm Thành. Lý Thường Kiệt bắt được Chế Củ. Chiêm Thành phải ra hàng. Chế Củ phải đem 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính dâng hiến nước ta để xin trở về nước. Ma Linh là Gio Linh và Vĩnh Linh thuộc Quảng Trị hiện tại còn Địa Lý và Bố Chính là đất tỉnh Quảng Bình bây giờ. Như vậy từ 1069 cách ngày nay (2001) 932 năm, biên giới nước ta đã mở rộng từ Hoà nh Sơn đến sông Thạch Hãn⁽¹⁶⁾.

2 - Cái tên Quảng Bình xuất hiện vào đời Gia Dụ hoàng đế (tức Nguyễn Hoàng) năm Giáp Thìn thứ 47 tức năm 1604. Nguyễn Hoàng vào trấn trị Phương Nam dựng đô thành ở Thuận Châu, đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, sau đổi đặt làm dinh Quảng Bình. Đó là theo sách *Đại Nam nhất thống chí*. Sách *Hoàng Việt địa dư chí* và sách *Đại việt địa dư toàn biên* cũng nói như vậy, nhưng không cụ thể bằng (xem phần trên). Như vậy cái tên Quảng Bình ra đời cách ngày nay 397 năm, song Quảng Bình thời đó tức thời Trịnh Nguyễn phân tranh trước đó là phủ sau đổi đặt là dinh. Sau đó là những năm chiến tranh liên miên, địa danh phần đất này có nhiều thay đổi.

3 - Cái tên Quảng Bình được trở lại vào đầu đời Nguyễn, Sách *Cương mục* viết: "Năm Gia Long nguyên niên (tức năm 1802) chia làm 3 doanh "trực lệ" (trực thuộc thẳng vào kinh sư) là Quảng Bình,

Quảng Trị và Quảng Đức, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đổi doanh Quảng Đức làm phủ Thừa Thiên, năm thứ 8 (1827) đổi doanh Quảng Trị làm trấn Quảng Trị, doanh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình, đều bớt bỏ 2 chữ "trực lệ", năm thứ 12 (1831) đổi trấn Quảng Trị làm tỉnh Quảng Trị, trấn Quảng Bình làm tỉnh Quảng Bình; năm Tự Đức thứ 6 (1857) đổi tỉnh Quảng Bình làm đạo, hợp vào Thừa Thiên, năm thứ 29 (1876) lại đặt tỉnh Quảng Bình như cũ". Các sách đã dẫn trên đều viết như vậy. Duy sách *Đại Nam nhất thống chí* và sách *Đại Việt địa dư toàn biên* đều viết: "Năm Tân Dậu (1801) Thế tổ Cao hoàng đế lấy lại đất cũ, bèn bỏ châu Thuận Chính, vẫn gọi là hai châu Bố Chính Nội và Bố Chính Ngoại, đặt dinh Quảng Bình". Đang lo việc đánh nhau thì chưa thể tính việc đổi tên đất được mà năm sau (1802) lên làm vua mới đặt dinh Quảng Bình như sách *Cương mục* viết thì đúng hơn.

Như vậy có 4 cái mốc để có thể xác định thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình:

1 - Năm 1069 Lý Thánh Tông đánh thắng Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ phải đem 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính dâng hiến nước ta để xin trở về nước.

2 - Năm 1604 vào đời Hoàng Định (1601 - 1619) nhà Hậu Lê, thời gian Nguyễn Hoàng vào trấn trị phương nam (1558 - 1612) dựng đô thành ở Thuận Châu. Cái tên Quảng Bình ra đời vào thời gian này.

3 - Năm 1802 tức năm Gia Long nguyên niên, triều đình nhà Nguyễn bước đầu định lại bản đồ hành chính cả nước, gọi các tỉnh phía bắc và phía nam gần gũi kinh sư, là doanh "trực lệ" tức trực thuộc thẳng vào kinh sư. Cái tên Quảng Bình được lấy lại.

4 - Năm 1831 tức năm Minh Mệnh thứ 12, triều đình nhà Nguyễn có sự cải cách cơ bản về vấn đề bản đồ hành chính cả nước, bỏ "doanh" bỏ "trấn" gọi tất cả các địa phương là tỉnh.

Trong 4 cái mốc thời gian đó mốc nào có ý nghĩa hơn cả. *Mốc năm 1069* thì duyên cớ địa lý hành chính chưa rõ ràng, cả vùng phía Bắc Chiêm Thành là châu Ô Lý. *Mốc năm 1064* là hay, vì đó là

năm bắt đầu có cái địa danh Quảng Bình trên đất nước Đại Việt mà sau này là Việt Nam, mặc dù duyên cách địa lý hành chính phủ Quảng Bình hồi ấy cũng chưa được xác định thật rõ ràng. *Mốc năm 1802* cũng được vì năm đó Gia Long lấy lại tên Quảng Bình và duyên cách địa lý hành chính đã rõ ràng, mặc dù có lúc gọi là "doanh" là "trấn". Lấy năm 1831 là đúng vì năm đó Minh Mạng nhất thể hóa các đơn vị hành chính trong cả nước, chia cả nước thành 30 tỉnh như mọi tỉnh khác, và Quảng Bình là một tỉnh.

Xét như vậy, tôi đề nghị chú ý tới hai thời điểm, năm 1604 và năm 1831 nghiêm túc nghĩ đến tên hội thảo khoa học này là: "Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình", tôi gạch bớt chữ "tỉnh" thì lấy năm 1831. Nhưng nếu nghĩ đến bề dày lịch sử của nó thì nên lấy năm 1064, năm mảnh đất này có tên Quảng Bình. Nói những điều này tôi nghĩ đến Nghệ An. Nghệ An là tỉnh gắn liền với sự sinh trưởng của Tổ quốc Việt Nam kể từ ngày nước ta mang tên Văn Lang. Lịch sử Việt Nam có bao nhiêu thời gian với những thăng trầm ra sao thì lịch sử Nghệ An cũng có bấy nhiêu năm tháng với những phế hưng như vậy. Vừa rồi, tôi có đề nghị Tỉnh ủy và UBND tỉnh Nghệ An kỷ niệm 975 năm Nghệ An vào năm 2005, mặc là duyên cách địa lý hành chính như hiện tại cũng như Quảng Bình mới từ năm Minh Mệnh thứ 12 tức năm 1831. Nhưng dải đất Châu Hoan cũ mang tên Nghệ An từ đời Lý Thái Tông, tức năm Thiên Thành thứ 3 (1030), song có sách chép vào năm Thông Thụy thứ 3 (1036). Các sách cũ chép không thống nhất, thậm chí 1 sách như Cương mục cũng chép không thống nhất, cách nhau 6 năm, nên nay mai, Nghệ An cũng sẽ tổ chức hội thảo để thống nhất thời gian và chuẩn bị nội dung. Nghệ An thời đó gọi là châu Nghệ An, sau đổi làm lộ, làm phủ, làm trại, có lúc hợp với Diễn Châu làm thừa tuyên, làm xứ, làm trấn, lúc đầu (1030) mang tên Nghệ An, sau đó có lúc đổi là trấn Lâm An (đời Hồ) trấn Nghĩa An (đời Tây Sơn). Những sự tách nhập, thay đổi tên gọi đó cũng như Quảng Bình vậy. Tôi chắc là Nghệ An sẽ lấy năm 1030, vì lấy năm đó thì năm 2005 sẽ là 975 năm Nghệ An, 155 năm sinh nhật Bác Hồ, 70 năm Xô Viết Nghệ Tĩnh vào 60 năm ngày

thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nay là CHXHCN Việt Nam. Nên tôi đề nghị lấy năm 1604, và kỷ niệm vào năm 2004, kỷ niệm 400 năm Quảng Bình, tức kỷ niệm dải đất này mang tên Quảng Bình hay sự ra đời của tỉnh Quảng Bình với duyên cách địa lý hành chính như thời đó cũng chẳng sao, là hay hơn cả. Dĩ nhiên lịch sử của nó đã có từ lâu rồi, có trước cả đời Lý.

Còn làm gì để kỷ niệm, nhiều việc phải làm lắm. Việc quan trọng là từ nay đến đó, phát động một phong trào sâu rộng trong nhân dân, tìm hiểu lại quá khứ vẻ vang của mình, sưu tập, biên soạn, văn bản hóa các giá trị văn hóa phi vật thể, củng cố, trùng tu, xây dựng các giá trị văn hóa vật thể. Thực hiện đến mức nào còn tùy điều kiện về sức của sức người. Nhưng đó sẽ là niềm phấn khởi lớn đối với toàn dân Quảng Bình. Nó còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy toàn Đảng, toàn dân Quảng Bình thực hiện Nghị quyết đại hội mới đây của tỉnh nhà cũng như NQ Đại hội lần thứ 9 của Đảng toàn quốc.

Để kỷ niệm 990 năm Thăng Long, Thành ủy và UBND Hà Nội ngoài các công trình văn hóa vật chất được tôn tạo, đã cho biên soạn nhiều cuốn sách, trong đó có bộ "Hà Nội toàn thư" gồm 17 tập. Để kỷ niệm 170 năm Hà Tĩnh, Hà Tĩnh cũng đã cho ra đời "Từ điển Hà Tĩnh" "Lịch sử Hà Tĩnh", "các làng cổ ở Hà Tĩnh". Kỷ niệm 300 năm TP Hồ Chí Minh, chúng ta đã được bỏ "Địa chí văn hóa TP Hồ Chí Minh" (4 tập), "Từ điển TP Hồ Chí Minh". Để kỷ niệm 975 năm Nghệ An, Nghệ An đã có chủ trương cho biên soạn "Bách khoa thư văn hóa Nghệ An" v.v... Hy vọng sẽ được đọc "Địa chí Quảng Bình" trong dịp kỷ niệm 400 năm Quảng Bình, địa chí đó sẽ góp phần làm đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, làm rõ sắc thái văn hóa Quảng Bình.

(1) *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Đào Duy Anh, NXB Khoa học Hà Nội, 1964, trang 173.

(2) *Đào Duy Anh, sđd*, trang 174.

(3) *Đại việt sử ký toàn thư tập I*, NXB KHXH, Hà Nội, 1972, trang 223.

(4) *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Đào Duy Anh, NXB Khoa học Hà Nội, 1964, trang 173.

- (5) *Đại việt sử ký toàn thư*. S đd trang 233
- (6)(7) Đào Duy Anh, sdd trang 175
- (8) *Dẫn theo Đất nước Việt Nam qua các đời*, Đào Duy Anh, sdd.
- (9)(10) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Quốc sử quán triều Nguyễn NXB giáo dục, tập I, 1998, trang 1981.
- (11) *Gia Dụ hoàng đế tức Nguyễn Hoàng (1558 – 1612)*
- (12) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sdd, tập I, trang 1081
- (13) *Đại Nam nhất thống chí*, Quốc sử quán triều Nguyễn, bản dịch của Phan Trọng Diễm, NXB KHXH, Hà Nội, tập II, 1970.
- (14) *Hoàng Việt địa dư chí*, Phan Huy Chú, bản dịch của Phan Đăng, NXB Thuận Hóa, 1997
- (15) *Đại Việt địa dư toàn biên*, Nguyễn Văn Siêu, Viện sử học và NXB văn hóa, Hà Nội 1997.
- (16) Nhưng tại sao có câu: "Hai châu Ô Lý nay còn đó; một gái Huyền Trân đáng mấy mươi". Đó là năm 1301, tháng 3, Trần Nhân Tông lúc này đã là Trúc Lâm thiền sư đi Chiêm Thành để quan sát Phật giáo tại đây. Vua đi với tư cách một du tăng, có một số tăng sĩ tùy tùng. Vua lưu lại đây cho mãi đến tháng 10 mới về. Nhưng thời gian lưu trú tại Chiêm Thành, vua đã đàm đạo với vua Chiêm Thành là Chế Mân. Cuộc tiếp xúc này hẳn là cuộc tiếp xúc rất thân mật: vua Chiêm tiếp một vị du tăng Việt Nam nhưng đồng thời cũng tiếp một người có thể lực tinh thần rất lớn trong triều đình và ngoài dân chúng. Trong mục đích xây dựng tình hòa hiếu giữa 2 nước làm nền tảng cho hòa bình lâu dài, Trúc Lâm đã hứa gả công chúa Huyền Trân vua Chăm. Tháng hai năm 1305, tức 4 năm sau đó, Chế Mân sai Chế Bô Đài và bộ đảng hơn 100 người đem vàng bạc, hương trầm và các báu vật sang cầu hôn. Lúc này Trúc Lâm đang tu ở Kỳ Lâm Viện và đang bận làm lễ thụ giới tỳ kheu và Bồ tát cho vị đệ tử là Pháp Loa. Các quan trong triều nhiều người khuyên vua Anh Tông nên từ chối. Nhưng Văn Túc vương Đạo Tái và thượng tướng Trần Khắc Chung bàn với vua nên theo lời hứa của Thượng Hoàng. Vua Trần Anh Tông liền nhận lễ. Vua Chiêm Thành dâng 2 châu Ô và Lý làm sinh lễ. Đến năm 1307, hai châu này được đổi thành Thuận và Hóa (tức miền đất từ phía nam sông Thạch Hãn, Quảng Trị, cho đến đèo Hải Vân bây giờ). (Theo "Việt Nam Phật giáo sử luận" của Nguyễn Lang, NXB Văn học, Hà Nội, 1994)

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. ĐỖ BANG^(*)

VÀO năm 1831, vua Minh Mạng cho cải cách hành chính và cải tổ bộ máy cai trị địa phương lần thứ nhất áp dụng cho các tỉnh nằm phía bắc kinh thành Huế, tỉnh Quảng Bình được thành lập. Từ đó đến nay đã 170 năm, tên gọi và sự phân chia đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Bình tồn tại một cách hợp lý. Có được sự thành lập này, tỉnh Quảng Bình phải trải qua gần 10 thế kỷ biến động, thử thách, mài dũa, cân đối của lịch sử mới tạo thành.

Năm 1069, mùa xuân, vua Lý Thánh Tông thân chinh đánh Chiêm Thành bắt được vua Chiêm là Chế Củ và 5 vạn người. Mùa thu Chế Củ xin dâng đất 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội⁽¹⁾.

Mùa thu năm 1075, trước khi cho quân đánh sang nhà Tống (Trung Quốc) Lý Thường Kiệt cho quân đánh Chăm-pa để ổn định biên giới phía Nam, đến tại vùng đất địa đầu này, Lý Thường Kiệt cho vẽ bản đồ 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính. Nhà Lý cho đổi châu Địa Lý làm Lâm Bình, Ma Linh làm Minh Linh rồi chiêu mộ dân đến ở. Từ đó đất phía nam huyện Hà Hoa (nay thuộc về Hà Tĩnh) ngoài dãy Hoàng Sơn mới vào bản đồ nước ta⁽²⁾.

Mùa hè năm 1361, vua Trần Dụ Tông cử Phạm A Song làm Tri phủ Lâm Bình

Tháng 4 năm 1366, quân Chiêm xâm lấn Lâm Bình, Phạm A Song

(*) Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn - Đại học khoa học Huế.

đánh tan, vua cho làm Đại tri phủ phủ Lâm Bình hành quân thủ ngự sứ⁽³⁾.

Năm 1375, nhà Trần đổi phủ Lâm Bình thành phủ Tân Bình được xem là trọng trấn⁽⁴⁾.

Dưới triều Hồ, đầu thế kỷ XV, Hồ Quý Ly đổi tên Lâm Bình thành Tây Bình, Năm 1402, nhà Hồ cho mở đường Thiên Lý từ Tây Đô đến Hóa Châu. Năm 1404, nhà Hồ cho đào kênh Liên cảng từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hóa. Vậy, bằng phát triển giao thông và thủy lợi, triều Hồ đã củng cố thêm một bước thống nhất, gắn chặt vùng đất Tân Bình - Thuận Hóa mới mở ở phía nam với lãnh thổ đất nước.

Thời thuộc Minh, năm 1407 đổi lại làm phủ Tân Bình đem 2 châu Bố Chính và Minh Linh nhập vào. Bố Chính đổi tên là Chính Bình, Minh Linh đổi làm phủ Nam Linh.

Đầu thời Lê, vẫn theo nhà Minh, sau đặt lộ Tân Bình trực thuộc đạo Hải Lăng⁽⁵⁾.

Dưới triều vua Lê Thánh Tông năm 1469, lập lại địa giới, vẽ bản đồ, phủ Tân Bình có 2 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu Bố Chính, Minh Linh thuộc Thuận Hóa thừa tuyên⁽⁶⁾.

Huyện Khang Lộc có 4 tổng; 80 xã, 7 thôn, 4 trang

Huyện Lệ Thủy có 6 tổng; 28 xã, 2 trang

Châu Bố Chính có 12 tổng; 64 xã, 24 phường, 20 trang

Châu Minh Linh có 8 tổng; 63 xã⁽⁷⁾

Năm đầu niên hiệu Hồng Định (1601) đổi tên Tân Bình thành Tiên Bình⁽⁸⁾.

Vào thời Mạc, phủ Tân Bình có các huyện:

Huyện Lệ Thủy có 32 xã, 1 thôn

Huyện Khang Lộc có 73 xã

Châu Minh Linh có 65 xã

Châu Bố Chính có 68 xã⁽⁹⁾.

Năm 1604, thời chúa Tiên - Nguyễn Hoàng đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình⁽¹⁰⁾, địa danh Quảng Bình chính thức ra đời từ

đó. Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, chúa Nguyễn Phúc Nguyên cho lập dinh Quảng Bình. Bắc sông Gianh là Bố Chính Ngoại (Bắc Bố Chính), nam sông Gianh là Bố Chính nội (Nam Bố Chính)

Dưới thời quân Trịnh chiếm đóng (1775 - 1786) bỏ tất cả các dinh và lập đồn Động Hải.

Dưới thời Tây Sơn (1786 - 1801) vẫn giữ lại địa danh Động Hải và đặt châu Thuận Chình gồm Bắc và Nam Bố Chính. Phủ Quảng Bình đổi làm Quảng Thuận⁽¹¹⁾.

Đầu triều Nguyễn, năm 1801, đặt dinh Quảng Bình có 2 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu Bắc và Nam Bố Chính, đặt quan Lưu thủ, Cai bạ, Ký lục để cai trị. Năm 1806, dinh Quảng Bình cho lệ vào kinh sư.

Năm 1822, đổi Bố Chính Nội làm huyện Bố Chính, Bố Chính Ngoại làm châu Bố Chính.

Năm 1825 cho đắp thành Quảng Bình.

Năm 1827 đổi làm trấn Quảng Bình đặt các chức Trấn thủ, Hiệp trấn, Tham hiệp để cai trị.

Năm 1831, đặt tỉnh Quảng Bình trực thuộc kinh đô Huế với chức Tổng đốc Bình - Trị (gồm 2 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị) sau đổi làm Tuần phủ Trị - Bình.

Như vậy, từ năm 1069, nhà Lý sau chiến thắng quân Chiêm mở đất đến cửa Việt, nhưng đến năm 1075 mới ghi vào bản đồ đất nước và chiêu mộ dân vào sinh sống, làm ăn. Tên Lâm Bình xuất hiện từ năm 1075 thay tên Địa Lý, nhưng Lâm Bình chỉ là đất của một châu. Đến thời Trần mới lập phủ Lâm Bình, Phạm A Song làm Tri phủ vào năm 1361, tương đương với đất của tỉnh Quảng Bình ngày nay. Phạm A Song sau được phong làm Đại tri phủ, thay mặt triều đình phòng thủ ở biên trấn phía nam. Vị trí chiến lược của Quảng Bình ngày càng trở nên quan trọng đối với đất nước, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh vào đầu thế kỷ XV. Năm 1425, sau khi nghĩa quân Lam Sơn giải phóng Tân Bình và Thuận Hóa, Lê Lợi tự tin nói với tướng sĩ "Tân Bình, Thuận Hóa là đất lòng dạ của ta đã

được đất ấy rồi, thì không còn mối lo từ phía trong nữa" (12).

Dưới triều đại nhà Lê và Mạc, phủ Tân Bình là trọng trấn của đất nước, lãnh thổ từ nam đèo Ngang đến bắc cửa Việt, bao gồm đất của hai huyện Vĩnh Linh và Gio Linh của tỉnh Quảng Trị ngày nay.

Dưới thời Trịnh - Nguyễn, Quảng Bình là địa đầu, là chiến trường ác liệt của cuộc chiến tranh, nơi có hệ thống chiến lũy kiên cố, bất khả xâm phạm của chúa Nguyễn và cũng là vùng đất chịu nhiều đau thương của cuộc chiến tranh và chia cắt suốt gần 2 thế kỷ XVII - XVIII.

Từ đầu thế kỷ XIX, Quảng Bình là dinh, là trấn đến năm 1831, mới chính thức gọi tỉnh Quảng Bình; địa danh Quảng Bình xuất hiện từ năm 1604, có nguồn gốc từ năm 1075, khu vùng đất này được Lý Thường Kiệt cho vẽ bản đồ với tên gọi châu Lâm Bình xuất hiện để chỉ phần đất ở trung tâm của tỉnh Quảng Bình ngày nay thay cho tên gọi châu Địa Lý của người Chăm trước đó.

Quá trình thay đổi tên gọi từ Lâm Bình → Tân Bình → Tây Bình → Tiên Bình → Quảng Bình là quá trình hoàn thiện một địa danh. Quá trình thay đổi, phát triển danh xưng của một đơn vị hành chính từ châu → phủ → lộ → dinh trấn → tỉnh cũng như sự thay đổi, mài dũa cương vực để có một lãnh thổ cân đối, hài hòa cũng là sự hoàn thiện để có một tỉnh Quảng Bình hợp lý ngày nay^(*).

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư, tập I*, KHXH, HN - 1972, tr.233

Đại Việt sử ký tiền biên, KHXH, HN, 1977, tr.238

Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, KH, HN, 1964, tr.20

Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, Q5. KHXH, HN, 1992, tr.157

Riêng sách Đại Nam nhất thống chí cho rằng năm Thiên Hưởng Bảo Tượng thứ 3, tức năm 1070 và châu Địa Lý thì gọi Địa Ly (Tập II, Thuận Hóa, 1992, tr.6)

(2) *Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục*, KH, HN, 1964, tr.20

Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, Q5. KHXH, HN, 1992,

tr.157

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư, tập II*, KHXH, HN, 1971, tr.164

Đại Việt sử ký tiền biên, KHXH, HN, 1977, tr.458

(4) *Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục*, KH, HN, 1964, tr.22

Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, Q.5 KHXH, HN, 1992, tr.157

(5) *Đại Nam nhất thống chí, Tập II*, Thuận Hóa, 1992, tr.7)

(6) *Đại Nam nhất thống chí, tập II*, Thuận Hóa, 1992, tr. 7)

Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, Đại Việt địa dư toàn biên, Viện Sử học, Văn hóa, 1997, tr.150

(7) *Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục*, KH, HN, 1964, tr.34

Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi và *Đại Việt địa dư toàn biên* của Phương Đình – Nguyễn Văn Siêu số liệu này có sai lệch chút ít. *Đại Việt địa dư toàn biên* cho rằng 2 huyện là Khang Lộc và Lệ Sơn.

(8) Vì kiêng tên vua Lê Kính Tông là Tân nên đổi tên, theo Nguyễn Trãi toàn tập, *Dư địa chí*, KHXH, HN, 1976, phần chú thích tr.629

(9) *Dương Văn An, Ô châu cận lục*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, KHXH, 1997, tr.38–39

(10) *Đại Nam nhất thống chí, tập II*, Thuận Hóa, 1992, tr.7

(11) *Phương Đình – Nguyễn Văn Siêu, Đại Việt địa chí dư toàn biên*, Viện Sử học, Văn hóa, 1997, tr.242

(12) *Lam Sơn thực lục* trong Nguyễn Trãi toàn tập, sđd, tr.60

(*) Tại diễn đàn Hội thảo, tác giả cho rằng xét trong tiến trình lịch sử Quảng Bình từ 1069 đến 1831 thì lựa chọn thời điểm 1361 là phù hợp hơn cả (BBT)

QUẢNG BÌNH - NGƯỢC DÒNG LỊCH SỬ

PHẠM NGỌC HIỀN^(*)

QUẢNG BÌNH - một tỉnh ven biển miền Trung của quốc gia Đại Việt - Việt Nam, đã có từ lâu với những nét lịch sử đáng chú ý, nhưng xa xưa vẫn chưa có tên, mãi đến thế kỷ đầu 17 mới có tên Quảng Bình.

Xét về mặt lịch sử địa chất hình thành mảnh đất Quảng Bình thì phần Tây Nam và phần giữa của tỉnh được hình thành sớm nhất: Trong nguyên đại Cổ sinh, kỷ Ocdovic và Silua, cách đây hơn 450 triệu năm. Phần Tây bắc tỉnh được hình thành muộn hơn: cuối nguyên đại Cổ sinh, ở các kỷ Devon, Cacbon và Pecmi - cách đây 350 - 400 triệu năm. Phần Bắc tỉnh hình thành trong nguyên đại Trung sinh, kỷ Trias và Jura, cách đây khoảng 200 triệu năm. Phần đồng bằng ven biển hình thành trong nguyên đại Tân sinh, kỷ Đệ Tam và Đệ Tứ, cách đây 1 - 30 triệu năm.

Đứng về mặt khảo cổ học, ở Quảng Bình hiện nay chúng ta chưa tìm được dấu tích cũ của người nguyên thủy thuộc thời đồ đá cũ (cách đây 15.000 đến 80.000 năm) trong khi đó ở các nơi khác trên đất nước ta, ngành khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di tích thuộc thời đại này. Văn hóa thời đại đồ đá mới đã được phát hiện người nguyên thủy sinh sống, cách đây khoảng 12.000 năm, đó là thời kỳ "Con người khôn ngoan" xuất hiện. Các di chỉ khảo cổ đó là Xóm Thâm (hay xóm Sầm) thuộc làng Cổ Liêm thượng (xã Trung Hóa, huyện Tuyên Hóa), Yên Lạc (huyện Minh Hóa), Kim Bảng (gần Yên

(*) Cán bộ hưu trí - Đồng Hới, Quảng Bình

Lạc, huyện Minh Hóa), Đức Thị (Rào Trù, huyện Quảng Ninh), hang Rào (phía tây xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch), Minh Cẩm (huyện Tuyên Hóa), Bàu Tró (thị xã Đồng Hới) và một số nơi khác ở huyện Quảng Trạch, Bố Trạch v.v... Các hiện vật phát hiện được gồm những đồ trang sức, những công cụ lao động, những đồ dùng hàng ngày như: các đồ trang sức bằng vỏ ốc, những hòn cuội sa thạch có lỗ đục vũa, những vòng mỏng bằng đồng, dao sắt, lưỡi câu, những mũi nhọn, những mũi đục vũa, rìu đá, những hạt chuỗi đá xanh, bàn mài, những đồ đá đẽo, những đồ gốm trang trí đẹp, bánh xe quay bằng đất nung, những cục quặng sắt hematit... Đặc biệt là những đồ trang sức đã đạt đến trình độ cao, đẹp, kỳ công; những công cụ bằng đá độ cứng 7 trong thang độ cứng 10 như các rìu hình thang, rìu có vai, lưỡi mài có chuỗi tra cán; những đồ gốm cũng đạt trình độ cao với những kiểu dáng, hoa văn phong phú... Những điều đó đã nói lên trình độ văn minh của người nguyên thủy Quảng Bình, trong đó di chỉ Bàu Tró được gọi là "Văn hóa Bàu Tró" rất đặc trưng như các "Văn hóa Sa Huỳnh", "Văn hóa Phùng Nguyên"...

Trong hậu kỳ đồ đá mới, nghề nông nghiệp thủy đã xuất hiện, con người không thích ở trong hang động nữa và họ đã rời hang, đi về đồng bằng, về ven biển sinh sống: Ba Đồn, Cồn Nền, Bàu Tró... Đặc biệt phương thức sinh hoạt từ hái lượm, săn bắn chuyển sang gieo trồng, săn bắn, đánh cá, chăn nuôi. Nghề đánh cá của người Bàu Tró khá phát triển, đánh được những loài cá lớn chứng tỏ họ đã đóng được thuyền to, ngư cụ tốt và nghề đi biển khá vững vàng. Trong di chỉ Bàu Tró, đã phát hiện được nhiều xương cá lớn như cá heo, cá nhám, cá đuối... Người nguyên thủy Quảng Bình đã tiến sang thời kỳ đồ đồng, đồ sắt. Người Bàu Tró đã biết dệt vải; trong các di chỉ đã tìm thấy những dọi xe chỉ, bánh xe quay bằng đất nung, chứng tỏ nền văn minh đã tiến sang một bước. Vào thời đại đồ đồng với nền văn hóa Đông Sơn, những đồ đồng Đông Sơn cũng đã tìm thấy ở Quảng Bình như những bình khí, trống đồng... chứng tỏ có những cuộc chiến tranh đã xảy ra và sau đó vào thời kỳ "Cộng sản nguyên thủy" đã kết thúc vào khoảng hơn 2000 năm trước công nguyên, nhường

chỗ cho thời kỳ phong kiến tập quyền; thời kỳ vua Hùng dựng nước - Nước Văn Lang. Xét về nguồn gốc người nguyên thủy Quảng Bình từ sơ kỳ đồ đá mới trở đi, trong các di chỉ có xương của các giống người Anđônêdiêng, Anđônêdiêng - Mônggôlôit, Nêgritô, Mônggôlôit. Người Lạc Việt xưa, tổ tiên của người Việt hay người Kinh ngày nay là do sự cộng cư và hòa huyết lâu đời giữa các chủng tộc nói trên tạo nên. Lúc đầu yếu tố Anđônêdiêng là chủ yếu, sau đó là các yếu tố khác, nhất là yếu tố Mông chiếm phần quan trọng và dần dần chiếm chủ yếu cho đến ngày nay, giống Việt đã thành một nhân chủng có bản sắc riêng biệt, không giống bất cứ một chủng tộc nào. Từ thời Hùng Vương dựng nước, vùng đất phía nam Hoành Sơn có tên là Việt Thường.

Nguồn gốc của tên gọi "Lạc Việt" thì từ "Lạc" có một thuyết ngoại lai: Sách Thủy Kinh Chú đời Hán có chép: "Giao Chỉ lúc xưa chưa có quận huyện, thổ địa thì có ruộng gọi là "Lạc điền", ruộng ấy theo thủy triều lên xuống mà làm, dân khẩn ruộng ấy để ăn gọi là "lạc dân". Lạc dân đó là dân Anđônêdiêng trong hậu kỳ đồ đá mới và chủng tộc đó cứ tồn tại, phát triển và tiến hóa cho đến ngày nay.

Xét về lịch sử xa xưa, vào thế kỷ thứ IV trước công nguyên, miền bắc và Bắc Trung Bộ, xứ sở của người Lạc Việt đã bị Tần Thủy Hoàng chiếm. Vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên, nước Văn Lang không còn tồn tại và nước Âu Lạc được thành lập thay thế, đó là đời An Dương Vương, kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tần, nhà Triệu. Cuối đời Tần, vùng đất Việt Thường được đổi tên là Tượng Quận. Lúc này quân Triệu Đà đã chiếm cứ Uất Lâm, Nam Hải và Tượng Quận mà xưng vương, đặt tên nước là Nam Việt. Nước Nam Việt lại bị nhà Hán cướp và chia là 9 quận trong đó có Nhật Nam, tức là dải đất Trung Bộ từ Quảng Bình đến Quảng Nam. Nhật Nam thuộc phần đất Quảng Bình có huyện Tây Quyển, huyện sở là "Nhật Nam đình" mà có sử gia cho là ở Xuân Dục (Hiển Ninh). Tuy nhiên thời đó Quảng Bình chưa có tên. Đời Đông Hán, năm Kiến An thứ 18, nhà Hán bỏ Châu Quận, khôi phục lại 9 châu trong Vũ Cống xưa, cho Nhật Nam thuộc Kinh Châu (thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên).

Trong khoảng thời gian này ở nước ta con người vẫn còn lạc hậu. Sách Hậu Hán thư của nhà Hán chép: "Người như cầm thú, không phân biệt trưởng ấu, tóc búi sau cổ, chân đi đất, mặc áo thì lấy vải luồn qua đầu, không có phép giá thú, chỉ theo dâm hiếu, không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng? mà đều trần truồng không có áo quần. Sách Thủy Kinh chú (đời Hán) cũng chép: "Dân ở miền Khu Túc (tức miền sông Gianh) đều ở tổ và ngủ trên cây". Sau đó tiến bộ hơn, họ đã làm được nhà sàn để ở.

Năm Nguyên Phong thứ 5 nhà Hán (105 sau Công nguyên) đặt Châu Giao chỉ, sau lại đổi thành Giao Châu. Sau đó nhà Ngô chia Giao Châu của nhà Hán làm 2 châu là Quảng Châu và Giao Châu. Nhật Nam thuộc Giao Châu. Bây giờ nước Lâm Ấp của người Chiêm đã thành lập. Năm 148 Lâm Ấp tiến ra sông Thọ Linh (tức sông Gianh). Đời Tấn lập lại quận Nhật Nam gồm 5 huyện trong đó có 2 huyện Tây Quyển và Tĩ Cảnh thuộc đất Quảng Bình. Năm 285, nhà Tấn chia tây Quyển, đặt thêm huyện Thọ Linh, năm 289 lại chia huyện Tĩ Cảnh, đặt thêm huyện Vô Lao.

Nước Lâm Ấp thành lập vào năm 137 (sau Công nguyên) gọi là nước Hoàn Vương, sau đó gọi là Chiêm Thành. Địa lý, Bố Chính và Ma Linh là 3 châu của Chiêm Thành. Châu Địa Lý là đất đai hai huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh. Châu Bố Chính là đất đai 3 huyện Bố Trạch, Quảng Trạch và Tuyên Hóa. Châu Ma Linh là đất 2 huyện Vĩnh Linh và Do Linh (Quảng Trị). Từ sau khi thành lập đến khoảng trước năm 431 (cuối đời Nhà Tề - Trung Quốc) Lâm Ấp đã lấn chiếm hết vùng Nhật Nam đến Hoành Sơn. Trong suốt 7 - 8 thế kỷ, mảnh đất này không lúc nào được yên ổn. Chiến tranh liên miên giữa các triều vua phương Bắc với các triều vua Lâm Ấp đã xảy ra ở khu vực bắc miền Trung là Cửu Chân, Giao Châu, Nhật Nam để giành giật đất đai làm bá chủ, nhất là ở khu vực Cổ Chiến (Sông Gianh). Năm 248, Lâm Ấp chiếm được vùng đất từ Nam sông Gianh trở vào. Đầu đời Tấn, năm 280 mới đặt lại Nhật Nam thuộc Quốc đô úy để chống với Lâm Ấp. Năm 337, vua Lâm Ấp là Phạm Văn đánh chiếm được Nhật Nam từ sông Gianh đến Hoành Sơn, san bằng huyện

thành Tây Quyển, muốn lấy Hoành Sơn làm biên giới phía Bắc của mình. Năm 349, Phạm Văn chết, con là Phạm Phật lên nối ngôi. Chiến tranh liên miên giữa các triều đại Lâm Ấp với phong kiến Trung Quốc vẫn diễn ra ở vùng đất này. Vào thế kỷ thứ 9 (sau Công nguyên), Chư Cát Địa của Lâm Ấp lên làm vua và đổi quốc hiệu là Hoàn Vương và họ vẫn tiếp tục đánh phá Giao Châu. Năm 808, đời Hiến Tông nhà Đường quan đô hộ nhà Đường là Trương Chu lại đánh nước Hoàn Vương, vua Hoàn Vương phải lui vào phía nam Hải Vân và đổi quốc hiệu là Chiêm Thành.

Nhân dân vùng phía Nam Hoành Sơn - Đèo Ngang sống rất cơ cực. Ngoài nạn bóc lột của quan lại địa phương, nhân dân còn phải cống nạp cho triều đình phong kiến Trung Quốc các sản vật quý của địa phương, bên cạnh đó chiến tranh đè nặng lên đầu nhân dân. Thành Khu Túc xây dựng vào thế kỷ thứ 4 ở ngã 3 sông Thọ Linh và sông Lô Dung (sông Gianh và Rào Nam) là một công trình chiến lược của Lâm Ấp, và nơi hai bên Lâm Ấp và phong kiến phương Bắc dành giết nhau. Quốc gia Lâm Ấp lại còn man rợ, tính người hung hãn, thường cướp phá, giết chóc nhân dân. Cũng trong thời kỳ Bắc thuộc nhân dân Nhật Nam cũng tích cực hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa Bà Trưng, Bà Triệu.

Từ khi Ngô Quyền lập nước giành độc lập (năm 939 - 944), nước ta thoát khỏi ách đô hộ hàng nghìn năm của phong kiến Trung Quốc thì giữa nước ta và Chiêm Thành lại xảy ra nhiều cuộc đụng độ mới từ thời nhà Đinh tới thời Tiền Lê. Năm 992, vua Lê Đại Hành sai Ngô Tử An đem 3 vạn quân và dân mở một con đường từ cửa biển Nam Giới (tức cửa Sốt ở Hà Tĩnh) thông đến châu Địa Lý của Chiêm Thành ở phía Nam Hoành Sơn. Đầu đời nhà Lý, mười năm sau khi lên ngôi, vua Lý Thái Tổ sai hoàng tử Lý Phật Mã đem quân đánh Chiêm Thành ở trại Bố Chính. Lý Thường Kiệt đã mộ dân lập ấp, ban hành một nền hành chính, ổn định cuộc sống ở 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh. Năm 1054, vua Lý Thái Tông lên nối ngôi đã 15 năm mà Chiêm Thành vẫn không ra triều cống, vua bèn thân chinh đi đánh. Sử cũ chép: "Quân đi từ Kinh Sư Thăng Long đến cửa biển Đại

Ác (ở Hà Tĩnh) nơi mà đội quân làm phản của Ngô Nhật Khánh mượn quân Chiêm ra đánh lại vua Đinh Tiên Hoàng và đã bị bão giạt chìm nên mới có tên như vậy". Nhưng lúc này sóng gió yên lặng nên nhà vua cho đổi tên Đại Ác thành Đại An, đến núi Ma Cô ở Hoành Sơn, qua vùng Hà Náo (Lý Hòa), ngày ấy đến cửa Trú Nha (tức Nhật Lệ), hôm sau qua 2 động cát Đại Trường Sa và Tiểu Trường Sa mà thẳng đến cửa biển Tư Khách (nay là cửa Tư Hiền - Thừa Thiên Huế). Thời gian này Quảng Bình vẫn chưa có tên.

Năm 1069, nhà Tống (Trung Quốc) lại có tham vọng xâm lược nước ta, chúng âm mưu liên kết với Chiêm Thành. Vua Lý Thái Tông quyết định phải đánh tan quân Chiêm trước, cử Lý Thường Kiệt làm đại tướng tiên phong kiêm chức Nguyên Soái vào Nam Hoành Sơn, đánh thắng quân Chiêm, bắt sống vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ phải xin dâng 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh để chuộc tội. Vua Lý Thánh Tông chấp nhận và thả Chế Củ về nước. Năm 1075, người Chiêm lại đem quân cướp lại 3 châu. Vua Lý lại sai Lý Thường Kiệt vào đánh và lại chiến thắng, lấy lại được 3 châu. Vua Lý cho đổi tên Bố Chính (có nghĩa là do chinh chiến mà bày ra) thành Bố Chính (có nghĩa là do nền chính trị ban ra), châu Địa Lý làm Lâm Bình và Ma Linh làm Minh Linh (Quảng Trị ngày nay). Hai châu Bố Chính và Lâm Bình là phần đất thuộc tỉnh ta. Sang thời Trần, vua Trần Duệ Tông vào năm Ất Mão (1375) đổi châu Lâm Bình thành phủ Tân Bình. Đời nhà Hồ, đổi phủ Tân Bình làm trấn Tây Bình. Vậy là từ năm 1075 từ "Bình" đã xuất hiện.

Đời hậu Lê cho nhập Tân Bình vào Thuận Hóa (Huế) làm một. Năm Tân Sửu (1601) đổi Tân Bình làm phủ Tiên Bình, trực thuộc Thuận Hóa - Thừa Tuyên. Khi hai họ Trịnh - Nguyễn xảy ra tranh chấp, Trịnh Kiểm đặc biệt chú ý miền Thuận Quảng (từ Đèo Ngang trở vào), năm 1557, Trịnh Kiểm dâng biểu lên vua Lê, nói: "Thuận Hóa là nơi cung cấp quân lính cho thiên hạ... thế đất hiểm trở, tính dân cương nghị lại có nhiều lợi về tre gỗ miền núi, cá mắm miền biển, về mặt trọng yếu thực không có xứ nào hơn. Hồi quốc sơ, nhờ đó mà dựng nên đại nghiệp. Nay lòng dân còn chưa yên, nhiều người

vượt biển vào theo họ Mạc, sợ dẫn giặc về cướp, nếu không có tướng giỏi trấn giữ, võ về thì không xong. Doan Quận công (tức Nguyễn Hoàng) là con nhà tướng, có tài trí mưu lược, có thể sai vào trấn thủ ở đấy để cùng tướng giữ Quảng Nam là thế ỷ giốc thì mới khỏi lo đến miền Nam...".

Nguyễn Hoàng là em vợ Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm muốn cho Nguyễn Hoàng vào Thuận Quảng là có ý làm một công hai việc, một là để rảnh tay rảnh mắt, chưa biết chừng có thể có quân họ Mạc giết thay, nếu không thì cũng dùng Nguyễn Hoàng để giữa miền đất có nhiều người nổi dậy chống tập đoàn Lê Trịnh này. Trước đó Nguyễn Hoàng có mâu thuẫn với Trịnh Kiểm, vì Trịnh Kiểm đã giết chết con dâu của Nguyễn Kim tên là Nguyễn Uông, anh của Nguyễn Hoàng. Theo truyền thuyết, Nguyễn Hoàng cho người tìm Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm hỏi kế hành động. Trạng Trình không đáp mà đi dạo chơi quanh hòn non bộ trước nhà, nhận thấy đàn kiến bò quanh hòn giả sơn, mới ngâm câu: "Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân" nghĩa là một dải Hoành Sơn có thể dung thân muôn đời. Nguyễn Hoàng giả điên rồi cho người vào tìm chị là Ngọc Bảo, vợ chính của Trịnh Kiểm nhờ tìm lời xin cho Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Kiểm ngoài mặt thì giả vờ từ chối nhưng bên trong đã có âm mưu nên mới tâu với vua Lê như vậy. Vua bèn y cho. Năm sau (1558) Kiểm cho Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa. Nguyễn Hoàng đem một nghìn quân theo đường biển đi thẳng vào cửa Yên Việt (nay là Cửa Việt - Quảng Trị). Lúc đầu Nguyễn Hoàng chưa có ý đồ chống Trịnh, vẫn phục tùng vua Lê. Sau khi ra Bắc được vua Lê phong làm thái úy, Nguyễn Hoàng lập được nhiều chiến công, sau đó mới tìm cách trốn về Thuận Hóa. Nguyễn Hoàng được gọi là Chúa Tiên, là người đầu tiên đặt tên đất Quảng Bình thay cho phủ Tiên Bình. Năm Hoàng Đinh thứ 5 (1604) Nguyễn Hoàng cải đổi tên các khu vực hành chính 2 xứ Thuận - Quảng... đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình. Và đến năm Kỷ Dậu (1609) dựng chùa Kính Thiên ở Thuận Trạch (Bố Trạch) gọi là chùa Hoàng Phúc. Như vậy, tên Quảng Bình xuất hiện từ năm Giáp Thìn (1604).

Năm 1613, trước khi mất Nguyễn Hoàng dặn con là Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Đất Thuận Quảng, phía Bắc có núi Hoành Sơn, sông Linh Giang, phía Nam có núi Ải Vân và núi Thạch Bi, thực là một nơi trời để cho người anh hùng dựng võ. Bởi vậy ta phải thương yêu nhân dân, luyện tập quân sĩ mà gây cơ nghiệp muôn đời..." quả thật là đúng với câu sấm của Trạng Trình. Sự nghiệp của Nguyễn Hoàng gây dựng ở phía Nam Hoành Sơn đã được mở mang.

Trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, vùng đất Quảng Bình đã chịu biết bao cảnh "chiến tranh huynh đệ thương tàn". Sông Gianh là ranh giới chia cắt Bắc - Nam về địa lý, nhưng thực tế lũy Đào Duy Từ mới là ranh giới. Đến khi vua Quang Trung lên ngôi thống nhất đất nước thì ranh giới Sông Gianh mới được xóa bỏ (1788). Nhưng triều Tây Sơn chỉ tồn tại được hơn 10 năm thì bị Nguyễn Ánh lật đổ (1802). Từ khi Gia Long (Nguyễn Ánh) lên ngôi Quảng Bình cũng như đất nước được một thời kỳ ổn định khá lâu dài. Gia Long đặt vùng đất Quảng Bình là "Doanh trực lệ Quảng Bình" gồm 1 phủ, 2 châu và 2 huyện: Phủ Quảng Bình (tức vùng Đông Hải - Đồng Hới và huyện Quảng Ninh hiện nay); 2 châu: Bố Chính nội (Bố Trạch) và Bố Chính ngoại; 2 huyện là Phong Đăng và Lệ Thủy. Phủ Quảng Bình có thành Quảng Bình là trung tâm chính trị của "Doanh trực lệ Quảng Bình". Năm Gia Long thứ 5 (1806) lại định làm dinh Quảng Bình trực lệ vào Kinh Sư.

Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1822) đổi châu Bố Chính nội làm huyện Bố Chính, châu Bố Chính ngoại làm châu Bố Chính. Năm thứ bảy (1826) đem 3 đồng (đồng Lan, đồng Đỏ, đồng Châm) của man Quy Hợp thuộc Nghệ An cho lệ vào dinh (man Quy Hợp thuộc Hương Khê - Hà Tĩnh hiện nay). Năm thứ 8 (1827) đổi làm trấn Quảng Bình, bỏ 2 chữ "trực lệ", đặt các chức trấn thủ, hiệp trấn và tham hiệp. Năm thứ 12 (1831 - có tài liệu nói là năm 1832), chia tỉnh hạt gọi là tỉnh Quảng Bình.

Như vậy là tên gọi Quảng Bình có từ năm 1604 cách đây 397 năm, còn thành đơn vị tỉnh Quảng Bình thì có từ năm 1831 cách đây 170 năm.

Từ đó triều đình bắt đầu đặt chức tổng đốc Bình - Trị, 2 ty Bố Chính và án sát tỉnh Quảng Bình, sau đó bỏ chức tổng đốc, đổi đặt chức tuần phủ Trị - Bình riêng tỉnh Quảng Bình chỉ đặt Bố Chính và án sát mà lệ vào tuần phủ Trị - Bình, đổi phủ Quảng Bình làm phủ Quảng Ninh, huyện Bố Chính làm huyện Bố Trạch. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834) lại gọi là tỉnh Bắc Trục, năm thứ 19 (1838) tách đặt 2 huyện Phong Đăng và Minh Chính (Quảng Trạch và Tuyên Hóa) lại đặt thêm phủ Quảng Trạch.

Vào cuối đời vua Tự Đức, tỉnh Quảng Bình có 2 phủ, 6 huyện: phủ Quảng Ninh, phủ Quảng Trạch, huyện Phong Lộc, huyện Phong Đăng (2 huyện này là huyện Quảng Ninh), huyện Lệ Thủy, huyện Bình Chính, huyện Minh Chính (2 huyện này là huyện Quảng Trạch) và huyện Bố Trạch. Đó là theo *Đại Nam nhất thống chí* triều Nguyễn. Tuy nhiên, theo sách này không thấy nói đến phần đất huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa. Hai huyện Bình Chính và Minh Chính thuộc vào phủ Quảng Trạch. Các huyện kia thuộc vào phủ Quảng Ninh.

Vào thời vua Hàm Nghi, Thực dân Pháp đã chiếm Đông Hải (19 tháng 7 năm 1885) và từ đó chiếm cả tỉnh Quảng Bình, đặt bộ máy cai trị tại Đông Hải (gọi là Đồng Hới). Năm 1939, người Pháp nâng Đồng Hới thành đô thị (thị xã Đồng Hới). Người dân Quảng Bình vốn có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng, đã từng theo vua Hàm Nghi chống Pháp rồi theo Đảng Cộng sản Đông Dương làm cách mạng và tháng 8 năm 1945 đã làm cách mạng giành chính quyền thành công. Sau 1945, thể chế tỉnh Quảng Bình đã như ngày nay.

Quảng Bình một vùng đất đã được thiên nhiên tạo dựng từ mấy trăm triệu năm nay, con người nguyên thủy Quảng Bình đã xuất hiện khá sớm vào thời đại Đồ đá mới, cách đây khoảng 12 nghìn năm và đã dần dần tiến bộ văn minh cùng với các nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Bàu Tró. Quảng Bình là một vùng đất có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng cho nên trong thời kỳ phong kiến đã chịu nhiều tàn phá của chiến tranh, tranh chấp. Tuy nhiên cái tên Quảng Bình trong

lịch sử, xuất hiện tương đối muộn, mãi đến năm Giáp Thìn (1604) mới có tên và lúc đó mới chỉ là trấn hoặc phủ, cho mãi đến năm Tân Mão (1831) Quảng Bình mới thực sự là đơn vị tỉnh. Như vậy tỉnh Quảng Bình đã có tên cách đây 170 năm và địa danh Quảng Bình xuất hiện 397 năm. Tuy nhiên, sử sách cũng không ghi lại ngày tháng các vị vua chúa đặt tên Quảng Bình và đặt đơn vị tỉnh. Nếu lấy ngày tháng để kỷ niệm thì nên chăng lấy ngày cách mạng tháng 8 thành công 23 tháng 8 hoặc lấy ngày giải phóng Quảng Bình 18 tháng 8 như Thăng Long - Hà Nội chín trăm chín mươi năm vừa qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại nam nhất thống chí (triều Nguyễn)*
2. *Quảng Bình - Nước non và Lịch sử của Nguyễn Tú*
3. *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình của Lương Duy Tâm*
4. *Lịch sử Việt Nam (tập I)*
5. *Địa chất miền Bắc VN*

NHỮNG CƠ SỞ LỊCH SỬ CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH NĂM 1831 TỈNH QUẢNG BÌNH ĐƯỢC THÀNH LẬP

ThS. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN^(*)

I - NHỮNG CƠ SỞ LỊCH SỬ VỀ SỰ THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 1831

1. Sự xác lập đơn vị hành chính tỉnh tại vùng đất Quảng Bình năm 1831.

Trong lịch sử hành chính ở Việt Nam trước thời Nguyễn, chưa bao giờ chính quyền cai trị chia đặt các khu vực trong nước thành những đơn vị hành chính cấp tỉnh độc lập với nhau và đều trực thuộc bộ máy Nhà nước Trung ương.

Xu hướng chung trong lịch sử là Nhà nước chia lãnh thổ thành các khu vực hành chính rộng lớn, với tên gọi thay đổi tùy theo từng giai đoạn như lộ, trấn, thừa tuyên hoặc xứ. Dưới các đơn vị hành chính lớn này thường là những đơn vị nhỏ hơn như phủ, huyện, châu, đạo. Rồi lúc đó mới đến các đơn vị cơ sở là tổng, xã, phường, thôn, trang, ấp... Ngay cả đầu thời Nguyễn, nền hành chính vẫn chưa có bước thay đổi quan trọng khi hai đầu đất nước vẫn là đơn vị thành (Bắc Thành và Gia Định thành), dưới thành là các trấn lệ thuộc thành; trong khi đó một số khu vực hành chính ở miền Trung lại được chia thành 7 trấn và 4 doanh (dinh) trực thuộc Trung ương, các doanh này về sau cũng đổi tên thành trấn.

Sự bất cập trong việc phân chia nền hành chính ở Việt Nam chỉ

(*) Khoa Sử - Đại học Khoa học Huế

trở nên hợp lý, khi vào tháng 10 năm Minh Mạng thứ 12 (1831), từ Quảng Trị trở ra Bắc được cải tổ thành 18 tỉnh độc lập với nhau, và năm sau đó (1832) 14 tỉnh từ Quảng Nam trở vào được ra đời.

Như vậy, đến đầu năm 1931 tên gọi tỉnh Quảng Bình mới bắt đầu xuất hiện với tư cách là đơn vị hành chính ngang cấp với các tỉnh khác, đều trực thuộc Nhà nước Trung ương ở Kinh đô Huế.

Do đó, đầu vào năm 1605 Nguyễn Hoàng có đặt tên vùng đất này là phủ Quảng Bình, thì cũng chỉ mang ý nghĩa về địa danh, chứ chưa thay đổi tính chất của đơn vị hành chính Quảng Bình. Cho đến khi quân Trịnh chiếm đóng và cả dưới thời Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, phủ Quảng Bình vẫn là đơn vị hành chính lệ thuộc vào xứ Thuận Hóa, chứ không phải là đơn vị độc lập.

Thực tế lịch sử nêu trên là căn cứ quan trọng để chúng ta xác định năm 1831 tỉnh Quảng Bình được thành lập.

2. Sự xác lập cương vực - lãnh thổ của tỉnh Quảng Bình năm 1831.

Trong quá trình phát triển, cương vực - lãnh thổ của vùng đất Quảng Bình có nhiều xáo trộn do những biến động liên tục và phức tạp của lịch sử, tập trung chủ yếu ở ranh giới phía Nam và phía Bắc của tỉnh.

Dưới thời vương quốc Chăm-pa, đất Quảng Bình ngày nay là 2 châu Bố Chính và Địa Lý xưa. Khi chuyển chủ quyền vùng đất vào Đại Việt từ năm 1069, nhà Lý đã đổi tên hai châu đó thành hai châu Bố Chính và châu Lâm Bình (1075). Hai châu này tồn tại độc lập với nhau.

Kể từ thời Trần cho đến đầu thế kỷ XVII, khi châu Lâm Bình trở thành đơn vị hành chính cấp phủ (hoặc lộ hay trấn); và lần lượt đổi tên thành Tân Bình, Tây Bình, rồi lại Tân Bình, Tiên Bình, Quảng Bình; vùng đất này luôn bao gồm huyện Minh Linh (châu Ma Linh cũ thời Chăm-pa, từ thời Nguyễn trở thành hai huyện Vĩnh Linh, Do Linh thuộc Quảng Trị). Ranh giới Quảng Bình trong các thế kỷ này kéo từ Hoành Sơn vào giáp với phủ Triệu Phong (tức gồm lãnh thổ

tỉnh Quảng Bình hiện tại cộng thêm các huyện Vĩnh Linh, Do Linh của tỉnh Quảng Trị).

Trong cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn, kể từ năm 1630 sông Gianh trở thành nơi phân chia chủ quyền giữa hai tập đoàn phong kiến phong kiến thống trị đất nước, nên cương vực phủ Quảng Bình chỉ còn từ bờ nam sông Gianh đến giáp phủ Triệu Phong. Ranh giới phía Bắc chỉ được nới rộng đến dãy Hoành Sơn như trước, khi Tây Sơn đập tan chính quyền của cả họ Nguyễn và họ Trịnh, tiến tới thống nhất đất nước.

Triều Tây Sơn chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi, đến năm 1802 vương triều Nguyễn được thiết lập trên cơ sở đất nước được thống nhất toàn bộ lãnh thổ.

Những thay đổi đầu tiên của triều Nguyễn về mặt hành chính đã tách rời huyện Minh Linh về dinh Quảng Trị. Vùng đất Quảng Bình lúc này chỉ còn từ Hoành Sơn đến huyện Lệ Thủy ở phía nam.

Cương vực Quảng Bình đã thay đổi từ đầu triều Nguyễn, nhưng phải đợi đến năm 1831, khi tỉnh Quảng Bình được thành lập thì sự thay đổi đó mới mang tính ổn định. Từ năm 1831 trở đi, lãnh thổ tỉnh Quảng Bình luôn giới hạn ở phía bắc là Hoành Sơn và phía nam là Lệ Thủy. Ranh giới đó của tỉnh Quảng Bình từ năm 1831 đến nay về cơ bản vẫn không thay đổi.

Tính từ năm 1831, tỉnh Quảng Bình còn có nhiều biến đổi giữa các đơn vị hành chính dưới tỉnh như phủ, huyện, tổng, xã... Nhưng tất cả sự thay đổi đó dưới thời Nguyễn, thời Pháp thống trị, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ và sau ngày đất nước thống nhất, đều không làm thay đổi phạm vi lãnh thổ cơ bản của tỉnh Quảng Bình.

Với thực tế lịch sử nói trên, có thể khẳng định rằng sự thành lập tỉnh Quảng Bình năm 1831 dưới triều Nguyễn đã tỏ ra hợp lý về mặt hành chính. Chính sự hợp lý này là nền tảng vững chắc tạo nên tính ổn định từ đó đến nay. Đây cũng là cơ sở khẳng định mốc thành lập Quảng Bình vào năm 1831.

3. Sự hoàn chỉnh hệ thống tổ chức hành chính và bộ máy chính quyền tỉnh Quảng Bình năm 1831.

Trong cuộc cải cách đồng bộ về mặt hành chính của vua Minh Mạng năm 1831 và 1832 trên phạm vi toàn quốc, Quảng Bình lần đầu tiên trở thành đơn vị hành chính tỉnh tương đương các địa phương khác, trực tiếp chịu sự quản lý của chính quyền Trung ương.

Tỉnh Quảng Bình khi được thành lập bao gồm một phủ cai quản trực tiếp 2 huyện, và có thêm hai huyện trực thuộc tỉnh. Đó là phủ Quảng Bình quản hai huyện Phong Lộc, Lệ Thủy, và hai huyện còn lại là Bố Chính và Bình Chính. Chỉ một tháng sau khi thành lập, vào tháng 11 năm Tân mao (1831), triều đình Huế đổi tên phủ Quảng Bình thành phủ Quảng Ninh, huyện Bố Chính thành huyện Bố Trạch⁽¹⁾.

Về bộ máy Nhà nước, đứng đầu tỉnh Quảng Bình lúc đó là viên Tổng đốc lãnh công việc của Tuần phủ⁽²⁾ Quảng Bình, và kiêm lý cả tỉnh Quảng Trị. Hàm của quan đứng đầu tỉnh Quảng Bình lúc ấy được triều Nguyễn ghi là: "Bình bộ thượng thư kiêm Đô sát viện hữu đô ngự sử, Tổng đốc Quảng Bình, Quảng Trị đẳng xứ địa phương đề đốc quân vụ kiêm lý lương thưởng lãnh Quảng Bình Tuần phủ sự"⁽³⁾.

Quan Tổng đốc đứng đầu tỉnh Quảng Bình giữ việc cai trị cả quân sự và dân sự, thống lĩnh các quan văn - võ trong toàn tỉnh, chịu trách nhiệm về chính trị, giáo dục, và có nhiệm vụ chăm lo về xã hội - đời sống của nhân dân. Thống chế Đoàn Văn Trường là người đầu tiên được bổ làm Tổng đốc lãnh chức Tuần phủ tỉnh Quảng Bình⁽⁴⁾.

Giúp việc cho viên Tổng đốc đứng đầu tỉnh Quảng Bình là 2 ty Bố chánh và Án sát.

Tuy Bố chánh phụ trách việc thuế khóa, tài chính trong tỉnh, và đảm nhận việc truyền đạt chính sách, mệnh lệnh của chính quyền Trung ương. Thự Hiệp trấn Hưng Hóa Nguyễn Công Thiện là người được bổ làm Bố chánh sứ đầu tiên ở tỉnh Quảng Bình, với quan hàm là: "Quảng Bình đẳng xứ địa phương, Thừa tuyên Bố Chánh sứ ty Bố chánh sứ"⁽⁵⁾. Đội ngũ quan lại ty Bố chánh gồm 1 viên Thông phán, 1 viên Kinh lịch, 3 viên Thư lại hàng bát phẩm, 5 viên Thư lại hàng

cửu phẩm, và 40 Vị nhập lưu thư lại.

Ty Án sát phụ trách việc kiện tụng hình án trong toàn tỉnh, chấn chỉnh kỷ cương phong hóa xã hội, thanh tra trừng trị các quan lại không còn chức trách, và kiêm luôn cả việc đưa tin chạy trạm trong tỉnh. Nguyên thư Tham hiệp trấn Quảng Bình Võ Thân là người đầu tiên giữ chức thư Án sát sứ tỉnh Quảng Bình, với quan hàm ghi là: "Quảng Bình đẳng xứ địa phương đề hình Án sát Sứ ty Án sát sứ" ⁽⁶⁾. Đội ngũ ty Án sát gồm 1 viên Thông phán, 1 viên Kinh lịch, 1 viên Thư lại hàng bát phẩm, 3 Thư lại hàng cửu phẩm, 3 Thư lại hàng cửu phẩm, 20 Vị nhập lưu thư lại.

Như vậy, qua cuộc cải cách năm 1831, vấn đề tổ chức hành chính và bộ máy chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình đã được xác lập một cách đúng nghĩa, đánh dấu sự ổn định lâu bền về mô hình tổ chức hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng.

4. Sự xác lập vai trò quan trọng về mặt chính trị - quân sự của tỉnh Quảng Bình năm 1831.

Với việc thành lập tỉnh Quảng Bình vào năm 1831, bộ máy chính quyền cấp tỉnh ở đây đã trở thành người thay mặt cho Nhà nước Trung ương trực tiếp cai quản địa phương. Vai trò chính trị - quân sự của tỉnh Quảng Bình trở nên quan trọng trong toàn bộ hệ thống điều hành chính sách chung của quốc gia.

Sự quan trọng về mặt quân sự của tỉnh Quảng Bình được thể hiện rõ, khi từ năm 1831, cùng với việc bổ nhiệm các chức vụ chính quyền, triều đình Huế đã bổ nhiệm hai chức vụ quân sự là lãnh binh quan và Thủy sư Lãnh binh quan để đảm nhiệm việc quân đội ở tỉnh.

Chức vụ Lãnh binh quan ở tỉnh Quảng Bình chuyên cai quản lính bộ binh, do quan tam phẩm hoặc tứ phẩm đảm nhận, gồm cơ Quảng Bình, cơ Quảng Tượng, vệ Thần Sách.

Còn chức Thủy sư Lãnh binh quan thì phụ trách đội thủy binh, cũng do quan tam hoặc tứ phẩm đảm nhận, chỉ huy Thủy cơ Quảng Bình.

Triều đình Trung ương còn tăng cường quyền lực quân sự của

chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình hơn nữa, khi buộc tất cả các hạng biên binh cũ phải lưu lại chịu sự phân phái của quan tỉnh. Ngay cả các cơ thủy binh của triều đình đều phải tuân theo mệnh lệnh của quan địa phương, chứ không thuộc quyền thủy quân như trước 1831. Các quân tượng cơ (đội quân voi) của triều đình tại Quảng Bình từ năm 1831 cũng thuộc quyền quản lý của tỉnh.

Đặc biệt, đối với đội quân Thân Sách là lính chủ lực của triều Nguyễn đóng trên địa bàn, từ năm 1831 quan tỉnh Quảng Bình được quyền điều khiển, phân phái đi đóng giữ các nơi cần thiết trong tỉnh...

Qua những thay đổi về mặt tổ chức và quản lý quân đội của nhà Nguyễn, rõ ràng đơn vị hành chính cấp tỉnh ra đời đã đảm nhận vai trò quan trọng về mặt chính trị - quân sự ở địa phương. Chính quyền cấp tỉnh đảm nhận nhiều chức năng mà trước đó thường do bộ máy Nhà nước Trung ương nắm giữ. Sự thay đổi này cũng là cơ sở để khẳng định tỉnh Quảng Bình được thành lập vào năm 1831.

Như vậy, sự ra đời của đơn vị hành chính tỉnh Quảng Bình năm 1831 dựa trên nền tảng vững chắc của nền hành chính quốc gia thời Nguyễn. Đi kèm với sự thiết lập tỉnh Quảng Bình, nhà Nguyễn đã xác lập dứt khoát cương vực - lãnh thổ của tỉnh một cách hợp lý, và tạo được tính ổn định lâu bền. Những định chế về tổ chức hành chính và bộ máy chính quyền cấp tỉnh cũng đã ra đời, đảm nhận các chức năng của nhà nước ở địa phương trong tỉnh. Từ đây, tỉnh Quảng Bình đóng giữ một vai trò quan trọng trong thể chế chính trị - quân sự của quốc gia, với tư cách là một đơn vị hành chính độc lập trực thuộc bộ máy Nhà nước Trung ương thống nhất...

Các cơ sở lịch sử nêu trên là những thực tế đầy ý nghĩa cho phép chúng ta khẳng định năm 1831 là mốc thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình

II - MẤY Ý KIẾN VỀ NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH:

Cho đến nay, tư liệu ghi chép về thời điểm thành lập tỉnh Quảng

Bình chủ yếu do Quốc sử quán của triều Nguyễn để lại, nhưng cũng hết sức hạn chế.

Tư liệu được xem là quan trọng bậc nhất, độ chuẩn xác cao nhất và đáng tin cậy nhất là bộ sách biên niên "Đại Nam thực lục" ghi chép hầu hết những việc xảy ra dưới triều Nguyễn cho đến thời vua Đồng Khánh. Ngoài nguồn tư liệu này, chúng tôi chưa hề tiếp cận thêm được loại tư liệu nào có độ tin cậy cao hơn và cụ thể hơn.

Theo "Đại Nam thực lục", vào tháng 10 năm Tân Mão, Minh Mạng năm thứ 12 (1831)⁽⁷⁾, triều đình Huế triển khai việc thành lập 18 tỉnh từ Quảng Trị trở ra biên giới phía Bắc Việt Nam, trong đó bao gồm tỉnh Quảng Bình.

"Đại Nam thực lục" đã ghi lại mệnh lệnh của vua Minh Mạng về việc chia tỉnh đặt quan, việc bàn bạc thảo luận của các quan lại được giao nhiệm vụ lập tỉnh, những nội dung và danh sách các tỉnh được lập (kèm theo tên các phủ, huyện thuộc tỉnh), cùng sự phê chuẩn của vua Minh Mạng chuẩn y nội dung bàn bạc của các đại thần về việc lập tỉnh. Tất cả những sự việc nêu trên đều ghi trong mục tháng 10 Tân Mão mà không gắn đến ngày cụ thể.

Từ cách ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn qua "Đại Nam thực lục", một khó khăn đặt ra là chúng ta chỉ biết tháng và năm thành lập chứ không biết ngày cụ thể.

Đối chiếu âm dương lịch với nhau, thì tháng 10 Tân Mão (Minh Mạng năm thứ 12) kéo dài từ ngày 4 tháng 11 đến ngày 3 tháng 12 năm 1831. Như vậy chúng ta chỉ biết tỉnh Quảng Bình thành lập trong khoảng từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12 năm 1831.

Xuất phát từ thực tế của tư liệu, và nếu không có phát hiện gì mới hơn để xác định cụ thể ngày ký văn bản thành lập tỉnh của vua Minh Mạng, có thể xem tháng 11-1831 là mốc thành lập tỉnh Quảng Bình.

Vì không có ngày cụ thể, nên nếu cần có một hoạt động gì đó tại địa phương nhằm kỷ niệm việc thành lập tỉnh, chúng ta có thể chọn thời điểm vào các tháng 11 và 12 để tiến hành, mà vẫn không làm thay đổi ý nghĩa của việc kỷ niệm.

Trên đây là mấy ý kiến nhận định chủ quan của chúng tôi căn cứ vào nguồn tư liệu đang có trong tay, rất mong nhận được sự thảo luận, góp ý của mọi người^(*).

(1) Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập X, NXB Khoa học, Hà Nội, 1964, tr.387.

(2) Triều Nguyễn đặt các quan đứng đầu tỉnh là Tổng đốc hoặc Tuần phủ. Tổng đốc cai quản tỉnh lớn, Tuần phủ cai quản tỉnh nhỏ. Trường hợp 2 hoặc 3 tỉnh nhỏ liền kề nhau thì đặt chức Tổng đốc kiêm lý nhiệm vụ Tuần phủ chuyên coi một tỉnh, và kiêm quản tỉnh còn lại (tỉnh còn lại vẫn do một Tuần phủ đứng đầu).

(3) *Đại Nam thực lục*, tập 10, Sđd, tr.359

(4) *Đại Nam thực lục*, tập 10, Sđd, tr.373

(5) *Đại Nam thực lục*, tập 10 Sđd, tr.360

(6) *Đại Nam thực lục*, tập 10, Sđd, tr.360

(7) *Đại Nam thực lục*, tập 10 Sđd, tr.340.

(*) Tại diễn đàn thảo luận, tác giả bài viết này đề xuất thêm thời điểm 1069 để xem xét — BBT

ĐỊA DANH TỈNH QUẢNG BÌNH CÓ TỪ NĂM NÀO?

LẠI VĂN LY (*)

I - VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH, QUA TRÌNH LỊCH SỬ

1. Thời Hùng Vương

Nước Văn Lang chia thành 15 bộ (tương ứng như đơn vị tỉnh hiện nay). Vùng đất Quảng Bình và Quảng Trị ngày nay thuộc về bộ Việt Thường ngày xưa. Sách *Đại Nam nhất thống chí*⁽¹⁾, quyển thứ 8 nói về Quảng Bình, câu đầu tiên của mục "Kiểu trí duyên cách" ghi rằng: "Tỉnh Quảng Bình xưa là đất Việt Thường".

Như vậy vùng đất tỉnh Quảng Bình xưa kia đã nằm trong lãnh thổ nước Văn Lang, tức là lãnh thổ quốc gia Việt Nam ngay từ thời kỳ mới dựng nước.

2. Thời kỳ bị nước Chiêm Thành chiếm cứ

Năm 192, dưới sự thống trị hà khắc của Nhà Hán (Trung Hoa), con của viên huyện Tượng Lâm (vùng đất phía Nam của bộ Việt Thường), tên là Khu Liên nổi dậy giết tên quan huyện tàn ác, xưng hiệu là CriMaRa và đến năm 196 đặt quốc hiệu là Lâm Ấp. Về sau người Lâm Ấp lấn chiếm ra tận Đèo Ngang.

Việt Nam sử học có ghi "Nước Lâm Ấp, sau gọi là Hoàn Vương, rồi đổi lại là Chiêm Thành, ở từ quận Nhật Nam vào đến Chân Lạp"⁽²⁾. Tức là ở vào khoảng từ Quảng Bình vào cho đến cuối nước Việt Nam ngày nay.

Như vậy, từ năm 192, vùng đất tỉnh Quảng Bình ngày nay bị tách ra khỏi bộ Giao Chỉ (bộ Việt Thường cũ) mà thuộc về lãnh thổ của

(*) Cán bộ hưu trí - Đồng Hới, Quảng Bình.

nước Lâm Ấp - Chiêm Thành chiếm cứ. (Hiện nay ở các làng Trung Thuận, Tô Xá, Vân Tập, Phù Lưu huyện Quảng Trạch, còn có các ụ đất đứt riêng từng đoạn. Tương truyền đó là di tích thành cũ của nước Chiêm Thành).

Năm 1061, Rudravarman III, sử ta gọi là Chế Củ lên ngôi, một mặt Chế Củ có sai sứ ra Bắc cống vua Lý Thánh Tông voi trắng, mặt khác vẫn cho quân quấy nhiễu vùng biên giới hòng lấn chiếm ra phía Bắc.

Tháng hai năm Kỷ Dậu (1069) vua Lý Thánh Tông, xuống chiếu thân chinh chọn Lý Thường Kiệt làm nguyên súy tiên phong, chỉ huy 50 ngàn quân tiến đánh quân Chiêm Thành, đi vào bằng đường biển. Vào đến cửa sông Nhật Lệ, quân Chiêm chặn đánh, hai bên giao tranh quyết liệt. Cuối cùng quân Chiêm đại bại. Được tin bại trận, Chế Củ dẫn vợ con chạy về Nam. Lý Thường Kiệt đuổi theo, sau một tháng bắt được Chế Củ và cầm tù 5 vạn quân Chiêm Thành.

Để cứu mạng sống, Chế Củ xin chuộc mạng bằng cách dâng trả ba châu: Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh mà tổ tiên vua Chiêm đã chiếm đoạt. (Hai châu Bố Chính và Địa Lý tương ứng với lãnh thổ tỉnh Quảng Bình và Ma Linh tương ứng với tỉnh Quảng Trị ngày nay).

Tuy vậy đến năm 1103, vua Chiêm Thành là Chế Ma Na lại đem quân ra lấy lại ba châu mà Chế Củ đã dâng trả cho nước Đại Việt. Vua Lý lại sai Lý Thường Kiệt vào đánh trả. Chế Ma Na thua trận phải từ bỏ mưu đồ đòi xâm chiếm đất và hàng năm phải sai sứ sang triều cống.

Tóm lại, thời kỳ các vua Hùng dựng nước, vùng đất tỉnh Quảng Bình ngày xưa thuộc bộ Việt Thường của nước Văn Lang. Dưới thời Bắc thuộc hơn một nghìn năm, vùng đất Quảng Bình bị phong kiến phương Bắc đô hộ, cũng qua nhiều lần thay đổi địa danh. Từ năm 192, vùng đất này lại bị Chiêm Thành chiếm đoạt và thống trị trong 877 năm. Đến năm 1069 được nhà Lý đánh tan quân Chiêm Thành, thu hồi ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh (trong đó có vùng đất tỉnh Quảng Bình) được trở về đất tổ.

II - THAY ĐỔI ĐỊA DANH - ĐỔI TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Sau khi được giải phóng khỏi ách chiếm cứ của Chiêm Thành, năm 1075, vua Lý Nhân Tông cho đổi tên ba châu cũ là: Châu Bố Chính thành châu Bố Chính châu Địa Lý thành châu Lâm Bình và châu Ma Linh thành châu Minh Linh.

Năm 1361, vua Trần Duệ Tôn cải *châu* Lâm Bình thành *phủ* Lâm Bình.

Năm 1375, vua Trần Duệ Tôn lại cải *phủ* Lâm Bình thành *phủ* Tân Bình, rồi đến *lộ* Tân Bình.

Năm 1397, Hồ Quý Ly đổi *lộ* Tân Bình thành *trấn* Tây Bình.

Đời nhà Minh (Trung Hóa) đô hộ nước ta (1407 - 1427) lấy lại tên cũ là Tân Bình, nhưng thay đơn vị Trấn thành Phủ (phủ Tân Bình). Đem hai châu Bố Chính và Minh Linh nhập vào phủ Tân Bình.

Năm 1601, Nhà Lê (Hậu Lê) đổi *phủ* Tân Bình thành *phủ* Tiên Bình.

Năm 1604, Thái tổ gia dĩ hoàng đế - chúa Nguyễn Hoàng - vào cát cứ đàng trong (từ đèo Ngang trở vào) đã đổi *phủ* Tiên Bình thành *phủ* Quảng Bình, sau cải đặt thành *Dinh* Quảng Bình.

Địa danh QUẢNG BÌNH xuất hiện từ đây. Nhưng địa giới của *dinh* Quảng Bình chưa phải như địa giới tỉnh Quảng Bình ngày nay.

Đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên, lấy nguồn Sơn của sông Gianh làm giới hạn để chia châu Bố Chính thành hai châu: ⁽³⁾

+ Từ Bắc Sông Gianh trở ra gọi là Bố Chính ngoại châu, hay là Bắc Bố Chính nay là các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa và Quảng Trạch) thuộc địa phận Nghệ An của vua Lê chúa Trịnh.

Trung tâm hành chính của châu Bắc Bố Chính đặt tại làng Lũ Phong. Các làng Phù Ninh, Thuận Bài là nơi trú ngụ của quan quân Lê - Trịnh mỗi khi ra vào. Chốt giữ chung quanh trung tâm hành chính này có 3 đồn binh của quân Trịnh: một ở làng Trung Thuần, một ở làng Xuân Kiều và một ở làng Phan Long. Riêng ở Phan Long có chợ phiên lớn (10 ngày một phiên) nên có tên chợ Ba Đồn, lưu truyền đến nay.

+ Từ nam sông Gianh trở vào là Bố Chính nội châu, hay là Nam Bố Chính thuộc chúa Nguyễn. Để chốt giữ biên giới từ Nam Bố Chính trở vào, chúa Nguyễn cho đóng quân ở hai dinh quan trọng, đó là Ngõa dinh, tục danh là Dinh Ngói, nằm tại làng Chánh Hòa (Bố Trạch), và Thập Dinh, tục gọi là Dinh Mười (Quảng Ninh).

Đến lúc này không thấy địa danh Quảng Bình xuất hiện.

Năm Giáp Ngọ, chúa Trịnh kéo quân vào đánh chúa Nguyễn, các dinh đều bỏ, chỉ để lại địa danh đồn Động Hải (tức Đồng Hới ngày nay).

Năm Bính Ngọ, Bắc Định Vương Nguyễn Huệ đánh bại quân Trịnh, cũng để địa danh đồn Động Hải và cho sát nhập hai châu Bắc *Bố Chính và Nam Bố Chính thành châu Thuận Chính*.

Một điều đáng ghi tạc công lao to lớn của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đối với dân tộc ta là khi kéo quân ra Bắc Hà dương cờ "Diệt Trịnh phò Lê" đã xóa được hận chia cắt đất nước hơn 200 năm dưới thời Trịnh - Nguyễn phân tranh (1570 - 1786). Riêng đối việc hợp nhất 2 châu Bắc Nam Bố Chính thành châu Thuận Chính là cơ sở pháp lý hành chính tạo cho địa giới tỉnh Quảng Bình sau này được mở rộng ra đến tận Đèo Ngang, chứ không phải chỉ ra đến sông Gianh như trước đó.

- Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* (quyển Quảng Bình, trang 93 ghi: Năm 1802, Vua Gia Long lên ngôi, lại phân châu Thuận Chính ra hai châu Bố - Chính - ngoại và Bố - Chính - nội như trước, cùng lấy thêm hai huyện Khương Lộc (sau đổi là Phong Lộc) và Lệ Thủy (cũ là Nha Nghi) đặt thành một đơn vị hành chính lấy tên là dinh Quảng Bình. Dem tách châu Minh Linh cho về đất Quảng Trị ngày nay.

Đến đây có một chi tiết đáng lưu ý là, từ khi nhập về Đất Tổ (1069), ba châu Bố Chính, Địa Lý và Minh Linh đều đi liền với nhau mật thiết. Nhưng bắt đầu từ đây thì châu Minh Linh thuộc về tỉnh Quảng Trị, còn hai châu Bố Chính và Địa Lý là thuộc về tỉnh Quảng Bình ngày nay.

Năm 1827, Vua Minh Mạng cải *dinh* Quảng Bình thành *trấn* Quảng Bình; cải *châu Bố Chính* thành *huyện Bình Chính*.

Năm 1831 - Minh Mạng năm thứ 12 - nhân phân thiết tỉnh hạt, đã chính thức đặt thành **TỈNH QUẢNG BÌNH**.

Cải phủ Quảng Bình (tức Tiên Bình cũ) thành *phủ Quảng Bình*.

Cải huyện Bình Chính thành *huyện Bố Trạch*.

Năm 1833, đặt thêm một phủ và hai huyện mới, đó là phủ Quảng Trạch, huyện Phong Đăng và huyện Minh Chính.

Năm 1851, vua Tự Đức sát nhập huyện Phong Đăng vào phủ Quảng Ninh, huyện Minh Chính vào phủ Quảng Trạch.

Năm 1875, trích một số tổng và bản làng thượng du đặt thành huyện Tuyên Hóa.

Đến đây, tỉnh Quảng Bình có 2 phủ, gồm 7 huyện: Phủ Quảng Trạch, gồm có 4 huyện: Minh Chính, Bình Chính, Tuyên Hóa và Bố Trạch.

Phủ Quảng Ninh, gồm có 3 huyện: Phong Lộc, Phong Phú và Lệ Thủy.

- Dưới thời Pháp thuộc (trước năm 1945) nhà Nguyễn điều chỉnh lại, tỉnh Quảng Bình gồm có 2 phủ và 3 huyện (đơn vị hành chính ngang nhau). Đó là: phủ Quảng Trạch, phủ Quảng Ninh, huyện Tuyên Hóa, huyện Bố Trạch và huyện Lệ Thủy.

Năm 1939, toàn quyền Pháp ở Đông Dương ra quyết định cắt 7 làng nội thị trước thuộc phủ Quảng Ninh quản lý về mặt hành chính, nay cho thành lập cơ quan Bang tá thị xã trực thuộc tỉnh quản lý 4 phường mới lập là Đồng Hải, Đồng Đình, Đồng Phú và Đồng Mỹ.

Cách mạng tháng Tám - 1945 thành công, chính quyền cách mạng cho thống nhất tên gọi các đơn vị hành chính trực thuộc cấp tỉnh là *cấp huyện* (bỏ phủ). Do đó, tỉnh Quảng Bình có 5 huyện và một thị xã.

Đến năm 1964, Trung ương cho tách huyện Tuyên Hóa thành hai huyện miền núi là Tuyên Hóa và Minh Hóa.

Từ đó đến nay, tỉnh Quảng Bình có 6 huyện và một thị xã. (Không kể vài biến đổi nhỏ khi nhập tỉnh Bình Trị Thiên).

III - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Vùng đất Quảng Bình đã có từ thời Hùng Vương dựng nước. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, những biến chuyển ở vùng đất này đều

gắn liền với lịch sử của đất nước.

Trong hội thảo lần này, nội dung chỉ xét đến những thay đổi về địa danh và việc phân định các đơn vị hành chính đi đến xác định thời gian chính thức thành lập tỉnh Quảng Bình.

Theo tôi suy nghĩ, từ năm 1075, bắt đầu nhà Lý đặt tên Lâm Bình, đến năm 1604, chúa Nguyễn Hoàng đặt tên Quảng Bình. Trải qua hơn 529 năm lịch sử, nhiều Triều đại đổi thay, qua 6 lần cải địa danh nhưng chữ *Bình* vẫn giữ. (Lâm Bình, Tân Bình, Tây Bình, rồi Tân Bình (lần 2) Tiên Bình và Quảng Bình). Tuy địa danh Quảng Bình xuất hiện, nhưng xét về phạm vi địa giới và tên đặt cho đơn vị hành chính. Quảng Bình vẫn còn biến động và thay đổi. Như đầu tiên là phủ Quảng Bình, Dinh Quảng Bình đến Trấn Quảng Bình. Cho đến năm 1831 (tức là sau 227 năm) địa danh Quảng Bình mới có đơn vị hành chính chính thức là tỉnh Quảng Bình.

Qua nghiên cứu quá trình hình thành về địa danh, địa giới và tên gọi đơn vị hành chính của vùng đất Quảng Bình, tôi đề nghị lấy năm 1831, năm Minh Mạng phân thiết tỉnh hạt, đã chính thức đặt tên **TỈNH QUẢNG BÌNH**, làm năm kỷ niệm thành lập tỉnh Quảng Bình là hợp lý và hợp pháp hơn cả.

Đến 2001 năm nay vừa đúng 170 năm^(*).

(1) *Đại Nam nhất thống chí* là một bộ *Sử Địa* do Quốc sử quán soạn thảo theo lệnh của vua Thành Thái (1889 – 1906) và hoàn tất vào năm Duy Tân thứ III (1910).

(2) *Việt Nam Sử học*, Trần Trọng Kim, NXB Tân Việt – 1964 – trang 55.

(3) Cadriere, *Les lieux historiques du Quảng Bình*, in trong BEFEO, quyển III, năm 1903, trang 173 đã ghi: *Sử liệu* đã ghi Sông Gianh là ranh giới Bắc Nam, nhưng phải hiểu rằng chính là đồng bằng sông Gianh chứ không phải chính sông Gianh, như vậy phải là vùng đất được giới hạn giữa hữu ngạn sông Gianh và núi Đá Nhảy.

(*) Tại diễn đàn Hội thảo, tác giả bài viết này đề xuất ý kiến nên thay đổi tiêu đề Hội thảo "Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình" thành "Xác định thời điểm vùng đất mang tên Quảng Bình" và như vậy theo tác giả chọn thời điểm 1604 là hợp lý hơn cả. (BBT)

GÓP BÀN ĐỊNH MỐC THỜI GIAN THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TRƯƠNG TẤN MINH^(*)

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Quảng Bình là một vùng đất được hình thành từ rất sớm. Đây là một vùng đất mà người Việt cổ (bản địa) cư trú lâu đời qua dấu vết di chỉ khảo cổ học Minh Cầm, Cồn Nền, Bàu Tró... cho đến nay. Quảng Bình có 3 dân tộc anh em Việt (Kinh), Chứt, Bru-Vân Kiều, cùng sinh sống và phát triển. Về mặt lịch sử, qua bao biến thiên, thăng trầm, đất này đã mang nhiều tên, trải nhiều triều đại và hôm nay dưới chính thể Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quảng Bình là một trong 61 tỉnh thành của Tổ quốc Việt Nam.

Lâu nay, với tư cách là những con dân Quảng Bình, nào mấy ai đã từng trăn trở: Tỉnh Quảng Bình ta được hình thành từ bao giờ? Dĩ nhiên, việc định giới, định danh cho một vùng, miền, một quốc gia là vấn đề lớn và nhạy cảm, cần phải có nhãn quan chính trị đúng đắn trên cơ sở những phân tích khoa học, tránh những lập luận chủ quan. Nếu chúng ta định hướng đúng, phân tích một cách khoa học thì việc "định danh" cho một vùng đất chắc chắn sẽ làm cho nhân dân tự hào hơn với mảnh đất mà mình đang sống; ngược lại, nếu vì chủ quan mà định danh sai thì ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của cán bộ, nhân dân, thậm chí còn có những tác động bất lợi nhiều mặt.

Vì vậy, theo chúng tôi việc tìm ngày "khai sinh" danh tính cho một vùng đất, phải xuất phát từ mấy căn cứ:

- Xác định tiêu chí cho việc định danh

(*) Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Bình.

- Xác định mốc thời gian (lịch đại) có thể xem xét định danh.
- Đối sánh với tiêu chí để từ đó tìm ra một mốc thời gian lịch đại thích hợp nhất.

Trên tinh thần đó, chúng tôi xin được góp bàn định mốc thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình như sau:

1 - Xác định tiêu chí cho việc định danh

a. Cương vực địa giới, yếu tố đầu tiên và cơ bản nhất trong định danh một vùng đất:

Theo các tài liệu thư tịch cổ, về mặt địa lý, vùng đất Quảng Bình hình thành từ rất sớm. Nếu chỉ tính từ thời đại Hùng Vương, thì Quảng Bình thuộc bộ Việt Thường của nước Văn Lang, từ đó cho đến năm thứ nhất trước công nguyên, đất Quảng Bình ngày nay lần lượt thuộc về Tượng Quận, Cửu Chân, Nhật Nam. Đến giữa thế kỷ thứ 4 (sau CN) cho đến giữa thế kỷ 11 có nhiều thế kỷ đất Quảng Bình thuộc về nước Lâm Ấp (Chiêm Thành). Năm 1069 cùng với sự kiện Vua Thánh Tông nhà Lý thân chinh đánh Chiêm Thành, bắt sống vua Chế Củ, buộc Chế Củ dâng 3 Châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh, lúc này vùng đất Quảng Bình lại trở về trong lòng Đại Việt. Năm 1075 Lý Thường Kiệt vâng lệnh Lý Nhân Tông vào vùng đất "phên dậu" phía nam họa địa đồ 3 Châu mới rồi đổi tên thành Bố Chính, Lâm Bình (Địa Lý cũ) và Minh Linh - Ma Linh cũ tức Vĩnh Linh, Gio Linh của Quảng Trị ngày nay. Từ đó "đất phía nam Hà Hoa (Hà Tĩnh ngày nay) ngoài dải đất Hoành Sơn trở về bản đồ nước ta"⁽¹⁾, sau 1075 cho đến 1604, vùng Quảng Bình ngày nay, lần lượt được mang tên: Phủ Lâm Bình, Tân Bình phủ, Tây Bình Trấn, Tân Bình Phủ, Tiên Bình Phủ. Năm 1605, Nguyễn Hoàng đổi phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình, rồi dinh Quảng Bình. Năm 1862, Nguyễn Ánh (Gia Long) lật đổ triều Tây Sơn Nguyễn Huệ, cắt châu Minh Linh về với Quảng Trị; dinh Quảng Bình gồm 2 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu Bố Chính nội (phía nam sông Gianh) và Bố Chính ngoại (bắc sông Gianh). Năm 1831, đời Minh Mạng (nhà Nguyễn) đổi trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình - tên tỉnh Quảng Bình tồn tại cho đến nay.

Như vậy về mặt địa giới, cương vực Quảng Bình ngày nay về cơ bản trùng khớp với địa giới tỉnh Quảng Bình dưới thời Minh Mạng năm thứ 12 (1831).

b – Bộ máy hành chính – yếu tố quan trọng trong việc định danh

Không tính một thời kỳ dài lịch sử từ thế kỷ 10 trở về trước, chỉ tính giữa thế kỷ 11 cho đến trước 1831, bộ máy cai trị hành chính của các triều đại phong kiến trên đất Quảng Bình, thực ra chỉ mới manh nha và dần dần định hình. Nền hành chính chưa có tính ổn định, biểu hiện qua việc các triều đại chấp chính luôn thay đổi, kéo theo việc thay đổi thường xuyên tên gọi các vùng đất. Chính quyền Trung ương tập quyền nhiều lúc chưa thực hiện việc cai trị vùng đất "phên dậu" phía nam này của đất nước Đại Việt một cách chặt chẽ. Các chính sách kinh tế, văn hóa xã hội, quân sự... thường không ổn định. Chiến tranh xảy ra liên miên.

Hơn nữa khoảng thời gian này là giai đoạn mà các triều đại phong kiến Việt Nam thực hiện chính sách di dân ồ ạt nhất từ các vùng ngoài vào định cư ở vùng "phên dậu", làm tấm lá chắn vững chắc về mặt dân tộc học cho Đại Việt, hình thành nên làng xã, hương thôn... cho đến những thập niên đầu của triều Nguyễn việc di dân từ phía Bắc vào đất này mới dần dần ổn định, không còn ồ ạt như trước. Về cơ bản, sự hình thành dân cư trên vùng đất Quảng Bình đã hoàn thành, tạo điều kiện nền móng cho việc đặt bộ máy hành chính của giai cấp phong kiến cầm quyền tại địa phương.

2. Những mốc thời gian nào có thể xem xét để định mốc thành lập tỉnh Quảng Bình?

Từ phân tích 2 tiêu chí quan trọng trên, chúng tôi xét thấy có thể lấy một trong các mốc thời gian sau đây để làm ngày kỷ niệm thành lập tỉnh Quảng Bình:

* Mốc 1075, khi Lý Nhân Tông cử Lý Thường Kiệt lần thứ 2 vào kinh lý Quảng Bình, vẽ lại bản đồ 3 Châu (trước đó vua Chiêm Thành là Chế Củ đã dâng cho nhà Lý) là Bố Chính, Minh Linh, Lâm Bình, thực sự khẳng định chủ quyền của quốc gia Đại Việt đối với vùng đất này.

* Mốc 1605, với sự kiện Chúa Nguyễn Hoàng vào trị nhậm xứ Thuận - Quảng, cho đổi tên Phủ Tiên Bình làm phủ Quảng Bình và sau đó là dinh Quảng Bình. Đây là mốc thời gian vùng đất này mang tên *Quảng Bình* sớm nhất.

* Mốc 1802, đời Nguyễn Ánh (Gia Long), đã cắt châu Minh Linh (Gio Linh, Vĩnh Linh) về cho Quảng Trị, *định hình địa giới phía Nam của tỉnh Quảng Bình như ngày nay*. Đáng chú ý là cho đến thời gian này, vùng đất rộng lớn của đất Tuyên Minh ngày nay, "sách" (tổng) Thanh Lạng đang thuộc về vùng đất Hà Tĩnh ⁽²⁾.

* Mốc 1831, *địa giới hành chính vùng đất Quảng Bình dưới thời Minh Mạng về cơ bản trùng hợp với địa giới hành chính của tỉnh Quảng Bình hiện tại*. Đất Vĩnh Linh, Gio Linh đã thuộc về Quảng trị; *Sách Thanh Lạng đã thuộc về Quảng Bình*. Kể từ đây tên gọi "Quảng Bình tỉnh" tồn tại cho đến trước cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sau cách mạng, chính thể Việt Nam dân chủ Cộng hòa và nay là chính thể Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều lấy tên tỉnh là Quảng Bình.

3. So sánh mốc lịch đại và tiêu chí chọn lựa thời gian

So sánh tiêu chí cương vực địa giới và sự hoàn thiện của bộ máy quản lý hành chính với các mốc lịch đại như đã nêu trên, chúng tôi xét thấy:

* Nếu lấy mốc 1075, chỉ có điểm nổi bật đáng chú ý là đánh dấu "sự trở về" với quốc gia Đại Việt của vùng đất này, còn yếu tố xác định địa giới, tên gọi địa giới và biểu hiện của nền cai trị hành chính hoàn toàn không phù hợp.

* Nếu lấy mốc 1065, điểm nổi bật là tên gọi vùng đất Quảng Bình có từ sớm nhất, nhưng các yếu tố khác như địa giới, sự hoàn thiện của bộ máy hành chính Nhà nước cũng không đảm bảo.

* Mốc 1802, địa giới hành chính phía Bắc Quảng Bình cũng còn khiếm khuyết (Tổng Thanh Lạng, thuộc Tuyên Hóa ngày nay, giai đoạn này còn thuộc địa giới của tỉnh bạn Hà Tĩnh); Các đơn vị hành chính cấp dưới "Dinh" (tỉnh) vẫn chưa ổn định như giai đoạn sau này:

* Như vậy, từ phép đối sánh nói trên, chúng tôi thấy chỉ có mốc lịch đại 1831, đời Minh Mạng (Nhà Nguyễn) Quảng Bình mới chính thức mang tên "tỉnh Quảng Bình" như ngày nay; Cương vực địa giới cũng phù hợp với địa giới hành chính hiện tại; tên gọi "Quảng Bình tỉnh" ổn định và có hệ thống hơn.

Vì vậy, theo quan điểm chúng tôi, *chọn mốc thời gian 1831 để kỷ niệm ngày thành lập tỉnh Quảng Bình là phù hợp nhất.*

II- KẾT LUẬT

Việc tìm ra một mốc thời gian lịch đại để làm kỷ niệm cho việc ra đời một địa phương, một vùng đất, thậm chí một quốc gia, là mang tính tương đối. Lịch sử không bao giờ đánh giá công trạng của một vùng đất và công lao của nhân dân ở vùng đất đó qua việc định giá "ngày sinh", mà chính là đánh giá sự đóng góp của vùng đất đó, nhân dân ở đó, qua sự hy sinh để làm cho dân tộc trường tồn, cho đất nước phát triển. Mới đây, một số địa phương như Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên... vừa kỷ niệm 170 năm ngày thành lập tỉnh của mình. Thiết nghĩ, chúng ta bàn bạc trao đổi khoa học để xác định mốc thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình vào lúc này là một việc làm hoàn toàn đúng đắn và hợp lòng dân.

(1) *Lê Quý Đôn: Phủ biên tạp lục*

(2) *Quảng Bình thắng tích lục* – An đình Trần kinh.

MỘT SỐ CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

LÊ TRỌNG ĐẠI^(*)

QUẢNG BÌNH là một vùng đất có bề dày lịch sử, lại gắn với nhiều biến cố, thăng trầm của lịch sử dân tộc. Quảng Bình nằm ở vị trí cầu nối, nơi giao thoa, hội nhập, tiếp biến của nhiều luồng văn hóa ở hai đầu đất nước. Quảng Bình là nơi định cư của nhiều tộc người, cư dân của nhiều địa phương có ngôn ngữ và thổ ngữ khác nhau. Bởi những lý do nói trên mà lịch sử và văn hóa Quảng Bình mang tính đa dạng, phong phú và không đơn giản; vì thế việc xác định ngày thành lập tỉnh là một vấn đề không dễ. Là một người có nhiều năm tìm hiểu nghiên cứu về lịch sử và văn hóa, tuy vốn hiểu biết có hạn song với ham muốn được giao lưu, học hỏi các đồng nghiệp, các bậc đàn anh, đàn chị, chúng tôi mạnh dạn trình bày quan điểm của mình về một số cơ sở khoa học để xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình.

I - XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ KHOA HỌC CỦA VIỆC THÀNH LẬP TỈNH.

Chúng tôi cho rằng việc xác định ngày thành lập tỉnh phải dựa trên nhiều tiêu chí khoa học và thực tiễn, song vai trò vị trí của chúng không giống nhau. Chúng tôi cho rằng hai tiêu chí quan trọng phải được đặt lên hàng đầu là Hành chính và Cương vực về lãnh thổ. Các tiêu chí về văn hóa, vai trò lịch sử, dân tộc học, ngôn ngữ, địa

(*) Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Bình.

danh tuy không có vai trò quyết định, nhưng cũng phải được kết hợp để xem xét.

Việc xác định ngày thành lập tỉnh phải đưa hai tiêu chí Hành chính và Cương vực về lãnh thổ lên hàng đầu và quan trọng nhất vì khi nói đến tỉnh là nói về một đơn vị hành chính thì phải gắn với các văn bản, quyết định của Nhà nước, việc phân chia lãnh thổ, hoạch định bản đồ, các địa giới, cách tổ chức bộ máy quản lý, tên gọi... Các tiêu chí về văn hóa, vai trò lịch sử, dân tộc học, ngôn ngữ, địa danh rất khó xác định ranh giới và chịu tác động chi phối của nhiều yếu tố khác (như địa lý, tự nhiên, sự giao lưu tiếp nhận văn hóa, thành phần dân cư...).

Như vậy 2 tiêu chí: Hành chính và Cương vực lãnh thổ là quan trọng nhất. Tuy nhiên cũng không nên tuyệt đối hóa 2 tiêu chí này vì cùng với thời gian nó đều có sự thay đổi đặc biệt là Cương vực lãnh thổ không nên tuyệt đối hóa.

II - XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP TỈNH

Chúng tôi cho rằng để xác định ngày thành lập tỉnh dựa trên các tiêu chí khoa học thì trước hết cần phải thống nhất cách hiểu thuật ngữ "tỉnh" là gì. Bởi vì cùng với thời gian thì đơn vị hành chính tương đương với tỉnh có sự thay đổi tên gọi. Ví dụ như thời Lý Trần là Lộ, thời Lê Sơ là Phủ, thời Gia Long là Dinh, Minh Mệnh lại gọi là Trấn, Tỉnh...

Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ do Văn Tân chủ biên (Nguyễn Lân chỉnh lý bổ sung) định nghĩa: "Tỉnh là đơn vị hành chính của một nước gồm nhiều huyện" ⁽¹⁾.

Với định nghĩa này cũng có 2 cách hiểu khác nhau, nếu tỉnh là 1 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương như ngày nay thì đơn vị tỉnh này chỉ có từ "năm Minh Mệnh thứ 12" ⁽²⁾ (1831)

Nếu chỉ xét đơn thuần là 1 đơn vị hành chính thì lại có thể xác định các mốc thời gian khác nhau ví dụ: Nhà Lê Sơ đời Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (1469) định bản đồ trong nước thì

Quảng Bình lúc bấy giờ gọi là Phủ Tân Bình gồm 2 huyện (Khang Lộc, Lệ Thủy) và 2 châu (Minh Linh, Bố Chính). Dựa vào các tiêu chí khoa học và cơ sở thực tiễn tỉnh nhà hiện nay chúng tôi cho rằng xác định ngày thành lập tỉnh nên dựa vào khái niệm "Tỉnh là đơn vị hành chính của một quốc gia (phải là đơn vị trực thuộc Trung ương) gồm nhiều huyện (tất nhiên phải hiểu tỉnh, huyện với các danh từ tương đương khác dưới thời phong kiến).

Vậy ngày thành lập tỉnh Quảng Bình chúng tôi xác định là "Tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 12"⁽³⁾ tức tháng 11 năm 1831 (ngày Minh Mệnh ban hành đạo dụ chia tách thành lập các tỉnh ở phía bắc kinh đô Phú Xuân).

Như vậy tỉnh Quảng Bình từ lúc thành lập đến nay (tháng 11 năm 2001) là 170 năm^(*).

(1) Văn Tân - *Từ điển Tiếng Việt* – NXB Khoa học xã hội Hà Nội 1997 – trang 1055.

(2) Quốc sử Quán Triều Nguyễn (Bản dịch) *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập II trang 7.

(3) Nguyễn Minh Tường – *Cải cách hành chính thời Minh Mệnh* – NXB Khoa học xã hội 1997 trang 171.

(*) Tại diễn đàn thảo luận, tác giả bài viết này đề xuất thêm năm 1604 để xem xét – BBT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục* Tập VIII, X, XXXVIII, Nhà xuất bản Khoa học xã hội – H – 1993.
2. Đặng Xuân Bảng – *Sử học bị khảo*. NXB: Khoa học xã hội – H – 1997.
3. Phan Huy Chú – *Lịch triều hiến chương loại chí* tập I. NXB Khoa học xã hội – H – 1992.
4. Phương Đình, Nguyễn Văn Siêu – *Đại Việt địa dư toàn biên*. NXB Văn hóa – H – 1997.
5. Nguyễn Minh Tường – *Cải cách hành chính dưới thời Minh Mệnh* – H – 1997.

6. *Đại việt sử ký toàn thư, tập II, III. Bản dịch Hoàng Văn Lân – Ngô Thế Long. NXB: Khoa học xã hội – H 1993.*

7. Văn Tân (chủ biên) – *Từ điển tiếng Việt (Nguyễn Lân chỉnh lý bổ sung) – NXB Khoa học xã hội. H – 1997.*

8. Nguyễn Thế Hoàn (chủ biên) *Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình. NXB Thuận Hóa 2001.*

9. *Quốc sử quán Triều Nguyễn – Đại Nam nhất thống chí tập II. NXB – Khoa học xã hội – 1970.*

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT VÀ NHỮNG TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH THỜI GIAN THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. NGUYỄN VĂN MẠNH^(*)

I - LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Dựa vào những thành quả của khảo cổ học và các thư tịch cổ, Quảng Bình ngày này đã có một lịch sử phát triển khá lâu đời, trải qua nhiều thay đổi cùng với những biến động của lịch sử đất nước.

Trong thời kỳ xuất hiện của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở thiên niên kỷ thứ nhất trước Công Nguyên, Quảng Bình nằm trong cương vực của bộ Việt Thường - một trong 15 bộ của Việt Nam thời Hùng Vương.

Đến buổi đầu của thời kỳ Bắc thuộc, Quảng Bình thuộc về khu vực hành chính Tượng Quận của chính quyền đô hộ. Thời nhà Hán, vào năm 116 trước Công nguyên, quận Nhật Nam được ra đời để thay thế cho cái tên Tượng Quận. Quảng Bình từ đó nằm trong quận Nhật Nam ở phía nam, cùng với hai quận phía bắc là Giao Chỉ và Cửu Chân đều là đất đô hộ của phong kiến Trung Hoa.

Đến cuối thời Đông Hán, lúc chính quyền phong kiến Trung Hoa lâm vào cuộc khủng hoảng, nhân dân ở những vùng bị đô hộ đã vùng lên đấu tranh nhằm lật đổ ách thống trị của ngoại bang, giành quyền độc lập, tự chủ.

Do có những điều kiện thuận lợi hơn các vùng phía Bắc, cuộc nổi

(*) Chủ nhiệm Khoa lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Huế.

dây của nhân dân quận Nhật Nam đã sớm đi đến thắng lợi, hình thành một quốc gia độc lập - Nhà nước Chăm-pa - vào năm 192 sau Công nguyên. Đến thế kỷ thứ III, quốc gia Chăm-pa đã có ranh giới kéo dài từ phía Bắc đèo Đại Lãnh (Phú Yên) đến phía nam dãy Hoàng Sơn (Quảng Bình). Vùng đất bao gồm phần lớn của Quảng Bình ngày nay trở thành khu vực địa đầu của vương quốc Champa, được hít thở không khí của nền độc lập đã giành lại từ tay quân xâm lược phương Bắc.

Năm 938, chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền trước quân Nam Hán đã đánh dấu sự mở đầu nền độc lập của nhân dân Việt Nam dưới các nhà nước Đại Việt, khởi đầu cho xu thế hợp nhất các quốc gia độc lập trên lãnh thổ Việt Nam để đủ sức đương đầu lâu dài với phong kiến Trung Hoa.

Trong xu thế hợp nhất của lịch sử, vào năm 1069, quân Champa đã thất bại trước cuộc tấn công của Lý Thường Kiệt; kết quả là vua Chế Củ đã chấp nhận cắt 3 châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho nhà Lý. Năm 1075, nhà Lý đã vẽ bản đồ 3 châu và đổi tên Bố Chính thành Bố Chính, Địa Lý thành Lâm Bình, Ma Linh thành Minh Linh. Vùng đất Quảng Bình và Bắc Quảng trị từ đó thuộc lãnh thổ quốc gia Đại Việt, những đợt di dân bắt đầu⁽¹⁾.

Dưới triều Trần Anh Tông, vào năm 1306, cuộc hôn nhân lịch sử Champa- Việt giữa vua Chế Mân (Simhavarman III) và Huyền Trân Công Chúa đã sát nhập thêm châu Ô và Châu Lý vào nước Đại Việt, được đổi tên thành châu Thuận và Châu Hóa vào 1307. Từ đó 5 châu Bố Chính, Lâm Bình, Minh Linh, Thuận Châu, Hóa Châu (nay là dải đất từ Quảng Bình vào đến phía bắc Quảng Nam) trở thành khu vực chính trị và quân sự quan trọng của nước Đại Việt ở vùng biên viễn phía Nam.

Khi đã ổn định, nhà Trần đổi châu Lâm Bình thành phủ Lâm Bình, kiêm quản cả hai châu Bố Chính và Minh Linh. Đến năm 1375, phủ Lâm Bình đổi tên thành phủ Tân Bình, rồi sau đó gọi là lộ Tân Bình, cùng với lộ Thuận Hóa là các lộ trọng trấn của nhà Trần ở phía Nam.

Đầu thế kỷ XV, họ Hồ lên thay nhà Trần, đã đổi lộ Tân Bình thành trấn Tây Bình. Nhưng vào năm Khai Đại thứ nhất (1403), Hồ Hán Thương lại gọi là Phủ Tân Bình như cũ, cùng 2 phủ Thuận Hóa và Tân Bình thành 3 phủ trọng trấn để đối phó với Champa ⁽²⁾.

Năm 1406 quân Minh xâm lăng Đại Việt, chỉ một năm sau thì cha con họ Hồ thua trận bị bắt. Nhân dân phủ Tân Bình đã nhất tề tham gia khởi nghĩa dưới ngọn cờ của Giản Định đế và Trưng Quang đế, nhưng đến năm 1414 thì Tân Bình bị giặc chiếm đóng.

Thời Minh, phủ Tân Bình gồm 2 huyện trực lệ là Nha Nghi và Phúc Khang, kiêm lĩnh huyện Tả Bình và 2 châu Chính Bình, Nam Linh. Toàn phủ có 37 xã, 2.132 hộ, 4.738 khẩu ⁽³⁾.

Mùa thu 1425, nghĩa quân Lam Sơn đánh bật quân Minh chiếm lại Tân Bình, đến 1427 thì giải phóng toàn bộ đất nước. Mới đầu, nhà Lê theo phép cũ nhà Trần đặt lại lộ Tân Bình. Đến đời vua Lê Thánh Tông, năm 1466 cả nước chia làm 12 Thừa Tuyên, lộ Tân Bình cải làm phủ Tân Bình và thuộc vào Thừa tuyên Thuận Hóa. Lúc này ở phủ Tân Bình chia làm 2 huyện Khang Lộc và Lệ Thủy, 2 châu là Bố Chính và Minh Linh. Toàn phủ có 235 xã, 24 phường, 7 thôn 26 trang ⁽⁴⁾.

Thời Lê Trung Hưng, chính quyền Lê - Trịnh ở Tây Đô (Thanh Hóa) sai Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận Hóa, phủ Tân Bình được đổi tên thành Tiên Bình (1601). Khi Nguyễn Hoàng nắm giữ hai xứ Thuận Hóa - Quảng Nam để đối chọi với họ Trịnh, phủ Tiên Bình lại đổi thành phủ Quảng Bình (vào năm Hoằng Định thứ 5 thời Lê Kính Tông - 1605).

Trong gần 200 năm phân tranh Trịnh - Nguyễn, từ năm 1630 họ Nguyễn chỉ có chủ quyền từ nam sông Gianh trở vào, nên châu Bố Chính cũ chỉ còn ở bờ phía nam. Lúc này phủ Quảng Bình bị thu hẹp lại, chỉ còn châu Nam Bố Chính và 3 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh. Cả phủ có 200 xã, 80 phường, 28 thôn, 11 trang ⁽⁵⁾. Đến thời Tây Sơn, ranh giới sông Gianh bị xóa bỏ, châu Nam Bố Chính nhập với Bắc Bố Chính trở thành châu Thuận Chính.

Nhà Nguyễn thiết lập, Gia Long lên ngôi năm 1802 đã chia cả

nước thành 23 trấn và 4 dinh (doanh) trực lệ Kinh Kỳ là Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức và Quảng Nam. Dinh trực lệ Quảng Bình lúc này gồm 2 huyện Lệ Thủy và Khang Lộc (đổi thành Phong Lộc năm 1806), và 2 châu là Bố Chính Nội (châu Nam Bố Chính cũ) và Bố Chính Ngoại (Bắc Bố Chính cũ). Huyện Minh Linh đã cắt về dinh Quảng Trị.

Năm 1822 vua Minh Mạng đổi châu Bố Chính Nội làm huyện Bố Chính, và châu Bố Chính Ngoại thành châu Bố Chính. Đến 1827, dinh Quảng Bình lại đổi làm trấn Quảng Bình, đồng thời châu Bố Chính cũng đổi làm huyện Bình Chính. Như vậy, đơn vị hành chính "châu" đã được xóa sạch ở trấn Quảng Bình.

Vào tháng 10 năm Minh Mạng thứ 12 (4/11 - 3/12/1831), triều Nguyễn lấy từ Quảng Trị trở ra Bắc chia đặt thành 18 tỉnh. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đơn vị hành chính cấp tỉnh được thiết lập. Tỉnh Quảng Bình lúc thành lập gồm 1 phủ Quảng Bình với 4 huyện là Phong Lộc, Lệ Thủy, Bố Chính và Bình Chính. Một tháng sau phủ Quảng Bình đổi tên thành phủ Quảng Ninh, còn huyện Bố Chính đổi tên thành huyện Bố Trạch⁽⁶⁾.

Trong thế kỷ XIX, triều Nguyễn tiếp tục những thay đổi, chia đặt các đơn vị hành chính dưới tỉnh tại Quảng Bình; như lập thêm phủ Quảng Trạch, huyện Minh Chính và huyện Phong Đăng (1838), huyện Tuyên Hóa (1874)... Thậm chí khi Pháp thống trị, tỉnh Quảng Trị còn bị hợp lại làm một với tỉnh Quảng Bình thành tỉnh Bình Trị vào năm 1890. Đến tháng 1-1896 Quảng Bình mới quay trở lại thành tỉnh độc lập⁽⁷⁾.

Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các huyện Bình Chính - Minh Chính bị xóa tên thành phủ Quảng Trạch, còn các huyện Phong Lộc - Phong Đăng (Phong Phú) biến thành phủ Quảng Ninh và thị xã Đồng Hới. Cho đến năm 1945, tỉnh Quảng Bình chỉ còn 2 phủ Quảng Ninh, Quảng Trạch, và 3 huyện Bố Trạch, Tuyên Hóa, Lệ Thủy cùng với thị xã Đồng Hới. Sáu đơn vị hành chính này không lệ thuộc lẫn nhau mà trực tiếp do cấp tỉnh nắm lấy.

Sau năm 1945, các phủ tại Quảng Bình đều đổi thành huyện, và từ

1964 có thêm huyện Minh Hóa ra đời từ huyện Tuyên Hóa tách đôi. Từ đó đến nay, ngoại trừ thời gian Quảng Bình nhập với Quảng Trị và Thừa Thiên Huế thành tỉnh Bình Trị Thiên (6/1976 - 7/1989), đơn vị hành chính thuộc tỉnh Quảng Bình vẫn ổn định với 6 huyện là Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa, Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Đồng Hới.

Những diễn biến của lịch sử hình thành vùng đất Quảng Bình nói trên là những căn cứ quan trọng để tiến đến xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình.

II - NHỮNG TIÊU CHÍ KHOA HỌC CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH THỜI GIAN THÀNH LẬP TỈNH QUẢNG BÌNH

Để xác định một cách khoa học thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình, theo chúng tôi có mấy tiêu chí quan trọng như sau:

Tiêu chí thứ nhất: Phải căn cứ vào mục tiêu cụ thể là xác định ngày thành lập *tỉnh Quảng Bình*, tức xác định thời điểm xuất hiện tên gọi *tỉnh Quảng Bình*. Nếu không dựa vào mục tiêu cụ thể này, chúng ta có thể bị nhầm lẫn việc xác định thời điểm hình thành vùng đất, hoặc bản khoản về chủ thể thành lập, hoặc bản khoản về tên gọi của vùng đất trong những thời điểm khác nhau.

Tiêu chí thứ hai: Phải căn cứ vào sự hoàn chỉnh và tính ổn định về cương vực, lãnh thổ của tỉnh Quảng Bình kể từ thời điểm được xác định cho đến ngày này.

Tiêu chí thứ ba: Dựa trên nền tảng của sự ổn định về cương vực, lãnh thổ, tỉnh phải là một hệ thống tổ chức hành chính và bộ máy chính quyền cấp tỉnh đúng nghĩa, có vai trò quan trọng và quan hệ trực thuộc bộ máy quản lý Nhà nước Trung ương.

Tiêu chí thứ tư: Tỉnh phải đóng giữ vai trò quan trọng về mặt chính trị và quân sự đối với địa bàn trong tỉnh, trong mối quan hệ ràng buộc liên hoàn với các địa phương khác trong cả nước, dưới sự kiểm soát của Nhà nước Trung ương.

Tiêu chí thứ năm: Tỉnh phải là khu vực phát triển kinh tế - xã hội mang đặc thù riêng và chủ động, có sự tương tác với những định chế

về kinh tế - xã hội của quốc gia, và tạo được ảnh hưởng nhất định với các địa phương khác.

Tiêu chí thứ sáu: Tỉnh phải có sự phát triển tương đối về văn hóa - giáo dục, với những sắc thái riêng trong cái nền chung của dân tộc, và có đóng góp thực sự vào sự phát triển văn hóa - giáo dục của đất nước.

Trong 6 tiêu chí kể trên, 4 tiêu chí về tên gọi, lãnh thổ, tổ chức hành chính và vai trò chính trị - quân sự là yêu cầu bắt buộc phải được thỏa mãn. Nếu không, việc xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình sẽ không có cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn phù hợp. Riêng đối với 2 tiêu chí về kinh tế - xã hội và văn hóa - giáo dục, chúng được xem là thước đo mức độ phát triển của một địa phương, nên khi xác định thời gian thành lập tỉnh thì chúng cũng là những tiêu chí cần đưa ra xem xét.

III - KẾT LUẬN VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

Dựa vào tiến trình hình thành vùng đất nay là tỉnh Quảng Bình, chúng tôi nhận thấy có một số mốc thời gian đáng lưu ý là:

1 - Năm 1075 nhà Lý vẽ bản đồ, đổi tên 3 châu mà Champa đã cắt bàn giao từ năm 1069 là Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh thành Bố Chính, Lâm Bình và Minh Linh, rồi di dân vào khai phá.

2 - Năm 1414, quân Minh chiếm được Tân Bình, chia đặt quan cai trị, kiểm kê nhân khẩu, làm sổ hộ tịch, định ngạch thuế ruộng đất và tơ lụa, chia phủ Tân Bình thành 2 huyện lệ thuộc trực tiếp là Nha Nghi và Phúc Khang, kiêm quản huyện Tả Bình và 2 châu Chính Bình, Nam Linh.

3 - Năm 1605 (thời vua Lê Kính Tông, năm Hoàng Định thứ 5), Nguyễn Hoàng với mưu đồ cát cứ phía nam Hoành Sơn đã đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình thuộc xứ Thuận Hóa. Tên gọi Quảng Bình bắt đầu được sử dụng từ đó đến nay.

4 - Năm 1802 nhà Nguyễn lập ra dinh Quảng Bình, cắt huyện Vĩnh Linh vào dinh Quảng Trị, nhập Bắc Bố Chính vào lại dinh Quảng Bình, xây dựng Quảng Bình thành dinh trực lệ gồm 2 huyện

và 2 châu là Lệ Thủy, Khang Lộc, Bố Chính Nội và Bố Chính Ngoại.

5 - Năm 1831 nhà Nguyễn thành lập tỉnh Quảng Bình (và 17 tỉnh khác từ Quảng Trị trở ra Bắc). Lần đầu tiên đơn vị hành chính cấp tỉnh ra đời, trực thuộc chính quyền Trung ương. Tỉnh Quảng Bình gồm 1 phủ với 4 huyện là phủ Quảng Bình (1 tháng sau đó đổi thành Quảng Ninh), và các huyện Phong Lộc, Lệ Thủy, Bố Chính, Bình Chính.

Nhìn chung, từ thời Tây Sơn trở về trước, vùng đất Quảng Bình chưa có được sự ổn định bền vững về cương vực, tổ chức hành chính còn biến động liên tục, kể cả khi xuất hiện tên phủ Quảng Bình vào năm 1605.

Chỉ khi nhà Nguyễn bắt đầu thiết lập vương triều, tiến hành chấn chỉnh bộ máy cai trị trên toàn quốc, chia đặt các đơn vị hành chính, thì địa bàn Quảng Bình mới đi vào thế ổn định lâu bền. Năm 1802, dinh (sau đổi thành trấn) Quảng Bình ra đời đã xác lập cương vực lãnh thổ cụ thể, xác lập guồng máy hành chính, xác lập vị trí quan trọng về chính trị - quân sự của vùng đất Quảng Bình đối với đất nước.

Tuy nhiên, sự hoàn chỉnh của vùng đất Quảng Bình chỉ thực sự có được vào cuối năm 1831, khi triều Nguyễn thành lập đơn vị hành chính tỉnh Quảng Bình theo chủ trương cải cách hành chính trên phạm vi toàn quốc.

Đây là lần đầu tiên đất Quảng Bình được gọi là tỉnh Quảng Bình. Kể từ đó, Quảng Bình ngày càng phát triển đi lên với tư cách của một tỉnh trực thuộc Nhà nước Trung ương, có nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực, và đã góp phần không nhỏ vào tiến trình chung của dân tộc cho đến ngày nay.

Dựa vào các tiêu chí đã đưa ra ở phần trên, đối chiếu sát sao với nội dung và diễn biến của lịch sử, chúng tôi cho rằng thời điểm cuối năm 1831 (tháng 10 năm Tân Mão) có thể được chọn làm mốc đánh dấu ngày thành lập của tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị hành chính tỉnh Quảng Bình ra đời vào cuối năm 1831 hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan của lịch sử. Vì vậy, nếu khiên cưỡng chọn lựa các mốc lịch sử khác thì sẽ thiếu tính thuyết phục, và việc tổ chức kỷ niệm ngày thành lập tỉnh Quảng Bình sẽ không còn mang ý nghĩa thiết thực đối với nhân dân địa phương.

(1) *Lê Quý Đôn Phủ biên tạp lục*, KHXH, Hà Nội, 1977, Tr.32

(2) *Như trên*, tr.35

(3) *Như trên*, tr.37

(4) *Như trên*, tr. 44

(5) *Như trên*, tr.81-82.

(6) *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục*, tập 10, NXB Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 355 và 387.

(7) Vũ Văn Tĩnh, *Những thay đổi về địa lý hành chính các tỉnh Trung Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 42, 1972, tr.41.

CẦU VÀ ĐÃ TÌM THẤY SỰ ĐỒNG THUẬN

DƯƠNG TRUNG QUỐC(*)

HỘI Khoa học Lịch sử Việt Nam đánh giá cao cách đặt vấn đề, cách tổ chức và những kết quả nghiên cứu được phản ánh trong cuộc Hội thảo này nhằm giúp lãnh đạo tỉnh những ý kiến tư vấn về khoa học để có thể quyết định sự chọn lựa hội điểm có những ý nghĩa như sự hình thành truyền thống tỉnh Quảng Bình.

Tôi đã có nhiều cơ hội được chủ trì tham dự các cuộc hội thảo có mục tiêu tương tự như cuộc hội thảo này đã được tổ chức ở một số địa phương. Dường như vào thời điểm này (kể từ 1998 kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh được minh định vào lãnh thổ nước ta, trước đó là Đồng Nai và một số địa phương ở Nam Bộ). Những kết quả bước đầu đã thấy, đã có nhiều địa phương chọn được ngày thành lập và sự lựa chọn ấy đã mang lại sự tác động tích cực vào sự nghiệp phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của địa phương và sự đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc. Tuy nhiên, nếu nhìn tổng thể ta sẽ thấy có độ chênh đáng suy nghĩ trong các sự lựa chọn đó. Đôi trường hợp nó tạo ra những nghịch lý về lôgic hình thức. Ví như có nhiều tỉnh phía Bắc chọn thời điểm vua Minh Mạng thành lập đơn vị hành chính "tỉnh" (1831, 1832) trong khi đó các tỉnh miền Trung gắn với công cuộc Nam tiến của dân tộc thì lấy thời điểm thành lập các đơn vị hành chính tương đương "tỉnh" (tức là đơn vị hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương - triều đình) ví như Trấn, Thừa Tuyên, Phủ... Do vậy có tình trạng vùng đất cổ thì lại ra "thành lập" muộn hơn những vùng đất mới? Đã có ý kiến cho rằng cần có một sự chỉ đạo, phối hợp chung để sự lựa chọn vừa bảo

(*) Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam.

đảm tính đặc thù của mỗi địa phương vừa có sự nhất quán tương đối trong mối quan hệ mỗi tỉnh là một bộ phận cấu thành và thống nhất trong lãnh thổ của một quốc gia.

Chỉ theo dõi những tham luận được trình bày tại cuộc hội thảo của chúng ta cũng thấy phản ánh những quan điểm khác nhau xuất phát từ sự lựa chọn những tiêu chí khác nhau. Phải nói rằng, mặc dầu khác nhau những mỗi luận chứng đều được phát biểu một cách có hệ thống với những lập luận chặt chẽ.

Do vậy, để có được một sự đồng thuận, tôi xin dùng chữ "đồng thuận" chứ không nói đến sự "nhất trí" thì lãnh đạo tỉnh phải xác định rõ được cái mục đích chính của sự tìm chọn này. Phương pháp khoa học, nhưng mục tiêu chính phải là chính trị. Mà cái mục tiêu chính trị cao nhất phải đặt sự tồn tại và phát triển của Quảng Bình trong sự thống nhất và phát triển của dân tộc, đồng thời nó lại ăn sâu vào tâm thức, tạo nên niềm tự hào của địa phương.

Do vậy, sau khi được nghe tất cả những nhóm ý kiến khác nhau với những lập luận khác nhau, theo ý kiến của cá nhân tôi, tôi cho rằng sự lựa chọn mốc năm 1604 là có nhiều điểm hợp lý và hợp tình hơn cả. Về lý thì nó là cái mốc vừa đánh dấu một quá trình hình thành vừa tạo ra một động lực cho sự phát triển và hoàn chỉnh tiếp theo. Hơn thế về tình nó lại gắn liền với tâm thức của nhân dân, những người đang sống trên địa bàn của tỉnh cũng như những người con của đất Quảng Bình đang sống trên các vùng lãnh thổ khác, trong và ngoài nước cũng như ngay cả những đồng bào ở các địa phương khác luôn khắc sâu tên gọi Quảng Bình như một địa danh của một địa phương mang trong lòng nó những truyền thống tốt đẹp đáng tự hào. Tôi cũng rất mừng là quan điểm này được nhiều người (mặc dầu số đông không phải duy nhất là yếu tố quyết định) tán đồng. Là người tham gia chủ trì cuộc Hội thảo này tôi mong mọi người có thể tìm đến sự đồng thuận làm cơ sở cho lãnh đạo tỉnh vững tâm quyết định.

Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CỦA QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU VÀ CÁC NHÀ KHOA HỌC LÀ RẤT QUAN TRỌNG^(*)

***Phát biểu tổng kết Hội thảo của PGS. TS. LUONG NGOC BINH,
Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy***

Sau một ngày làm việc với tinh thần nhiệt tình và trách nhiệm cao của quý vị đại biểu và các nhà khoa học, Hội thảo "Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình" của chúng ta đã thành công tốt đẹp. Tại Hội thảo chúng ta đã nghe ý kiến chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, báo cáo đề dẫn của các đồng chí Giám đốc Sở KH-CN - MT cùng 25 tham luận và 2 ý kiến phát biểu của các nhà khoa học đến từ các trường Đại học và các cơ quan nghiên cứu ở Hà Nội, Huế, Nghệ An cùng với các nhà khoa học tỉnh nhà.

Rất tiếc là do hạn chế về thời gian, nên Hội thảo không được nghe hết tất cả các ý kiến của các đồng chí lãnh đạo tỉnh, các vị lão thành cách mạng, các vị đại biểu và các nhà khoa học. Nhưng từ những nội dung trong các tham luận đã được trình bày, cũng như từ các quan điểm khoa học mà Ban tổ chức hội thảo đã tổng hợp, tôi xin khái quát một số nhận định cơ bản sau đây:

1 - Về việc xác định tiêu chí lựa chọn

Tuy mỗi nhà khoa học có một cách nhìn và phương pháp tiếp cận riêng, đi kèm theo nó là những tiêu chí lựa chọn cụ thể, nhưng nhìn chung phần lớn các tham luận tập trung vào một số tiêu chí cơ bản sau đây.

(*) Đầu đề do Ban Biên tập đặt.

Thứ nhất việc xác định thời gian thành lập tỉnh cần đặt trong mối tương quan biện chứng giữa lịch sử hình thành Quảng Bình với tư cách là một bộ phận hữu cơ của Tổ quốc Việt Nam và tỉnh Quảng Bình với tư cách là một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương để xác định thời điểm thành lập, nhằm tránh nhầm lẫn với việc xác định thời gian hình thành vùng đất, hoặc bản khoản về chủ thể thành lập và các tên gọi khác nhau trong các quá trình lịch sử.

Thứ hai, sự toàn vẹn và tính ổn định tương đối về mặt địa vực và giới hạn lãnh thổ.

Thứ ba, sự thống nhất về hệ thống thiết chế, hành chính với bộ máy chính quyền cấp tỉnh thực sự có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đời sống xã hội và quan hệ trực thuộc bộ máy quản lý Nhà nước Trung ương.

Thứ tư, sự hoàn thiện về cơ cấu tộc người và hệ thống cộng đồng dân cư.

Thứ năm, sự hình thành và phát triển liên tục các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà các thế hệ cư dân Quảng Bình đã sáng tạo ra trong tiến trình lịch sử như là động lực tinh thần để phát huy truyền thống.

Thứ sáu, có địa danh thiêng liêng, tồn tại sâu thẳm trong tâm thức các thế hệ người Quảng Bình cho tới ngày nay.

Thứ bảy, có sự tương đồng với bề dày lịch sử văn hóa vùng đất Quảng Bình và tương đồng với các địa phương khác trong cùng những điều kiện lịch sử tương ứng.

2 - Về tiến trình phát triển của vùng đất Quảng Bình, các ý kiến thống nhất một số nhận định sau đây

- Quảng Bình là một vùng đất có lịch sử lâu đời. Địa bàn này đã hiện diện trong lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước. Trong suốt tiến trình phát triển lịch sử của mình, vùng đất Quảng Bình trải qua rất nhiều biến động nhưng luôn luôn là một bộ phận của Tổ quốc Việt Nam, phát triển trong tiến trình chung của lịch sử dân tộc. Đó là một tiến trình phát triển liên tục và thống nhất rất

phong phú và đa dạng.

- Song hành với sự phát triển lịch sử, vùng đất Quảng Bình là vùng đất có sự đan xen và giao thoa văn hóa giữa các khu vực văn hóa trong cả nước tạo nên một vùng có sự đan xen nhiều giá trị văn hóa của dân tộc và những sắc thái văn hóa truyền thống rất độc đáo của địa phương. Những giá trị văn hóa truyền thống đã được ghi nhận trên đây đã hình thành và phát triển trong những điều kiện lịch sử rất đặc thù và được trao truyền cho tới ngày nay.

- Quá trình lịch sử Quảng Bình là quá trình hỗn dung giữa nhiều cộng đồng dân cư trong đó có sự đóng góp của các nhóm cộng đồng người Việt sở tại, người Việt có nguồn gốc từ những đợt di dân dưới tác động của chính sách mở mang phương Nam của các triều đại phong kiến Việt Nam, đồng bào các dân tộc như nhóm người có nguồn gốc Việt - Mường, người Bru-Vân Kiều, người Chứt v.v... Tất cả các dân tộc và tộc người trên vùng đất Quảng Bình luôn luôn gắn bó đoàn kết với nhau trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, trong đấu tranh xã hội và trong đấu tranh chống ngoại xâm để bảo vệ quê hương, tổ quốc, để sinh tồn và phát triển. Nhờ vậy, các cộng đồng cư dân ở Quảng Bình luôn luôn là một khối thống nhất.

- Do những điều kiện lịch sử chi phối nên vùng đất này luôn luôn là địa bàn tranh chấp của nhiều lực lượng xã hội khác nhau. Chính vì lý do đó, tiến trình lịch sử của vùng đất này thường xuyên biến động, chia cắt và cũng có những thời điểm tạm thời bị gián đoạn, nhưng về cơ bản dòng chảy lịch sử của vùng đất này vẫn liên tục trong sự kế thừa và phát triển của nhiều thế hệ. Mỗi thế hệ đã có những đóng góp rất xứng đáng, làm nên những giá trị văn hóa vật chất tinh thần của vùng đất Quảng Bình.

Trên đại thể, đa số các tham luận khoa học thống nhất chia tiến trình lịch sử Quảng Bình thành 6 giai đoạn phát triển như sau:

- *Giai đoạn 1:* Tương ứng với thời kỳ tiền sử và sơ sử cho đến trước năm 192 Công lịch là giai đoạn vùng đất Quảng Bình thuộc Quốc gia Văn Lang.

- *Giai đoạn 2:* Từ năm 192 khi người Chăm chiếm cứ đất Quảng

Bình làm vùng biên ải phía bắc của quốc gia Lâm Ấp cho đến năm 1069 khi Lý Thường Kiệt giành lại vùng đất này về quốc gia Đại Việt.

- *Giai đoạn 3:* Từ năm 1069 đến năm 1604 khi Nguyễn Hoàng chính thức thiết lập hệ thống chính quyền cát cứ thúc đẩy sự phát triển toàn diện cả về kinh tế văn hóa của vùng đất phía nam. Vùng đất này lần đầu tiên có danh xưng Quảng Bình và có lãnh thổ tương ứng với địa vực Quảng Bình ngày nay.

- *Giai đoạn 4:* Từ 1604 đến 1831 là thời điểm Minh Mạng tiến hành cuộc cải cách hành chính trên quy mô toàn quốc để từ đó vùng đất này được mang tên trọn vẹn là tỉnh Quảng Bình.

- *Giai đoạn 5:* Từ 1831 đến 1945 là thời kỳ hoàn chỉnh dần cơ cấu hành chính của tỉnh Quảng Bình có giới hạn trùng khít với ngày nay.

- *Giai đoạn 6:* Từ sau năm 1945 mở đầu cho một kỷ nguyên phát triển mới của Quảng Bình trong độc lập tự do và CNXH.

Trong 6 giai đoạn phát triển lịch sử này phần lớn các tham luận khoa học lựa chọn các mốc lịch sử để xác định việc thành lập tỉnh Quảng Bình như sau:

- Mốc 1069 (có 2 ý kiến đề xuất) là mốc đánh dấu vùng đất này trở về với quốc gia Đại Việt, là nhân tố quyết định cho toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử cho tới ngày nay.

- Mốc 1075 (có 2 ý kiến đề xuất) là mốc cải sửa hành chính đầu tiên có yếu tố "Bình" trong danh xưng (Lâm Bình).

- Mốc 1397 (có 1 ý kiến đề xuất) là mốc có danh xưng Tân Bình với chỉnh thể về giới hạn địa vực.

- Mốc 1604 (có 12 ý kiến đề xuất) là mốc đầu tiên xuất hiện danh xưng Quảng Bình với việc chúa Nguyễn Hoàng cho đổi Phủ Tân Bình thành Phủ Quảng Bình và đó là tên gọi thiêng liêng cho tới ngày nay.

- Mốc 1631 (có 1 ý kiến đề xuất) có danh xưng dinh Quảng Bình với hệ thống và giới hạn hành chính tương ứng.

- Mốc 1831 (có 6 ý kiến đề xuất) là mốc trọn vẹn danh xưng tỉnh Quảng Bình cho tới ngày nay.

- Không xác định rõ năm: (có 1 ý kiến)

So sánh các mốc lịch sử trên đây với các tiêu chí đặt ra để lựa chọn thì mỗi mốc lịch sử như vậy đều có những giá trị lịch sử riêng của nó. Các nhà khoa học đều có những luận lý khá thuyết phục trong khi chứng minh tầm quan trọng của những tiêu chí do mình đề xuất và ý nghĩa khoa học của việc chọn ngày thành lập tỉnh.

3 - Đề xuất việc lựa chọn thời điểm thành lập tỉnh.

Tổng hợp các quan điểm khoa học thể hiện trong tất cả các tham luận cho thấy có 3 nhóm quan điểm chính sau đây:

- Nhóm quan điểm thứ nhất, đề xuất lựa chọn theo tiêu chí khởi đầu tạo dựng vùng đất này từ thời nhà Lý với một trong hai thời điểm 1069 và 1075.

- Nhóm quan điểm thứ 2, dựa trên tính toàn vẹn về địa giới hành chính, sự tạo lập và hình thành thiết chế hành chính có phiên hiệu tương đương tỉnh và sự ổn định cộng đồng dân cư trên địa bàn để đề xuất lựa chọn thời điểm 1604 với sự khởi đầu cơ nghiệp của các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong với sự hiện diện danh xưng Quảng Bình.

- Nhóm quan điểm thứ 3, nghiêng về lựa chọn trên tiêu chí chính thể của cả tên riêng Quảng Bình và cả phiên hiệu hành chính là "tỉnh" với thời điểm lựa chọn là 1831, đánh dấu bằng sự kiện cải tổ hành chính dưới thời Minh Mạng.

Tôi nghĩ rằng, về phương pháp luận khoa học, khi xem xét một hiện tượng lịch sử, ta phải tách riêng các yếu tố cấu thành của đối tượng để khảo sát đánh giá những thuộc tính riêng biệt của nó, nhưng khi xác định bản chất và vai trò lịch sử của các sự kiện thì phải đặt nó trong chính thể mối tương quan biện chứng với các quá trình lịch sử, trong tính hệ thống vốn có của nó để đối tượng lịch sử bộc lộ đầy đủ các giá trị đích thực. Với tinh thần đó tôi đồng ý tán thành với quan điểm được thể hiện phần lớn qua các tham luận khoa học là chọn các mốc lịch sử 1069, 1604 và 1831 để nghiên cứu đề xuất việc xác định thời điểm thành lập tỉnh, trong đó đáng lưu ý là mốc 1604

gắn liền với tên gọi Quảng Bình ấm áp và thiêng liêng cho tới ngày nay.

Kính thưa quý vị đại biểu, thưa các nhà khoa học!

Những ý kiến đề xuất của quý vị đại biểu và các nhà khoa học hôm nay là cơ sở hết sức quan trọng để các cơ quan tham mưu đề xuất lên các cấp có thẩm quyền xem xét, lựa chọn. Tuy nhiên để có được một kết luận chính thức về mốc lịch sử thành lập tỉnh Quảng Bình, có cơ sở khoa học và có ý nghĩa thực tiễn, Ban tổ chức Hội thảo cùng với Sở KHCN - MT tiếp tục thu thập ý kiến của những người quan tâm để hoàn thiện văn bản đề xuất cuối cùng.

Thay mặt Chủ tịch đoàn và Ban tổ chức Hội thảo tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, chuyên viên Sở KHCN - MT, những người đã tích cực thực hiện có hiệu quả chủ trương tổ chức Hội thảo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cảm ơn sự tham gia nhiệt tình của quý vị đại biểu và các nhà khoa học.

Chúc quý vị sức khỏe và thành đạt!

Lời bạt

KHÉP lại tập *Kỷ yếu* này, bạn đọc không thể không đặt câu hỏi: vậy thì năm nào sẽ được lựa chọn để xuất làm năm thành lập tỉnh Quảng Bình?

Nhìn dưới góc độ thống kê, các mốc thời gian được các tham luận đề xuất tại Hội thảo kéo dài từ thời điểm vùng đất Quảng Bình được nhập về với Đại Việt (1069), đến thời điểm vua Minh Mạng tiến hành cải cách, ổn định nền hành chính trong phạm vi toàn quốc (1831): 1069, 1075, 1397, 1604, 1631, 1831.

Điều này có lý do của nó là cho đến nay, chưa có một tiêu chí chung nào cho việc tìm kiếm và xác định thời điểm ra đời của một địa phương, một đơn vị hành chính, nhất là đối với những địa phương có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài. Do vậy, trên thực tế, tại nhiều địa phương, để xác định một ngày truyền thống thỏa mãn được các đòi hỏi của khoa học và tình cảm của nhân dân, đã phải dựa vào hệ thống các tiêu chí thích hợp do chính mình xây dựng nên và được đông đảo cộng đồng thừa nhận.

Tương tự như vậy, tại Hội thảo này, những người nghiên cứu trước khi giải quyết vấn đề cũng đều đã có những thao tác khoa học ban đầu giống nhau và rất cần thiết là đặt ra các tiêu chí theo quan điểm tiếp cận của mình, để thông qua đó, xem xét và đề xuất ngày thành lập tỉnh Quảng Bình. Hệ thống các tiêu chí do các tác giả xây dựng nên trong quá trình giải quyết vấn đề tại Hội thảo là rất phong phú, song tựu trung lại gồm các nội dung chính liên quan đến những vấn đề cơ bản sau đây:

- Về không gian lãnh thổ.
- Về hành chính.
- Về dân tộc – truyền thống lịch sử – văn hóa.

– Về danh xưng.

Do hiện thực lịch sử hình thành và phát triển lâu dài của tỉnh Quảng Bình, với điều kiện tư liệu hiện nay khó tìm thấy một thời điểm xác định nào thỏa mãn tuyệt đối các tiêu chí nêu trên, nên các tác giả đã hướng sự lựa chọn vào các tiêu chí ưu tiên theo quan điểm tiếp cận của mình. Chính vì vậy, mặc dù có khá nhiều thời điểm được các tác giả lựa chọn đề xuất, nhưng không thể tìm thấy một thời điểm nào trong số đó là bất hợp lý, bởi tính khoa học nội tại của mỗi tham luận. Điều này cho thấy vấn đề đang xem xét là rất khó khăn và mang tính tương đối, mặc dù đó nhất thiết phải là sự tương đối được thừa nhận, trên cơ sở các tiêu chí cụ thể và khoa học.

Tuy nhiên, cũng trên cơ sở số liệu thống kê, chúng ta lại thấy một sự thật khác là trong tổng số 25 tham luận và 2 ý kiến phát biểu tại Hội thảo cũng đã có sự phân nhóm rất khách quan, khi đưa ra thời điểm đề xuất lựa chọn:

- Năm 1069: 02 (tham luận)
- Năm 1075: 02 (tham luận)
- Năm 1397: 01 (tham luận)
- Năm 1604: 13 (12 tham luận và 01 ý kiến phát biểu).
- Năm 1631: 01 (tham luận)
- Năm 1831: 07 (06 tham luận và 01 ý kiến phát biểu)
- Không xác định rõ năm: 01 (tham luận)

Các số liệu này là trên cơ sở thống kê từ các tham luận và các ý kiến phát biểu được chuẩn bị trước trình bày tại Hội thảo, và các tham luận đó được in chính thức trong *Kỷ yếu* này. Song, có một sự biến động khá thú vị khác cũng cần phải nêu ra để bạn đọc tham khảo là đến phần thảo luận trực tiếp tại Hội thảo, một số tác giả, có thể do được củng cố thêm về tư liệu, hoặc có sự điều chỉnh quan niệm ưu tiên đối với hệ thống các tiêu chí thông qua quá trình trao đổi, nên đã nói rộng hoặc điều chỉnh thời điểm đề xuất lựa chọn:

- Có 03 tham luận lựa chọn thời điểm năm 1831, song khi thảo luận đã đề xuất thêm năm 1604 để xem xét.

– Có 01 tham luận lựa chọn thời điểm năm 1831, song khi thảo luận đã đề xuất thêm năm 1069 để xem xét.

– Có 01 tham luận không xác định rõ năm, song khi thảo luận đã đề xuất năm 1361 để xem xét.

Như vậy, có thể thấy rằng, tại **Hội thảo Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình**, năm 1604 là năm được nhiều người quan tâm nhất (13/27 ý kiến) trong quá trình tìm kiếm khoa học khách quan, độc lập và đầy trách nhiệm. Mặc dù vấn đề rất khó khăn, song với một phương pháp luận khoa học, trên cơ sở sự hợp lý, hợp tình, nhìn trên tổng quát, Hội thảo đã tìm kiếm được sự **đồng thuận** (chữ dùng của ông Dương Trung Quốc) quý giá trong quá trình giải quyết vấn đề. Có lẽ nhờ đó mà chất lượng Hội thảo được dư luận đồng tình và đánh giá thỏa đáng.

Có một thực tế là trong khoa học, không phải lúc nào số đông cũng đúng. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, đây không phải là sự đồng thuận của một số đông bất kỳ, mà là số đông của một tập thể gần như thuần khiết, được lựa chọn, có chuẩn bị, từ nhiều nguồn nghiên cứu, và do đó sự đồng thuận này không thể không đem đến cho chúng ta một nhận thức hữu ích nào đó.

Chính vì vậy, trên cơ sở sự thành công của Hội thảo, cùng với kết quả nghiên cứu của mình, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường sẽ tham mưu đề xuất các cấp có thẩm quyền lựa chọn **năm 1604 là thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình**. Đó là thời điểm thỏa đáng nhất, hàm chứa được nhiều tiêu chí nhất trong tất cả các thời điểm đã từng được đề xuất để bàn thảo.

B.B.T

PHỤ LỤC

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VĂN HÓA LỊCH SỬ QUẢNG BÌNH



• Rìu đá - di chỉ khảo cổ học
Bàu Tró - Đồng Hới.



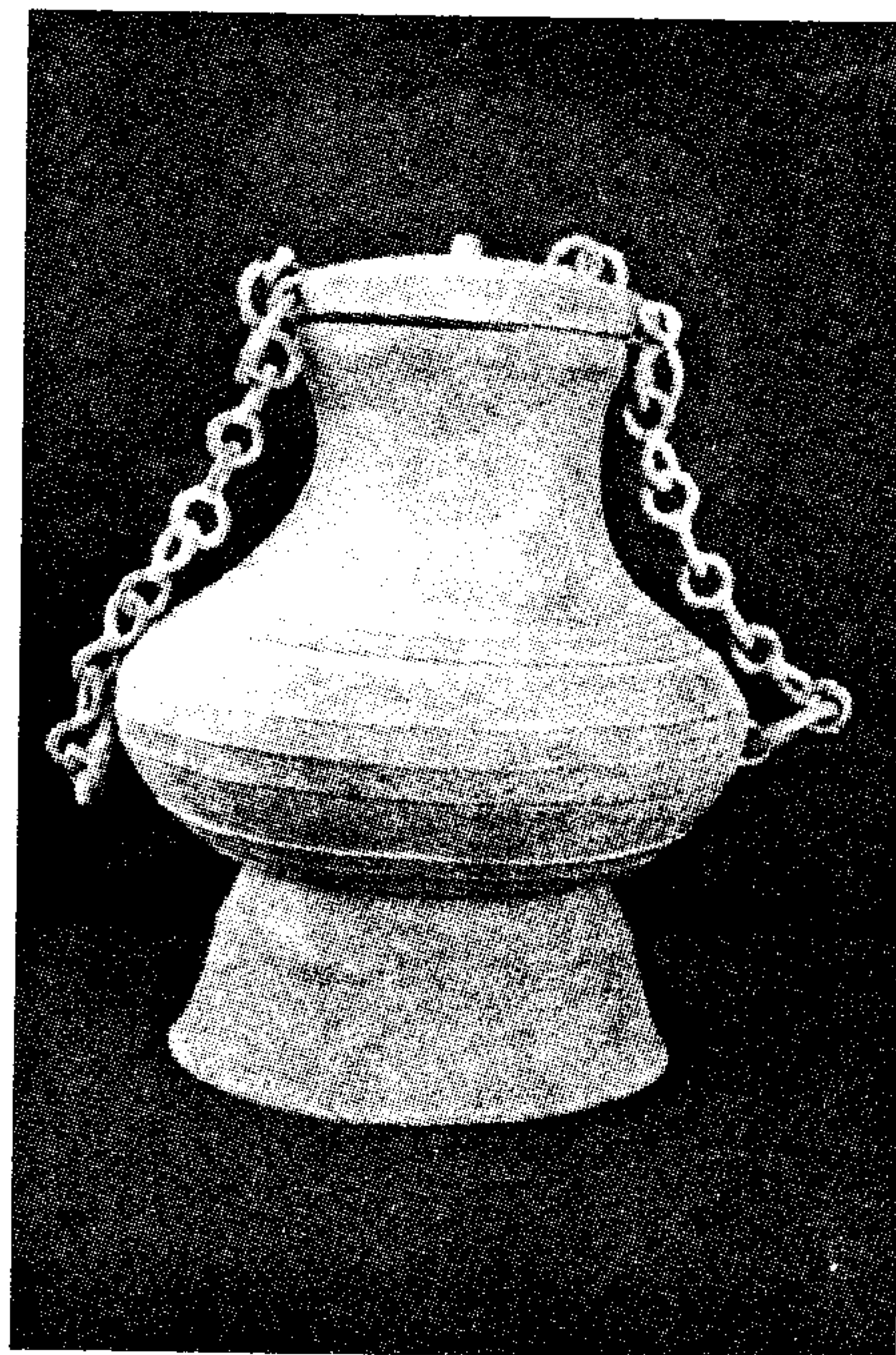
• Tượng Chàm ở Quảng Bình
(Thần Ganesa)

• Ảnh các trang này do Bảo tàng và Ban Quản lý di tích danh thắng Quảng Bình cung cấp.

• Gốm
Thời Lê
ở Quảng Bình



• Gốm thời Lý
ở Quảng Bình



• Bình đồng
thời Đông Sơn
ở Quảng Bình.



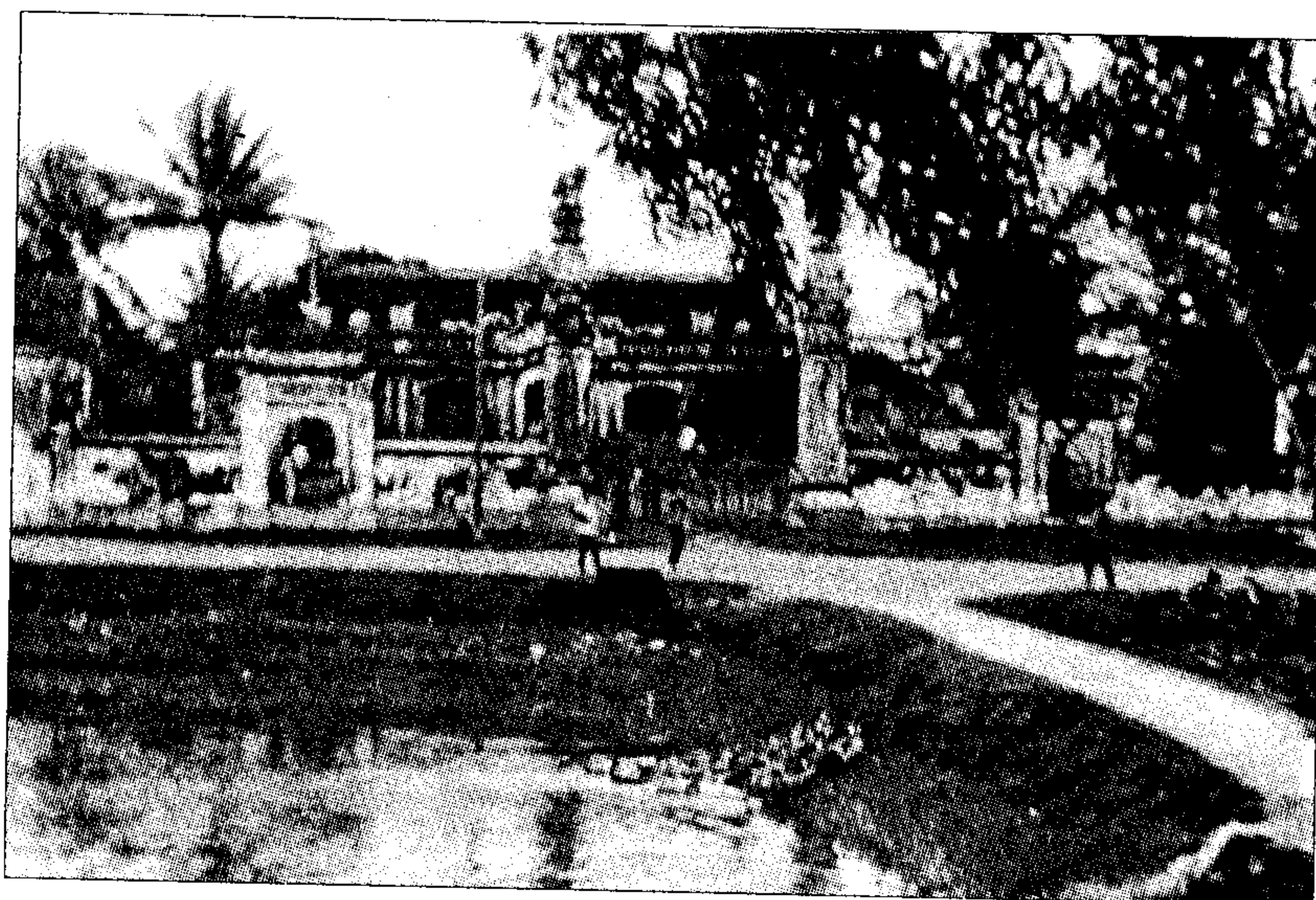
• Di tích Quảng Bình Quan (ảnh chụp 1960)



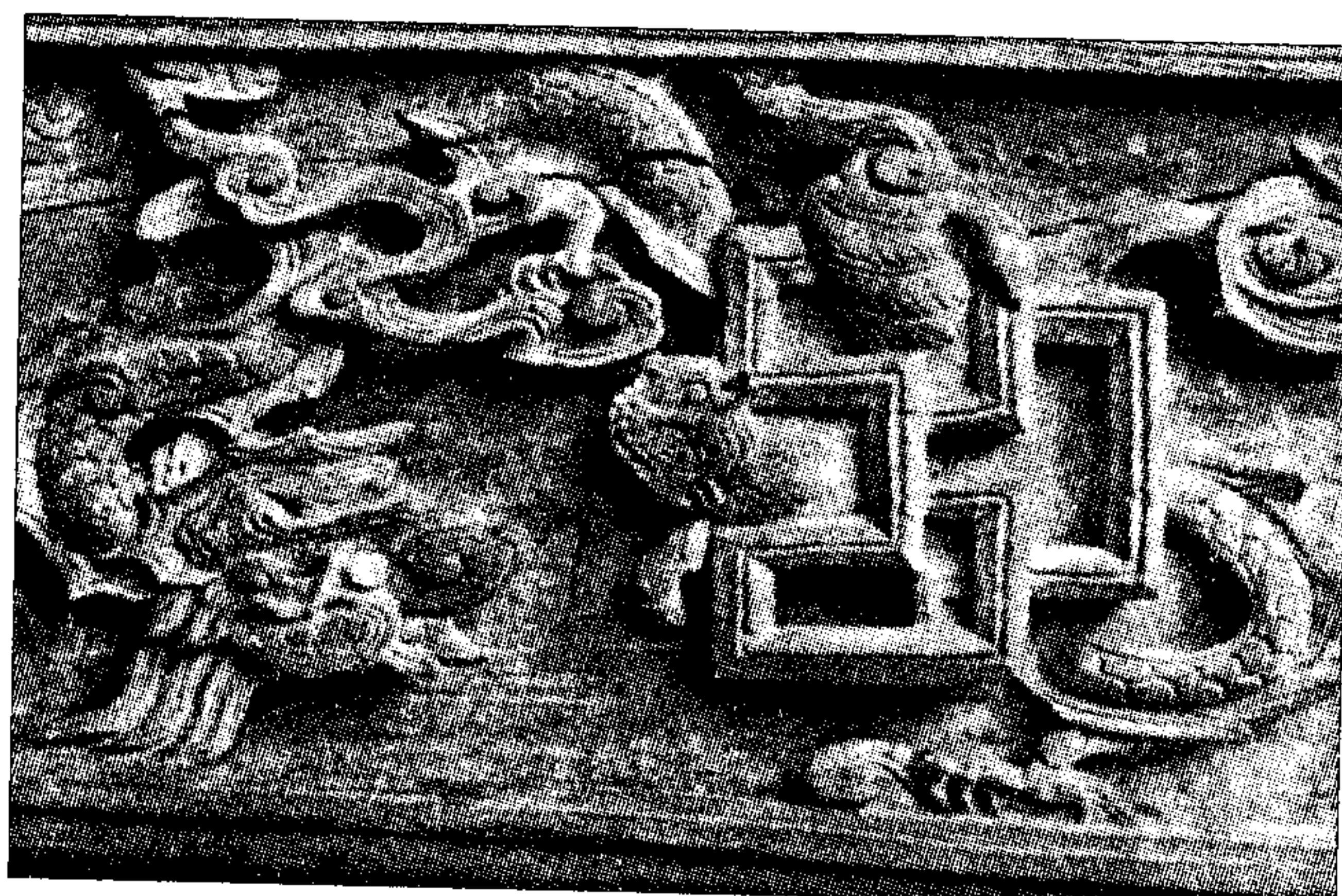
• Di tích
cổng phía
đông Thành
Đông Hới
(bị chiến tranh
hủy hoại)



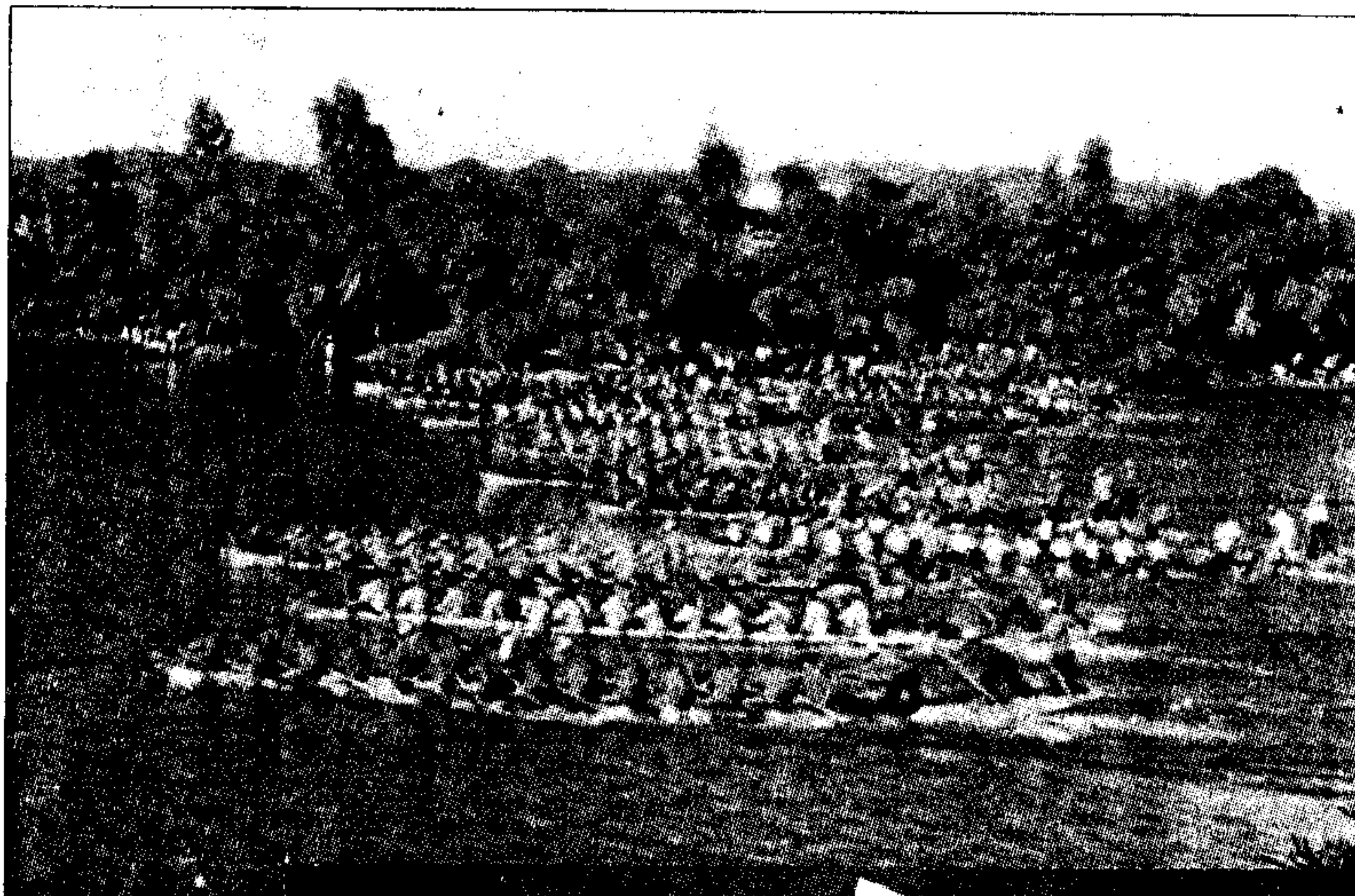
• Di tích Hoành Sơn Quan
trên đỉnh đèo Ngang.



● Đình làng
Hòa Ninh, xã
Quảng Hòa
huyện
Quảng Trạch



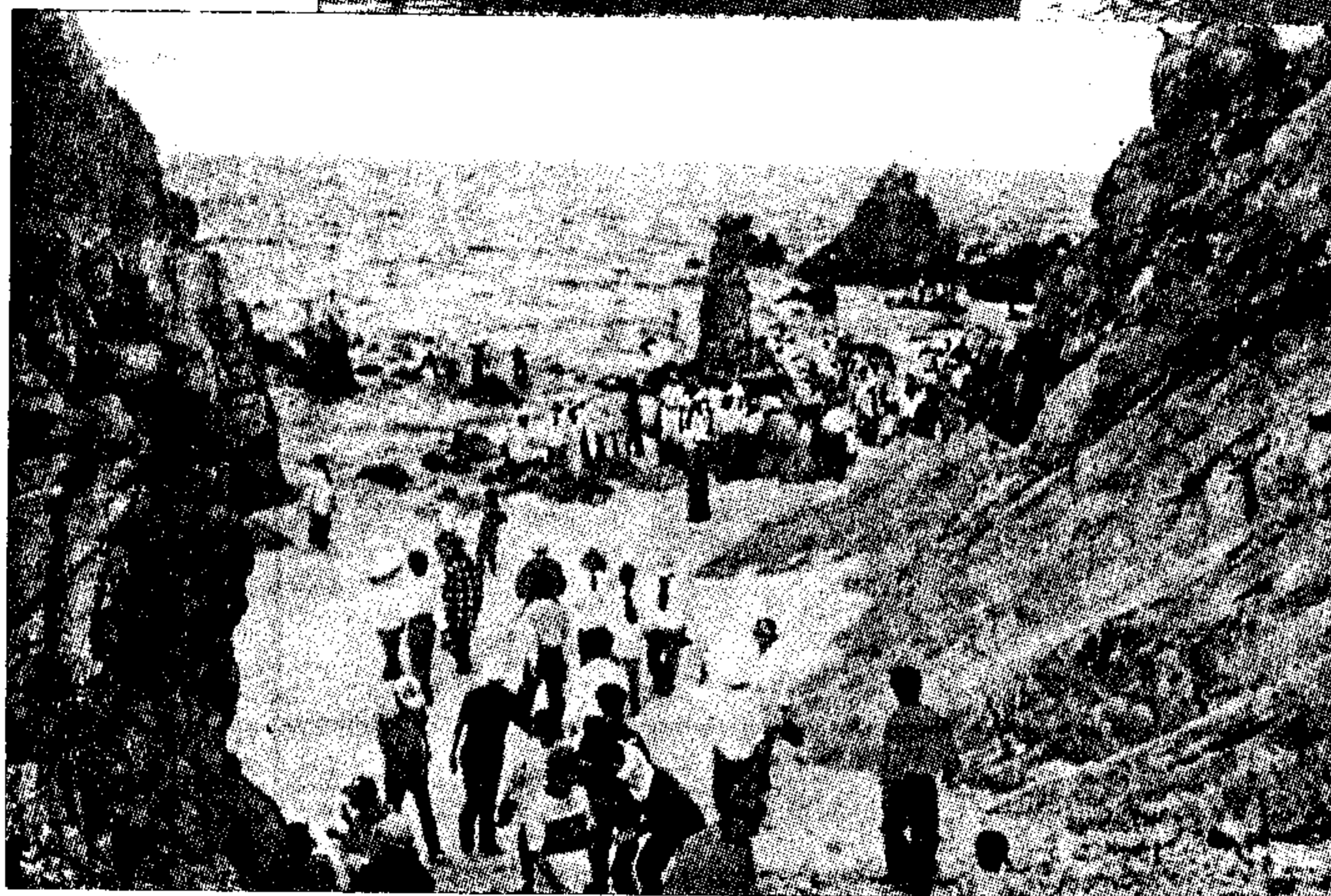
● Đầu kèo
hình rồng
và họa tiết
chạm lõng trên
gỗ trong đình
Vĩnh Sơn -
Quảng Đông,
Quảng Trạch



• Bơi
trải
Lệ
Thủy



• Cửa vào
thắng cảnh
Động Phong
Nha



• Thắng cảnh
bãi biển
Đá Nhảy

DANH SÁCH CÁC NHÀ KHOA BẢNG QUẢNG BÌNH(*)

1. Mục đại khoa

TT	Họ tên	Năm sinh	Làng xá	Huyện	Năm thi Hội đầu học vị
1	TRƯỜNG XÁN	1227	Hoành Bồ	Q.Trạch ⁽¹⁾	Trạng Nguyên đời Trần Thái Tông 1256
2	DƯƠNG VĂN AN	1513	Tuy Lộc	Lệ Thủy	T.S đời Mạc 1547
3	LÊ ĐA NẰNG	(?)	An Chế ⁽²⁾	Lệ Thủy	T.S Lê Anh Tông 1565
4	NGUYỄN TRẠCH	1547	Trung Hòa ⁽³⁾	Q. Trạch	T.S Lê Thế Tông 1580
5	PHẠM ĐẠI KHÁNG	(?)	An Chế	Lệ Thủy	T.S Mạc Mậu Hợp 1592
6	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	1806	Hoàng Công	Lệ Thủy	Hoàng Giáp Minh Mệnh (1838)
7	PHẠM CHÂN	1804	Cảnh Dương	Q.Trạch	T.S Minh Mệnh 1838
8	TẠ KIM VỰC	1805	La Hà	Q.Trạch	T.S Minh Mệnh 1838
9	HỒ VĂN TRỊ	1815	Quy Đức	B.Trạch	T.S Thiệu Trị 1841
10	PHẠM XUÂN QUẾ	(?)	Lũ Phong	Q.Trạch	Phó Bảng Thiệu Trị 1841

(*) Nguồn: Quảng Bình nước non và lịch sử - Nguyễn Tú. Sở VHTT Quảng Bình xuất bản năm 1998.
(1) Thời Trần huyện Quảng Trạch còn gọi là huyện Hoành Sơn. Huyện Hoành Sơn thuộc châu Bố Chính (chưa phân Bắc, Nam Bố Chánh).
(2) Tức An Xá; (3) Trung Hòa là làng Mỹ Hòa ngày nay.

TT	Họ tên	Năm sinh	Làng xã	Huyện	Năm thi Hội đậu học vị
11	NGÔ KHẮC KIÊM	1799	Lộc Điền	Q.Trạch	T.S Thiệu Trị 1842
12	NGUYỄN DUY CẦN	1817	Lý Hòa	B.Trạch	T.S Thiệu Trị 1842
13	ĐẶNG VĂN THÁI	1811	Cao Lao	B.Trạch	Phó Bảng Thiệu Trị 1843
14	NGUYỄN DƯƠNG HUY	1813	Mỹ Hòa	Q.Trạch	T.S Thiệu Trị 1844
15	NGUYỄN ĐĂNG HÀNH	1823	Phù Chánh	Lệ Thủy	T.S Tự Đức 1848
16	LÊ HỮU LỆ	1826	Cổ Hiền	Q.Ninh	T.S Tự Đức 1848
17	VŨ XUÂN XÁN	1821	Hòa Luật	Lệ Thủy	T.S Tự Đức 1848
18	TRẦN NGỌC ĐIỀU	1812	Di Luân	Q.Trạch	Phó Bảng Tự Đức 1848
19	NGUYỄN BẢNG DỤC	1806	Cảnh Dương	Q.Trạch	T.S Tự Đức 1849
20	NGUYỄN QUỐC THÀNH	1822	Lộc Điền	Q.Trạch	T.S Tự Đức 1851
21	PHẠM NHẬT TÂN	1811	La Hà	Q.Trạch	T.S Tự Đức 1851
22	TRẦN VĂN HỆ	1828	La Hà	Q.Trạch	T.S Tự Đức 1851
23	LƯU VĂN BÌNH	1802	Cao Lao	B.Trạch	Phó Bảng Tự Đức 1853
24	TRẦN DOãn THẮNG	1824	Thổ Ngọa	Q.Trạch	Phó Bảng Tự Đức 1853
25	TRẦN VĂN CHUẨN	1826	La Hà	Q.Trạch	T.S Tự Đức 1862
26	HÀ VĂN QUAN	1828	Vĩnh Tuy	Q.Ninh	Phó Bảng Tự Đức 1865
27	NGUYỄN TÍCH	1833	Tuy Lộc	Lệ Thủy	Phó Bảng Tự Đức 1865
28	LÊ LƯỢNG	1831	Thạch Bàn	Lệ Thủy	Phó Bảng Tự Đức 1865
29	PHẠM DUY ĐƠN	1809	Thanh Thủy	Tuyên Hóa	Hoàng Giáp Tự Đức 1865
30	LÊ DOãn THÀNH	1830	Tiên Thiệp	Q.Ninh	Phó Bảng Tự Đức 1868
31	LÊ ĐẠI	1838	Phan Xá	Lệ Thủy	T.S Tự Đức 1869

TT	HỌ TÊN	Năm sinh	Làng xã	Huyện	Năm thi Hội đầu học vị
32	HUYỀN CÔN	1850	Trung Bính	Q.Ninh	Phó Bảng Tự Đức 1877
33	NGUYỄN QUANG	1841	Lộc Long	Q.Ninh	Phó Bảng Tự Đức 1877
34	NGUYỄN LÊ KHÁNH	1845	Thạch Xá	Lệ Thủy	Phó Bảng Tự Đức 1879
35	TRẦN KHÁNH HỘI	1855	Đại Phong	Lệ Thủy	Phó Bảng Kiến Phúc 1884
36	PHAN VĂN KHẢI	1854	Tả Thắng	Lệ Thủy	T.S.Th. Thái 1889
37	HOÀNG THỤY	1848	Phú Nhuận	Q.Ninh	Phó Bảng Th. Thái 1889
38	TẠ HÀM	1856	La Hà	Q.Trạch	T.S.Th. Thái 1892
39	NGUYỄN DUY THẮNG	1872	Lý Hòa	B.Trạch	Phó Bảng Th. Thái 1898
40	TRẦN VĂN THỐNG	1871	La Hà	Q.Trạch	T.S.Th. Thái 1901
41	NGUYỄN DUY TÍCH	1879	Lý Hòa	B.Trạch	T.S.Th. Thái 1901
42	HOÀNG ĐẠI BÌNH	1871	Xuân Lai	Lệ Thủy	Phó Bảng Th. Thái 1901
43	NGUYỄN DUY PHIÊN	1885	Lý Hòa	B.Trạch	Hoàng Giáp Th. Thái 1907
44	LÊ CHÍ TUÂN	1871	Lâm Xuân	Q.Trạch	T.S.Th. Thái 1907
45	NGUYỄN DUY THIỀU	1886	Lý Hòa	B.Trạch	Phó Bảng Duy Tân 1910
46	HOÀNG TRỌNG ĐẠI	1888	Văn La	Q.Ninh	Phó Bảng Duy Tân 1910
47	NGUYỄN NGỌC TOÀN	1887	Đơn Sa	Q.Trạch	T.S. Khải Định 1916
48	VÕ KHẮC TRIỂN	1882	Mỹ Lộc	Lệ Thủy	T.S. Khải Định 1919
49	NGUYỄN ĐĂNG CƯ	1898	Phù Chánh	Lệ Thủy	Phó Bảng Khải Định 1919

2. Mục thi hương, học vị cử nhân

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
1	HOÀNG QUỐC ĐIỀU	Lâm Xuân	Q.Trạch	Quý Dậu 1813	Gia Long thứ 12
2	PHẠM ĐÌNH THOAN	Phương Đình ⁽²⁾	Bố Chánh ⁽¹⁾	Quý Dậu 1813	Gia Long thứ 12
3	PHẠM NHẬT THANH	Di luân	Q.Trạch	Kỷ Mão 1819	Gia Long thứ 18
4	LÊ HUỆ	Lệ Sơn	Tuyên Hóa	Kỷ Mão 1819	Gia Long thứ 18
5	TRẦN VĂN NHIỆM	An Lễ ⁽²⁾	Bố Chánh	Kỷ Mão 1819	Gia long thứ 18
6	ĐÌNH DOÁN TRUNG	Tiên Lễ ⁽³⁾	Q.Trạch	Kỷ Mão 1819	Gia Long thứ 18
7	NGUYỄN KHẮC BIỂU	Thổ Ngọa ⁽³⁾	B.Chánh	Kỷ Mão 1819	Gia Long thứ 18
8	NGÔ TRỌNG VỸ	Động Hải ⁽⁴⁾	Q.Ninh	Kỷ Mão 1819	Gia Long thứ 18
9	NGUYỄN NHÂN LÝ	Thổ Ngọa	Bố Chánh	Kỷ Mão 1819	Gia long thứ 18
10	PHẠM ĐÌNH HẠC	La Hà	Q.Trạch	Kỷ Mão 1819	Gia Long thứ 18
11	NGUYỄN QUỐC HOAN	Lộc Điền	Q.Trạch	Tân Ty 1821	Minh Mệnh 2
12	PHÙNG NGHĨA PHƯƠNG	Tô Xá	Bố Chánh	Tân Ty 1821	Minh Mệnh 2
13	NGÔ BÁ TUẤN	Động Hải ⁽⁴⁾	Q.Ninh	Tân Ty 1821	Minh Mệnh 2
14	TRẦN VĂN LƯU	La Hà	Q.Trạch	Tân Ty 1821	Minh Mệnh 2
15	LÊ VĂN HY	Lộc An	Lệ Thủy	Tân Ty 1821	Minh Mệnh 2

(1) Đời Minh Mệnh đổi châu Bố Chánh nội làm huyện Bố Chánh – châu Bố Chánh ngoại làm châu Bố Chánh, năm thứ 12 (1832) đổi là huyện Bố Trạch.

(2) Chưa rõ xã nào so với ngày nay

(3) Nay thuộc Quảng Trạch.

(4) Nay là thị xã Đồng Hới.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
16	ĐỖ VĂN DU	Vĩnh Tuy	Quảng Ninh	Tân Tỵ 1821	Minh Mệnh 2
17	BÙI NGỌC CHẤN	Di Loan	Q.Trạch	Tân Tỵ 1821	Minh Mệnh 2
18	NGUYỄN ĐÌNH TÂN	Phúc An	Q.Ninh	Tân Tỵ 1821	Minh Mệnh 2
19	DƯƠNG QUỲNH	Cảnh Dương	Q.Trạch	Tân Tỵ 1821	Minh Mệnh 2
20	NGUYỄN TỊNH	Cảnh Dương	Q.Trạch	Ất Dậu 1825	Minh Mệnh 6
21	LÊ HUY CÔN	Lệ Sơn	Tuyên Hoá	Ất Dậu 1825	Minh Mệnh 6
22	NGUYỄN VĂN	Cảnh Dương	Q.Trạch	Ất Dậu 1825	Minh Mệnh 6
23	NGUYỄN ĐĂNG GIAI	Phù Chánh	Lệ Thủy	Ất Dậu 1825	Minh Mệnh 6
24	HỒ VĂN THẮNG	Lý Hòa	B.Trạch	Ất Dậu 1825	Minh Mệnh 6
25	LÊ TẬP	Lệ Sơn	T.Hóa	Mậu Tý 1828	Minh Mệnh 9
26	LÊ TƯ DUỆ	Lệ Sơn	T.Hóa	Mậu Tý 1828	Minh Mệnh 9
27	PHẠM LÂN	An Sơn ⁽¹⁾	Q.Trạch	Mậu Tý 1828	Minh Mệnh 9
28	NGUYỄN TẤT THÁI	Thạch Xá	Lệ Thủy	Mậu Tý 1828	Minh Mệnh 9
29	LÊ QUỐC TRINH	Di Lộc	Q.Trạch	Mậu Tý 1828	Minh Mệnh 9
30	NGUYỄN HÀM NINH	Trung Ái	Q.Trạch	Tân Mão 1831	Minh Mệnh 12
31	TRẦN VĂN ĐẠO	Thuận Trạch	Lệ Thủy	Tân Mão 1831	Minh Mệnh 12
32	NGUYỄN VĂN HIỂN	Tương Sơn	Q.Trạch	Tân Mão 1831	Minh Mệnh 12
33	ĐỒNG THẠC	Cảnh Dương	Q.Trạch	Tân Mão 1831	Minh Mệnh 12
34	NGUYỄN BA	Thổ Ngọa	Q.Trạch	Tân Mão 1831	Minh Mệnh 12

(1) Chưa rõ xã nào.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
35	NGUYỄN DANH DỊ	Phan Long	Q.Trạch	Giáp Ngọ 1834	Minh Mệnh 15
36	VÕ TRỌNG BÌNH	Mỹ Lộc	Lệ Thủy	Giáp Ngọ 1834	Minh Mệnh 15
37	NGUYỄN KHUÊ	Lệ Sơn	Q.Trạch	Giáp Ngọ 1834	Minh Mệnh 15
38	TRẦN MẮN	La Hà	Q.Trạch	Giáp Ngọ 1834	Minh Mệnh 15
39	NGUYỄN VĂN HÀNH	Phan Long	Q.Trạch	Giáp Ngọ 1834	Minh Mệnh 15
40	CHU DUY VỊ	Thuận Trạch	Lệ Thủy	Giáp Ngọ 1834	Minh Mệnh 15
41	PHẠM CHÂN	Cảnh Dương	Q.Trạch	Đinh Dậu 1837	Minh Mệnh 18
42	TẠ KIM VỰC	La Hà	Q.Trạch	Đinh Dậu 1837	Minh Mệnh 18
43	TRỊNH NHO	Thuận Chất	Q.Trạch	Đinh Dậu 1837	Minh Mệnh 18
44	LÊ DUY DẦN	Lệ Sơn	T.Hóa	Đinh Dậu 1837	Minh Mệnh 18
45	LƯU LƯỢNG	Cao Lao	B.Trạch	Đinh Dậu 1837	Minh Mệnh 18
46	TẠ KIM PHA	La Hà	Q.Trạch	Đinh Dậu 1837	Minh Mệnh 18
47	NGÔ KHẮC KIÊM	Lộc Điền	Q.Trạch	Canh Tý 1840	Minh Mệnh 21
48	NGUYỄN SĨ LONG	Lý Hòa	B.Trạch	Canh Tý 1840	Minh Mệnh 21
49	HỒ VĂN TRỊ	Duy Đức	B.Trạch	Canh Tý 1840	Minh Mệnh 21
50	TRẦN VĂN LẬP	Phước Long	Q.Ninh	Canh Tý 1840	Minh Mệnh 21
51	LÊ ĐÌNH GIÁNG	Xuân Hồi	Lệ Thủy	Canh Tý 1840	Minh Mệnh 21
52	NGUYỄN DUY CẦN	Lý Hòa	B.Trạch	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1
53	NGUYỄN HÀM NGHI	Trung Ái	Q.Trạch	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
54	HỒ DANH ĐƯƠNG	Di Luân	Q.Trạch	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1
55	ĐẶNG VĂN THÁI	Cao Lao	B.Trạch	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1
56	NGUYỄN KHÁNH	Thổ Ngọa	Q.Trạch	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1
57	NGUYỄN VĂN TÍNH	Võ Xá	Q.Ninh	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1
58	PHAN VĂN TRỊ	Phù Lưu	Q.Trạch	Tân Sửu 1841	Thiệu Trị t. 1
59	LÊ KHOAN HOÀNH	Cao Lao ⁽¹⁾	B.Trạch	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
60	NGUYỄN DƯƠNG HUY	Mỹ Hòa	Q.Trạch	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
61	LÊ ĐÌNH CÔN	Xuân Hồi	Lệ Thủy	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
62	LÊ VĂN GIẢN	Cao Lao	B.Trạch	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
63	TRẦN VĂN LƯƠNG	Xuân Hồi	Lệ Thủy	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
64	LÊ ĐIỀU DƯƠNG	Lũ Đăng	Q.Trạch	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
65	NGÔ ĐÀM	Cảnh Dương	Q.Trạch	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
66	NGUYỄN DUY TÂN	Lệ Sơn	T.Hóa	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
67	NG. ĐĂNG HÀNH	Phù Chánh	Lệ Thủy	Nhâm Dần 1842	Thiệu Trị t. 2
68	PHẠM QUẾ	Đại Đan ⁽²⁾	Q.Trạch	Quý Mão 1843	Thiệu Trị t. 3
69	LÊ XUÂN TƯỚNG	Ba Nguyệt	Lệ Thủy	Quý Mão 1843	Thiệu Trị t. 3
70	NGUYỄN THẾ AN	Lệ Sơn	T.Hóa	Quý Mão 1843	Thiệu Trị t. 3
71	NGUYỄN THUẬT	Cảnh Dương	Q.Trạch	Quý Mão 1843	Thiệu Trị t. 3

(1) Nguyễn Văn chép, huyện Minh Chánh.

(2) Chưa rõ ngày nay là xã nào.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
72	CAO VĂN HỌC	Lâm Lang	T.Hóa	Quý Mão 1843	Thiệu Trị t.3
73	NGUYỄN VĂN NHO	Tráng Tiếp	Q.Ninh	Quý Mão 1843	Thiệu Trị t.3
74	NGUYỄN KHÁC TRẠCH	Thị Lễ ⁽¹⁾	T.Hóa	Quý Mão 1834	Thiệu Trị t.3
75	NGUYỄN QUỐC CHUÔNG (THÀNH)	Lộc Điền	Q.Trạch	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
76	ĐẶNG QUỐC TRẦN	Hòa Ninh	Q.Trạch	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
77	TRƯƠNG KHÁNH THỤY	Phủ Ninh ⁽²⁾	Q.Ninh	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
78	NGUYỄN PHÙNG DỤC	Cảnh Dương	Q.Trạch	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
79	ĐINH KỲ DIỄN	Phù Chánh	Lệ Thủy	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
80	NGUYỄN MẬU THỌ	Hiển Lộc	Q.Ninh	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
81	PHAN VĂN KHÁ	Phù Chánh	Lệ Thủy	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
82	NGUYỄN QUỐC UYỄN	Lộc Điền	Q.Trạch	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
83	NGUYỄN ĐỨC HỢP	Hòa Ninh	Q.Trạch	Bính Ngọ 1846	Thiệu Trị t.6
84	LÊ HỮU ĐỆ	Cổ Hiến	Q.Ninh	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
85	NGUYỄN VĂN THỤY	Dục Huyện	Q.Ninh	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
86	TRẦN NGỌC ĐIỀU	Di Luân	Q.Trạch	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
87	NGUYỄN CHÍNH	Dục Huyện	Q.Ninh	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
88	LÊ ĐỨC MẬU	Phan Xá	Lệ Thủy	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7

(1) Chưa rõ xã nào.

(2) Nay là phường Đồng Phú – Thị xã Đồng Hới,

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
89	NGUYỄN VĂN PHAN	Dục Huyện	Q.Ninh	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
90	TRẦN DOãn THẮNG	Thổ Ngọa	Q.Trạch	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
91	LÊ VĂN NGUYỄN (DUYÊN)	Lộc An	Lệ Thủy	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
92	VŨ XUÂN XÁN	Hoà Luật	Lệ Thủy	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
93	LÊ HUY TUẤN	Lệ Sơn	T.Hóa	Đinh Mùi 1847	Thiệu Trị t.7
94	NGUYỄN CƠ	Thị Lễ	T.Hóa	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
95	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Thị Lễ	T.Hóa	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
96	ĐOÀN VĂN CHUYỀN	Cự Nắm	B.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
97	TRẦN ĐÌNH DU	La Hà	Q.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
98	PHẠM THẾ TRẠCH	Trung Ái	Q.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
99	PHẠM Hào	Lộc Điền	Q.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
100	PHẠM NHẬT TÂN	La Hà	Q.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
101	TRẦN DUY THANH	Tiên Lang	Q.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
102	PHẠM XUÂN QUANG	Cương Đế ⁽¹⁾	T.Hóa	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
103	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Đại Đan ⁽¹⁾	Q.Trạch	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
104	LÊ THẾ TOÀN (TRÂN)	Cổ Hiền ⁽²⁾	Q.Ninh	Mậu Thân 1848	Tự Đức thứ 1
105	PHAN GIA CÁT	Pháp kê	Q.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
106	TRẦN QUỐC ĐIỂN	Thuận Bài	Q.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3

(1) Chưa rõ xã nào

(2) Quê Phan Xá sau về ngụ Cổ Hiền. Con Lê Đại.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
107	TRẦN VĂN HỆ	La Hà	Q.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
108	NGUYỄN HANH	Trùng Yên ⁽¹⁾	T.Hóa	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
109	NGUYỄN VĂN THẬN	Võ Xá	Q.Ninh	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
110	LÊ TIẾN HÂN	Di Lộc	Q.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
111	NGUYỄN VĂN LÂM	Hoà Ninh	Q.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
112	HỒ DƯƠNG HUY	Lý Hòa	B.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
113	NGUYỄN NHẤT TRỨ	Hoà Ninh	Q.Trạch	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
114	NGUYỄN THẾ BÌNH	Minh Lý	Q.Ninh	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
115	NGUYỄN VĂN LONG	Động Hải	Q.Ninh	Canh Tuất 1850	Tự Đức thứ 3
116	TRẦN HOÀNG TÔN	La Hà	Q.Ninh	Nhâm Tý 1852	Tự Đức thứ 5
117	NGUYỄN VĂN NGHI	Tây Luật	Q.Trạch	Nhâm Tý 1852	Tự Đức thứ 5
118	ĐINH VĂN HỌC	Vĩnh Lộc	Lệ Thủy	Nhâm Tý 1852	Tự Đức thứ 5
119	NGUYỄN HIỀN	Cảnh Dương	Q.Trạch	Ất Mão 1855	Tự Đức thứ 8
120	HÀ VĂN QUAN (KHUYẾT)	Vĩnh Tuy	Q.Trạch	Ất Mão 1855	Tự Đức thứ 8
121	BÙI NGỌC THỤ	Cảnh Dương	Q.Ninh	Ất Mão 1855	Tự Đức thứ 8
122	TRẦN KHẮC THẬN	La Hà	Q.Trạch	Ất Mão 1855	Tự Đức thứ 8
123	NGUYỄN DANH ĐỀ	Cảnh Dương	Q.Trạch	Ất Mão 1855	Tự Đức thứ 8
124	TẠ KIM BĂNG	La Hà	Q.Trạch	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
125	LÊ LƯỢNG (MINH)	Thạch Bàn	Q.Trạch	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
			Lệ Thủy	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11

(1) Chưa rõ xã nào.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
126	LÊ DUY CHÍ	Lệ Sơn	T.Hóa	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
127	PHẠM HUY BÌNH	La Hà	Q.Trạch	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
128	PHẠM DUY ĐÔN	Thanh Thủy	T.Hóa	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
129	ĐẶNG VĂN HUẤN	Đức Phổ	Q.Ninh	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
130	TRẦN VĂN HỘI	La Hà	Q.Trạch	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
131	PHẠM PHÚ VINH	Cảnh Dương	Q.Trạch	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
132	VŨ VĂN TUẤN	Mỹ Lộc	Lệ Thủy	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
133	MA THẾ VINH	Thuận Bài	Q.Trạch	Mậu Ngọ 1858	Tự Đức thứ 11
134	TRẦN VĂN CHUẨN	La Hà	Q.Trạch	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
135	VŨ TRỌNG THIỀU	Lộc An	Lệ Thủy	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
136	PHẠM VĂN LÂN	Thiên Lộc	B.Trạch	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
137	LÊ CÔNG BẢNG	Kim Định ⁽¹⁾	Lệ Thủy	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
138	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	Hòa Ninh	Q.Trạch	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
139	HOÀNG ĐỨC HÌNH	Tiên Lễ	Q.Trạch	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
140	NGUYỄN THẾ THANH	Lộc An	Lệ Thủy	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
141	NGUYỄN THUẬN (TỤC)	Tuy Lộc	Lệ Thủy	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
142	LÊ NGỌC THÀNH	Cao Lao	B.Trạch	Tân Dậu 1861	Tự Đức thứ 14
143	NGUYỄN VĂN ĐIỂN	Thạch Bàn	Lệ Thủy	Giáp Tý 1864	Tự Đức thứ 17
144	HOÀNG VĨ	Văn La	Q.Ninh	Giáp Tý 1864	Tự Đức thứ 17

(1) Chưa rõ xã nào.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
145	NGUYỄN VĂN THI	Đông An ⁽¹⁾	Q.Ninh	Giáp Tý 1864	Tự Đức thứ 17
146	TRẦN PHU DOãn	La Hà	Q.Trạch	Giáp Tý 1864	Tự Đức thứ 17
147	VŨ XUÂN CƠ	Hoà Luật	Lệ Thủy	Giáp Tý 1864	Tự Đức thứ 17
148	TẠ KHUÊ	La Hà	Q.Trạch	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
149	LÊ ĐẠI	Phan Xá	Lệ Thủy	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
150	LÊ TẾ (DOãn THANH)	Tiền Thiệp	Q.Ninh	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
151	NGUYỄN VIỆT VŨ	Hiển Lộc	Q.Ninh	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
152	VŨ BÁ LIÊM	Mỹ Lộc	Lệ Thủy	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
153	CAO HỮU TRUNG	Cao Lao	B.Trạch	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
154	NGUYỄN TRÍ HOÁN	Cương Giám ⁽¹⁾	T.Hóa	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
155	MAI VĂN GIẢN	La Hà	Q.Trạch	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
156	PHẠM HỮU XÚNG	Trung Bính	Q.Ninh	Đinh Mão 1867	Tự Đức thứ 20
157	TẠ NGỌC ĐƯỜNG	La Hà	Q.Trạch	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
158	LẠI TRÂM	Trung Bính	Q.Ninh	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
159	DƯƠNG VĂN NHÂN	Đặng Xá	Q.Ninh	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
160	TRẦN ĐỨC NGHIỆP	Đại Phong	Q.Ninh	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
161	HOÀNG BÁ NHƯÔNG	Diêm Điền	Lệ Thủy	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
162	HUYỀN CÔN	Trung Bính	Q.Ninh	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
163	NGUYỄN VĂN BẢN	Trung Bính	Q.Ninh	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21

(1) Chưa rõ xã nào.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
164	NGUYỄN HUY TẤN	Mỹ Duyệt	Lệ Thủy	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
165	TRẦN VĂN THỨC	La Hà	Q.Trạch	Mậu Thìn 1868	Tự Đức thứ 21
166	NGUYỄN QUANG	Lộc Long	Q.Ninh	Canh Ngọ 1870	Tự Đức thứ 23
167	TRẦN XUÂN TIÊU	La Hà	Q.Trạch	Canh Ngọ 1870	Tự Đức thứ 23
168	TẠ KIẾN	La Hà	Q.Trạch	Canh Ngọ 1870	Tự Đức thứ 23
169	NGUYỄN DOãn THẮNG	Động Hải	Q.Ninh	Canh Ngọ 1870	Tự Đức thứ 23
170	NGUYỄN VIỆT NHÌ	Hiển Lộc	Q.Ninh	Canh Ngọ 1870	Tự Đức thứ 23
171	LÊ CHÍ THỨC	Lâm Xuân	T.Hóa	Canh Ngọ 1870	Tự Đức thứ 23
172	TRẦN HỮU CHÂN	Hoàng Công	Lệ Thủy	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
173	VŨ XUÂN ĐƯƠNG	Cảnh Dương	Q.Trạch	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
174	NGUYỄN VĂN DU	Đại Phong ⁽¹⁾	Lệ Thủy	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
175	NGUYỄN HỮU QUANG	Ngọc Phụ	(kh.rở huyện)	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
176	TRẦN KHÁNH HỢI	Đại Phong	Lệ Thủy	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
177	LÊ ĐÀN	Kim Định	Lệ Thủy ⁽²⁾	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
178	NGUYỄN ĐỨC THU	Cao Lao	B.Trạch	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
179	NGUYỄN PHẠM TUẤN	Kiên Bình	Q.Ninh	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
180	NGUYỄN NHƯ DIỆM	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26
181	TRẦN VĂN THIÊM	Tráng Tiếp	Q.Ninh	Quý Dậu 1873	Tự Đức thứ 26

(1) Đại Phong ngày nay
(2) Em Lê Công Bảng số 119

T.T	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
182	NGUYỄN VĂN KHU	Cao Lao	B.Trạch	Bính Tý 1876	Tự Đức thứ 29
183	NGUYỄN VĂN NHUẬN	Đặng Xá	Q.Ninh	Bính Tý 1876	Tự Đức thứ 29
184	BÙI ĐÔN	Di Luân	Q.Trạch	Bính Tý 1876	Tự Đức thứ 29
185	NGUYỄN HẢI	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Bính Tý 1876	Tự Đức thứ 29
186	NGUYỄN XUÂN HÀO	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Bính Tý 1876	Tự Đức thứ 29
187	TRẦN VĂN TỐN	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
188	NGUYỄN LÊ KHÁNG	Thạch Xá	Lệ Thủy	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
189	NGUYỄN DUY MIỄN	Lý Hòa	B.Trạch	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
190	TRẦN ĐÌNH TUY	Thượng Sơn	Q.Trạch	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
191	PHẠM GIA THOẠI	La Hà	Q.Trạch	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
192	HOÀNG GIẢN	Cổ Liễu	Lệ Thủy	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
193	NGUYỄN HUYNH	Hoàn Lão	B.Trạch	Mậu Dần 1878	Tự Đức thứ 31
194	TRẦN TIẾN ÍCH	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Kỷ Mão 1879	Tự Đức thứ 32
195	NGUYỄN HỮU PHỈ	Vĩnh Lộc	Q.Trạch	Kỷ Mão 1879	Tự Đức thứ 32
196	HÀ XUÂN KIỀU	Hữu Đăng	Q.Ninh	Kỷ Mão 1879	Tự Đức thứ 32
197	LƯƠNG NHỊ	Lệ Sơn	T.Hóa	Nhâm Ngọ 1882	Tự Đức thứ 35
198	TRẦN VĂN TRỨ	Động Hải	Q.Ninh	Nhâm Ngọ 1882	Tự Đức thứ 35
199	VŨ TRỌNG ĐỊCH	Hương An ⁽¹⁾	Lệ Thủy	Nhâm Ngọ 1882	Tự Đức thứ 35
200	NGUYỄN DUY TÂN	Pháp Kê	Q.Trạch	Nhâm Ngọ 1882	Tự Đức thứ 35

(1) Hương An: Khả năng giữa An Xá hoặc Lộc An.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
201	VŨ TRINH	Mỹ Lộc	Lệ Thủy	Nhâm Ngọ 1882	Tự Đức thứ 35
202	LÊ HÀM	Lũ Đàng	Q.Trạch	Nhâm Ngọ 1882	Tự Đức thứ 35
203	LƯU ĐỨC XÚNG	Cao Lao	B.Trạch	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
204	MAI DỤC	La Hà	Q.Trạch	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
205	HOÀNG VĂN CÁT	Hoàng Giang	Lệ Thủy	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
206	PHẠM XUÂN THỰC	Đại Phong Lộc ⁽¹⁾	Lệ Thủy	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
207	PHAN ĐIỀU	Pháp Kê	Q.Trạch	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
208	NGUYỄN CỬ	Phù Chánh	Lệ Thủy	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
209	PHẠM VĂN KHÔI	Tả Thắng	Lệ Thủy	Giáp Thân 1884	Kiến Phước 1
210	HỒ LƯƠNG BẬT	Quy Đức	B.Trạch	Đinh Hợi 1887	Đồng Khánh 2
211	PHẠM TIẾN ĐĂNG	La Hà	Q.Trạch	Đinh Hợi 1887	Đồng Khánh 2
212	TRẦN VINH	Hữu Cung	Q.Ninh	Đinh Hợi 1887	Đồng Khánh 2
213	HOÀNG THUY	Phú Nhuận	Q.Ninh	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
214	PHẠM XUÂN TRIÊM	Phong Lộc	Lệ Thủy	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
215	LƯU VĨNH KIẾN	Cao Lao	B.Trạch	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
216	NGUYỄN XUÂN TRẠCH	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
217	NGUYỄN TRƯỜNG TIẾN	Lộc Long	Q.Ninh	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
218	NGUYỄN CỬ	Phúc Thọ	B.Trạch	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3

(1) Đại Phong.

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
219	NGUYỄN VĂN SAN	Xã Hàm Cát ⁽¹⁾	(kh. Rõ huyện)	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
220	NGUYỄN TRƯỜNG NHU	Lộc Long	Q.Ninh	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
221	TRẦN HỮU XÚNG	La Hà	Q.Trạch	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
222	NGUYỄN HỮU TRÁC	Vĩnh Lộc	Q.Ninh	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
223	TRẦN VĂN BÌNH	Tráng Tiệp	Q.Ninh	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
224	HOÀNG QUẢNG CÔN	Cổ Liễu	Lệ Thủy	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
225	TRẦN VĂN ĐÌNH	La Hà	Q.Trạch	Mậu Tý 1888	Đồng Khánh 3
226	TẠ HÀM	La Hà	Q.Trạch	Tân Mão 1891	Th. Thái th. 3
227	TRẦN VĂN DIỄN	La Hà	Q.Ninh	Tân Mão 1891	Th. Thái th. 3
228	NGUYỄN THỨC ÚY	Võ Xá	Q.Ninh	Tân Mão 1891	Th. Thái th. 3
229	NGUYỄN TU KIÊM	Thủy Căn ⁽²⁾	Lệ Thủy	Giáp Ngọ 1894	Th. Thái th. 6
230	TRẦN TRÍ	Hữu Cung	Q.Ninh	Giáp Ngọ 1894	Th. Thái th. 6
231	HÀ DỤNG HẠNH	Hữu Niên	Q.Ninh	Giáp Ngọ 1894	Th. Thái th. 6
232	LÊ VĂN DIỄN	Lộc An	Lệ Thủy	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9
233	NGUYỄN DUY CẦN	Lý Hòa	B.Trạch	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9
234	NGUYỄN HỮU VINH	Lộc An	Lệ Thủy	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9
235	TRẦN KHẮC KHOAN	La Hà	Q.Trạch	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9
236	TRƯƠNG VĂN HOÀN	Trường Dục	Q.Ninh	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9
237	HOÀNG ĐẠI BÌNH	Xuân Lai	Lệ Thủy	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
238	HOÀNG KHAI TẾ	Động Hải	Q.Ninh	Đinh Dậu 1897	Thành Thái 9
239	NGUYỄN HÂN VĂN	Mỹ Trạch	Lệ Thủy	Canh Tý 1900	Thành Thái 12
240	NGUYỄN DUY TÍCH	Lý Hòa	B.Trạch	Canh Tý 1900	Thành Thái 12
241	ĐINH XUÂN DIỆU	Thọ Linh	Q.Trạch	Canh Tý 1900	Thành Thái 12
242	HÀ VĂN TUÂN ⁽¹⁾	Vĩnh Tuy	Q.Ninh	Canh Tý 1900	Thành Thái 12
243	NGUYỄN NHIỆP	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Canh Tý 1900	Thành Thái 12
244	NGUYỄN DUY PHIÊN ⁽²⁾	Lý Hòa	B.Trạch	Quý Mão 1903	Thành Thái 15
245	MA XUÂN ĐÁN	Thuận Bài	Q.Trạch	Quý Mão 1903	Thành Thái 15
246	NGUYỄN XUÂN NHIỆP	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Quý Mão 1903	Thành Thái 15
247	BẠCH DOãn THỤY	Phú Việt	Lệ Thủy	Quý Mão 1903	Thành Thái 15
248	NGUYỄN THỨC KHẨN	Võ Xá	Q.Ninh	Quý Mão 1903	Thành Thái 15
249	NGUYỄN BÁ DINH	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Bính Ngọ 1906	Thành Thái 18
250	HOÀNG CHU TÍCH ⁽³⁾	Trung Bính	Q.Bình	Bính Ngọ 1906	Thành Thái 18
251	PHAN ĐÀM	Trung Thuận	Q.Trạch	Bính Ngọ 1906	Thành Thái 18
252	NGUYỄN XUÂN HUỆ	Thổ Ngõa	Q.Trạch	Bính Ngọ 1906	Thành Thái 18
253	LƯU ĐỨC TUÂN	Cao Lao	B.Trạch	Kỷ Dậu 1909	Duy Tân Thứ 3
254	NGUYỄN TĂNG CÔI	Quy Trinh ⁽⁴⁾	Q.Ninh	Kỷ Dậu 1909	Duy Tân Thứ 3

(1) Con Hà Văn Quan

(2) Một nhà từ ông nội đến cháu đều thi đậu

(3) Con Huỳnh Côn

(4) Chưa rõ xã nào có thể là Trung Bính..

TT	Họ tên	Làng xã	Huyện	Năm thi	Niên hiệu vua
255	PHAN ĐÔNG	Pháp Kê	Q.Trạch	Kỷ Dậu 1909	Duy Tân Thứ 3
256	NGUYỄN ĐÌNH ĐỐI	Lũ Phong	Q.Trạch	Kỷ Dậu 1909	Duy Tân Thứ 3
257	HOÀNG TRỌNG ĐÀI	Vân La	Q.Ninh	Kỷ Dậu 1909	Duy Tân Thứ 3
258	TRẦN MẠNH ĐÀN	Thuận Bài	Q.Trạch	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
259	NGUYỄN ĐỨC DAO	Thị Lễ	T.Hóa	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
260	TRẦN ĐÌNH LIÊU	La Hà	Q.Trạch	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
261	NGUYỄN NGỌC TOÀN	Đan Sa	Q.Trạch	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
262	LÊ CÔNG TỐN	Thạch Bàn	Lệ Thủy	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
263	VÕ KHẮC TRIỂN ⁽¹⁾	Mỹ Lộc	Lệ Thủy	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
264	LÊ KẾ TÁC	Tả Phan	Q.Ninh	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
265	ĐẶNG KẾ	Đức Phổ	Q.Ninh	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
266	NGÔ GIA HỤY	Lộc Điền	Q.Trạch	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
267	TRẦN VĂN HẠNH	La Hà	Q.Trạch	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
268	TẠ ĐÌNH MAI	La Hà	Q.Trạch	Nhâm Tý 1912	Duy Tân Thứ 6
269	NGUYỄN DUY HIỆU	Hậu Lộc	Q.Trạch	Ất Mão 1915	Duy Tân Thứ 9
270	NGUYỄN ĐĂNG CƯ	(Lộc Điền) Phù Chánh	Lệ Thủy	Mậu Ngọ 1918	Khải Định thứ 3

MỤC LỤC

	Trang
• Lời nói đầu.....	5
• Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình - việc làm thiết thực đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân - NGUYỄN HỮU HOÀI	7
• Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình phù hợp với tiến trình lịch sử là việc làm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn ĐINH HỮU CUÔNG	10
• Nên lấy mốc thời gian nào để xác định thời điểm ra đời tỉnh Quảng Bình TRẦN HỮU ĐÍNH	13
• Việc xác lập tỉnh Quảng Bình nhìn từ góc độ lịch sử - văn hóa TRẦN HOÀNG	17
• Thử xác minh thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình PHAN THUẬN AN	21
• Bước đầu tìm hiểu sự ra đời đơn vị hành chính tỉnh Quảng Bình QUÁCH VIỆT CUÔNG	31
• Nhận thức lịch sử để góp phần xác định tỉnh Quảng Bình thực sự có vai trò như một tỉnh từ bao giờ? TRẦN ĐẠI VINH	40
• Bàn thêm về thời gian xuất hiện tên tỉnh Quảng Bình NGUYỄN DUY TÂN	44
• Xác định thời điểm thành lập tỉnh Quảng Bình TẠ ĐÌNH NAM	46
• Xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình dưới góc độ dân tộc học HOÀNG VĂN ĐẠI	49
• Đòi điều kiện giải về mốc lịch sử thành lập tỉnh Quảng Bình NGUYỄN KHẮC THÁI	55
• Dù sao cũng phải có một thời điểm khai sinh NGUYỄN HỮU THÔNG và NGUYỄN PHƯỚC BẢO ĐÀN	72

• Về ngày thành lập tỉnh Quảng Bình	NGUYỄN TÚ	77
• Góp bàn xác định thời điểm ra đời tỉnh Quảng Bình	TRẦN HÙNG	84
• Mấy ý kiến về cơ sở khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình	NGUYỄN KẾ THÂN	94
• Một vài suy nghĩ về việc xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình	TRẦN ANH TUẤN	98
• Một số suy nghĩ về việc lựa chọn mốc lịch sử thành lập tỉnh Quảng Bình	PHAN XUÂN THỦY	105
• Quảng Bình - địa giới thiết chế hành chính và việc xác định thời điểm khai sinh	TRẦN ĐÌNH HẰNG	111
• Quảng Bình - Lịch sử và tên gọi	NGUYỄN MẠNH HẬU	122
• Về thời gian ra đời tỉnh Quảng Bình.	NINH VIẾT GIAO	128
• Quá trình thành lập tỉnh Quảng Bình	ĐỖ BANG	140
• Quảng Bình - ngược dòng lịch sử	PHẠM NGỌC HIỀN	145
• Những cơ sở lịch sử của việc xác định năm 1831 tỉnh Quảng Bình được thành lập	NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN	155
• Địa danh tỉnh Quảng Bình có từ năm nào?	LẠI VĂN LY	163
• Góp bàn định mốc thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình	TRƯƠNG TẤN MINH	169
• Một số cơ sở khoa học để xác định ngày thành lập tỉnh Quảng Bình	LÊ TRỌNG ĐẠI	174
• Lịch sử hình thành vùng đất và những tiêu chí xác định thời gian thành lập tỉnh Quảng Bình . . .	NGUYỄN VĂN MẠNH	178
• Cầu và đã tìm thấy sự đồng thuận. .	DƯƠNG TRUNG QUỐC	186
• Ý kiến đề xuất của quý vị đại biểu và các nhà khoa học là rất quan trọng	LUƠNG NGỌC BÌNH	188
• Lời bạt.	BBT	194
• Phụ lục		197
• Một số hình ảnh		199
• Danh sách các nhà khoa bảng Quảng Bình		204
• Mục lục		222

KỶ YÊU
HỘI THẢO KHOA HỌC
XÁC ĐỊNH NGÀY THÀNH LẬP
TỈNH QUẢNG BÌNH

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN HỮU HOÀI

Chịu trách nhiệm bản thảo

TRẦN HÙNG

TS. NGUYỄN KHẮC THÁI

Vẽ bìa và trình bày sách

ĐOÀN VĂN THỊNH

Sửa bản in

MAI PHƯƠNG

In 300 cuốn, khổ 15 x 22 cm tại Xí nghiệp In Quảng Bình. Giấy phép xuất bản số 51 do Sở VHTT Quảng Bình cấp ngày 29 tháng 11 năm 2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2001